



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • 26 THÁNG CHẬP QUÝ TỶ • 26-01-2014

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG XUÂN ĐẠO GIÁP NGỌ 2014

NÀY XUÂN!
XUÂN ĐẾN VÌ AI?

**MÙA XUÂN TRONG
THẾ NHÂN HÒA**

TU HÀNH GIỮ MỤC
THƯỜNG THỜI

**BƯỚC ĐƯỜNG
TU THÂN LẬP QUẢ**

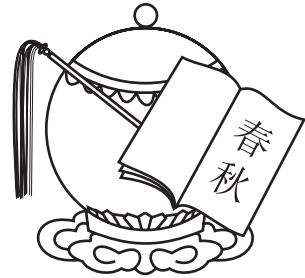
TÍN-NGUYỄN-HẠNH

**HỌC LỜI ON TRÊN DẠY
VỀ TU CHÚNG**

LỄ HIẾN DÂNG TRỌN ĐỜI
NGÀY RẼM THÁNG 10 QUÝ TỶ

**KHẢ LÂN VÔ HẠN
THƯƠNG XUÂN Ý**

122



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 122

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 122

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



mục lục

QUAN ĐIỂM: NÀY XUÂN! XUÂN ĐẾN VÌ AI? ■ Ban biên tập.	4
MÙA XUÂN TRONG THỂ NHÂN HÒA ■ Thiện Quang.	5
“TU HÀNH GIỮ MỤC THƯỜNG THỜI” ■ Hồng Phúc.	14
TÍN - NGUYỄN - HẠNH ■ Diệu Nguyên.	24
BƯỚC ĐƯỜNG TU THÂN LẬP QUẢ ■ Thủy Tuyền.	33
TÌM HIỂU ĐẮNG GIÁO CHỦ CAO ĐÀI ■ Đỗ Thế Sơn.	39
HỌC LỜI ƠN TRÊN DẠY VỀ ẤN CHỨNG ■ Giáo sĩ Huệ Ý.	48
TƯƠNG TIẾN TỬU VÀ TÂM TƯƠNG TỬU ■ Thiện Chí sâu tâm.	51
TU CHỨNG ■ Hồng Phúc.	54
“ĐỪNG XAO LÃNG LÒNG NHÂN” ■ Xuân Mai.	63
THÔNG CÔNG ■ Đạt Tường.	67
“HỌC VÀ HÀNH THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC NHƯ Ý” ■ Đạt Tường - Xuân Mai - Hoàng Phong.	73

THƠ: TÌNH CHÚA HY SINH	76
■ <i>Thiện Lý.</i>	
KHẢ LÂN VÔ HẠN THƯƠNG XUÂN Ý	77
■ <i>Văn Thị.</i>	
TRANG TẬP ĐOÀN GIÁO SĨ:	
LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TỊNH	80
■ <i>Phan Thị Bảo Trân.</i>	
LỄ HIẾN DÂNG TRỌN ĐỜI NGÀY RẼM THÁNG 10 QUÝ TỶ 2013	86
■ <i>Tập Đoàn Giáo Sĩ.</i>	
CẢM TƯỜNG CỦA MỘT NGƯỜI MẸ TRONG BUỔI LỄ HIẾN DÂNG CỦA TU SINH TẠI CQPTGLĐĐ	88
■ <i>Hồng Lạc Hương.</i>	
BUỔI HỌP MẶT GIAO LƯU TUỔI TRẺ CỦA TỔ CHỨC LIÊN GIAO CÁC HỘI THÁNH & CÁC TỔ CHỨC CAO ĐÀI	90
■ <i>Ban Liên Giao Tập Đoàn Giáo Sĩ.</i>	
TRANG THƠ:	
CHÙM THƠ	91
■ <i>Ngô Xuân Hùng.</i>	
TÌNH NGƯỜI	92
■ <i>Phong Hiếu .</i>	
XUÂN ĐẠO	92
■ <i>Thiện Lý.</i>	
CÂY VÀ CỎ	93
■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>	
MỘT VÀI BÍ QUYẾT THÀNH CÔNG TRONG GIAO TIẾP	94
■ <i>Cao Bạch Liên sưu tầm.</i>	
TÌM HIỂU ĐÔNG CHÍ	99
■ <i>Đạt Tường.</i>	
NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA	103
■ <i>V.T. sưu tầm</i>	
30 ĐIỀU THÚ VỊ VỀ ĐẤT NƯỚC ẤN ĐỘ	106
■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	
NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐỂ ĐỜI CỦA BÀ HOÀNG TỪ DỪ	108
■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	
NI SƯ TENZIN PALMO	112
■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	
ĐỌC BÁO: KHÍ THẢI NGÀY CÀNG TĂNG	114
■ <i>Việt Thu sưu tầm.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: MÌ TIỀM NGŨ QUẢ	115
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
NHỮNG MẪU CHUYỆN HAY	116
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	
VIẾT NGẮN	121
■ <i>Bửu Long.</i>	
TRANG TRUYỆN TRANH: TỊNH & ĐỘNG	123
■ <i>Cọ Trắng.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	125
■ <i>Thanh Hiển.</i>	

Này xuân!

XUÂN ĐẾN VÌ AI?

Xuân rằng đến chẳng vì ai! Xuân đến theo lẽ tự nhiên của đất trời. Chẳng vì có hoa mai, hoa đào nở. Bởi mai, đào trở đẹp để chào Xuân! Người vật đón Xuân thật tưng bừng! Có phải tình riêng hay ý chung? Thế là thiên nhiên luôn lặp lại những chu kỳ để vạn vật tăng trưởng, tiến hóa. Từ Xuân vào Hạ sức sống cực thịnh thăng hoa, cảnh sắc huy hoàng. Sang Thu, nắng dịu, mưa phùn, khí lực tiềm tàng trong muôn loài như lắng đọng lại. Cho hay cơ tiến hóa không thể bạo hành, bất cập. Đó là lý bảo tồn, khỏi sa vào vòng tự diệt.

“Xuân là Đạo, là tâm. Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phân bốn.”

Chớ thấy Thu phân, Đông chí lá rụng trơ cành mà ngỡ vạn vật đang vào cõi chết. Đó là thay đổi để canh tân, tàng trữ để lập lại chu kỳ mới. Bởi không để thiên nhiên phóng tán hết công năng vào Hạ chí, mà Thu Đông kịp đến hầu thâu

liễm và phục sinh. Nhờ đó, mới có Xuân.

Trời người đồng một lý, cuộc tiến hóa đều có chu kỳ theo quy luật sinh trưởng tiêu tàng, luôn biến chuyển nhưng không dừng lại. Nhờ bảo tồn tiềm năng khi phát khi thu, khi nhanh khi chậm mà thiên nhiên thể hiện bằng Xuân là khí Thái hòa dung dị. Dịch gọi là “Thiên Địa giao, Thái”. Đến khi chuyển sang Hạ, Thu, Đông, tuy không gọi là “Thái”, nhưng vẫn còn sự giao hòa ứng hợp của Âm Dương nên mỗi mùa đều tỏ rõ bản sắc tự thân bản thụ.

Vậy nếu hỏi Xuân đến vì ai, tuy Xuân không đáp, nhưng vẫn lặng lẽ tỏ bày lý tự nhiên vô tư, vô phân biệt. Xuân không cưỡng cầu dài ngắn, không giữ mãi mai xanh, đào thắm cho mình. Cứ để Hè về sen trở, Thu sang sắc cúc vàng tươi, sương Đông mơn man cành trúc. Người hãy học cái ý nhị thâm trầm của Xuân, dấu thi nhân ca ngợi Xuân là chúa Xuân, Xuân chẳng kiêu kỳ mà vẫn ôn hòa tiết độ. Xuân luôn đứng đầu một năm nhưng vẫn biết sứ mạng nhất

thời trong niên vận, không tự tôn ngăn trở bốn mùa hanh thông. Nên Thiêng Liêng gọi “Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát, Đạo là Xuân, Xuân lạc thiên nhiên.”

Vậy cái lý uyên nguyên phổ quát trong thiên nhiên ngoại cảnh, thánh nhân gọi là Đạo. Và Đạo vẫn hiện hữu nơi con người. Liệu người có thể hiện được cái đạo tự nhiên như Xuân chẳng? Người là thượng đẳng chúng sinh, có quyền năng ngang bằng trời đất, mà sao thế gian vẫn đầy đầy hiểm ác? Phải chăng con người đã đánh mất thế quân bình nội tâm, dục vọng bản năng đã phủ mờ nhân bản thiên lương? Xuân mượn thánh thi thay lời đáp:

*Xuân thế phô bày vạn ý thơ,
Xuân tâm hiện tượng thuận
Thiên cơ,
Xuân hoa nở rộ vườn xuân Đạo,
Xuân cả toàn linh trọn hưởng
nhờ.³■*

1. Đức Đông Phương Lão Tổ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi (13-01-1983).

2. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

3. Đức Bạch Hạc Đồng Tử, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).



mùa xuân

TRONG THẾ NHÂN HÒA

■ THIÊN QUANG

*Xuân, xuân đến, muôn phần nô nức,
Xuân là chi vạn vật đón chờ?
Xuân về có rượu có thơ,
Có câu chúc tụng, có giờ nghỉ ngơi...¹*

Cứ mỗi độ xuân về, nhân thế lại rộn ràng đón xuân. Chẳng mấy ai thắc mắc rằng xuân là gì mà mình phải đón. Dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đón, đón một cách tự nguyện, chân thành, thiết tha, nồng nhiệt. Thế nhưng, “xuân là chi vạn vật đón chờ?” Nếu hiểu được bản chất của xuân thì không chỉ đón xuân và thưởng xuân, chúng ta còn có thể tạo ra được một mùa xuân mà nhà nhà đều mong đợi: mùa xuân trong thế nhân hòa.

1. XUÂN LÀ GÌ?

*Xuân là cảnh thiên thời địa lợi,
Có nhân hòa, xuân mới thành xuân,
Năm qua tháng lại vô ngần,*

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

Biết xuân, thưởng được ngày xuân huy hoàng.²

Đời sống của con người có hai phần, phần bên ngoài là những giao tiếp với ngoại giới, phần bên trong là những hoạt động của nội tâm. Đối với đời sống bên ngoài, xuân chỉ là một mùa trong bốn mùa, do sự vận hành của trời đất. Nhưng đối với đời sống bên trong, xuân là một trạng thái nội tâm, do sự hòa hiệp của con người. Trời Đất dùng cảnh vật để vẽ nên nét xuân; nhưng chính con người phải dùng nhân hòa để tạo thành hồn xuân. Có nhân hòa trong cảnh xuân, thì nét xuân mới có hồn, và mùa xuân mới hiện hữu sống động trong cảm xúc của nhân thế.

Hiểu rõ điều này nên vào dịp tết, người Việt thường tạo ra bầu không khí đầm ấm bằng những buổi sum họp gia đình hoặc cộng đồng; sum họp để dưỡng nuôi mối giao hòa với các bậc tổ tiên trong quá khứ, sum họp để thắt chặt tình hòa ái giữa những con người ở hiện tại, sum họp để đồng cảm nhau trong từng ước

2. Ibid.

vọng tương lai. Trải qua hàng ngàn năm ăn tết giữa bao thăng trầm của lịch sử, sự sum họp đã trở thành một biểu tượng thiêng liêng của nhân hòa trong tâm thức Việt Nam.

Có những gia đình chỉ thật sự sum họp được vào đúng một ngày cuối năm, ngày ba mươi tết, và chỉ để cùng nhau hối hả dọn dẹp nhà cửa, cùng nhau lảng xảng làm cơm cúng ông bà, cùng nhau tắt bật chuẩn bị vài thứ bánh mứt cho mấy ngày tết. Trong cái “cùng nhau” đó, ai nấy tuy bận rộn túi bụi, miệng cứ kêu trời vì làm hoài không hết việc, nhưng nét mặt luôn sung sướng tươi vui vì thấy những giây phút sum họp ấy cực kỳ quý báu. Đến khi sang mừng một, mừng hai, mỗi người lại phải đi một ngã vì chuyện này chuyện nọ... Đối với những gia đình như vậy, cái ngày có không khí xuân nhiều nhất là ngày ba mươi tết. Vì đó là ngày của chữ hòa, ngay cả khi hòa với nhau để cùng làm việc quần quật như bị nhồi quả từ sáng tinh mơ cho đến sát giờ giao thừa.

Vào những ngày tết, nếu chẳng may xảy ra chuyện bất hòa đến mức lời qua tiếng lại trong gia đình hay chòm xóm thì coi như mất sạch cả cái tết, tuy rằng én vẫn bay lượn rợp trời và mai vẫn nở đầy trước ngõ. Cảnh xuân do thiên thời địa lợi chẳng có cách nào bù đắp được những nỗi buồn do bất hòa.

Cái kinh nghiệm hết sức Việt Nam này giúp chúng ta hiểu vì sao giáo lý Cao Đài nói rằng “có nhân hòa, xuân mới thành xuân”³. Về bản chất, xuân chính là hòa, và mùa xuân chính là mùa nhân hòa. Không nhân hòa thì xuân đành chịu thất mùa, mặc dù ngoại cảnh vẫn còn đủ những thiên thời và địa lợi của một mùa xuân. Vậy thì đón xuân là đón cái gì? Sâu thăm trong tiềm thức nhân gian, đón xuân là đón bầu không khí nhân hòa. Có người đã tìm thấy được nó qua những giờ phút ngắn ngủi của những buổi sum họp đầm ấm; cũng có biết bao người chỉ đón chờ trong hy vọng mà chưa bao

giờ biết được nó. Nhưng dẫu thuộc trường hợp nào đi nữa, tâm lý mong chờ xuân đến luôn thể hiện những khao khát của con người đối với đời sống nhân hòa, không chỉ là nhân hòa trong thời gian của một mùa xuân hay trong không gian của một cộng đồng, mà trong mọi không – thời gian của cuộc sống.

Ở thời Hạ nguơn mạt kiếp, những khao khát này phản ánh nổi bất lực của nhân loại trước sự phân hóa của thế giới hiện đại. Chẳng một ai muốn sống trong một xã hội bất hòa, dù là một gia đình bất hòa hay một khu vực địa lý bao gồm các quốc gia bất hòa. Vậy mà cả thế giới lại lún sâu trong tình trạng phân hóa cùng cực, và cả nhân loại đang đứng trước nguy cơ tự diệt vong vì những tham dục bạo tàn. Quả là một mùa đông thê lương của lịch sử nhân loại: khắp nơi, sự chia rẽ đều đẽ bẽp nhân hòa và châm ngòi cho cơ tận diệt, đó là chưa kể đến những thiên tai bệnh dịch cứ dồn dập xảy ra. Những mùa xuân của ngoại cảnh mà mọi người nô nức đón chờ hàng năm hoàn toàn không cứu vãn được tình hình. Nên vào những dịp xuân của thời khai Đạo, Đức Chí Tôn đã từng than: “Ôi! xuân tàn, xuân đến; cái xuân của người đã sắp lụn hao, mà rồi cái xuân của trời đất, nước non cũng chưa chắc là vô cùng vô tận.”⁴ May mắn thay cho chúng ta, Đức Chí Tôn đã khai Tam Kỳ Phổ Độ để làm mầm móng phục hồi thế giới: “*Thầy mở cơ tận độ kỳ ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật.*”⁵ Thông qua cơ cứu độ Kỳ Ba, Ngài đã trao cho nhân loại một quyền pháp có thể làm cho “*Đông thành Xuân, phàm tục thành tiên thánh, loạn nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỳ ra đại đồng*”⁶ để lập đời Thượng nguơn Thánh đức.

Đời Thánh đức là một mùa xuân mà đạo Cao Đài phải tạo ra vì sự sinh tồn của nhân loại,

3. Ibid.

4. Tòa Thánh Tây Ninh, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.2), tr.65.

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–12 Giáp Dần (10–02–1975).

6. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh thất, 01–01 Kỷ Dậu (17–02–1969).

giúp nhân loại thoát khỏi mùa đông Hạ ngưng đọng. Và vì xuân chỉ có thể là nhân hòa, nên muốn đem mùa Xuân thánh đức đến nơi nào, người Cao Đài phải tạo ra được thể nhân hòa ở nơi đó.

“Thể nhân hòa” là một khái niệm được giáo lý Cao Đài sử dụng để chỉ một xã hội nhân hòa mẫu mực, được xây dựng theo ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc và tiến bộ; xã hội nhân hòa này có khả năng cải thiện mọi xã hội khác bằng cách làm gương thông qua những kết quả thực tế mà mình đã đạt được, khiến cho mọi xã hội đều quyết tâm noi theo và dần dần trở thành các xã hội nhân hòa. Vì vậy, Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên nói, “*tạo thể nhân hòa là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ*”⁷.

Trong đường lối tạo thể nhân hòa của Đại Đạo, ba tiêu chuẩn nhân bản, an lạc và tiến bộ đóng vai trò quan trọng như nhau; chúng bổ sung qua lại để tạo ra sự quân bình cho xã hội. Những nỗ lực từng bước nhằm đạt được trọn vẹn cả ba tiêu chuẩn này sẽ giúp xã hội tiến dần tới nhân hòa. Do đó, ba tiêu chuẩn này được ví như ba chân vạc của thể nhân hòa.

Mùa xuân trong thể nhân hòa là mùa Xuân Thánh đức mà người Cao Đài phải cùng nhau gầy dựng để thể hiện tác năng bảo tồn của cơ tái tạo. Nhưng muốn lập được đời Thánh đức cho toàn nhân loại ở ngày mai, thì ngay từ hôm nay, người Cao Đài phải đem lại được mùa Xuân Thánh đức cho thánh sở của mình, hay ít nhất, cho bộ phận hành sự mà mình đang tham gia trong thánh sở ấy. Đây là một sứ mạng cao cả của người Cao Đài, không chỉ với tư cách là con cái của Đức Thượng Đế mà còn với tư cách là dân tộc Việt Nam. Và muốn vậy, phải xây dựng được thể chân vạc nhân bản – an lạc – tiến bộ.

2. XUÂN NHÂN BẢN

7. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

Trong một mùa xuân đúng nghĩa, mỗi người đều cảm nhận được sự ấm cúng qua những tình cảm thiêng liêng mà cộng đồng của mình đem lại, khiến cho ai nấy đều thấy gắn bó hơn với cộng đồng. Tình cảm thiêng liêng này là sự hòa quyện giữa tình thương yêu, niềm tự hào, tinh thần tập thể và ước nguyện phụng sự. Đó là một tình cảm bẩm sinh, kết nối những cá nhân thành xã hội và làm thành nền tảng cho đạo đức xã hội. Giáo lý Cao Đài gọi đó là nhân bản, qua lời dạy của Đức Lê Đại Tiên: “*mọi sinh hoạt hãy nhắm vào nhân bản, vào tình cảm thiêng liêng mà Thượng Đế Chí Tôn đã dành cho mỗi con người*.”⁸

Nhân bản là bản thể của con người, nghĩa là cái mà nhờ đó, chúng ta làm nên được những giá trị cao cả của một con người nơi bản thân mình và sống với những giá trị này như một con người đích thực. Trong đời sống cá nhân, bản thể ấy là nhân tính (tính người). Sự phát huy bản thể ấy qua những sinh hoạt hàng ngày của mỗi chúng ta sẽ quyết định trình độ “làm người”, và do đó, mức độ “nên người” mà chúng ta thật sự đạt được.⁹ Trong đời sống xã hội, nhân bản là tinh thần vong kỷ, vô ngã, xả thân vì tình thương đối với cộng đồng xã hội¹⁰. Những giá trị cao cả như “vong kỷ” (đẹp đi cái riêng tư của mình), “vô ngã” (bỏ đi cái Tôi tầm thường của mình), “xả thân” (sẵn sàng nhận hết mọi bất lợi về phần mình) hay “thương yêu tha nhân” (sẵn sàng cống hiến cho đại chúng) được gọi là những giá trị nhân bản, bởi vì chúng bộc lộ nhân tính rõ rệt đến mức không thể nhầm lẫn với một tính chất nào khác.

8. Ibid.

9. Ở đây, khái niệm “làm người” được lấy từ nội dung của yếu điểm giáo lý “Sứ mạng vi nhân” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr.181); khái niệm “nên người” được lấy từ câu thơ “*Nên ta, nên đạo, mới nên người*.” (Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, tr.222.

Nhân bản đóng vai trò chân vạc đầu tiên của thể nhân hòa. Nếu tình thương yêu tha nhân lớn đến mức chúng ta có thể xả thân, dẹp bỏ những cái riêng tư của mình, sẵn sàng nhận hết mọi bất lợi về phần mình, thì tình thương ấy đã phát triển được đến cực điểm. Mà khi đạt đến cực điểm, tình thương ấy chính là hòa¹¹. Vì vậy, nhân bản là cốt lõi của nhân hòa.

Ai phát huy được những giá trị nhân bản trong đời sống xã hội, người đó sẽ phát huy được nhân tính trong đời sống cá nhân của mình. Ngược lại, càng phát huy được nhân tính nơi bản thân thì càng làm gia tăng những giá trị nhân bản của xã hội. Làm được điều này, dù trong bất kỳ một xã hội lớn hay nhỏ nào, tức là đã góp phần xây dựng nền tảng nhân hòa cho toàn thể giới. Xã hội nào cũng ngưỡng vọng những giá trị nhân bản. Tuy nhiên, nếu quan sát những xã hội hiện đại chung quanh mình, chúng ta hiếm khi thấy được những giá trị đó trên thực tế.

Bởi lẽ, các xã hội hiện đại đang gặp phải một căn bệnh chung mà giáo lý Đại Đạo gọi là “vong bản”. Và để cứu chữa, “*thể nhân hòa phải tạo lập lại các giá trị nhân bản, đưa con người trở về với đời sống hợp nhân tính đơn thuần*”¹². Mọi xã hội, dù ngoài đời hay trong đạo, nếu không phát triển dựa trên các giá trị nhân bản – nghĩa là không dựa trên tình thương dành cho đại chúng – thì tất cả đóng góp của cá nhân và tập thể dù đầy thiện chí cũng đều mang đến những tác dụng vô cùng tiêu cực. Đức Lê Đại Tiên đã khuyến cáo: “*hiểu biết, hành động, phục vụ, phụng sự mà không nằm trong nhân bản sẽ đưa*

đến những hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội.”¹³ Để thấy được lý do của điều này, chúng ta hãy nhìn vào thực tế.

Con người – như Thượng Đế đã sinh ra – ai cũng có tình thương trong bản thể. Tuy nhiên, đối với những người không biết thương yêu đại chúng, họ sẽ tự động dành hầu hết tình thương ấy cho bản thân mình. Điều này khiến họ yêu cái Tôi phạm tục của mình một cách si mê! Họ cũng sẵn lòng dành một ít còn thừa lại của tình thương ấy cho những đối tượng mà cái Tôi phạm tục của họ đòi hỏi, ví dụ, cho những cá nhân, những phe nhóm, hay những tầng lớp xã hội mà họ cần đến để thỏa mãn những dục vọng của mình. Rốt cuộc, trong một xã hội thiếu tình thương dành cho đại chúng, chúng ta luôn thấy sự hiện hữu của những cá nhân, phe nhóm, tầng lớp chỉ biết đặt cái ích kỷ của mình lên trên hết. Xã hội sẽ ngày càng bị lún sâu vào những sinh lý của sự chia rẽ và bất hòa. Đó là điều mà giáo lý Đại Đạo gọi là “*hậu quả khốc liệt nhất cho xã hội*”.

Vì vậy, không ai có thể trở thành người có ích đối với xã hội nếu như trước đó chưa trở thành con người nhân bản. Chỉ khi vứt bỏ được cái Tôi tầm thường của mình đi, con người mới có thể đặt lợi ích của cộng đồng lên trên lợi ích của cá nhân, hy sinh bản thân để phục vụ cho đại chúng. Nên vào thời kỳ mới khai đạo, nhân mùa xuân Kỷ Tỵ 1929, Đức Chí Tôn đã dạy rõ: những ai “*biết chịu kém sút trong nẻo lợi đường danh, biết thiệt mình màặng cho kẻ khác, biết đỡ lụy cho kẻ vui cười*” và “*biết động mối thương tâm, thương người hơn kẻ mình*” thì sẽ được “*về cùng Thầy*”¹⁴. Nếu thực hành được lời dạy này, tất cả người Cao Đài sẽ trở nên con người nhân bản; họ sẽ phát huy được chí hy sinh mà đem mùa xuân nhân bản đến cho đạo và cho đời, cho thánh sở của mình và cho toàn thể nhân loại.

11. Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy: “*Hòa là cực điểm của tình thương, không hơn không kém, không lệch lạc, không người không ta, không màu da sắc tóc, không tôn phái, chỉ là một cứu cánh chung tối thượng để đem lại sự sinh tồn hạnh phúc an vui cho mọi người sống ở thế gian, không còn cách phân chủng tộc.*” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Giáo Sứ Tập (1968–1969), tr.18).

12. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Canh Tuất (21–3–1970).

13. Ibid.

14. Tòa Thánh Tây Ninh, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.2), tr.65.

3. XUÂN AN LẠC

Trong không khí náo nức của những ngày đầu năm, người ta thường chúc nhau một năm mới vui vẻ. Gắn liền với sự toại nguyện, niềm vui là cái luôn được mong đợi từ mỗi mùa xuân. Thế nên, mùa xuân trong thể nhân hòa không thể thiếu được sự an lạc. Là chân vạc thứ hai của thể nhân hòa, an lạc phải được đưa vào đời sống hàng ngày – Đức Lê Đại Tiên nói – “*nếu chưa được thì không thể gọi là nhân hòa thực sự*”¹⁵.

An lạc là niềm vui của một nội tâm yên tĩnh. Niềm vui này có được do con người biết giữ cho tâm mình tự chủ, không để ngoại cảnh ảnh hưởng hay tha lực tác động. Trong mùa xuân an lạc, ta vui không phải vì nắng xuân, gió xuân, tiệc tùng ngày xuân hay giải trí đầu xuân, mà ta vui vì tâm ta tự chủ trong mọi tình huống của cuộc đời. Khả năng tự chủ của tâm trước ngoại cảnh và tha lực được gọi là “yên tĩnh”. Đối với đạo Cao Đài, “*sự yên tĩnh và sự hòa bình là hai điều Thấy dụng mà gieo mối Đạo.*”¹⁶ Thế nên, duy trì sự yên tĩnh của nội tâm là một bản lĩnh quý báu mà mỗi tín đồ phải rèn luyện. Đứng trước những vô thường của thế gian, nội tâm có yên tĩnh thì con người mới hy vọng giải thoát được mình ra khỏi cái Tôi phạm tục của chính mình, và từ đó, thoát khỏi mọi chi phối khác ở thế gian. Sống một đời sống tự chủ như vậy, tâm hồn sẽ thanh thản an nhiên, phong cách sẽ thung dung tự toại; đó là những biểu hiện của tâm trạng hài lòng về đời sống của mình. Và sự hài lòng này tự nó là niềm vui¹⁷. Nội tâm càng yên tĩnh bao nhiêu thì niềm vui này càng bền vững bấy nhiêu.

An lạc có liên hệ với nhân hòa như thế nào? Vì không bị trói buộc trong cái Tôi phạm tục nên an lạc là một niềm vui vô ngã. Một khi

đạt được an lạc, tâm hồn con người sẽ tự mở cửa cho niềm vui ấy lan tỏa đến mọi người chung quanh và trở thành một niềm hòa ái tự nhiên. Ngược lại, không có niềm vui này trong tâm hồn, sẽ không có cách nào hòa được với người khác. Đây là điều chúng ta có thể kiểm nghiệm được: những lúc buồn bực người ta hay gây nên những bất hòa vô cớ với người khác, còn khi vui vẻ mọi người lại dễ hòa thuận với nhau hơn.

Tuy nhiên, trong bảy trạng thái tình cảm của cái Tôi, có hai trạng thái tự chúng là sự buồn bực: giận (nộ) và buồn (ái); hai trạng thái khác chứa đựng một phần buồn bực do bản chất tâm lý của chúng: ghét (ố) và sợ (cụ); ba trạng thái còn lại đều có thể bị chuyển hóa ngay lập tức thành sự buồn bực nếu chúng không được thỏa mãn hoàn toàn: thương (ái), mừng (hỷ) và vui (lạc). Hầu hết những niềm vui mà chúng ta thường thấy hàng ngày đều là niềm vui giả tạm, chúng có thể đem đến những “đợt” hòa thuận ngắn ngủi; và khi “đợt” hòa thuận này đi qua, không biết bao nhiêu “đợt” bất hòa khác lại có nguy cơ ập tới. Chỉ có sự an lạc, tức là niềm vui xuất phát từ sự bình an của tâm hồn hay sự thanh tịnh của nội tâm, mới có đủ quyền năng tạo ra một sự hòa ái bền vững trong mọi mối quan hệ xã hội. Người an lạc tuy ung dung thanh thản nhưng không bao giờ cầu an, tìm kiếm sự rỗi rãi cho bản thân, né tránh những trách nhiệm nặng nề đối với đại chúng. Sẵn sàng cực lòng nhọc trí trong việc xây dựng đời sống nhân hòa cho thiên hạ nhưng vẫn không đánh mất sự yên tĩnh của nội tâm, người an lạc chẳng mấy may vướng bận vào những danh, lợi, chức, quyền, nếu như không xem chúng là những thứ làm nhục nhân cách.

Phần thưởng lớn lao nhất đối với người an lạc là biết rằng mọi nỗ lực nhọc của mình đều đem lại ích lợi cho muôn người. “*Các bậc thánh nhân ngày xưa ăn cơm hẩm, co tay gối đầu, quanh năm suốt tháng không giờ phút nào mà tâm tư không nghĩ đến việc lợi ích cho thiên hạ, cho nước cho dân, cho đời bình trị.*” – Đức Giáo

15. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

16. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.2) (03-3-1927).

17. Thiện Quang, Niềm vui theo quan niệm của đạo Cao Đài, Cao Đài Giáo Lý 121, tr.54.

Tông Vô Vi Đại Đạo từng nêu lên những tấm gương an lạc của cổ thánh – “*Trong khoảng thời gian dài dằng dặc, họ đã lê gót khắp đông tây nam bắc, trải qua nhiều thử thách gian lao, ê chề ngao ngán, nhưng tâm chí họ vẫn kiên trì để lập thành cái chủ thuyết khi họ rời bỏ cõi đời tạm bợ này. Suốt một cuộc đời như vậy, họ không bao giờ đem tâm trí họ để vào những chi tiết nhỏ nhặt quanh mình vì họ không thích đồ danh trục lợi, nhưng họ cũng vẫn không thiếu thốn gì cả. Luật Tạo Hóa đã bù trừ cho họ [trong sự] an bài. Cuối cùng, họ là một cánh chim hạc bay vút từng mây, để lại cho muôn đời phải tôn sùng chiêm ngưỡng cái chủ thuyết gọi là Thánh nhân.*”¹⁸

Qua những tấm gương Thánh nhân ngày xưa, sự an lạc có một đặc tính kỳ lạ: nó làm giàu cho con người theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Người an lạc cảm thấy đời sống của mình đầy đủ về cả vật chất lẫn tinh thần, hoàn toàn không phải vì sở hữu một tài sản vật chất hay một quyền lợi tinh thần nào, nhưng vì làm chủ được nhu cầu của mình và đạt được sự toại nguyện tự thân. Cảm giác đầy đủ đó khiến họ luôn muốn chia sẻ những gì tốt đẹp mà mình đang có cho tha nhân. Do đó, họ dễ dàng thu phục được thiện cảm của tha nhân, và tha nhân cũng vì thiện cảm ấy mà sẵn sàng hòa với họ.

Qua những thực tế trái ngược lại của ngày hôm nay, những người không đạt được sự an lạc luôn thấy mình thiếu thốn đủ thứ. Tài sản, danh tiếng, chức tước, quyền lực, địa vị xã hội, sự kính trọng của người khác, hạnh phúc của bản thân,... cái gì họ cũng có thể thấy thiếu. Không hẳn vì họ không có những thứ đó trong tay, mà vì họ bị điều khiển liên tục bởi những dục vọng ích kỷ không giới hạn. Cảm giác thiếu thốn này khiến cho họ luôn đòi hỏi ở tha nhân. Mà nếu cứ đòi hỏi ở tha nhân, họ sẽ tạo ra ác cảm nơi tha nhân, vì trên đời này ai cũng thấy khó chịu đối với những kẻ luôn đòi hỏi.

18. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-07 Tân Hợi (04-9-1971).

Bằng việc tạo ra ác cảm, họ đã tạo ra những bất hòa.

Như vậy, sự an lạc có tác dụng định hướng lại những nhu cầu và ước muốn của con người. Một mặt, nó giúp con người từ bỏ khuynh hướng đòi hỏi ở tha nhân hòng thỏa mãn cá nhân mình, nghĩa là từ bỏ khuynh hướng tạo ra bất hòa. Mặt khác, nó thúc đẩy con người nỗ lực mưu cầu hạnh phúc cho thiên hạ, nghĩa là thúc đẩy nỗ lực tạo ra nhân hòa. Hai điều này kết thúc mọi mâu thuẫn trong nhu cầu và ước muốn của một xã hội. Vì vậy, trong mùa xuân của thể nhân hòa, người Cao Đài “*không những tạo sự an định vững vàng cho nhân loại, ngoài ra, còn phải bắt buộc đưa sự an lạc vào cuộc sống sinh tồn cho nhân thế.*”¹⁹

4. XUÂN TIẾN BỘ

Tiến bộ là chân vạc thứ ba của thể nhân hòa. Chân vạc thứ nhất, nhân bản, liên quan đến đạo đức và tình thương. Chân vạc thứ hai, an lạc, liên quan đến hạnh phúc, bình an và thuận hòa. Những yếu tố đó rất tốt đẹp, nhưng, “*đạo đức thương yêu [và] hạnh phúc an hòa chưa đủ cho một xã hội thực thể.*”²⁰ Và Đức Lê Đại Tiên nhấn mạnh: “*Điều mà trong thể nhân hòa phải có là sự tiến bộ.*”²¹

Trong ngày tết cổ truyền, người Việt thường mặc những bộ đồ mới để đón xuân. Bộ đồ mới tượng trưng cho sự mới mẻ trên mọi phương diện của đời sống tương lai. Hành động “mặc đồ mới” một cách đồng loạt vào đầu năm tượng trưng cho việc tự đổi mới bản thân để cùng nhau đổi mới toàn xã hội. Hành động đó thể hiện niềm hy vọng về sự tiến bộ của cá nhân và cộng đồng.

Theo giáo lý Cao Đài, “*tiến bộ là sự hoàn hảo hóa theo thời gian trên mọi phương hướng*

19. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

20. Ibid.

21. Ibid.

*của nhân sinh và tâm linh.*²² Nếu chỉ tiến bộ trên vài hướng nào đó của đời sống, ví dụ như chỉ tiến bộ về mặt khoa học hay kinh tế mà bỏ quên đạo đức và tâm linh, thì đó chưa thật sự là tiến bộ, mà có khi còn tạo ra sự mất cân bằng khiến cho xã hội bị suy thoái ở tổng thể. Mùa xuân trong thể nhân hòa phải đem đến cho cá nhân và xã hội sự tiến bộ toàn diện. Muốn đạt được những mục tiêu chung hôm nay và ngày mai, mọi thành viên của một tập thể phải có khả năng phối hợp với nhau trong nhận thức và cộng tác với nhau trong hành động. Nhưng để có được khả năng này, *“trên bất cứ một cương lĩnh sinh hoạt nào cũng thế, sự tiến bộ phải luôn luôn được nêu lên.”*²³ Mỗi bước tiến bộ của tập thể đều nâng cao thêm giá trị cho cá nhân; mỗi bước tiến bộ của cá nhân đều tích lũy thêm giá trị cho tập thể. Vì vậy, phải thúc đẩy sự tiến bộ thì *“giá trị tập thể mới mong càng ngày càng cải thiện, càng un đức trong hiện tại và hướng thượng ở tương lai.”*²⁴

Nhưng làm thế nào để thúc đẩy sự tiến bộ đồng loạt trong tập thể? *“Chính sự giáo dục”* – Đức Lê Đại Tiên dạy – *“phải đảm nhiệm [một vai trò] quan trọng trong thể nhân hòa”*²⁵. Trong nghệ thuật lãnh đạo hiện đại (modern leadership), để giảm thiểu những nguy cơ xuất hiện mâu thuẫn trong một tổ chức, đội ngũ lãnh đạo phải có trách nhiệm giáo dục (educate) tổ chức của mình bằng những chương trình và hình thức thích hợp. Ví dụ như chương trình giáo dục về văn hóa của tổ chức (organizational culture), giúp mọi người hiểu cách hành xử và cách làm việc với nhau một cách hòa thuận, khoa học và hiệu quả; chương trình này làm cho mỗi người đều tự cảm thấy hãnh diện khi mình đối xử thân thiện với đồng nghiệp, cũng như tự

cảm thấy hổ thẹn khi lơ tạo ra một sự bất hòa trong tổ chức. Đây không phải là chuyện viễn tưởng. Nhiều công ty đa quốc gia đã có chương trình này, các nhà quản lý của họ đã dựa vào đó để huấn luyện nhân viên của mình thông qua các công việc hàng ngày và đã đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Người Cao Đài hoàn toàn có thể bắt chước và áp dụng để tạo thể nhân hòa trong sứ mạng Phổ Độ Kỳ Ba.

“Văn minh nhơn loại đang cực kỳ tiến bộ, loài người phát triển đến cao độ; tuy chưa đạt đến chỗ thay Tạo Hóa vận hành vũ trụ, nhưng con người đã vận dụng, phát huy cái năng lực vô cùng, cái trí tuệ siêu việt được phú bẩm từ Chí Tôn Thượng Đế.” – Đức Lý Giáo Tông từng đặt vấn đề với người tín đồ Cao Đài – *“Nhìn lại nội bộ Cao Đài, chư hiền đệ, hiền muội có suy nghĩ gì không?”*²⁶

Dĩ nhiên là Ngài muốn toàn thể nội bộ Cao Đài phải thức tỉnh trong hồng ân của Thượng Đế mà tiến bộ, ít nhất là cho kịp với tốc độ tiến bộ của thế giới nếu không nói là phải nhanh hơn, để cứu độ nhân loại. *“Là những hàng môn đệ của Đức Chí Tôn Thượng Đế, chư hiền đệ muội được ban trao sứ mạng, được thọ nhận tân pháp Cao Đài (công phu, công quả, công trình)”* – Ngài hỏi – *“thế thì cái chỗ đạo pháp huyền vi chứng đắc của chư hiền đệ muội, hiện tại, là ở chỗ nào?”*²⁷

Và Ngài dạy:

*“Mỗi chư hiền đệ, hiền muội trong tôn giáo Cao Đài nói chung, Cơ Quan nói riêng, chư đệ muội nếu chưa đạt đến chỗ thông công trực tiếp cùng Đức Chí Tôn Thượng Đế hay chứng đắc lực thông hoặc đắc đạo quả tại thế gian, thì cũng phải đạt được giá trị tâm linh siêu việt.”*²⁸

Giá trị tâm linh siêu việt mà Ngài nêu lên ở đây có nghĩa là giá trị của đạo đức; giá trị ấy

22. Ibid.

23. Ibid.

24. Ibid.

25. Ibid.

26. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Đinh Sửu (25-3-197).

27. Ibid.

28. Ibid.

phải toát ra từ bất kỳ tư tưởng, lời nói và hành vi nào của chúng ta: “*mỗi chủ hiền đệ muội phải thể hiện một tấm gương đạo đức, nhưn sanh nhìn vào cảm phục, yêu mến và vâng lời.*”²⁹

Tiến bộ là động lực thúc đẩy con người hoàn hảo hóa một cách tự nhiên theo sự đi lên của xã hội. Sống trong một thế giới “cực kỳ tiến bộ” về trí tuệ như Đức Lý Giáo Tông đã nhận định, người Cao Đài có rất nhiều điều kiện thuận lợi để trở nên tiến bộ vượt bậc về công quả, công trình, công phu. Người Cao Đài phải biết tận dụng động lực này, “*phải làm thế nào cho con người của xã hội hoàn hảo một cách tự nhiên*”³⁰; có như vậy, nhân hòa mới được hình thành và phát triển theo đà tiến chung của thế giới. Khi sự tiến bộ đã đạt đến mức mà nơi mọi người đều hình thành được thói quen chung sống thuận hòa, thì mùa Xuân Thánh đức sẽ đến và lịch sử sẽ không thể đảo ngược được nữa: nếu có ai đó còn nghĩ đến những hành động bất hòa, họ cũng sẽ không đủ can đảm thực hiện vì chúng trái ngược với nếp sống tự nhiên mà toàn thể nhân loại đã tạo ra.³¹

5. NHỮNG LỜI CHÚC XUÂN NHÂN HÒA

Trong những giao tiếp đầu năm, lời chúc xuân là hương liệu tuyệt vời cho bầu không khí nhân hòa. Không quan trọng ở chỗ lời lẽ giản dị hay rườm rà, thật thà hay khách sáo, cũng chẳng quan trọng ở chỗ nội dung rập khuôn hay sáng tạo, thực tế hay viễn vông, việc chúc xuân là nghệ thuật “lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Chính nhờ việc làm vừa lòng nhau này, lời chúc xuân trở thành một phương tiện độc đáo nhằm bày tỏ sự hiếu hòa. Qua cơ bút Cao Đài, các Đấng Thiêng Liêng đã ban cho chúng ta nhiều câu chúc xuân nhân bản, an lạc và tiến bộ. Những câu chúc xuân này

29. Ibid.

30. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

31. Ibid.

là những lời hướng dẫn ngắn gọn giúp chúng ta tạo được mùa xuân trong thế nhân hòa.

Chúc tất cả, mọi người, mọi kẻ,

Chúc nữ nam, già trẻ, gần xa,

Chúc cho vui cảnh vui nhà,

*Chúc cho trên thuận dưới hòa hanh thông.*³²

Đó là một lời chúc xuân an lạc. Bằng lời chúc nhẹ nhàng này, chúng ta nhắc nhau rằng sự yên vui và sự thuận hòa luôn đi chung với nhau. Muốn thuận hòa, cần đem đến niềm vui cho nhau trong mọi hoàn cảnh; và ngược lại, muốn luôn được yên vui, phải giữ nếp thuận hòa. Cùng với lời chúc xuân an lạc, chúng ta hãy khơi lại những truyền thống đạo đức của dân Việt từ ngàn xưa và đưa chúng vào thế giới hiện đại qua những lời chúc xuân nhân bản:

Chúc tỉnh, quận, hương, thôn, xóm, ấp,

Chúc đồng bào cùng khắp trong ngoài,

*Ruột mềm*³³ *thương lấy chân tay,*

Khỏi điều họa gởi tai bay bạo tàn.

*Chúc nhân loại trần gian khác giống*³⁴,

Quý trọng nhau mạng sống ở đời,

Dại khôn vẫn cũng con người,

*Giàu nghèo vẫn cũng bầu trời thờ chung.*³⁵

Trong một cộng đồng, mọi người tuy khác biệt nhau về căn trí, nghiệp duyên, cá tính, sở thích, thói quen,... nhưng phải biết gắn bó với nhau thì cộng đồng mới tồn tại được. Mà muốn gắn bó thì phải thương yêu nhau. Lời chúc nhân bản nhắc mọi người vượt qua tất cả khác biệt để thương yêu và để gắn bó, cùng giải quyết những khó khăn chung, giúp mỗi người hoàn thành bổn phận của mình.

Bên cạnh lời chúc xuân nhân bản dành cho

32. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

33. “Ruột mềm” – do câu tục ngữ Việt Nam “máu chảy ruột mềm” – được dùng để chỉ sự nhân ái, lòng trắc ẩn.

34. “Khác giống” – do câu ca dao Việt Nam “bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” – được dùng để chỉ bất kỳ sự khác biệt nào giữa con người với con người, ví dụ như khác biệt về chủng tộc, tín ngưỡng, văn hóa, giai cấp, thành phần, địa vị xã hội...

35. Ibid.

đồng bào và nhân loại, chúng ta sẽ dành riêng một lời chúc xuân nhân bản cho các bậc lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo trên đất nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới. Lời chúc đặc biệt này cũng thể hiện nỗi mong đợi của các Đấng Thiêng Liêng đối với những hàng chức sắc chức việc, các bậc sứ mạng thiên ân trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

*Chúc lãnh tụ khắp trong tôn giáo
Thế mạng Trời lãnh đạo tinh thần,
Giáo truyền thức tỉnh nhân dân,
Khởi điều kỳ thị ngã nhân chánh tà.
Cây Đại Đạo chia ra nhiều nhánh,
Nếp một chum, làm bánh nhiều hình,
Đạo đời tuy khác, nhân sinh
Đều do một Đấng Chí Linh tạo thành.³⁶*

Lời chúc này kêu gọi các nhà lãnh đạo cùng nhau xóa bỏ óc kỳ thị của quần chúng. Là lối suy nghĩ vị ngã vong tha³⁷ luôn mang nặng thành kiến, óc kỳ thị dẫn tới sự phân biệt đối xử và ngăn chặn mọi nỗ lực phục hồi nhân bản. Ôn Trên đã từng dạy: “*Những gì gọi là khuôn vàng, thước ngọc, giáo điều đã quy định con người vào vị ngã vong tha, những tác nhân đã xây đắp con đường chướng ngại phân cách này, nếu không được những cánh tay uy hùng phá vỡ, các dòng sông nhân bản không đông nứt trùng hợp ở đại dương.*”³⁸ Lãnh đạo tôn giáo dù ở bất cứ cấp bậc nào cũng là một vị trí thuận lợi để phá vỡ những tác nhân vong bản, góp phần phục hồi nhân bản cho cộng đồng xã hội mà mình đang dìu dắt, đưa quần chúng trong cộng đồng trở về cội nguồn chung của nhân loại. Bổ sung vào những lời chúc xuân an lạc và nhân bản, lời chúc xuân tiến bộ thể hiện những kỳ vọng về sự canh tân, mà trước hết là canh tân hiệu quả tu hành của người đạo:

*Chúc người đạo tu hành mau đắc,
Đối xử nhau tự khắc chế mình,*

36. Ibid.

37. “Vị ngã vong tha”: chỉ biết đến mình mà không biết đến người khác.

38. Đức Cao Triều Phát, Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỳ Dậu (07-6-1969).

*Luyện rèn tâm thánh minh linh,
Nặng tình đạo đức, nhẹ tình thế gian.³⁹*

Tự khắc chế mình là bí quyết để tiến bộ. Áp dụng bí quyết này, chúng ta thấy rằng mọi sự tiến bộ trong thế nhân hòa đều nằm ở những thành quả vững chắc trên thiên đạo (giải thoát) cũng như trên thế đạo (đại đồng):

*Chúc những bậc tu đôn luyện mạng,
Chúc những hàng tu tánh luyện tâm,
Bây tình sáu cửa vững cầm,
Ngăn loài tà mị ngoại xâm quấy phiền.
Chúc những bậc thế thiên hoàng đạo,
Chúc những hàng sĩ giáo phổ thông,
Dang tay bắt nhịp cầu vồng,
Gây tình huynh đệ đại đồng thế gian.⁴⁰*

Tết năm nay, chúng ta hãy mang đến cho nhau những lời chúc nhân hòa này, để rồi cùng biến những ước vọng thanh cao đó thành những kết quả tốt đẹp trong thực tiễn.

6. VÀI DÒNG KẾT

Mùa xuân năm Đinh Mão 1927, Đức Chí Tôn đã khuyên toàn đạo: “*Dạy lẫn cho nhau dựng chữ Hòa.*”⁴¹ Khi đạo đệ chép lại lời khuyên tha thiết này từ một bản Thánh Ngôn Hiệp Tuyển đã ố vàng vì năm tháng, gần chín mươi mùa xuân đã đi qua trong cơ đạo, và lại thêm một mùa xuân nữa đang về. Ngoài trời, cảnh xuân vừa chớm nhắc chúng ta rằng thiên thời và địa lợi của sứ mạng kỳ ba đã được an bày đầy đủ; cái duy nhất còn thiếu sót trong sứ mạng này chỉ là nhân hòa và nhân hòa. Hôm nay, mỗi chúng ta hãy kiên tâm tạo thế chân vạc nhân bản – an lạc – tiến bộ ngay từ phạm vi hành sự cụ thể của mình. Ngày mai, mùa xuân nhân hòa sẽ đến, đến với nội bộ Cao Đài, trên sông núi Việt Nam và trong tâm hồn nhân loại. ■

39. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

40. Ibid.

41. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Từ Lâm Tự (Chùa Gò Kén), 14-01 Đinh Mão (13-02-1927), Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q.1).

“*Tu hành giữ mực thường thôi*”

■ HỒNG PHÚC

Khi nói đến hai chữ “tu hành”, người ta thường nghĩ ngay đến những nhà sư, ni cô của Phật giáo hay các nữ tu, linh mục của Thiên Chúa giáo, là những người đã chọn con đường xuất gia, tìm cho mình lối sống vượt ngoài những bon chen danh lợi của cuộc đời. Như vậy có thể nói “tu hành” là thuật ngữ của tôn giáo, để diễn tả công việc đặc biệt của những người đã hiến mình cho Chúa hay chọn lối sống trầm mặc theo đường của Phật.

Tuy nhiên, hai chữ “tu hành” nghe tưởng chừng như đơn giản nhưng thực ra nó chứa đựng cả một sự khó khăn vô vàn, đòi hỏi con người phải có một tinh thần đại hùng, đại lực từ sự quyết tâm cao độ, mới có thể vượt qua hết những gian nan thử thách để đạt được kết quả. Người xưa đã từng nói người tu hành thì nhiều vô số mà người đắc Đạo thì như lông rùa sừng thỏ.

Đã vậy, đến Tam Kỳ Phổ Độ, hai chữ “tu hành” đã không còn bị đóng khung trong khuôn viên chùa chiền, thánh đường, do tôn giáo Cao Đài chủ trương phương tu nhập thế, người tu không cách biệt với xã hội nhân sinh để chỉ lo cho riêng mình, mặc cho cuộc đời đau khổ, mà phải đem Đạo vào đời để hoán cải cuộc đời bằng những giá trị đạo đức chân chánh. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

“Người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác (...) đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để độc thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung Tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời dẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có nghĩa gì hết.”¹

1. Đức Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành Thánh thất, 15-02 Kỷ Dậu.

Cho nên, người tín đồ Cao Đài khi nhập môn vào đạo là đã chọn lựa con đường tu hành, lấy giới quy làm khuôn mẫu, sửa tánh tu tâm, học hỏi giáo lý để mở mang tâm thức, thực hành thiền định để tâm thanh tịnh huyền đồng cùng vũ trụ, tạo điều kiện để linh hồn bước vào cõi siêu xuất thế gian, tức là tìm đến cứu cánh giải thoát tâm linh. Nói một cách cụ thể, người tu theo đạo Cao Đài, lúc hướng ngoại thì công quả giúp đời, khi quay về nội tâm thì luyện kỹ tu đơn, thực hành sống Đạo, tập đức hy sinh để làm tròn vai trò của người Thiên ân, là người đã thọ nhận sứ mạng thay Trời hoằng giáo.

*Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng
Trong rèn tâm nhật dụng thường hành
Tâm này tự thí hư linh*

Căn trần không nhiễm, vô minh khó tầm.²

Theo truyền thống của các tôn giáo trong Nhị kỳ phổ độ, người tu xa lánh việc đời, ẩn mình trong thế giới sớm chiều chiều mờ, không còn vướng bận những thị phi của kiếp nhân sinh nhiều nghiệp quả, gọi là tu chùa, đã không dễ dàng đắc thành đạo quả, thì đối với người “tu chợ” theo phương tu của đạo Cao Đài:

*Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng
Trong rèn tâm nhật dụng thường hành*

Chắc chắn đời đời người tu phải có một tâm chí dững mãnh, một nghị lực kiên cường bền bỉ mới có thể vượt qua được vô vàn chướng ngại khảo đảo do quả nghiệp tiền khiên đeo đẳng từ vô lượng kiếp, để có thể đi đến cuối con đường giải thoát như lời dặn dò của Đức Vạn Hạnh: “(...) sự tu học luôn luôn phải được liên tục trong nhứt nhứt thường hành, thời thời luyện tập, ví như pháp luân thường chuyển tiếp nối...”³

Theo giáo lý Cao Đài, người tín đồ Cao Đài khi đã quyết định nhập môn vào Đạo thì coi như đã chọn con đường giải thoát, trở về cùng với Đức Chí Tôn, tức hoàn thành sứ mạng của

một Tiểu Linh Quang: “*một ra đi, một trở lại Thấy*”, đồng nghĩa với việc phải tuân tự tiệm tiến đặt mình trong khuôn khổ của qui giới, học hỏi giáo lý, tập tành pháp môn, công quả giúp đời để đạt đến cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo giải thoát”. Không có ranh giới phân biệt giữa người “tu chuyên nghiệp” và tín đồ như đạo Phật hay đạo Thiên Chúa. Người Phật tử không bị bắt buộc chuyên cần thi hành đầy đủ giới luật để giải thoát như các vị sư xuất gia, chỉ cần làm lành lánh dữ, thường xuyên niệm Phật, khi chết, linh hồn cũng được Phật rước; cũng như các Ki Tô hữu không bị đòi hỏi phải hy sinh hiến mình cho Chúa như các linh mục, các soeur mà chỉ cần đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa, siêng năng đi lễ nhà thờ là đã đủ bốn phận để khi qua đời được trở về nước Chúa.

Không có đạo phục cho người Phật tử vào chùa lễ bái hay con Chiên Thiên Chúa đến nhà thờ, trái lại, người tín đồ Cao Đài khi bước vào Thánh thất thì phải mặc đạo phục, ngay cả khi cúng lạy tại tư gia cũng phải mặc chiếc áo dài trắng, và nam phái thì thêm khăn đóng đen.

Thế nhưng Đức Chí Tôn đã có dạy con cái Ngài trong Đại Thừa Chơn Giáo:

*Tu hành giữ mực thường thôi,
Đừng bày vẽ lắm rồi bôi lem đấy!
Các con biết đặng đạo Thấy.
Đạo Thấy không chịu cho ai biết mình;
Ở ăn như thể thường tình,
Lo tu luyện đạo sửa mình tinh ba.
Tu không biểu mặc đồ dà,
Cạo râu thí phát, bỏ nhà, lìa con!
Ông bà, cha mẹ đang còn,
Phải lo báo đáp cho tròn hiếu trung;
Vợ chồng trọn nghĩa thủy chung,
Giữ như sen mọc dưới bùn không đơ,
Làm như dốt nát đại khờ,
Đừng cho kẻ thế ngờ rằng mình tu!*

Nội dung bài Thánh giáo thể hiện đường lối tu hành nhập thế của đạo Cao Đài. Ý nghĩa lời

2. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân.

3. 25-9 Canh Tuất.

Thầy dạy có thể hiểu một cách đơn giản, người tu theo đạo Cao Đài không phô trương hình thức tu hành, không đặt ra những nghi thức rườm rà theo cách thức hữu hình của người đời, bởi vì Thầy mở Đạo thiên về vô vi, không hình danh sắc tướng. Cho dù bước vào đường tu hành, nhưng cũng vẫn sống cuộc sống bình thường, không thay đổi hình thức để cho người khác biết mình tu, mà điều quan trọng là phải quay về bên trong chính mình, quán xét bản thân để nhận ra thói hư tật xấu của mình mà sửa đổi, học những điều tốt để làm theo, làm sao mỗi ngày mỗi loại trừ khuyết điểm để tiến dần đến việc hoàn thiện bản thân, học và thực hành pháp môn công phu, sơ cơ thì đọc kinh cúng lạy mỗi thời, rồi từ từ bước vào đường đạo pháp tịnh tâm thiền định để thanh lọc thân tâm. Song song đó, phải làm tròn Nhơn đạo, trách nhiệm của mình đối với gia đình, phụng dưỡng trả hiếu cho cha mẹ; chăm sóc nuôi dạy con cái cho nên người, trọn đạo vợ chồng thủy chung. Việc tu hành của mình chỉ có mình biết, cho dù có học có hiểu đạo, cũng giả ngu, giả dốt, để cho người đời không biết rằng mình tu.

Bài Thánh giáo với nội dung dễ hiểu với những ngôn ngữ giản dị “*Tu hành giữ mực thường thôi*”, nhưng nếu suy nghĩ để tự hỏi “giữ mực thường thôi” là như thế nào? Có thể theo lời dạy trong bài để trả lời rằng: là tu hành một cách bình thường, “Ở ăn như thể thường tình”, Nhưng để hiểu “bình thường” là như thế nào mới là điều quan trọng? Chắc chắn câu trả lời không hề đơn giản. Đây là điểm độc đáo của Thánh ngôn Thánh giáo. Người học không chỉ nghe qua, hiểu nghĩa đen là đủ, bởi vì câu chữ tưởng chừng đơn giản, dễ hiểu nhưng ẩn chứa ý nghĩa dung nạp không biết bao nhiêu là lý đạo thâm sâu, huyền nhiệm, mà một đời người tu hành chưa chắc đã thông suốt để thực hành.

Vậy thì trong câu “*Tu hành giữ mực thường thôi*” có thể tìm thấy ý nghĩa ra sao ngoài ý nghĩa đã trình bày trên đây?

1. TU HÀNH PHẢI GIỮ SỰ CHÁNH TÍN, KHÔNG NÊN MÊ TÍN.

Dù muốn, dù không, tôn giáo cũng đi liền với tín ngưỡng, với niềm tin vào một thế giới vô hình đang song hành cùng con người. Tuy nhiên, không vì thế mà để niềm tin mông lung không điểm tựa, để rơi vào sự mê tín. Đức Lê Đại Tiên đã từng dặn dò:

*Người đời sợ lỗi mới tu thân,
Nói chí Phật Tiên với Thánh Thần,
Tín ngưỡng bước đầu vào cửa đạo,
Chánh mê phân biệt ảo cùng chân.⁴*

Người giác ngộ mới tìm đến với tôn giáo, và bước đầu vào đạo, con người buộc phải có đức tin, nhưng phải biết phân biệt đâu là chánh tín, đâu là mê tín. Chánh tín là niềm tin vào thượng đẳng thiêng liêng tức là niềm tin hướng thượng hợp với đạo lý theo như lời dạy của Đức Lê Đại Tiên:

“Thờ phụng sùng kính Đức Phật Thích Ca là đã hiểu hành động của Tất Đạt Đa khi còn là một thái tử, đã phế ngai vàng điện ngọc, ẩn thân nơi rừng già để tìm một phương pháp tự cứu mình và cứu nhân loại khỏi vòng tử khổ. Vì cảm mến đức độ của một vị đạo đức chơn tu mà thờ phượng sùng kính và dặn lòng hãy làm theo và đối xử với mọi người chung quanh mình như tánh tình đối xử của vị ấy khi còn tại thế.

Còn như thờ Đức Jésus Christ là noi theo đức hy sinh bác ái của Người. Thờ Đức Khổng Phu Tử là thần phục và cố gắng làm theo đường lối của Người là cách vật trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Chớ đừng nên có quan niệm hẹp hòi ích kỷ mà hiểu rằng hễ càng đem nhiều lễ vật cúng tế thì càng được nhiều phúc đức và sự phù trợ của Đấng ấy. Nghi vậy là sai đạo lý.”

Còn mê tín không chỉ là niềm tin vào hạ đẳng thiêng liêng như cúng vái các oan hồn để

4. Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân 1968.

cầu xin số đề, mà ngay cả niềm tin vào các Đấng Phật Tiên thể hiện qua sự cúng bái lễ vật linh đình để cầu xin mua may bán đắt hay các hình thức tạ ơn, trả lễ bằng Thiêng Liêng bằng cách sát sanh cúng tế, mà Đức Di Lạc Thiên Tôn đã cảnh báo:

*“Có nhiều trường hợp, vì quá kính trọng tin tưởng ở sự hộ trì phải lo đến ơn đáp nghĩa, gọi là trả lễ hay trả nợ, họ có thể làm những việc phạm vào đạo lý cho ra tiền của để cúng tế, như cho vay cắt cổ đối với người nghèo túng hay bệnh nhân cần tiền thang thuốc, hoặc tham những hối lộ rút của công, có thể lũng đoạn nền kinh tế quốc gia, hoặc sát sinh hại vật, v.v. bất cứ một hành động nào miễn là có lợi để làm phương tiện cúng tế trả lễ.”*⁵

Tu hành chánh tín là niềm tin vào đạo lý, vào lẽ công bằng của Trời Đất, luôn đi cùng với sự biện phân của tư duy, ngày càng thăng hoa. Người tín đồ Cao Đài trọn tin vào Đức Chí Tôn, nhưng hiểu ra rằng:

*“Thượng Đế vì thương chúng sanh trong vòng tội lỗi u tối nên mới khai Đạo là đem ánh sáng chơn lý đến rọi đường dẫn lối cho họ ra chốn quang minh phúc đức. Vì Trời Đất không riêng với ai, mỗi một cử động, một tư tưởng đều có thần minh soi xét tất cả; không phải vì đem cúng tế lễ vật mà ban phước, cũng không phải vì thất lễ mà gieo họa xuống cho người đời.”*⁶

Ngay cả khi đã nhập môn vào Đạo, cố gắng tu hành nhưng vẫn gặp nhiều chuyện không may xảy đến, thì phải hiểu rằng đó là nghiệp chướng do chính mình gây ra từ vô lượng kiếp, đến kiếp này phải chịu tác động do bởi luật nhân quả công bình như lời giải thích của Đức Đô Thống Quân Đại Thần:

“Người tu nhập môn vào đạo đối với nghiệp chướng tiền khiên cũng vậy. Hễ công quá nhiều, làm phúc làm đức nhiều, thương người

*giúp chúng nhiều, thì phước đem đổi tội, chế giảm tiêu mau, đến khi nào phước càng cao thì oan khiên nghiệp chướng càng sớm dứt. Không lý nào buổi sinh thời, hoặc nhiều tiền kiếp tội lỗi nghiệp chướng càng nhiều, chỉ mới nhập môn vào đạo là giữ sạch hết. Nếu như vậy, cửa chùa là chỗ bắt công cải sửa định luật Đất Trời.”*⁷

Đức Chí Tôn dạy “Tu hành giữ mực thường thôi” là Ngài muốn nhắc nhở con cái của Ngài tu hành chánh tín, hiểu rõ đạo lý, để không uổng phí thời gian, công sức đi vào lối mòn mê tín của đa số người đời thời nay, lầm tưởng tu hành chỉ là sắm sanh lễ vật đến chùa kính thành dâng cúng là sẽ được Trời Phật hộ trì, giúp đỡ đạt được điều mong vọng cầu xin như lời kể của Đức Di Lạc Thiên Tôn:

“Hàng ngày Bản Đạo thấy đa số nhơn sanh bá tánh đến trước chánh điện lễ bái kính thành hiến dâng lễ vật, nghĩ thiệt là tội nghiệp. Thương thay cho lòng mê muội của nhơn sanh còn quá nặng. Có mấy ai thấy được mặt Di Lạc Thiên Tôn bao giờ chưa? Bản Đạo chắc là chưa ai thấy, chỉ nghe lời truyền tụng hoặc lời huấn dụ xuyên qua đàn cơ cùng Thánh giáo.

*Sự tạc tượng thờ phượng đó là do lòng kính thành của nhơn sanh thiện tín để cụ thể tượng và thể hiện lòng kính thờ đối với bậc trọn tốt, trọn lành đem đạo dạy đời. Thương hại thay cho người đời còn lầm tưởng rằng đem hiến dâng lễ vật, lễ bái để cầu xin một việc tư riêng sẽ được Bản Đạo hộ trì và giúp đỡ.”*⁸

2. TU HÀNH KHÔNG Ỗ TÀI, CỐNG CAO NGẢ MẠN

Ngả mạn là tính tự cao, tự xem mình có tài, có trí, hiểu biết hơn người không chịu phục tùng người hơn mình. Đó là sự biểu hiện của tâm hiếu thắng, kiêu ngạo, cống cao, thiếu nhã nhặn, thiếu khiêm tốn và không chịu nhún

5. Đức Lê Đại Tiên, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân 1968.

6. Đức Lê Đại Tiên, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân 1968.

7. Đức Đô Thống Quân Địa Thần, Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

8. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 18-7 Kỷ Dậu 1969.

nhường bất cứ một ai. Người tu hành học đạo vì có lòng ngã mạn, nên không gần gũi tu học với bạn đạo, cuối cùng phải chịu mê dốt, và lắm lúc phạm vào giới cấm.

Theo Phật giáo, Ngã mạn là một trong sáu món căn bản phiền não, đó là tham – sân – si – mạn – nghi – ác kiến⁹, có gốc rễ sâu dày từ si mê, chấp ngã mà ra; không phải ai cũng có thể dễ dàng diệt trừ nó được; muốn đoạn trừ nó chỉ có cách là chúng ta phải cố gắng, ra sức nỗ lực tu học và hành trì buông xả ngay nơi từng ý niệm khi vừa phát sinh thì mới có thể lần hồi chuyển hoá chúng được.

Ngã mạn là một trong những thứ đã cắm rễ ăn sâu nơi mỗi con người, nếu không khéo nhìn thấy cho rõ thì nó sẽ làm trở ngại con đường tu tiến. Ngã mạn được xếp vào hàng thứ tư trong năm loại độn sử, tức là năm loại kiết sử khó trừ nhất. Đối với năm loại độn sử này, ngay cả những vị đã chứng A la hán rồi mà vẫn chưa diệt trừ được gốc rễ, hơi hám vẫn còn lưu lại. Giống như chúng ta cầm một con cá tươi, khi đã quăng bỏ và rửa tay rồi, nhưng ngửi tay vẫn còn mùi tanh, đó gọi là tập khí tàn dư (hơi hám còn sót lại). Chỉ là hơi hám tàn dư, nhưng trong mười lực dụng của chư Phật thì đến lực dụng thứ mười mới “trị vĩnh đoạn tập khí trí lực”, có nghĩa là đoạn tận phiền não tập khí. Nói cách khác, chỉ có chư Phật mới vĩnh viễn dứt sạch được tập khí tàn dư này.

Trưởng lão Tất Lăng Già Bà Sa đã chứng A la hán nhưng thường bị đau mắt, mỗi lần khát thực hay đi ngang qua sông Hằng. Đến bên bờ sông, Ngài thường búng móng tay và nói với Thần sông Hằng: “Tiểu tỳ, hãy dừng lại, đừng cho nước chảy nữa.” Nước sông liền rẽ làm hai cho trưởng lão đi qua bờ bên kia. Nhiều lần như vậy, Thần sông Hằng không chịu được lời nói

và hành động của trưởng lão nên đến chỗ Đức Phật bạch rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử của Thế Tôn là Tất Lăng Già Bà Sa thường mắng tôi là “Tiểu tỳ, hãy dừng lại, đừng cho nước chảy”.

Đức Phật bảo trưởng lão Tất Lăng Già Bà Sa sám hối với thần sông Hằng. Trưởng lão chấp tay nói:

– Tiểu tỳ, chớ có giận, nay ta tạ lỗi nhà ngươi đó!

Cả đại chúng đều cười và nói, tại sao tạ lỗi mà còn mắng người ta nữa. Đức Phật nói với Thần sông Hằng:

– Ông có thấy Tất Lăng Già Bà Sa chấp tay tạ lỗi chẳng? Tạ lỗi là không có lòng kiêu mạn mà còn nói lời ấy, nên biết đó không phải Tất Lăng Già Bà Sa có ý xấu, chẳng qua năm trăm đời trở lại đây, ông ấy sanh ra trong nhà Bà La Môn, luôn tự kiêu, cho mình là cao quý, khinh rẻ người khác, tập khí xưa nay như vậy nên miệng nói mà tâm không kiêu mạn.

Trưởng lão Tất Lăng Già Bà Sa đã chứng A la hán, tuy không phải có ý xấu, nhưng tập khí ngã mạn tàn dư vẫn còn. Mới thấy ngã mạn là cái gì đó không dễ trừ. Là chúng sanh như mình, không dễ gì một ngày một bữa mà dứt được lòng ngã mạn, kiêu ngạo. Cho nên tu tập, tiêu trừ tập khí là vấn đề chính yếu mà mỗi người tu cần phải thực hành, cụ thể ở đây là phải học đức tính khiêm hòa để ngăn ngừa sự kiêu căng, ngã mạn, không để nó cản trở bước tiến đạo. Nếu không, chính sự kiêu căng, ngã mạn đó sẽ làm tiêu tan công đức tu hành, khiến mình dụng công rất nhiều, nhưng kết quả lại không được bao nhiêu. Bởi vì ngã mạn là chướng ngại lớn nhất trên con đường tu tập đến giác ngộ giải thoát, chỉ cần một phút ngã mạn nổi lên cũng đủ làm tiêu tan bao công đức tích lũy từ lâu, như câu chuyện của ngài Ngộ Đạt trong kinh Thủy Sâm:

Xưa kia đời Đường trong triều vua Ý Tông, có ngài Ngộ Đạt quốc sư, pháp danh Tri Huyền, khi chưa là quốc sư tình cờ gặp một tăng nhân bị phong cùi đã tận tình săn sóc cho vị ấy. Khi chia tay, vị ấy cảm kích nên đã dặn rằng, sau

9. NGHI: là tánh do dự lưỡng chùng, không nhận định rõ lý nhân quả về mặt mê cũng như mặt ngộ.

ÁC KIẾN: thấy biết sai lầm, cố chấp làm chướng ngại đạo và tâm sở thiện.

này nếu bị nạn thì hãy đến tìm nhau ở núi Trà Lũng thuộc Bành Thành, Tây Thục, chỗ có hai cây tùng làm dấu.

Sau đó ngài Ngô Đạt tu hành đạo đức, danh tiếng lẫy lừng, được vua ban chức quốc sư, được vua thân hành đem pháp tọa trăm hương đến tặng và cung phụng rất hậu. Ngài trên pháp tọa, Ngô Đạt mộng khởi niệm kiêu mạn, thấy trong thiên hạ không ai cao sang bằng mình. Nhưng liền sau đó, đầu gối Ngài tự nhiên mọc một cái mụn “mặt người”, hành hạ đau đớn thấu xương, không lương y nào chữa nổi.

Chợt nhớ đến lời dặn năm xưa của tăng nhân bị phong cùi, ngài Ngô Đạt đi về núi tìm, đến nơi nhằm lúc đã chiều tối, bàng hoàng nhìn khắp bốn phía, bỗng thấy hai cây tùng trong chỗ mây khói. Lấn bước theo hướng ấy, ngài đến một nơi lâu cao, ánh sáng sáng rực. Vị tăng nhân đã đứng đợi sẵn, đón tiếp niềm nở và mời ngài ngủ lại. Khi nghe kể về căn bệnh nan y, tăng nhân bảo không hại gì, ngày mai xuống suối rửa sẽ khỏi.

Sáng sớm đạo đồng dẫn ngài xuống suối, mới vốc nước, mụn ghẻ mặt người đã kêu lớn: “khoan rửa đã, ngài là người biết nhiều hiểu rộng, vậy có biết chuyện Viên Án với Triệu Thố trong Tây Hán thư chưa?” Ngài trả lời biết, cái mụn lại bảo: “tôi là Triệu Thố đây, còn ngài là Viên Án, đã xử tôi bị chém ở chợ, oan khốc thấu trời xanh. Từ đó mỗi hận không nguôi, tôi đã theo ngài đến mười đời, nhưng ngài là cao tăng, giới luật nghiêm tịnh nên tôi không có cơ hội báo oán. Nay ngài được hưởng sự đãi ngộ của vua mà sinh lòng ngã mạn, cái đức bị thương tổn nên tôi mới hại ngài được. Nhờ ơn tôn giả Ca Nặc rửa mối oan thù cho tôi bằng nước “từ bi tam muội” nên từ đây tôi không còn là kẻ oan gia của ngài nữa.”

Ngô Đạt nghe vậy sợ hãi rụng rời tay chân, từ đó dựng thảo am ngay nơi chỗ ấy, viết kinh Thủy Sám ngày đêm đọc tụng sám hối.

Ngã mạn theo giáo lý Phật giáo có 7 hình thức gọi là Thất chủng ngã mạn, bao gồm:

- Mạn: tỏ vẻ khinh khi đối với người thua kém mình.

- Quá mạn: Đối với người bằng mình hay đối với người hơn mình, cũng chỉ cho là bằng mình.

- Mạn quá mạn: Nghĩa là tranh lấy phần hơn, giả như người ta hơn mình rõ ràng mà mình nói quyết rằng mình hơn người ấy.

- Ngã mạn: Túc ý mình giỏi, có tài sức rồi sanh tâm khinh khi lấn lướt người.

- Tăng thượng mạn: Chưa tu chứng mà khoác lác là tu chứng,

- Ty liệt mạn: Khiêm tốn giả dối nói là mình kém hèn nhưng trong lòng tự cao.

- Tà mạn: Những người tu theo những pháp tu quái dị, sai lầm, nhưng vẫn cho mình là đúng nên chẳng kính Tam bảo, chẳng tụng Kinh điển.

Niết Bàn Kinh quyển 39: Nếu chúng sanh muốn lia xa phiền não, trước hết phải dứt bỏ lòng kiêu mạn. Chính vì vậy mà Đức Chí Tôn dạy “*Tu hành giữ mực thường thời*” cũng ẩn chứa ý nghĩa tu hành phải giữ lòng không được cao ngạo, ngã mạn, bởi vì tự cao, ngã mạn là tự coi mình hơn người, tức đã vượt khỏi ranh giới của sự bình thường, sẽ tạo nên phiền não cho chính mình và làm mất thiện cảm với người, bất lợi cho mình.

3. TU HÀNH PHẢI GIỮ SỰ KHIÊM TỐN.

Tu hành giữ mực thường, có nghĩa là giữ mình ở thế bên dưới người, không đòi đứng trên trước người, mà trái lại phải luôn ở thế hạ mình.

Trong thế giới chúng ta sống hiện nay, sự khiêm tốn dường như đã trở thành một món hàng xa xỉ khan hiếm. Những cạnh tranh trong trường đời khiến người ta thường tìm cách nâng cao bản ngã của mình, phô trương những khả năng dù đôi khi không có thật, hầu gây ấn tượng đối với người khác. Sự khiêm tốn nhiều khi bị hiểu lầm như là yếu kém, nhút nhát và thiếu tự tin – nhưng thực ra, khiêm tốn chính là một sức mạnh nội tại phát xuất tự nhiên từ một người có trí tuệ “biết mình, biết người” – tự tin nơi chính mình nhưng vẫn luôn cầu tiến

và sẵn sàng học hỏi nơi người khác, ngay cả ở nơi những người thua kém hơn. Thói thường người ta hay tự hào với cái “tôi” của mình và dễ sinh lòng đố kỵ khi thấy người khác có vẻ nổi bật hơn. Tự làm cho mình chìm xuống là một cách “thêm bạn bớt thù”, không gọi lên sự ganh tỵ của người khác mà còn gây thiện cảm, nhờ đó trở thành một yếu tố đắc nhân tâm để đem lại thành công.

– Ngạn ngữ Việt Nam có câu: “Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”.

– Nhà văn Lâm Ngữ Đường nói như sau:

“Điều quan trọng là khiêm tốn chính nó đã tự nâng cao giá trị cá nhân của con người trong xã hội, lòng khiêm tốn còn tượng trưng cho những con người đứng đắn, luôn luôn biết sống theo thời và biết nhìn xa. Con người có lòng khiêm tốn bao giờ cũng là những con người thường hay thành công trong lĩnh vực giao tiếp với mọi người.

Trong đức tính khiêm tốn, người có tài luôn luôn tự cho mình còn kém và cần phải học thêm nữa, người nào mang trong lòng một đức tính khiêm tốn luôn tự coi những thành công của mình như một sự an ủi và coi thường địa vị của mình, từ tinh thần tự hạ mình như thế mà những người có đức tính này thường thành công hơn ngoài những ước vọng của mình.”

Trong đời sống, nếu con người không tranh cao thấp, hơn thua, được mất sẽ không không gây xung đột, sẽ không bị phiền não, thì tâm được bình an. Như vậy, Khiêm tốn là cái đức không thể thiếu trong thuật xử thế cũng như trong công việc, và nhất là đối với người tu, cần phải thể hiện đức Khiêm, tức hạ bớt cái ngã của mình, chuyển tâm vị kỷ thành tâm vị tha, mở rộng tầm nhìn khai phá những điều mới lạ của thế giới hiện hữu. Như vũ trụ vạn vật trong sự vận hành được quân bình nhờ tác động của Khiêm, con người sống hài hòa an vui cũng nhờ đức tính khiêm tốn, từ bi và bình đẳng trong sự giao tiếp đối xử với tha nhân.

– Socrates: “Tất cả những gì tôi biết được là tôi không biết gì hết”.

– Đức Khổng Tử ngày xưa cũng nói: “Biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết, như vậy là biết.”

– Đức Lão Tử nói: “Người biết thì không nói, người nói thì không biết” (Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri). Ngài cũng dạy về đức khiêm tốn trong Đạo Đức Kinh: Thánh nhân đặt mình ra sau mà thân lại được ở trước (chương 7); không dám đứng trên trước thiên hạ (chương 67); người khéo chỉ huy thì tự đặt mình ở dưới người, như vậy là có cái đức không tranh (chương 68); Đạo trời không tranh mà khéo thắng (chương 73); chỉ vì không tranh với ai nên không ai tranh với mình (chương 22, chương 66).

Trong Kinh Dịch, quẻ Địa Sơn Khiêm gồm hai quẻ đơn là là Khôn và Cấn, có tên gọi là quẻ Khiêm, theo luận bàn của Trình Di phần Đại Tượng truyện của Đức Khổng Tử: “Quẻ này nói trong đất có núi, chứ không phải núi ở trong đất, là có ý nói rằng: trong chỗ thấp kém đã chứa sẵn cái cao cả của nó rồi... cho nên người quân tử xem đó hãy thấy cao thì hạ xuống, thấy thấp thì nâng lên, thấy rõ cái nghĩa “nén chỗ cao, nhắc chỗ thấp, bớt chỗ thái quá, thêm vào chỗ bất cập. Đem ra thi thố vào công việc thì rút bớt chỗ nhiều, bù vào chỗ ít... cân nhắc sự nhiều ít mà làm cho mọi việc được đều nhau thì sẽ có thắng bằng.”

Bài học về đức Khiêm lớn nhất cho người tín hữu Cao Đài chính là sự giáng thế của Đức Thượng Đế trong Tam Kỳ Phổ Độ. Một Đấng toàn tri toàn năng thống lĩnh cả càn khôn vũ trụ, không chỉ hạ mình xuống nơi cõi trần đầy ô trược để dạy Đạo cho đàn con lạc lối mê đắm vật chất hữu hình, quên mất đường về nơi chốn hư linh, mà còn lập nguyện nếu chẳng độ được con, nguyện không trở về ngôi vị cũ.

Sự khiêm tốn sẽ giúp người tu tạo được cảm tình với mọi người trong khi đối nhân xử thế, là điều kiện để tiếp cận với tha nhân, thực hiện được sự độ tha trên tinh thần phụng sự, đồng

thời giúp cho chính mình thu nạp thêm kiến thức để làm giàu thêm hành trang trên đường tu tập như lời dạy của Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân:

“Đức tính khiêm tốn, tinh thần phục thiện là món báu quý giá vô cùng để giúp người tu thân hành đạo có được những cử chỉ khả ái, tác phong dễ thương, tư cách đức độ, việc làm nhân từ khả dĩ gây được bầu không khí hiền hòa với những người đối diện. Đó là tu vậy.

Tu là sửa đổi từ dữ ra hiền, từ hư được nên sửa đổi từ xấu thành tốt, từ phạm nhân ra Thánh nhân. Tu cũng là tu bỏ những chỗ hư hỏng thiếu sót để được hoàn mỹ chí thiện chí nhân vậy. Nếu không sửa đổi cải thiện khiêm tốn học hỏi điều lành, phục thiện để nhận những chỗ sai hầu chữa cải thì dầu tu trọn đời mãi kiếp thì phạm nhân vẫn là phạm nhân, luân hồi chuyển kiếp vẫn trong vòng chuyển kiếp luân hồi.”¹⁰

Để giữ sự khiêm tốn với tha nhân, luôn tự xét mình trước khi bắt lỗi, chỉ trích người khác. Can đảm nhận lỗi lầm, sửa sai chính mình, với người phải giữ trọn chữ Tín. Sống trong tập thể phải tự khép mình vào kỷ luật sinh hoạt chung, cố gắng sống Hòa với mọi người, khéo nhẫn nhịn, đừng vì hơn thua mà dẫn thân vào đường kiện cáo (vô phúc đáo tụng đình), không làm điều trái pháp luật để bị họa. Phải giữ lòng ngay thẳng, không dùng thủ đoạn với người để trục lợi. Phải biết che giấu bớt cái khôn ngoan hiểu biết của mình trước kẻ tiểu nhân đang thẳng thắn; nhưng cũng cần có lòng khoan dung độ lượng với kẻ khác, không nên phán xét người qua hành động bên ngoài. Phải có kiến thức, biết xã giao, nhún nhường để thu phục nhân tâm, phải biết cách dụng nhân như dụng mộc, và luôn quan tâm đến công lao của kẻ khác.

Người có hạnh khiêm tốn luôn thấy mình cần phải học hỏi nên làm lợi cho chính mình trên đường tu hành giải thoát. vì vậy mà Đức

Chí Tôn dạy “*Tu hành giữ mực thường thôi*” cũng chính trong ý nghĩa tu hành hãy coi chính mình là tầm thường để trau dồi hoàn thiện. Tự coi mình là tầm thường chính là sự khiêm tốn vậy.

4. TU HÀNH PHẢI GIỮ ĐẠO TRUNG

Con người là sản phẩm hoàn hảo nhất của Tạo Hóa được đặt vào vị trí cao trọng giữa Trời và Đất (thể hiện ngôi Trung) để nhận sứ mạng lớn lao là thay Trời tiếp tục lập đời nơi cõi thế gian như lời Thánh giáo: “*Người là một địa vị quan yếu vô cùng, giữa lưỡng gian. Người là chủ sự quân bình, lợi dụng được thiên thời địa lợi, làm cho vũ trụ vạn vật hanh thái, an lạc, mỹ miều. Đây cũng nên nhắc lại quyền tối thượng. Trời Đất đặt vào con người một địa vị thiêng liêng. Nếu như bản biết vun trồng, nguồn sống của con người biết khai thông, biết phát triển thì người giàu mạnh sáng sủa, khác chi Trời Đất, mặt nhật, mặt nguyệt.*”¹¹

Giáo chủ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Thượng Đế, Đấng Toàn Tri, Toàn năng đã hóa sanh muôn loài vạn vật, điều phối cả vũ trụ càn khôn. Ngài chính là biểu hiệu của ngôi Đại Trung. Trong vị thế Vô ngã, Ngài là năng lực vĩ đại tuyệt diệu tuyệt huyền bao trùm khắp cả Tam Thiên thế giới, Tứ đại bộ châu. Trong vai trò hữu ngã, Ngài hiện thân vừa là hình ảnh một Tiên ông hiền hòa nhân ái sẵn sàng nâng đỡ, cứu nguy con người, vừa là hình ảnh của một vị Cha già khoan dung nhân hậu sẵn sàng tha thứ lỗi lầm cho đàn con mê muội. Vừa là ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành, vừa là một đấng Thánh Hoàng quyền uy chấp chưởng, Ngài muốn cho nhân loại hiểu rằng tôn giáo Cao Đài do Ngài khai sáng trong cơ Phổ Độ Kỳ Ba là một sự tái lập phục hồi con đường Trung Đạo đã bị con người làm nghiêng ngả do bởi tham dục vô minh, Ngài thị hiện với loài người trong kỷ nguyên tận độ không bằng hình tướng của cõi thế gian

10. Đức Hiệp Thiên Đại Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-02 Tân Hợi 1971.

11. Đạo Học Chí Nam.

mà bằng biểu tượng Thiên Nhân, như một cái nhìn xuyên suốt từ hữu đến vô, không nơi nào là không thấy.

Vì con người đã đi quá xa nguồn cội, đến nỗi tôn giáo cũng đã quên mất nẻo về với Đạo, để mãi mê lẫn quẩn trong vòng hình danh sắc tướng. Sự ra đời của tôn giáo Cao Đài cốt chỉ cho con người phương cách lấy lại sự cân bằng giữa linh hồn và thể xác bằng con đường tu Tánh luyện Mạng, đồng thời phục hồi đạo Trung trong mọi sự, mọi vật hiện hữu chốn thế gian, để xoay chuyển thế đời khỏi cơ tận diệt. Vì vậy, Cao Đài chủ trương Tâm Vật bình hành, con người phải biết quý trọng thân xác vì nhờ nó mà con người mới có điều kiện tu hành tiến hóa tâm linh như lời của Đức Vạn Hạnh:

*“Linh hồn tạm mượn thể xác nơi cõi sắc giới này cũng ví như con ốc mượn hồn, đừng nên chấp cái vỏ ấy rồi làm trở ngại bước đường tiến hóa. (...) Tạm mượn chỗ giả để gây dựng cái cơ, đừng quan niệm rằng chỉ cực đoan theo cái chơn rồi phế tất cả cái giả. Nếu vậy là thả mỗi bắt bóng.”*¹²

Chính từ trên nền tảng Tâm Vật bình hành, Đức Thượng Đế Cao Đài đã xây đắp một nền tôn giáo hướng đến mục tiêu vừa phục vụ đời sống nhân sinh vừa phục vụ lĩnh vực tâm linh con người, dẫn nhân loại tìm đến chỗ đại đồng nơi cõi hữu vi, đồng thời mở ra con đường đưa tâm linh con người trở lại cảnh vô vi hằng thường bất biến, tức giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Nói khác đi, cứu cánh Thế Đạo Đại Đồng và Thiên Đạo Giải Thoát là kết quả chứng ngộ con đường Trung Đạo của con người

Thực hành Trung Đạo trong pháp môn Tam công, trong Công quả phải trên tinh thần vô công, vô kỹ, vô cầu, vô lợi, vô danh, tức động cơ phát xuất từ tấm lòng muốn làm ích lợi cho tha nhân, cho xã hội, chứ không gì lợi ích riêng tư của cá nhân thì mới có giá trị trả nợ tiền khiên, tạo nên âm chất, làm tròn sứ mạng

vi nhân, thanh toán mọi nghiệp quả đeo đẳng từ vô lượng kiếp, để không còn dan díu nơi cõi trần gian giả tạm.

Công trình là tu thân, hoàn thiện hóa bản thân, mà cốt lõi ở chỗ giữ lòng ngay thẳng, trung thực, không vì bất cứ một áp lực nào mà thay đổi, trên đường tu hành luôn giữ sự khiêm tốn, luôn lắng nghe để phục thiện, giữ tâm chuyên nhất, một lòng làm theo lời dạy của Ông Trên, không đứng núi này trông núi nọ với mong vọng tạo Phật tác Tiên, chúng quả tại tiền.

Cuối cùng, Trung Đạo trong Công phu là cố gắng trì hành đều đặn mỗi ngày 4 thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu là những thời điểm thể hiện tính Trung đạo; nơi ngồi tịnh phải thông khí vệ sinh; y phục lúc tu tịnh phải chỉnh tề để giữ lễ với Thiên Liêng (có Thân hộ mạng canh giữ); và không để hôn trầm hay phóng tán, tập trung phối hợp Thân- Khí đạt đến ngôi Hoàng Cực Đại Trung, đoạt cơ mẫu nhiệm, như lời Thánh giáo: *“Hoàng Cực nơi người là trung tâm mẫu nhiệm đồng thể cùng Trời Đất, đồng nhứt với Tâm chư Tổ chư Phật. Người nương đó mà chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi đại giác.”*

Thực hành đầy đủ pháp môn Tam Công là thực hành đạo Trung, cũng chính là giữ được mực thường trong việc Tu hành.

Để thực hành đạo Trung, con người phải tu thân sửa mình, khắc kỷ phục lễ, tập tành sống Đạo, lúc nào cũng giữ ở mức vừa phải trong mọi sinh hoạt đời sống để giữ gìn thân xác cho khỏe mạnh, ăn uống điều độ, không ăn quá no, không để quá đói, áp dụng phép dinh dưỡng theo khoa học, mùa nào thức nấy, nghỉ ngơi hợp lý. Không hủy hoại thân xác, phí phạm sức khỏe cho những ham muốn hưởng thụ thấp hèn. Làm kiếm tiền để tự nuôi sống bản thân, gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội nhưng phải biết tiết chế để có cuộc sống mực thước hợp thiên nhiên, không vì giàu sang mà bất chấp lễ phải, đạo lý.

- Làm việc gì cũng xét nét xem đúng Thời,

12. Thánh Giáo Sứ Tập, 08-4 Canh Tuất 1970.

cân phân hoàn cảnh riêng của mình, không đua đòi, không tài chọn việc nhỏ vừa sức mình. Trên đường danh lợi phải biết dừng chân đúng lúc, luôn luôn nghĩ đến lợi ích chung của nhân quần xã hội. Tiến hành mọi việc trong đời một cách tiệm tiến, từ dễ đến khó, như làm giàu tích tiểu thành đại, nếu không dễ bị sa vào con đường bất chính.

- Luôn mở rộng cõi lòng để vượt qua mọi thành kiến phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc để tiến đến chỗ đại đồng nhân loại. Nhưng cũng không quên cội nguồn dân tộc để dự phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy truyền thống ông cha, tức là làm sống lại tinh thần Nhân bản theo Giáo lý Đại Đạo.

Đạo Trung là Đạo của Trời Đất, là nguyên lý hóa sanh và bảo tồn vũ trụ, muôn loài, là nền tảng của tất cả các tôn giáo. Con người tu hành muốn đoạt cơ siêu thoát thì phải thực hành đạo Trung. Đạo Trung là nguồn cội của vũ trụ, hình thành nên ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành làm khởi điểm phóng phát toàn cả vũ trụ, cho nên nó trở thành là cái gì hằng thường mà người tu hành không thể nào không ứng dụng nếu muốn linh hồn đoạt cơ siêu thoát, vĩnh viễn rời xa nẻo luân hồi sinh tử.

Trong toàn bộ hệ thống giáo lý Đại Đạo, Trung Đạo được diễn tả bằng nhiều cách khác nhau, với những ngôn từ khác nhau, nhưng tựu trung vẫn có thể gom vào một câu: “*Tu hành giữ mực thường thôi*”.

KẾT LUẬN

Từ những ý nghĩa của câu nói: “*Tu hành giữ mực thường thôi*” được giải mã trên đây, có thể kết luận: tất cả những gì liên quan, phục vụ cho việc tu hành, hay nói ngược lại, những gì mà người tu hành phải làm để đạt đến đích điểm cuối cùng là giải thoát đều phải được giữ ở “mực thường”, mực thường đó chính là đạo Trung hằng thường, bất biến, được tóm gọn trong lời dạy sau đây của Đức Đại Từ Phụ:

*Trung là nguồn cội nhân sanh,
Không chênh, không đảo, chung quanh qui về.
Trung là cốt không xê, không xít;
Trung là không lúc ít hồi nhiều;
Trung bình bằng thẳng một chiều,
Vật chi không khỏi ngoài điều cái “trung”
Không thái quá, không dùng bất cập,
Giữ mực thường bồi đắp thiện căn;
Lương tri lại với lương năng.
Mở mang trí hóa đạo hằng luyện tu. ■*



THÁNH GIÁO

Đầu năm mới mà cũng là cơ hội để chư hiền mỗi người tự kiểm điểm làm bảng kết toán trong khoảng đời dĩ vãng của mình để xem bước đường đạo đức khai mở thánh tâm và các phần công quả công trình công phu tu tập của mình đã được tiến hay thối so với những năm về trước. Mỗi người bình tâm thành thật với lòng sẽ tìm ra đáp số. (...)

Về sự tu học, phần đông hay bị vướng phải cái chứng bệnh tự túc tự mãn, vì thế ngăn trở bước tiến không ít trên đường tu tập.

Mỗi hành giả, hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây phải luôn luôn xem mình còn thiếu, còn kém cõi về phương diện học Đạo tu thân để cố gắng tiến lên mãi mãi không ngừng. Rất đổi đến bậc Đại Giác Kim Tiên còn phải tự tu tự tiến, đừng nói chi chư hiền đang bị chi phối nơi cõi hạ giới trước trần này.

■ ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHON, VĨNH NGUYÊN TỰ, 16-01 BÌNH THÌN (15-02-1976).

TÍN • NGUYỄN • HẠNH

■ DIỆU NGUYỄN

Tín, Nguyễn, Hạnh nguyên thủy là một yếu điểm của giáo lý Phật Giáo Tịnh Độ Tông. Đức Phật Thích Ca trong thời gian hoằng pháp đã có lần thuyết kinh A Di Đà cho đại chúng. Theo lời Đức Thích Ca, ai phát tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà không xao lãng từ một ngày trở lên thì lúc lâm chung sẽ được Phật A Di Đà rước về nước Cực Lạc của Ngài. Cõi cực lạc của Phật A Di Đà nằm về phương Tây, cách cõi ta bà của chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Đó là một cõi thanh tịnh trang nghiêm; nhà đất, cây cối, tất cả đều là châu báu. Lại có tiếng chim ca ngâm những bài thuyết pháp. Về sau, pháp môn niệm Phật A Di Đà rất thịnh hành và đã hình thành nên Tịnh Độ Tông là tông phái của những người chuyên trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà với nguyện ước được vãng sanh về cõi cực lạc thế giới của Ngài.¹

Tuy nhiên, để được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà, người tu theo pháp môn Tịnh Độ phải có đủ ba

thứ tư lương² là Tín, Nguyễn, và Hạnh. Nếu không có đủ ba món này thì chắc chắn sẽ không thể nào đến được cõi cực lạc của Phật A Di Đà.

Vậy, Tín, Nguyễn, Hạnh là gì?

Theo giáo lý Tịnh Độ Tông: Tín là lòng tin gồm có sáu điều là tin ở mình, tin ở sự trợ giúp của tha lực, tin ơn, tin quả, tin sự, tin lý. Nguyễn là ý nguyện hành giả muốn đạt đến. Hạnh là thực hành chuyên cần, thâm sâu.

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ, qua phương tiện cơ bút, Đức Hà Tiên Cô đã giảng đàn dạy rằng Tín, Nguyễn, Hạnh là ba yếu tố căn bản không thể thiếu đối với người tu Thiên đạo Đại thừa (người cầu tu giải thoát luân hồi sanh tử, tự độ và độ tha).

Trong một khóa tu tịnh tại Bác Nhã Tịnh Đường (Long Hải), Đức Hà Tiên Cô dạy về Tín, Nguyễn, Hạnh như sau:

“Đợt tịnh này, Bản Nương cũng đồng ý ai nấy cần học lại bước đầu Dự Bị, đắp nên nền móng cho kiên cố vững bền. Nếu nền tảng không vững chắc thì lâu dài có xây cất cũng bị đổ

vỡ. Nên Bản Nương muốn cho mỗi người tu kỹ lập công, cởi mở lòng mình, đừng để hẹp hòi bó buộc.

Phải giữ sao cho trọn ba điều là TÍN, NGUYỄN, HẠNH.

TÍN

Phải có lòng tin vững chắc:

1. Tin sức mình có đủ, dầu khó khăn cũng vượt qua đến chỗ đến nơi.”

Xưa nay, tự tin vẫn được xem là một trong các bí quyết của mọi sự thành công trên đời. Vị tổng thống thứ hai mươi sáu của nước Mỹ là Theodore Roosevelt (1858–1919) nói: “Hãy tin rằng bạn có thể làm được và thế là bạn đã đi được nửa con đường.”³

Một tướng quân Nhật tên là Nobunaga quyết định tấn công phe địch. Mặc dù chỉ có một phần mười số người mà cuộc chiến đòi hỏi, Nobunaga tin rằng ông sẽ thắng, nhưng quân lính của ông thấy lực lượng của mình quá ít thì đâm ra lo ngại, thiếu tự tin.

Trên đường chuyển quân, Nobunaga dừng lại ở một ngôi đền Thần Đạo (là tôn giáo cổ truyền của người

1. Đoàn Trung Còn, Phật Học Từ Điển. Sài Gòn, 1963.

2. Tư lương: Những gì cần thiết cho một cuộc viễn hành, như lương thực, lộ phí...

3. Believe you can and you're halfway there.

Nhật) và bảo lính tráng: “Vào đến thờ, ta sẽ dùng đồng tiền xin keo gieo một quẻ. Nếu mặt phải ngửa lên, chúng ta sẽ thắng, nếu mặt trái ngửa lên, chúng ta sẽ bại. Số phận chúng ta nằm trong bàn tay định mệnh.”

Nobunaga vào đến thờ im lặng cầu nguyện. Rồi ông tung đồng tiền lên. Mặt phải ngửa lên. Lính ông hăng hái chiến đấu và họ thắng trận.

Sau trận chiến, một người hầu cận nói với Nobunaga: “Không ai thay đổi được định mệnh.”

Nobunaga đáp: “Thật sự không phải thế.”

Ông liền đưa đồng tiền ra. Hai mặt đồng tiền đều là mặt phải giống như nhau. Có lẽ tướng quân đã kín đáo cho đúc riêng một đồng tiền đặc biệt để làm liệu pháp tâm lý.⁴

Câu chuyện trên đây đã cho thấy giá trị của niềm tin đối với sự thành công của con người.

Trong việc tu hành cũng thế, người tu cũng cần phải tự tin rằng mình có khả năng tu thành Thần Thánh, Tiên Phật. Đức Lê Đại Tiên dạy:

Phật là đại giác siêu sanh

*Người là chư Phật sẽ thành tương lai.*⁵

Vợ chồng Mã Ngọc và Tôn Uyên Trinh cùng tu đắc đạo thành Tiên trong nhóm Toàn

4. Thiển sư Muju, Sa Thạch Tập: “Trong Bàn Tay Định Mệnh”.

5. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

Chân Thất Tử. Thoạt đầu, khi nghe vợ khuyên phải tìm minh sư học đạo thì ông Mã Ngọc trả lời: “Người tu đạo phải có căn tu, nếu không có căn tu thì không thành Tiên, cũng chẳng thành Phật. Cho nên tôi tự xét căn tu mình còn nông cạn, không dám nói hai chữ tu đạo.”

Bà Tôn Uyên Trinh nói: “Lời ông sai rồi. Làm người trên đời, ai cũng đều có căn. Nếu không căn sao được làm người? Nhưng căn cơ mỗi người khác nhau.”

Thật vậy, ngày nay, Đức Quan Thánh Đế Quân dạy:

Có căn mới được kiếp con người

*Phải biết mà tu chớ dễ người
Kẻo trở lại đời trong thoái hóa*

*Khó mong gặp đặng phúc ân Trời.*⁶

Bà Tôn Uyên Trinh còn nói thêm với ông Mã Ngọc rằng căn cơ không phải là cái bẩm sinh cố định mà có thể tăng bổ, chẳng khác nào ngọn núi, càng đắp càng lớn, càng đắp càng cao. Chẳng hạn như người phú quý so với người tầm thường thì căn cơ sâu dày hơn là do kiếp trước đã biết làm công quả giúp đời. Nếu kiếp này họ biết tiếp tục làm chuyện ích người lợi vật thì căn cơ còn sâu dày hơn nữa, muốn thành Tiên thành

6. Thánh thất Tân Định, 03-01 Ất Tỵ (04-02-1965).

Phật hay thành Thánh Hiền đều có thể được.⁷

Thật vậy, mỗi người đều có hạt giống căn lành trong tâm mình, đó là Phật tính hay Thượng Đế tính trong mỗi con người. Thế nên, ai cũng có thể tu thành Phật, chỉ khác nhau ở chỗ tu tiến nhanh hay chậm, dễ dàng hay khó khăn là do mỗi người có biết tự bồi đắp thêm căn lành cho mình hay không và có quyết tâm vượt qua khó khăn gian khổ để tu hành tinh tấn hay không mà thôi.

Thánh Augustine (354-430) nói: “Không có vị Thánh nào mà không có quá khứ, không có tội nhân nào không có tương lai.”⁸

Câu nói này đã được minh chứng qua tích Thập Bát La Hán trong truyện cổ Phật Giáo kể về mười tám tên ăn cướp bỏ vũ khí, ăn năn tu hành, đều đắc quả La Hán.

Do đó, điều căn bản đầu tiên đối với người tu là phải tin rằng mình có khả năng tu thành Phật, tin mình có thể vượt qua mọi khó khăn gian khổ để đắc thành đạo quả, chớ đừng tự ti mặc cảm cho rằng mình không có căn tu hay nhiều tội lỗi không thể tu thành chánh quả.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

7. Lê Anh Minh dịch và chú giải, Thất Chân Nhân Quả. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012.

8. There is no saint without a past, no sinner without a future.

*Luật Trời mầu nhiệm lắm
ai ơi*

*Một kiếp vi nhơn quý một đời
Linh tánh khôn ngoan hơn
vạn vật*

*Tu hành chắc thiết sẽ
thành Trời.⁹*

2. “Tin chung quanh còn được bao nhiêu trợ duyên gia hộ, Thần Thánh dắt dìu.”

Người tu thường được gia đình, đồng đạo trợ giúp và tiếp nhận được tình cảm quý trọng cùng sự giúp đỡ của mọi người trong xã hội. Đặc biệt, người chơn tu luôn được các Đấng Thiêng Liêng hộ trì trợ giúp đêm ngày.

Truyện Thất Chân Nhân Quả (hồi thứ 11) kể rằng sau khi tự hủy hoại nhan sắc và giả bộ khùng điên, bà Tôn Bất Nhị đi đến thành Lạc Dương và nương thân trong một lò gạch bỏ hoang để tu luyện. Ấy thế mà vẫn có những tên côn đồ rắp tâm hãm hại bà. Tuy nhiên, khi bọn chúng vừa đến gần lò gạch nơi bà trú thân để tu luyện thì liền bị chư Thiên hộ pháp hóa ra một trận cuồng phong, rồi sau đó là mưa đá đổ xuống đánh cho chúng một trận tơi bời, làm chúng phải bỏ chạy té lên té xuống, đầu u trán sứt, máu me đầm đìa. Kể từ hôm ấy không một kẻ xấu nào dám bén mảng đến lò gạch khuấy phá việc tu luyện của bà Tôn Bất Nhị nữa.

9. Thánh tịnh An Tiên, 02-02 Đỉnh Mùi (12-3-1967).

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nhờ cơ bút mà chúng ta biết được rằng các Đấng Thiêng Liêng luôn âm phù mặc trợ cho người tu, nhất là các bậc Thiên ân sứ mạng hành đạo độ đời.

Một vị Đạo trưởng thuở còn trẻ thường đi thuyết đạo buổi tối ở các tỉnh miền Nam sau giờ làm việc hành chánh và trở về Sài Gòn ngay trong đêm và chở thêm một vài bạn đạo. Do làm việc nhiều, mệt mỏi nên có một đêm ông đã ngủ gục và mọi người trên xe hoảng vía khi thấy xe từng chập cú lên đường xuống ruộng. Tuy nhiên, mọi người không hề hấn gì. Vài ngày sau, ông Địa giảng đàn cho biết chính Ngài đã lái xe giùm đêm ấy.

Năm 1964, một số vị tiền bối của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý (lúc bấy giờ còn là Ban Phổ Thông Giáo Lý Liên Quan Hành Đạo) được lệnh Ôn Trên đi hành đạo tại miền Trung. Sau chuyến Trung du hành đạo ấy, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo và Đức Đông Phương Chưởng Quản đã giảng đàn chủ tọa buổi kiểm thảo chuyến đi để chư Thần tường trình chi tiết chuyển hành trình. Qua đó, chúng ta mới biết được rằng trong suốt cuộc hành trình, đi đến đâu quý vị cũng được các vị Sơn Thần trấn nhậm từng địa phương theo sát hộ trì.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Đừng e chẳng huyền vi tế độ
Chỉ e mình thiếu chỗ đức tin
Đừng lo chẳng có Thần linh
Chỉ e mình thiếu hy sinh tu
hành.¹⁰*

3. “Tin có Trời là chủ nhơn ông cầm quyền Tạo Hóa.”

Nghĩa là tin có Đấng Tạo Hóa chí linh cầm cân công bình, có luật Thiên điều thưởng phạt phân minh để người tu phải cố gắng làm được như lời Đức Mẹ dạy:

*Sống sao người đặng nên
Người*

*Cỏ cây chẳng thẹn, Đạo Trời
thung dung.¹¹*

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy:

*“Chỉ cần chánh tâm hành
chánh đạo, xả thân giúp đời
theo lòng Tạo Hóa, hòa hiệp với
thiên nhiên. Sự gì sắp đến sẽ đến,
mọi việc sẽ an bài, dầu mình
không tự lo tư hữu, cũng có
Tạo Hóa an bài cho, được sanh
trong vòng trường dưỡng và bảo
tồn theo định luật vũ trụ.”¹²*

4. “Tin có luật báo ứng, gieo nhân gặt quả.”

*Nên cố làm, làm cầu thanh
phước¹³ tiêu giải oan trái tiền*

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-11 Canh Thân.

12. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Đỉnh Mùi (10-4-1967).

13. Thanh phước 清福: Cái phúc tạo ra không phải để mong hưởng lấy phần thưởng ở kiếp sau, mà là để giải trừ (tháo gỡ, trả sạch) những nợ nần, nghiệp quả của quá khứ và hiện tại.

khien.¹⁴ Biết mình từ vô thi¹⁵ đến nay tạo lấy tội lỗi hằng hà¹⁶, chắc thù kết oán cùng kẻ sống và người chết chưa sao giải được, nên thân này chống chất vô minh, oan oan trái trái theo hoài.

Nếu muốn giải thoát suôn sẻ đâu phải dễ dàng. Giết một con thú, làm một việc bất lương cũng đủ ngăn ngại cho ta lúc lên đường, họ xúm nhau mà cản trở. Phương chi mỗi người, dầu ít dầu nhiều, cũng kết buộc oan gia với nợ quý, với súc sanh, với tình ái ân trong gia đình, xã hội.

Nên phải nhờ tha lực Phật Trời âm phò mặc hộ, luôn luôn lân mẫn dắt dìu, ám trợ đường tu. Nhờ thấy sáng bạn lành nương nhau mà giải thoát. Nhờ tâm thường thiết tha cởi bỏ oán thù, phát tâm sám hối gọi sạch tiền khiên.¹⁷

Đức Chí Tôn dạy:

“Mỗi hành vi của các con dù tốt hay xấu cũng đem lại một kết quả. Sự nhân quả nó liên lạc chặt chẽ nhau, từ cõi vô hình đến cõi hữu hình hiện tại của đời các con. Nhân quả nó theo dõi các con từ kiếp

trước sang kiếp này rồi đến kiếp khác.”¹⁸

Thật vậy, luật Nhân quả rất đáng sợ. Sợi dây oan trái của nhân quả buộc ràng con người từ kiếp này sang kiếp khác. Thậm chí các bậc đã tu hành đắc quả vẫn còn bị luật Nhân quả tác động đến.

Có lần Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cùng với rất nhiều đệ tử đi đến một nước nọ. Dân nước này thấy Phật liền đóng cửa lại, không ai chịu bố thí, cũng không ai đến cung kính chào hỏi. Nhưng khi ngài Mục Kiền Liên đến thì cả quốc vương, đại thần và dân chúng đều hướng về Ngài cung kính đánh lễ, tranh nhau đến cúng dường. Các đệ tử Phật thấy thế bèn hỏi Phật: “Tại sao Phật đến nước này không ai chịu cúng dường cả, mà Ma Ha Mục Kiền Liên, đệ tử Phật, đi đến đây lại được mọi người tranh nhau cúng dường?” Phật đáp: “Đó là do nhơn duyên đời trước.” Rồi Phật kể:

Từ vô lượng kiếp về trước, tiền thân Mục Kiền Liên cùng tiền thân Đức Phật¹⁹ ở chung một chỗ. Tiền thân Mục Kiền Liên lên núi đốn củi, còn tiền thân Đức Phật xuống dưới núi sửa đường. Tiền thân Phật không thích bầy ong, thường lấy khói hun đốt chúng. Trái lại, tiền thân Mục Kiền Liên

rất thích chúng. Tuy bị chúng đốt đau nhức nhưng tiền thân Mục Kiền Liên không dùng lửa hun đốt, trái lại còn phát nguyện: “Về sau tôi đắc đạo, trước hết sẽ độ bầy ong có nhiều tánh tu-la này.”

Sau rất nhiều kiếp, bầy ong ấy biến thành dân chúng trong một nước; ong chúa là vua, các ong thợ là dân. Ngày xưa tiền thân Đức Phật dùng khói hun đốt chúng, nên bây giờ Phật đến nước ấy không có ai ra đón tiếp; quốc vương, đại thần, nhơn dân cũng không cúng dường Ngài. Trái lại, tiền thân Mục Kiền Liên đã có phát nguyện sau khi đắc Đạo sẽ độ bầy ong này, cho nên khi gặp lại nhau thì quốc vương và quan dân nước ấy tranh nhau đến cúng dường. Do đây chúng ta biết rằng nhơn quả rất hệ trọng.²⁰

Những sợi dây nhân quả chẳng chặt từ bao kiếp trước buộc trói con người vào vòng luân hồi sinh tử và là nguyên nhân trì kéo, cản trở bước đường tu tiến của hành giả. Do đó, nghiệp lực càng nặng, càng khó tu tiến.

Vì thế, người tu cần phải nỗ lực giải trừ nghiệp quả tiền khiên và cố gắng không gây tạo thêm nghiệp mới. Người đi vay tiền biết rõ mình mắc nợ bao nhiêu và ráng kiếm đúng bấy

14. Tiền khiên 前牽: Từ kiếp trước lôi kéo qua kiếp này.

15. Vô thi (thủy) 無始: Không có chỗ bắt đầu. Từ vô thi nghĩa là từ rất xa xưa trong tiền kiếp, không thể nói ra được.

16. Hằng hà: Nói tắt của Hằng hà sa số 恆河沙數 (nhiều như số cát ở sông Hằng bên Ấn Độ), nghĩa là vô số (innumerable).

17. Bác Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-4-1972).

18. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển I, 1961, tr.72.

19. Tiền thân Đức Phật lúc ấy chưa đắc đạo thành Phật.

20. Hòa thượng Tuyên Hóa lược giải Kinh Phật Thuyết A Di Đà (<http://www.tinhdod.net>).

nhieu tiền để trả lại. Nhưng con người đã gây tạo bao nhiêu nghiệp chướng trái oan từ vô lượng kiếp, làm sao con người biết được!?

Do đó, người cầu tu giải thoát cần phải làm cho thật nhiều công đức (nhiều đến mức tối đa) mới có thể hy vọng trả hết những món nợ tiền khiên mà mình đã vay, vì nào ai biết được mình đã vay bao nhiêu oan trái!?

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư khuyên nhủ:

Một kiếp ráng tu giải nghiệp trần

Từ bao kiếp trước đã gieo nhân

Trong ngoài vẹn giữ cho tinh tấn

*Nếu chẳng thành Tiên cũng Thánh Thần.*²¹

Đức Hà Tiên Cô đã chỉ cho người tu các phương cách để tháo gỡ những mối dây oan trái cột trói mình và giải trừ những nghiệp quả tiền khiên để đường tu được nhẹ nhàng:

1. Nên cố làm, làm cầu thanh phước tiêu giải oan trái tiền khiên.

Làm cầu thanh phước tức là làm nhiều công quả âm chất để giải trừ nghiệp quả.

Trong số bảy vị của nhóm Toàn Chân Thất Tử, chúng ta thấy ông Khưu Trường Xuân tu hành vất vả nhất vì nghiệp chướng nặng nề. Chẳng biết

trong tiền kiếp ông gây nên tội nghiệp gì mà khi đến xin học đạo với Vương Trùng Dương thì bị Vương tổ sư từ chối không chịu nhận ông làm đệ tử. Một trong các đệ tử là Mã Đơn Dương thương tình nài xin giùm thì Vương tổ sư bảo: “Chẳng phải ta không nhận hẳn, nhưng mà gốc khổ của hẳn rất nặng, sợ sau này hẳn không vượt qua được nạn ma, thì hẳn thối chí nản lòng. Chi bằng đừng nhận hẳn thì hơn.”

Quả thật, quá trình tu hành của Khưu Trường Xuân đã gặp phải bao nhiêu là ma chướng và phải chịu nghiệp đói. Tuy nhiên, ông quyết chí tu hành và tích cực làm công quả để giải trừ nghiệp chướng.

Một ngày nợ ông đi đến một nơi có con suối băng ngang đường lộ. Nước suối lớn mà không có cầu, tuy nhiên lòng suối cạn ghe xuống lại không qua được, chỉ có thể lội qua mà thôi. Khách đi đường nhiều người không dám lội qua.

Khưu Trường Xuân phát tâm dừng chân nơi đây để làm công quả. Ai không biết lội thì ông công qua. Người hào tâm rộng rãi thì cho ông vài đồng mua thức ăn qua ngày. Có nhiều người ông công qua nhưng chẳng lấy xu nào.

Đến mùa nước rút cạn thì ông đi xin ăn. Sáng xin bảy nhà, chiều xin tám nhà. Xin được rồi, nếu gặp ai đói lạnh, thì ông cho họ ăn, còn mình chịu đói. Nếu ngày nào mưa giăng tuyết

đổ, không đi xin ăn được, thì ngày đó không ăn. Trước sau vài năm ông bị đói hơn trăm lần. Đói lớn bảy mươi hai lần, đói nhỏ vô số kể.²²

Ông Khưu Trường Xuân khổ công tu hành như vậy được sáu năm, gặp biết bao gian khổ, kể sao cho hết. Ngày làm công quả, đêm trú miếu lạnh, lúc rảnh việc thì tĩnh tọa, công phu. Nhờ thế mà giải trừ lần lần nghiệp chướng tiền khiên và cuối cùng cũng đắc thành Đạo quả.

Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy người tu phương cách giải trừ bớt các nghiệp thân, khẩu, ý, nhãn, nhĩ – những nghiệp chướng con người thường hay mắc phải:

“Sự lễ bái cúng lạy quỳ mọp ngoài ý nghĩa trịnh trọng thì lễ với Phật Trời, lại còn có ý nghĩa câu thúc thân mình trong sự khó khăn để trừ bớt nghiệp thân.

Tịnh khẩu hoặc niệm Phật tụng kinh để trừ bớt nghiệp khẩu.

Nhắm mắt tham thiền hoặc ngó ngay vào tượng Phật hoặc ngọn nhang hay ngọn đèn lưu ly là để trừ lần nghiệp nhãn.

Tham thiền định ý khép chặt không tư tưởng suy nghĩ vẫn vơ phóng túng để trừ lần nghiệp ý.

Thiền định không chấp nhận mọi tiếng động vào tai để trừ lần nghiệp nhĩ.

Tóm lại, tất cả những điều

21. Minh Lý Thánh Hội, 12-8 Canh Tuất (12-9-1970).

22. Lê Anh Minh dịch và chú giải, Thất Chân Nhân Quả. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012, tr. 204.

ấy là những phương pháp trợ cho người tu hành được yên ổn trả dứt nghiệp cũ, không gây nghiệp mới và tạo thêm âm chất để làm vốn liếng sản nghiệp vô hình cho kiếp lai sanh hoặc cho ở bên kia thế giới.”²³

2. Nhờ tha lực Phật Trời âm phò mặc hộ, lân mẫn dắt dìu, ám trợ đường tu.

Nghĩa là hành giả cần phải thường xuyên cầu nguyện. Việc cầu nguyện hay niệm danh các Đấng thiêng liêng chẳng khác nào làm một cuộc gọi điện thoại. Phải nhắc máy, quay số thì đầu dây bên kia mới có người trả lời. Thật vậy, có cảm mới có ứng. Người tu phải thường xuyên thông công cùng các Đấng mới nhận được sự ban ơn hộ trì của Thiêng Liêng hầu có thể vượt qua những chướng ngại cản trở trên đường tu do nghiệp chướng kéo trì.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Nên nhớ rằng, mỗi một người tu hành trong lúc này đều có một bậc Chơn Linh hoặc Thiêng Liêng âm phò mặc trợ. Mỗi ngày nên tưởng niệm để nhắc nhở tâm thức, liên lạc thông công với phần Thiêng Liêng hộ trì. Nếu để trống không, Bản Sĩ e khó tránh khỏi những tà quái ngạ quỷ giựt giành. Hãy nhớ câu truyền khẩu từ xưa rằng:

23. Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969).

*Buổi Hạ ngươn mặt kiếp, hễ con Phật, Phật rước; con ma, ma dẫn.”*²⁴

3. Nhờ thấy sáng bạn lành nương nhau mà giải thoát.

Một trong những điều may mắn nhất của người tu là gặp được thầy sáng bạn lành, tức là gặp được minh sư dẫn dắt mình đi đúng chánh pháp và có những người đồng tu đức hạnh trợ giúp.

4. Nhờ tâm thường thiết tha cõi bỏ oán thù, phát tâm sám hối gọi sạch tiền khiên.

Một trong những phương pháp giúp cho người tu được nhẹ nhàng thăng tiến trên đường tu chính là thường xuyên quán xét tâm mình và thành tâm sám hối những lỗi lầm mà mình đã gây tạo.

Đức Tể Thiên Đại Thánh dạy:

Sám hối được thì nghiệp chướng có thể giải được một phần ba, còn không thì nặng nề, tu không tiến, học không thông, hành đạo bị trở ngại. Buộc phải sám hối vì ai mà khỏi lỗi...

Chính vì thế mà trong đạo Cao Đài, nhiều thánh thất thánh tịnh đều tổ chức tụng kinh Sám Hối hai ngày mỗi tháng vào buổi tối trước hai ngày sóc vọng.

NGUYỆN

Lòng tin mãnh liệt mà phát ra nguyện lực rộng lớn như

24. Thánh Bộ Từ Bi Thông Thiên Học, 01-4 Đinh Mùi (09-5-1967).

Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Đức Phật Di Đà:

Pháp môn vô lượng thế nguyện học,

Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành,

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,

Phiên nào vô tận thế nguyện đoan.

Được vậy thì cảm động trời đất, cảm động chư Thiên, Bồ Tát. Họ sẽ giúp ta mọi mặt để tác thành quyền pháp. Minh sư sẽ gặp, chỉ một lời là đắc đạo thành Tiên.

Sau khi đã có lòng tin thì điều tiếp theo là người tu cần phải lập nguyện để tinh tấn tu hành.

Trong Tứ Đại Điều Quy Giảng Nghĩa, tiền bối Nguyễn Minh Thiện (1897-1972)²⁵ viết về sự cần thiết phải lập nguyện như sau:

“Thử xem các vị Phật Tiên thuở trước có ai không nhờ thế nguyện mà đặng thành chăng? Cho nên người tu trước phải thế nguyện làm tin, rồi sau mới vững lòng mà hành đạo.

Trong kinh có câu: Vô nguyện bất thành Phật dữ Tiên, Phật Tiên vô nguyện bất điều hiển, nghĩa là người không lập nguyện chẳng thành Phật Tiên, còn Phật Tiên cũng chẳng độ người không lập nguyện. Lời này đủ

25. Đặc quả vị Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyễn Quân Bồ Tát.

chúng tỏ sự thệ nguyện là quý trọng đường nào.”

Thật vậy, các Đấng Phật Tiên xưa nay đều lập đại nguyện.

Một trong bốn mươi tám lời đại nguyện của Đức Phật A Di Đà như sau:

Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì tôi không ở ngôi chánh giác.

Hai trong số mười hai lời đại nguyện của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát như sau:

– Nguyện rằng chúng sanh ở cõi ta bà hay cõi u minh mà có lời cầu nguyện thì sẽ đến nơi để tận độ.

– Nguyện ngày đêm tuần du khắp chốn, đến cả cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh để độ rồi chúng sanh khỏi vòng tổn hại.

Sang Tam Kỳ Phổ Độ, khi Đức Chí Tôn rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần lập đạo Cao Đài, Thầy cũng lập đại nguyện:

“Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”²⁶

Muôn kiếp các con chịu lạc đường

Thấy vậy Thầy lưỡng động lòng thương

Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật

Lập Đạo không thành chịu tội ương.²⁷

Lời đại nguyện của các Đấng

thật là cao cả, vĩ đại. Riêng đối với người tu chúng ta, trong cuộc sống tu hành thường nhật, chúng ta quán xét xem mình còn phạm những khuyết điểm sai lầm gì thì nên lập nguyện khắc phục những lỗi lầm ấy để giúp cho bản thân tu hành tinh tấn, bởi lẽ nếu không lập nguyện thì sẽ không có cố gắng và quyết tâm.

Chẳng hạn như ông Khuu Trường Xuân lúc bắt đầu tu hành, đã lập vài lời thệ nguyện, làm thành bài thơ viết trên tấm gỗ rồi xỏ dây đeo vào cổ để tự nhắc nhở mình hàng ngày như sau:

Niệm quấy muốn trừ, mãi chữa thành

Nay trên tấm gỗ viết rành rành

Vọng ngôn quấy ngữ đều trừ hết

Vọng tưởng quấy tham quét sạch sanh

Nhận quấy bực tiền: tay dứt đoạn

Miệng ham ăn uống: loét không lành

Bên mình mọi việc luôn xem xét

Sáu dục bảy tình khởi phát sanh.²⁸

Nếu không lập nguyện thì hành giả dễ mắc phải chứng bệnh giải đãi, biếng lười nên tu hành bê trễ, không tinh tấn siêng năng. Đức Phật Thích

Ca ngày xưa khi ngồi tĩnh tọa dưới cội cây bồ đề đã nguyện rằng nếu không đắc thành chánh quả thì nhứt định không đứng dậy.

Và như lời Đức Hà Tiên Cô dạy, người tu có lập nguyện và khổ công tu hành để thực hiện cho tròn lời nguyện thì sẽ làm cảm động trời đất, cảm động chư Thiên, Bồ Tát, sẽ được các Ngài giúp đỡ mọi mặt để tác thành quyền pháp.

HẠNH

“Nếu niềm tin kiên cố, nguyện lực sâu dày, mà còn giới hạnh đủ đầy, tạo cho hành giả một quyền năng, đủ oai nghi hạnh đức, quý phục thân khâm.”²⁹

Giới quy³⁰ để làm ranh hạn

29. Quý phục thân khâm 鬼服神欽: Quý thân khâm phục (kính trọng và theo giúp).

30. Giới quy 戒規: Giới luật và quy tắc răn cấm.



KHUU TRƯỜNG XUÂN.

Minh họa: Bửu Long.

26. Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2011, tr. 32.

27. Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2011, tr. 34.

28. Lê Anh Minh dịch và chú giải, Thất Chân Nhân Quả. Hà Nội: NXB Tôn Giáo, 2012, tr. 189–190.

chế tâm tà. Giới quy để tô tạo cho con người trở nên thánh khiết. Giới có giữ trọn thì định mới sanh. Nhờ giới kềm chế vọng tâm, tiêu trừ chướng nghiệp³¹, tạo nên công đức thù thắng³², đặng quả chơn định³³ mà trí huệ sinh ra. Trí huệ có rồi thì trời đất với ta là một.

Đây là Phật. Đây là tự do, huyền năng ghê gớm, hàng phục³⁴ chúng ma.³⁵ Vạn hạnh đủ khiến cho chúng sanh tỉnh ngộ hồi đầu, an ủi nỗi khổ đau cho muôn loài vạn vật.

Ấy là TÍN, NGUYỄN, HẠNH.”

Kinh sách xưa nay vẫn thường dạy rằng: “Đức trọng quý thần khâm” nghĩa là người có đức hạnh tròn đầy sẽ phát lộ ra một dáng vẻ oai nghi khiến cho ma quỷ phải kiêng sợ không dám quấy phá và Thần Thánh khâm phục hàng che chở hộ trì. Người tu muốn có đức hạnh tròn đầy tỏa sáng thì cần phải trì giới cho tinh nghiêm vì giới quy là hàng rào ngăn chặn tâm tà tánh tục, là khuôn khổ nắn đúc con người trở nên thánh khiết.

Ngày xưa, khi Đức Phật

Thích Ca sắp nhập Niết Bàn, môn đệ tỏ lòng thương tiếc và lo sợ khi không còn được sự dìu dắt của Đức Phật thì Ngài trời lại rằng: Sau khi ta nhập diệt rồi, các người noi theo giới luật mà gìn giữ để tu hành. Giới luật là Ta tại thế đó.

Ngày nay, Đức Chí Tôn dạy: “Giới luật là con đường của Thầy dựng nên để cho các con đi về cùng Thầy. Giới luật là một nấc thang để các con bước lên Thiên Đàng. Các con có chịu bước thì mới đến, không bước lên mà trụt xuống thì làm sao đến được. Giới luật là một phép lạ để các con xua đuổi tất cả loài ma lữ quỷ ra khỏi người các con để các con đắc thành Phật quả. Con giữ được phép lạ ấy thì loài ma quỷ kia sẽ tránh xa, con không giữ được phép lạ ấy thì ma quỷ sẽ đến gần các con, rồi các con sẽ là ma quỷ.”³⁶

“Xưa nay tất cả mọi người được đắc thành quả vị Phật Tiên cũng nhờ ở nương theo giới luật, không có một người nào ngoài giới luật mà đắc thành quả vị bao giờ.”³⁷

Nếu không giữ được giới luật thì hành giả không mong gì đắc thành đạo quả. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“Hễ tâm giới không giữ trọn thì ma quỷ sẽ thừa cơ hội mà lôi

kéo vào nơi sa đọa của chúng nó, nơi sa đọa ấy là gì?

Kẻ nào ưa danh thì nó cho danh, kẻ nào ưa lợi thì nó cho lợi, kẻ nào ưa sắc thì nó cho sắc. Khi các hiền đã sa vào danh lợi sắc tài rồi thì lòng mình chỉ còn biết vui sướng đắm đuối theo những vật ấy, có còn nghĩ chi đến việc tu hành để thành Tiên tác Phật nữa đâu. Các hiền cũng tu đấy, nhưng chỉ mặc cái áo tu bề ngoài, còn trong tâm thức thì chỉ toàn là danh lợi sắc tài mà thôi. Tu như thế thì làm sao mong ngày đắc quả Bồ Đề, chứng ngôi Chánh Giác, hồi chư hiền?”³⁸

Một khi giới đã giữ trọn thì tâm sẽ không còn điên đảo vì những vọng niệm ý tà mà sẽ đạt được trạng thái an định. Nội tâm có an định thì trí huệ mới phát sinh. Đức Hà Tiên Cô dạy:

“Trí huệ có rồi thì Trời Đất với ta là một. Đây là Phật, đây là tự do, huyền năng ghê gớm, hàng phục chúng ma.”

Điều mà Đức Hà Tiên Cô nói đây là đỉnh cao của trí huệ. Chúng ta hiểu rằng, tùy theo mức độ tinh tấn trong việc giữ giới và an định nội tâm mà người tu có thể đạt được trí huệ sáng suốt theo từng mức ấy. Trước hết là có thể phân biệt chánh tà để khỏi phải lạc lằm vào bàng môn tả đạo, tiếp theo là có thể hiểu được đúng thánh ý

31. Chướng nghiệp 障業: Nghiệp quả xấu cản trở người tu.

32. Thù thắng 殊勝: Vượt trội hơn hết. Công đức thù thắng: Công đức lớn hơn hết thảy.

33. Quả chơn định: Kết quả được trạng thái định tĩnh vững chắc nhất.

34. Hàng phục 降伏: Thâu phục, bắt phải vâng theo, phục tùng.

35. Chúng ma 眾魔: Gọi chung ma quỷ, những tà quái cản trở, phá hoại người tu.

36. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 08-11 Ất Tỵ (30-11-1965).

37. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 16-11 Ất Tỵ (08-12-1965).

38. Thánh Truyền Trung Hưng, Tịnh Đường, 08-11 Ất Tỵ (30-11-1965).

Thiên Liêng chỉ dạy để thực hành cho đạt kết quả. Người tu được bao nhiêu đó cũng là điều rất đáng quý rồi.

“Vạn hạnh đủ khiến cho chúng sanh tỉnh ngộ hồi đầu, an ủi nỗi khổ đau cho muôn loài vạn vật.”

Người có giới hạnh đủ đầy thì không cần nói như sanh cũng cảm mến theo về.

Tôn giả Xá Lợi Phất là vị đại đệ tử trí tuệ bậc nhất của Đức Phật Thích Ca. Từ lúc còn là một chàng thanh niên hai mươi tuổi, Xá Lợi Phất đã nổi tiếng thông minh xuất chúng. Ông đi khắp nơi tìm thầy học đạo nhưng không tìm được một vị nào khiến cho ông cảm phục. Ấy thế mà tôn giả đã trở thành đệ tử của Đức Phật sau khi gặp tỳ kheo A Thuyết Thị, một trong năm vị tỳ kheo đầu tiên xuất gia làm đệ tử của Đức Phật.

Tỳ kheo A Thuyết Thị có một khuôn mặt ngời sáng và một dáng vẻ trang nghiêm, thanh thoát lạ thường. Mỗi cử chỉ đi, đứng của vị tỳ kheo ấy đều tỏ rõ oai nghi đức hạnh của bậc chơn tu. Thoạt nhìn thấy, Xá Lợi Phất bỗng cảm thấy tâm hồn rung động không thể tả được! Xá Lợi Phất liền đến hỏi xem thầy của A Thuyết Thị là ai. A Thuyết Thị trả lời bằng bốn câu kệ gọi là “Duyên Khởi Kệ”. Nghe xong, ngài Xá Lợi Phất liền trực nhận ngay về lý “Có sinh thì có diệt”, về thuật lại cho bạn là Mục Kiền Liên

nghe rồi hai người cùng xin Phật cho gia nhập tăng già, trở thành đệ tử của Đức Phật.

Hạnh đức của Ngài Minh Thiện lúc còn tại tiền cũng đã được Đức Hưng Đạo Đại Thánh khen ngợi như sau:

*“Hồi Minh Thiện còn tại tiền, vì đức lớn tài cao, ngồi một chỗ mà thấy được khắp nơi, nói ít thiên hạ nghe nhiều, không la rầy mà ai cũng sợ, chẳng nịnh nọt mà người quyền quý mến yêu, không ban ơn thí vật mà người người như được cây nhờ nhiều lắm. Vì đức độ, vì uy nghi, vì quên thân cầu Đạo mà quần chúng quy tụ một cách nồng nàn. Mỗi lúc mỗi thấy sum suê thêm nhiều cái hay cái đẹp.”*³⁹

Qua đó, chúng ta thấy rằng người tu đức hạnh trang nghiêm có thể độ được người theo đạo một cách dễ dàng.

▪
Tóm lại, theo lời dạy của Đức Hà Tiên Cô, người cầu tu giải thoát cần phải giữ trọn ba điều: Tín, Nguyện, Hạnh.

TÍN là có lòng tin vững chắc:

– Tin mình có đủ sức vượt qua mọi khó khăn để đắc thành đạo quả.

– Tin được sự trợ duyên gia hộ của Thiên Liêng và mọi người xung quanh.

– Tin có Đấng Tạo Hóa cầm cân công bình và an bài tất cả.

– Tin có luật báo ứng gieo nhân gặt quả để cố công tu

39. Minh Lý Thánh Hội, 02-01-1973.

hành giải trừ oan trái tiền khiên và không gây nghiệp mới.

NGUYỆN là lập nguyện kiên cố để tinh tấn tu hành với một tâm chuyên nhất bất thối chuyển.

HẠNH là giới hạnh đủ đầy tạo cho hành giả một quyền năng, đủ oai nghi hạnh đức, quý phục thần khâm để cảm hóa người chưa giác ngộ vào đường đạo đức và tự thân hành giả được phát sinh trí huệ.

Đặc biệt, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người môn đệ Cao Đài còn có thêm một niềm tin nữa, đó là tin vào luật đại ân xá của Đức Chí Tôn. Những ai quyết chí tu hành chơn chánh thì có thể được giải thoát ngay trong một kiếp như lời Đức Mẹ dạy:

Kỳ ân xá vô ngần duyên phước

Một kiếp tu mà được đắc thành

Thoát vòng hệ lụy tử sanh

*Nghiệp xưa trả dứt, quả lành kết tinh.*⁴⁰

Xin nguyện cầu Đức Hà Tiên Cô cùng các Đấng Thiên Liêng ban ơn hộ trì cho tất cả huynh tỷ, đệ muội chúng con luôn giữ trọn được ba điều Tín, Nguyện, Hạnh mà Thiên Liêng đã chỉ dạy ngõ hầu có thể thẳng tiến trên đường cầu tu giải thoát, tự độ và độ tha.⁴¹■

40. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùi.

41. Bài nói chuyện tại Hội Trường Thuyết Minh Giáo Lý Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, ngày 15-11 Quý Tỵ (Thứ Ba, 17-12-2013).

BƯỚC ĐƯỜNG TU THÂN LẬP QUẢ

■ THUYẾT TUYÊN

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, lúc sinh tiền là người đã xây dựng nên ngôi chùa Vĩnh Nguyên Tự tại xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An với lời tiên tri: “*Nơi đây Thập Nhị Khai Thiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng khai chánh pháp chơn truyền sau này.*” Khi Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con của Ngài là Ngài Lê Văn Lịch theo lời cha dạy đã quy hiệp Cao Đài và cũng từ đó Vĩnh Nguyên Tự trở thành một trong những cơ sở đầu tiên và là một trong bốn di tích lịch sử của đạo Cao Đài.

Không những vậy, Đức Như Ý còn cùng với chư Phật Tiên Thánh Thần theo Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế làm trần hình thành cơ tận độ Kỳ Ba. Ngài đã nhiều lần giảng cơ dạy Đạo.

THI

*Cõi đời lắm nẻo lắm chông gai,
Tứ khổ ràng thân ai hỏi ai!
Sanh phải vượt qua bao trọng trước,
Bệnh càng giam hãm tợ tù đầy.
Lão lai tài tận khôn dò bước,
Tử hậu vô tri khó giải bày.
Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát,
Vô thường đến cửa hẹn sao đây?*

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn cho biết cõi đời này có nhiều chướng ngại, giống như ngục tù giam hãm con người trong bốn bức tường khổ nạn gồm: sinh, bệnh, già và chết. “*Sanh phải vượt qua bao trọng trước*”, con người sinh ra từ nơi trọng trước, phải chịu nằm co ro chật chội trong thai bào trước khi chào đời. Đó là sinh ra phải chịu khổ. Rồi bệnh cũng khổ, vì sao? Trong suốt thời gian từ lúc sinh ra cho đến lúc mất, con người luôn phải chịu đau khổ

bởi đủ thứ bệnh tật, nhẹ thì nhức đầu sổ mũi đau bụng, nặng thì phải điều trị tại bệnh viện. Người ít nghiệp thì ít bệnh, kẻ nghiệp nhiều thì bệnh tật suốt cả cuộc đời, không có tiền thuốc men điều trị, sống lây lất đau đớn từng giờ từng ngày, muốn sống cũng không xong, muốn chết cũng không được. Đau khổ do bệnh tật triển miên như vậy, con người chẳng khác gì đang bị giam trong ngục tù. Cho nên, Đức Như Ý mới nói: “*Bệnh càng giam hãm tợ tù đầy*”. Đó là bệnh khổ. Rồi già cũng khổ, vì sao? Đến tuổi già mắt mờ tai điếc, sức khỏe giảm sút, nay ốm mai đau, sống nhờ vào con cái, đâu có sung sướng gì đâu. Con cái nếu có của ăn của để biết hiếu thảo thì phụng dưỡng cho cha mẹ đầy đủ, còn những đứa con suốt ngày bận bã mưu sinh, cái ăn cái mặc còn chưa xong thì lấy đâu chăm sóc cho cha mẹ. Người già cũng như một bộ máy già nua, như đèn dầu leo lét, đi đứng khó khăn, nay bệnh này mai bệnh nọ, luôn có mặc cảm là gánh nặng cho con cái, cho xã hội. Cho nên, người đời mới nói: “*Đa thọ thì đa nhục*”. Sống tuổi già mà được sung túc, con cái hiếu thảo thì cũng đáng sống trong thú điền viên nhưng có mấy ai hưởng được phúc đó, đa phần sống trong đau khổ. Đức Như Ý chỉ nói vắn tắt: “*Lão lai tài tận khôn dò bước*”, có nghĩa là tuổi già đến con người làm sao tránh được cảnh túng thiếu. Như vậy, già cũng thiệt là khổ. Nhưng tại sao chết cũng chưa hết khổ? Nếu kiếp sống mà con người không biết đạo lý, không sợ luật nhân quả, tạo nhiều ác nghiệp hơn thiện nghiệp thì kiếp lai sanh phải chịu báo ứng; cho nên, dù chết cũng chưa hết khổ. Đó chính là ý nghĩa của câu “*Tử hậu vô tri khó giải bày*”, tức là không biết được sau khi

chết rồi mình sẽ như thế nào, sẽ đi đâu, về đâu. Cho nên, con người muốn thoát ra khỏi bốn bức tường Tú khổ này chỉ bằng cách tu giải thoát để sống hằng thường. Nếu không thì con người vẫn phải chịu luân hồi sanh tử. Chỉ có vô sanh mới không chịu luật vô thường chi phối trong vòng Tú khổ mà thôi. Đó chính là ý nghĩa hai câu kết của bài thơ: “Nếu chẳng biết tìm cơ giải thoát/ Vô thường đến cửa hèn sao đây?”

1. BƯỚC ĐƯỜNG TU THÂN LẬP QUẢ RẤT KHÓ KHĂN VÀ GIAN KHỔ

Tiếp theo sau bài thơ thất ngôn bát cú, Đức Như Ý dạy tiếp:

“Giờ này, Lão giảng đàn để đàm luận đạo sự cùng chư hiền đệ hiền muội và cũng để dạy Vĩnh Nguyên Tự. Lão mời toàn thể chư hiền đệ hiền muội đàn trung an tọa.

Hỡi chư hiền đệ hiền muội! Việc thành đạo trong giới tu hành cũng như việc thành công trên trường đời, cũng tương tự như nhau.

Thử kiểm điểm lại những vị chơn tu đắc Đạo, có phải dễ dàng như món đồ vật từ trong túi lấy ra đâu? Những vị ấy đã trải qua bao phen khắc kỷ để làm chủ bản tâm chơn tánh, điều khiển mọi hoàn cảnh sự vật chung quanh, kiên tâm, can đảm, khắc phục mọi nỗi khó khăn, từ y phục, ẩm thực, cư trụ, danh vị, sự nghiệp, tình cảm chặt hẹp đến mọi nỗi lạc thú ở đời. Tuy thấy bên ngoài những vị đó nét mặt trầm ngâm, thân hình đơn giản, một mảnh bô vải che đậy, xem qua thiệt là giản dị, sự thật ra nào ai biết được bên trong nội tâm những vị đó hoạt động rất nhiều, tranh đấu rất gay go với mọi tư tưởng bên ngoài đưa đến, mọi sự khảo thí chung quanh rào đón. Khó có một điều là tâm vẫn trơ trơ như đá như trổng, sự vật là sự vật, nội tâm là nội tâm, không vì sự vật mà làm cho lay chuyển nội tâm, đó là một điều bí yếu thành công trong thời kỳ tạo Tiên tác Phật.

Còn như ở trường đời khi được thành công một phương diện nào đó cũng không phải là dễ. Thí dụ như một thí sinh vừa dự một buổi tiệc ăn

mừng thi đỗ một bằng cấp cao học, cảm tưởng những thực khách đối với thí sinh đó cho là dễ dàng khỏe khoắn vui vẻ, nhưng nào mấy ai để ý đến phần nội tâm và sự lo âu phập phồng của thí sinh đó vẫn còn lảng vảng đến giờ dự tiệc.

Một vài thí dụ đó, để chư đệ muội suy gẫm trên bước đường tu thân lập quả của mình. Không phải việc khó như vậy không thể có ai làm được. Ngày nay, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã có nhiều phương tiện cho người tín hữu tu hành để đắc quả, nhiều lối quanh đường tắt, nhiều kinh điển Thánh giáo Thánh ngôn, ít ai chịu khó tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc và những khía cạnh siêu thoát của nó, mà chỉ vừa tìm hiểu những gì thích hợp với thành kiến sẵn có, thỏa mãn những dục vọng tầm thường, rồi tự cho là đủ. Bởi vậy cho nên, đã hơn bốn mươi năm trời giáo đạo, mà chưa được mấy người tìm hiểu và làm đúng sự mẫu nhiệm của lý Đạo. Do đó mới có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược trong huynh đệ đồng đạo. Chớ đến ngày nay, trước cảnh tang thương bi đát của đời, Thượng Đế không thể kéo dài thời gian, để dãi nuông chiều với những đứa con còn lười biếng, chậm chạp, tự ái, ích kỷ, nên đã truyền lệnh các bậc Chơn Tiên đem pháp môn thiết thực đến để dạy những ai chịu khó gia công học hỏi và hành để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời. Còn ai chẳng được làm theo thì cũng tùy theo duyên phước mà thọ hưởng ít nhiều, hoặc bị rơi ra ngoài vòng tiến hóa của vũ trụ trong buổi Hạ nguơn mạt kiếp điều tàn, để lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức.”

Đoạn Thánh giáo này có hai ý đạo: Ý thứ nhứt là bước đường tu thân lập quả của người tu rất khó khăn và gian khổ. Khi nhìn thấy kết quả của các bậc chơn tu đã đạt thành đạo quả, chúng ta dễ lầm tưởng đây là một việc dễ dàng như lấy một món đồ trong túi áo. Nếu chúng ta xét đến cả một quá trình khắc kỷ tu thân, vượt qua biết bao trở ngại nội tâm và ngoại cảnh của bậc chơn tu đức hạnh đó, thì quả là một sự cố gắng phi thường, phải kiên trì tự thẳng chính bản thân mình từng giây, từng phút, từng giờ,

từng ngày liên tục suốt cuộc đời cho đến khi thành tựu công viên quả mãn. Hành giả cần phải thanh tịnh ba nghiệp là thân, khẩu và ý. Nghiệp của ý hay nội tâm gồm có ham muốn, giận dữ và si mê. Những vị chơn tu ấy luôn chế ngự và triệt tiêu lòng ham muốn hay dục vọng để sống an bản lạc đạo, hạn chế tối đa các nhu cầu thiết yếu của bản thân là ăn, mặc và ở; cũng như dứt bỏ lòng tham về danh, lợi, tình và tiền.

Đó chính là việc khắc kỷ bản thân mà Đức Như Ý đã căn dặn nhằm *“khắc phục mọi nỗi khó khăn, từ ý phục, ẩm thực, cư trụ, danh vị, sự nghiệp, tình cảm chật hẹp đến mọi nỗi lạc thú ở đời”*. Khi dục vọng của mình không được đáp ứng, tất nhiên con người sẽ khởi tâm giận dữ và tiếp theo đó là si mê. Khi đã si mê tất sẽ không phân biệt được đâu là chánh, đâu là tà. Cho nên, si mê là nguyên nhân của nghiệp chướng thể hiện qua tư tưởng, lời nói và hành động. Mặt khác, khi lục căn giao tiếp với lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp tất sẽ phát sinh lục dục là sáu điều ham muốn, đưa con người vào vòng luân hồi lục đạo. Vì thế, hành giả phải luôn phản tỉnh nội cầu trong từng giây phút để nội tâm không bị ngoại cảnh chi phối. Vì thế, Đức Như Ý đã căn dặn hành giả cố gắng ghi nhớ thực hành: *“Khó có một điều là tâm vẫn trở trở như đá như trống, sự vật là sự vật, nội tâm là nội tâm, không vì sự vật mà làm cho lay chuyển nội tâm, đó là một điều bí yếu thành công trong thời kỳ tạo Tiên tác Phật.”*

Như đã trình bày, phương tu của hành giả cốt sao đạt được sự thanh tịnh của tam nghiệp gồm: thân, khẩu và ý hay tâm. Trong đó, nghiệp của tâm gồm có: dục vọng, nóng giận, và mê lầm. Trong ba nghiệp của tâm, lòng ham muốn là đầu mối tạo ra giận dữ và si mê. Thanh tịnh nghiệp của tâm cũng chính là giữ tâm không bị ngoại cảnh hay lục trần chi phối, dẫn dắt con người vào nghiệp chướng trầm luân, không sao giải thoát. Thanh tịnh nghiệp của tâm để đạt đến tâm thanh tịnh; mà tâm thanh tịnh sẽ tác động đến hai nghiệp còn lại là khẩu thanh

tịnh và thân thanh tịnh. Điều này rất khó thực hiện đối với hành giả. Chính vì thế, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn mới nói con đường tu thân lập quả của bậc chơn tu rất khó khăn và gian khổ. Để dễ hình dung, Ngài đã minh họa bằng hình ảnh của một thí sinh dự tiệc ăn mừng khi thi đậu bằng cấp cao học. Mọi người dự tiệc khi nhìn nét mặt tươi tỉnh của thí sinh đó tưởng rằng việc thi đậu bằng cấp quá dễ dàng, chớ đâu có ai ngờ rằng tâm trạng lo lắng của thí sinh đó dài đằng đẳng trong suốt thời gian học tập, thậm chí còn kéo dài cho đến giờ nhập tiệc.

Ý thứ hai của đoạn Thánh giáo này là việc tìm hiểu lý đạo mẫu nhiệm trong những lời dạy của Ông Trên. Chúng sanh căn trí vô lượng nên pháp môn vô lượng. Xin tạm nêu thí dụ cho dễ hình dung là trình độ căn trí chúng sanh tạm chia ra làm ba bậc là tiểu học, trung học và đại học; mỗi bậc học gồm có nhiều lớp từ thấp lên cao và mỗi lớp học gồm có bài học phù hợp với trình độ của học viên. Học viên trình độ lớp 1 không thể học giáo trình của lớp 2 và ngược lại. Việc học trong đạo cũng không khác việc học nơi trường đời. Người có trình độ căn trí thấp hàng tiểu thừa không thể thực hành pháp môn cấp bậc trung thừa và thượng thừa và ngược lại. Ngoài đời, người ta gọi trường hợp này là học sinh “học nhầm lớp”.

Trong kỳ Ba đại ân xá, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng trong một thời gian rất ngắn chỉ vài mươi năm đã ban truyền một khối lượng rất lớn kinh sách, Thánh ngôn, Thánh giáo đủ mọi trình độ căn trí để nhân sanh dễ dàng tu tiến. Đạo lý có những chỗ bí yếu mà người học đạo nếu tìm được, ngộ được sẽ thực hành đạt đến kết quả viên mãn trên bước đường tu của mình. Thời xưa cũng vậy, hành giả được minh sư truyền dạy một công án rất cô đọng vẫn tất để hành trì suốt cuộc đời cho đến khi liễu ngộ giải thoát. Như vậy, nếu so với ngày xưa, chúng ta được Ông Trên khuyến tu chỉ dạy rất nhiều, thậm chí Ông Trên còn lập đi lập

lại nhiều lần với nhiều hình thức đa dạng. Ông Trên đã từ bi chỉ dạy biết bao nhiêu là thánh ngôn thánh giáo để giác ngộ chúng sanh, vậy, Thánh giáo quá nhiều thì làm sao chúng sanh có thể tìm ra được chỗ bí yếu để thực tập tu trì cho kết quả được? Vì sao Ông Trên không từ bi chỉ cho chúng sanh chỗ bí yếu đó trong Thánh ngôn Thánh giáo để con người tập trung ngay vào lời dạy đó, để khỏi mất công tìm tòi năm này qua tháng nọ? Lời thỉnh cầu đó rất hữu lý, tuy nhiên, Ông Trên dù lòng từ bi vô lượng cũng không thể đáp ứng được; bởi lẽ, căn trí chúng sanh vô lượng. Nếu Ông Trên có chỉ dạy cụ thể một phương pháp tu trì nào thì nó cũng chỉ thích hợp cho một trình độ căn trí nhất định mà thôi. Chính vì thế, con người cần đọc thật nhiều kinh điển Thánh ngôn Thánh giáo để tìm phương pháp tu hành thích hợp cho bản thân mình. Cho nên, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn mới nhận xét:

“Ngày nay, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã có nhiều phương tiện cho người tín hữu tu hành để đắc quả, nhiều lối quanh đường tắt, nhiều kinh điển Thánh giáo Thánh ngôn, ít ai chịu khó tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc và những khía cạnh siêu thoát của nó, mà chỉ vừa tìm hiểu những gì thích hợp với thành kiến sẵn có, thỏa mãn những dục vọng tầm thường, rồi tự cho là đủ. Bởi vậy cho nên, đã hơn bốn mươi năm trời giáo đạo, mà chưa được mấy người tìm hiểu và làm đúng sự mầu nhiệm của lý Đạo.”

Lòng từ bi của Đức Chí Tôn thật là vô lượng vô biên, nên Thầy đã chỉ cho phương tu gọi là “pháp môn thiết thực” để con người thời Mạt kiếp tùy theo cơ duyên thực hành ngõ hầu giải thoát luân hồi sanh tử hoặc vào đời thánh đức có cơ hội tu tiến cho đến phẩm vị vô sanh bất diệt. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Thượng Đế không thể kéo dài thời gian, để dài nuông chiều với những đứa con còn lười biếng, chậm chạp, tự ái, ích kỷ, nên đã truyền lệnh các bậc Chơn Tiên đem pháp môn thiết thực đến để dạy những ai chịu khó gia công học

hỏi và hành để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời. Còn ai chẳng được làm theo thì cũng tùy theo duyên phước mà thọ hưởng ít nhiều, hoặc bị rơi ra ngoài vòng tiến hóa của vũ trụ trong buổi Hạ nguơn mạt kiếp điều tàn, để lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức.”

Như vậy, “pháp môn thiết thực” đó là gì? Cơ Quan chúng ta đã trực nhận được pháp môn này chưa? Pháp môn này có phải là pháp môn tam công hay là pháp môn tu tịnh mà Đức Đông Phương Lão Tổ thừa lệnh Đức Chí Tôn ban cho Cơ Quan hay không? Xin nhường câu hỏi cho quý vị suy gẫm để tự đáp án. Chỉ xin nêu suy nghĩ là chúng sanh căn trí vô lượng nên pháp môn vô lượng. Điều này có nghĩa là người có căn trí bậc hạ thừa cần phải chọn pháp môn đơn giản dễ hiểu, dễ thực hành để tu tập; tương tự, người có căn trí bậc trung hay thượng thừa cần chọn pháp môn tương đối khó hơn để hành trì. Điều này có nghĩa là không có một pháp môn duy nhất áp dụng cho tất cả mọi trình độ căn trí, cũng như không thể có một phương thuốc điều trị bá bệnh mà người y sĩ phải đối chứng lập phương. Song, có một điều mà mọi người cần ý thức là chúng ta được may duyên sanh vào thời Đức Chí Tôn giáng trần lập đạo, mở đại ân xá kỳ Ba cuối thời Hạ nguơn Mạt kiếp. Đây là cơ hội duy nhất chỉ lập lại 700.000 năm hay cuối chu kỳ tam nguơn chuyển thế mới có một kỳ đại ân xá lần nữa.

2. LÝ DO TẠO TÁC NGÔI VINH NGUYÊN TỰ VÀ VIỆC TỔ CHỨC KỶ NIỆM ĐĂNG TIÊN HÀNG NĂM CỦA NGÀI

“Sau đây Lão dạy Vinh Nguyên Tự: (...). Lão đã rõ biết tâm tư chư đệ muội và các cháu lo âu thành kính để kỷ niệm ngày thoát xác của Lão sắp đến đây. Mặc dầu giữa buổi đời tang thương tai biến sàng sây, nhưng với lòng thành kính tưởng nhớ người xưa của hiền đệ muội và các cháu vẫn không thay đổi.

Được biết như vậy nên Lão giáng đàn giờ này để dạy cho hiền đệ muội và các cháu an lòng. Từ nhiều năm qua, mỗi năm đến Đông tàng là một

ngày kỷ niệm hiến dâng lễ vật để tưởng nhớ đến Lão. Trước sự kiện đó, vẫn thân nhiên, mỗi năm giáng cơ một lần để dạy bảo nhũ khuyển các môn đệ cũng như các con cháu, noi theo chánh đạo để tu tập lập phúc cho đời mình, chớ Lão nào ứng chịu sự lập vị để chứng hưởng sự tế lễ sùng bái cá nhân. Các cháu hãy an tọa mà nghe.

Một đời người, dầu sanh tiền, dầu thoát xác, cũng chỉ có một điều làm cho đời lưu niệm, đó là nghĩa nhân, hoặc ái quốc ái quần, hoặc nêu gương đạo đức phẩm hạnh, chớ còn phần nhục thể, hoặc cái tên của một người không còn ý nghĩa gì, nếu đã thiếu những điều kiện vừa kể trên.

Cũng nhờ ân đức tổ tiên mà Lão đã xây dựng được một nền tảng đạo lý giúp đời, đó là Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng khởi thủy cho công cuộc lập đạo Kỳ Ba, chiêu tập được Thập nhị khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó mà Vĩnh Nguyên Tự đã và sẽ được ghi vào Sử đạo Cao Đài. Không phải vì chùa to thất lớn đồ sộ nguy nga mới được ghi vào lịch sử, mà chỉ vì cái tác dụng và sứ mạng thiết thực của nó.

Chính vì những ý nghĩa cao cả và mục đích trọng đại đó nên Lão phải lập Vĩnh Nguyên Tự. Vĩnh Nguyên Tự có vì Đại Đạo, vì nhân sanh, chớ không phải vì một gia tộc, một chi phái hoặc vì một cá nhân nào. Nếu lập chùa thất mà vì danh, vì hậu ý để làm của riêng cho gia đình thân tộc, thì không còn ý nghĩa gì nữa. Thà lập nhà hát, đình, miếu để thâu cúng vật của bá tánh thập phương còn hơn.

(...) Hãy đem những lời này về địa phương nói lại cho các hàng môn đệ và thiện nam tín nữ được biết và an lòng. Nếu còn tưởng nhớ đến Lão thì hãy làm và làm cho thật nhiều những gì Lão đã truyền dạy khi còn sanh tiền, và những điều đã dạy xuyên qua các đàn cơ từ ngày Lão thoát xác đến giờ. Nếu đặt nặng vấn đề sùng phụng cúng bái Lão, mà không làm được việc đạo có ích lợi cho mình, cho gia đình và cho nhơn sanh thì Lão khuyên nên tạm gác phần cúng bái mà thiếu ý nghĩa đó.

Sở dĩ nhơn loại ngày nay trong cảnh bi đát tang thương, đứng kề bên vực thẳm, là vì đã hiểu sai chơn lý của vũ trụ và Thượng Đế. Nếu ai ai cũng sống ích kỷ thì phải hại nhơn. Nếu nhơn loại sống một đời sống vị tha vong kỷ, thì ở nơi Trời sẽ được mưa thuận gió hòa, quả hoa thanh mậu, thảo mộc xinh tươi. Còn ở nơi người thì tình thương yêu đùm bọc, kẻ khôn diu kẻ dại, người giàu bảo trợ người nghèo, kẻ no chia phần kẻ đói, người mạnh che chở người yếu thì thế gian này sẽ là cảnh thiên đường cực lạc, đâu còn cảnh tang tóc khốc hại như ngày nay.

Môn đệ và các cháu hãy tùy phương tiện và hoàn cảnh cho phép mà lần dò bước từng bước một cho vững vàng, cũng như việc cúng tế cũng tùy nghi. Ngày ấy Lão sẽ về đó chứng phần vô vi. (...)

Lão cảm ơn và nguyện đại nguyện cho toàn thể chư Thiên sắc và hiền đệ hiền muội được vượt mọi trở ngại để hoàn thành sứ mạng trong kỳ lập đời Thượng nguơn Thánh đức rồi sẽ gặp nhau tất cả. Lão chào chung toàn thể. Thăng.”

Trong phần hai của bài Thánh giáo, Đức Như Ý dạy về Vĩnh Nguyên Tự. Phần này có hai ý chánh: cơ duyên Đức Như Ý tạo tác ngôi Vĩnh Nguyên Tự và lời căn dặn khi tổ chức lễ kỷ niệm đăng Tiên của Ngài hàng năm.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tạo dựng ngôi Vĩnh Nguyên Tự vào năm Mậu Thân (1908) không phải cho cá nhân hay gia tộc của Ngài, mà nhắm vào Đại Đạo, Thiên cơ và nhơn sanh. Sứ mạng của Vĩnh Nguyên Tự là nơi quy tụ chư vị Tiên Khai Đại Đạo đến đây xây dựng giềng mối ban đầu của đạo Cao Đài. Ngài dạy về nguyên nhân tạo tác ngôi Vĩnh Nguyên Tự như sau: “Cũng nhờ ân đức tổ tiên mà Lão đã xây dựng được một nền tảng đạo lý giúp đời, đó là Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng khởi thủy cho công cuộc lập đạo Kỳ Ba, chiêu tập được Thập nhị khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”

Đức Như Ý dạy việc tổ chức lễ kỷ niệm đăng Tiên ngày mùng 3 tháng chạp âm lịch hàng

năm cần chú trọng đến việc sách tấn tu hành cùng với việc tế lễ cúng kính. Ngài khuyên chư đạo hữu cần noi theo chí hướng tu hành của Ngài hồi còn sanh tiền và những lời giáo huấn qua các đàn cơ kể từ khi Ngài viên tịch. Đức Như Ý dạy:

“Hãy đem những lời này về địa phương nói lại cho các hàng môn đệ và thiện nam tín nữ được biết và an lòng. Nếu còn tưởng nhớ đến Lão thì hãy làm và làm cho thật nhiều những gì Lão đã truyền dạy khi còn sanh tiền, và những điều đã dạy xuyên qua các đàn cơ từ ngày Lão thoát xác đến giờ. Nếu đặt nặng vấn đề sùng phụng cúng bái Lão, mà không làm được việc đạo có ích lợi cho mình, cho gia đình và cho nhơn sanh thì Lão khuyên nên tạm gác phần cúng bái mà thiếu ý nghĩa đó.”

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã từng dạy chúng ta những điều gì? Ngài bắt đầu bằng những bài học đơn giản về khuyến tu, sau đó, mức độ khó khăn càng tăng dần theo thời gian giáo huấn. Khi dạy về bốn phận của người tín hữu Cao Đài, Ngài nhấn mạnh rằng người môn đệ cần phải chu toàn các bốn phận đối với gia đình, xã hội và quốc gia. Trong việc thờ cúng các Đấng Thiêng Liêng thì cần nhất là đức tin và tấm lòng chân thật. Trên con đường tu thân học đạo, Ngài dạy chúng ta cần phải thông suốt giáo lý, tu công lập đức, thực hành công quả và công phu. Trong việc thực hành công quả, Ngài dạy chúng ta cần phải quên bản thân mà lo cho tha nhân, vong kỹ, bố thí, trợ nghèo, giúp khó. Đó chính là phương pháp bảo toàn tự thân, giải trừ tiền nghiệp và là nền tảng âm chất cho bước đường công phu tu luyện của mình được vững vàng. Ngài còn nhấn mạnh đến việc học đạo, hiểu đạo và hành đạo phải dụng Tâm thì mới đạt kết quả; Tuy nhiên, dụng Khí thì kết quả đó mới thâm sâu. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn luôn đợi chờ để trợ duyên và dẫn dắt chúng ta đi đến tận cùng con đường tu luyện, nếu chúng ta có cơ duyên và quyết tâm

cầu tu giải thoát. Trên con đường quy nguyên phản bản, Ngài khuyên người hành giả cần phải xây dựng cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi trang trọng, mà vật liệu cấu tạo của nó không ngoài tam bửu có sẵn trong nội thân của mỗi người là Tinh, Khí và Thần. Đức Như Ý đã chỉ rõ điểm mấu chốt và cốt lõi của việc xây đắp ngôi Cao Đài nội tại huyền nhiệm này, đó là mỗi người hành giả phải rèn luyện cho chính mình trở thành một người chủ nhân thật sự của tòa Cao Đài đó. Muốn vậy, hành giả phải chiến thắng cho được thất tình lục dục, là nguyên nhân chính yếu tước đoạt quyền làm chủ và xô đẩy hành giả trên con đường dặm dài xa xứ, luân chuyển bất tận trong vòng sanh tử.

Tóm lại, Phần một của bài thánh giáo có hai ý đạo: Ý thứ nhất là bước đường tu thân lập quả của hành giả rất khó khăn và gian khổ. Ý thứ hai là chúng ta cần phải tìm hiểu lý đạo mầu nhiệm trong thánh ngôn thánh giáo của Ôn Trên và chọn cho mình pháp môn thiết thực thích hợp với trình độ căn trí của mình để hành trì trên bước đường phản bản hoàn nguyên.

Phần hai của bài thánh giáo dạy về Vĩnh Nguyên Tự cũng có hai ý đạo: Ý thứ nhất cơ duyên Đức Chơn Nhơn tạo tác ngôi Vĩnh Nguyên Tự nhằm quy tụ chư vị Tiên Khai Đại Đạo xây dựng giếng mối ban đầu của đạo Cao Đài. Ý thứ hai là ước mong của Ngài gửi gắm bốn đạo Vĩnh Nguyên Tự: mỗi khi tổ chức lễ kỷ niệm đấng tiên hăng năm cần phải chú trọng đến việc sách tấn tu hành đi đôi với cúng kính tế lễ. Bốn đạo cần noi theo chí hướng của Ngài hồi còn sanh tiền và thực hành rốt ráo những lời giáo huấn qua các Thánh ngôn Thánh giáo của Ngài.

Xin thành tâm cầu nguyện Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn chan rưới hồng ân cho tất cả mọi người giác ngộ tu hành, thân tâm thường lạc, sáng suốt tinh tấn chứng ngộ đạo pháp, giải thoát khỏi biển khổ trầm luân.

NAM MÔ NHƯ Ý ĐẠO TOÀN CHƠN NHƠN.■

tìm hiểu

ĐẮNG GIÁO CHỦ CAO ĐÀI

■ ĐỒ THỂ SON

Mỗi tôn giáo đều có một vị Giáo chủ khai sáng, đạo Phật có Đức Thích Ca Mâu Ni, đạo Lão có Đức Lão Tử, đạo Khổng có Đức Khổng Phu Tử, đạo Thiên Chúa có Đức Chúa Jésus, đạo Hồi có Đức Mohamed, v.v. Mỗi vị Giáo chủ được các sách sử ghi chép rất rõ ràng cụ thể từng chi tiết về cách ăn lối ở, xứ sở tông môn, hình dáng tướng mạo, ngôn ngữ, thói quen... Nói chung, cả cuộc đời từ lúc sinh ra và lớn lên, cách tu học, thành Đạo và truyền Đạo của vị Giáo chủ đó đều được truyền tụng.

Riêng tôn giáo Cao Đài từ khi ra đời cho đến nay đã gần một thế kỷ mà vị Giáo chủ Cao Đài rất ít ai biết đến. Thậm chí có rất nhiều người là tín đồ của đạo Cao Đài cũng không hiểu biết được vị Giáo chủ của mình như thế nào. Bởi vì sao vậy? Bởi vì Đấng Giáo chủ đạo Cao Đài không giống như các vị Giáo chủ của các tôn giáo khác, không xuất thân từ một con người phạm tục sống giữa đời thường, giác ngộ tu hành đắc Đạo. Để hiểu rõ về vị Giáo chủ của đạo Cao Đài, chúng ta cùng tìm hiểu qua từng bước sau:

I. TÔN DANH VÀ TÔN HIỆU CỦA ĐỨC GIÁO CHỦ:

Đấng Giáo chủ của đạo Cao Đài là Đức Thượng Đế Chí Tôn. Ngài là Đấng Chúa tể càn khôn, chủ quyền vũ trụ, sinh hoá và dưỡng nuôi vạn vật muôn loài. Ngài có rất nhiều tôn hiệu, nhiều danh xưng ở mỗi nơi mỗi khác. Như đạo Phật tôn Ngài là Đức Như Lai, đạo Thiên Chúa tôn Ngài là Đức Chúa Trời, đạo Khổng tôn Ngài là Thiên Đế, đạo Hồi tôn Ngài là Thánh Allah, người Do Thái tôn Ngài là Đức Jehovah, người Trung Hoa tôn Ngài là Ngọc Hoàng Thượng Đế,

người Việt Nam tôn Ngài là Ông Trời. Ngày nay, Ngài lập đạo Cao Đài, Ngài xưng là: Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, gọi tắt là Đức Cao Đài và xưng với tất cả môn đệ của Ngài là Thầy.

Ngài hoá thân muôn vạn kiếp để cứu độ chúng sinh nên danh xưng và tôn hiệu của Ngài có vô số kể. Điều mà chúng ta cần phải thấu rõ là tôn danh, tôn hiệu của Ngài tuy ở mỗi nơi mỗi khác, nhưng không có một tôn danh nào là thật của Ngài, vì Ngài vốn là Đấng vô hình không tên, tất cả những tôn danh, tôn hiệu đều là tá danh cả, điều này Đức Lão Tử có dạy trong Đạo Đức Kinh: “Đạo khả Đạo phi thường Đạo, danh khả danh phi thường danh.” Cái Đạo mà nói ra được thì không phải là Đạo chơn thật [thường (hằng cửu)], cái tên mà có thể gọi được thì cũng chưa phải là tên thật [thường (hằng cửu)], và chúng ta cũng không thể tôn Ngài với một cái danh mang tính tuyệt đối, vì Ngài là một Đấng vô vi, vô tận, vô cùng, tôn danh, tôn hiệu của Ngài không có lời diễn tả.

Trong Thánh ngôn Cao Đài buổi đầu khai Đạo, Ngài đến xưng với các vị môn đồ đầu tiên như vậy:

*Phật Trời, Trời Phật cũng là Ta,
Nhánh nhóc chia ba cũng một Già,
Thích, Đạo, Da Tô tay chường quăn,
Thương dân mển thế giáng lần Ba.*

Cũng có lần Ngài cho biết về tôn danh, tôn hiệu của Ngài như sau:

*Hiểu rằng: nghiệp quả trần duyên,
Tên là cái giả triển miên muôn đời.
Xuống lên, lên xuống luân hồi,
Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay.
Khi xưng Giáo chủ Cao Đài,*

*Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà.
Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,
Bao lần Khổng, Mạnh cũng Già này đây.¹*

Vậy nhờ Thánh ngôn, Thánh giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ mà chúng ta mới dám khẳng định Ngài là Phật, là Tiên, là Thánh, là Chúa Trời.

II. XỨ SỞ TÔNG MÔN:

Đức Thượng Đế Chí Tôn, Đấng Giáo Chủ đạo Cao Đài vốn không phải là người được sinh ra như chúng ta trên trái đất này mà có quê hương xứ sở. Ngài đã là Đấng không có hình tướng, không có quê hương xứ sở, không có nơi sinh ra, và cũng không có ai sinh ra Ngài. Vì Ngài là ngôi Thái Cực nhất nguyên của vũ trụ, khi chưa có trời đất đã có Ngài. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển của Cao Đài có ghi lời Ngài dạy vào buổi đầu khai Đạo: “*Khí hư vô sinh có một Thầy.*” “*Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy.*”² Hư vô chi khí là gì? Đó là Đạo, là Vô Cực, là bản thể của vũ trụ. Vậy Đức Giáo Chủ đạo Cao Đài vốn không sinh mà cũng không diệt, vì Ngài sinh ngay trong lúc diệt và Ngài diệt ngay trong lúc sinh, cho nên Ngài trường tồn mãi mãi, bất sinh bất diệt trong trời đất.

Quê hương của Ngài ở khắp chín phương trời, mười phương đất, không một nơi nào không phải là quê hương của Ngài, vì chỗ nào cũng có Thượng Đế cả. Đức Quảng Đức Chơn Tiên dạy:

*Ngoài trời Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.³*

Câu Thánh giáo trên cho chúng ta thấy Đức Thượng Đế tự tại và hằng ngự ở bất cứ mọi nơi, trên trời cao, trong lòng đất, ở trong con người, trong muôn loài vạn vật và cùng khắp trong vũ

trụ Càn Khôn. Cha mẹ của Ngài là Đạo, hay Ngài cũng chính là Đạo vậy. Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

*Đạo trước có từ ngôi Vô cực,
Khởi hồng môn không dứt chuyển xoay,
Hoá ngôi Thái Cực là Thầy,
Huyền Khung Thượng Đế sắp bày thế gian.⁴*

Ngài sắp bày thế gian, an bài định vị vạn sự, vạn vật trong trời đất đều có thứ tự lớn nhỏ theo một quy luật nhất định. Ngài phân ra thượng hạ ngôi thứ hẳn hoi. Nhưng rồi Ngài cũng có một ngôi vị, một tòa ngự trị của Ngài. Vậy thì tòa ngự của Đức Thượng Đế Chí Tôn ở đâu? Nơi nào trong vũ trụ? Điều này đã được dạy trong bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu Cáo do Đức Trần Đoàn Lão Tổ giảng cơ tại Cần Thơ năm 1940 diễn nôm như sau:

*Ngài ngự chốn chơi với Kim Khuyết,
Bạch Ngọc Kinh rộng tuyệt mù khơi,
Nguy nga chói lọi cung trời,
Như vàng như ngọc, chiếu ngời muôn thu.
Dường như có, có từ muôn thuở,
Dường như không, không ở mắt phàm,
Tuy không thấy nói hoặc làm,
Mà sanh, hoá, dục bao hàm vạn linh.*

Ngày đầu khai Đạo, Đức Thượng Đế Chí Tôn giảng dạy cho biết về Bạch Ngọc Kinh nơi tòa ngự của Ngài như sau:

*Một toà Thiên các ngọc lầu lầu,
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao,
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Muôn trùng nhịp khâm hiệp Nam Tào.
Chư Thần choá mắt màu thường đổi,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao,
Dời đổi chớp giăng, doanh đờ nổi,
Vững bền vạn kiếp chẳng hề xao.⁵*

Như vậy Ngài chính thức ngự nơi trung tâm của vũ trụ. Bạch Ngọc Kinh là tòa ngự của Ngài, là kinh đô cõi trời, nơi ấy nguy nga lộng lẫy vĩ đại, cao đẹp tuyệt vời vô cùng. Bạch Ngọc Kinh

1. Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày 13-6 Bính Dần (22-7-1926).

3. Thánh Truyền Trung Hưng, tập 4, tr. 314.

4. Trúc Lâm Thiển Điện, 20-8 Ất Ty (15-9-1965).

5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, Thi văn dạy Đạo.

cũng còn gọi là Cao Đài, là Linh Tiêu Điện, nơi đại hội quần Tiên, nơi vạn trượng hào quang sáng chói phóng xuất ra khắp vũ trụ, cũng là nơi ra đi của tất cả linh căn xuống cõi hồng trần.

III. CÔNG ĐỨC CỦA Đấng GIÁO CHỦ:

Công đức của Đấng Giáo Chủ đạo Cao Đài được thể hiện qua ba điểm:

1. Đức tạo hoá.
2. Đức dưỡng nuôi.
3. Đức giáo hoá.

Chúng ta tìm hiểu công đức của Ngài lần lượt qua từng phương diện:

1. ĐỨC TẠO HOÁ:

Đấng Thượng Đế Chí Tôn xưa nay được các bậc thức giả cổ kim tôn vinh là Đấng Tạo Hoá, vì Ngài đã tạo dựng nên càn khôn vũ trụ và hoá sinh vạn vật muôn loài. Chúng ta đang sống trong một vũ trụ bao la vô cùng rộng lớn, ban ngày chúng ta nhìn thấy ánh mặt trời, ban đêm nhìn thấy ánh trăng và vô vàn vì sao lấp lánh. Trên quả địa cầu chúng ta đang ở, nào sơn hà đại địa, cấm tú giang san uy nghi sừng sững. Các phẩm vị Phật, Tiên, Thánh, Thần, con người chúng ta và muôn loài vạn vật, bò bay máy cựa, tất cả có nguồn gốc từ Đức Thượng Đế tạo sinh. Trong bài kinh Xưng Tụng Công Đức của Đức Thượng Đế do Đức Trần Đoàn Lão Tổ giảng cơ ban cho tại Cần Thơ năm 1940 có đoạn:

*Lập vũ trụ, Ngài phân thượng hạ,
Tùy trước thanh, siêu đọa định ngôi,
Trên thì ba sáu (36) cung trời,
Ba ngàn thế giới cõi đời Phật Tiên.
Khí trọng trước hậu thiên hữu chất,
Lập bảy hai (72) quả đất địa cầu,
Chia làm bốn Đại Bộ Châu,
Hoá sanh trường dưỡng trong bầu Càn Khôn.*

Hay là trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Thượng Đế Chí Tôn có dạy:

“Khai Thiên Địa vốn Thấy, sanh Tiên, Phật cũng Thấy; Thấy đã nói một chơn thần mà biến Càn Khôn thế giới và cả nhân loại.

Thấy là chư Phật, chư Phật là Thấy.

Các con là chư Phật, chư Phật là các con.

Có Thấy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thấy khai bát quái mà tác thành Càn Khôn thế giới nên mới gọi là pháp; Pháp mới sanh ra Càn Khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là tăng.

Thấy là Phật chủ cả pháp và tăng, lập thành các đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thấy.”⁶

Vậy vũ trụ Càn Khôn là do bởi một tay của Đức Thượng Đế tạo nên. Con người của chúng ta có nguồn gốc từ Thượng Đế, mọi sự kiện trong cuộc sống của chúng ta đều do Ngài sắp đặt an bài. Tất cả chúng ta là con cái của Ngài, Ngài là cha cả, nhơn loại, vạn vật là con chung.

Khi ngắm nhìn vũ trụ bao la cao rộng và cuộc sống của muôn loài đang diễn biến hiển bày, không ai có thể phủ nhận công lao tạo dựng vĩ đại của Đấng Hóa Công. Ông tạo vật của Ngài xưa nay không có bút mực nào mô tả hết.

2. ĐỨC DƯỠNG SINH:

Người xưa nói: “Trời có đức hiếu sinh.” Thật vậy, khi tạo dựng càn khôn vũ trụ, sinh hóa muôn loài vạn vật, Đức Thượng Đế Chí Tôn đã ban cho cõi thế gian này một nguồn sống bao la bất tận. Nào ánh sáng, không khí trong lành, thức ăn, nước uống và đủ đầy tất cả các phương tiện, giúp cho con người không thiếu một vật gì, để cho con người mượn đó mà sống nơi cõi thế gian để lập đời, để tiến hóa. Ngài rất đại từ, đại bi thương yêu đùm bọc che chở, đỡ nâng khắp tất cả muôn loài. Trong bài Xưng tụng Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu Cáo do Ngài Trần Đoàn Lão Tổ giảng cơ tại Cần Thơ năm 1940 diễn nôm có đoạn:

*Ngài là Đấng bao trùm tất cả,
Ngài chở che thượng hạ ta bà,
Cho nên mới gọi Đại La,
Hóa sanh muôn vật bảo hòa vạn dân.
Vừa trùm chứa đỡ nâng trên dưới,*

6. Đoàn ngày 15-9 Bính Dần (24-10-1926).

*Giống như là tấm lưới bao giăng,
Ngài là một Đấng Tạo Doan,
Ấn trong muôn vật hàm tàng dưỡng nuôi.*

Tình thương yêu của Đức Thượng Đế Chí Tôn đối với con người, muôn loài vạn vật thật là sâu rộng và bình đẳng. Ngài không thiên vị bất cứ một ai, tiên thiên cũng như hậu thiên, người hiền cũng như kẻ ác, tất cả đều sống trong tình thương yêu vô lượng của Ngài. Tình thương ấy như mẹ hiền thương con đở, suốt 24 giờ chăm chút con thơ. Cho nên bài Xưng Tụng Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu Cáo do Đức Trần Đoàn Lão Tổ diễn nôm có câu:

*Dầu là cội tiên thiên thượng đẳng,
Dầu hậu thiên cũng đẳng tài bồi,
Đại Từ hoá dục không nguôi,
Bồi lòng Từ Phụ dưỡng nuôi muôn loài.*

Thật là rất quý thay, cao trọng thay, công ơn dưỡng dục của Đức Thượng Đế Chí Tôn trong trời đất mênh mông vô số kể. Ngài là Cha Mẹ thiêng liêng, là nguồn sống của càn khôn vũ trụ từ thuở khai thiên lập địa đến giờ. Phàm nhân như chúng ta không có lời nào để tỏ bày hết công đức dưỡng dục của Ngài.

3. ĐỨC GIÁO HOÁ:

Kể từ lúc khai thiên lập địa, Đức Thượng Đế Chí Tôn lúc nào cũng từ bi, hiếu sanh ố sát, yêu thương nhân loại và muôn loài vạn vật vô cùng. Vì thương yêu con cái của Ngài, nên lúc nào Ngài cũng hướng về trần gian chan rưới ân lành phát ban nguồn sống, cứu độ chúng sanh. Nói Ngài đến trần gian để cứu độ chúng sanh, như vậy Ngài đến trần gian bằng cách nào? Thật ra Ngài có rất nhiều cách đến trần gian với con người chúng ta mà không ai đủ sức hiểu thấu hết được. Ở đây xin được nói qua vài cách đến trần gian thị hiện cứu độ của Ngài.

Sau khi vũ trụ an bài, càn khôn định vị, xã hội loài người sau đời Thánh đức cũng bắt đầu tranh phân hơn thiệt, so sánh thấp cao. Họ bắt đầu tranh đấu với nhau vì ăn, vì mặc, vì chỗ ở, vì lợi danh, làm cho phàm tánh nổi lên mà xa rời tình yêu thương đồng loại, gây nên những

cảnh tương sát tương tàn. Lúc này Đức Thượng Đế Chí Tôn nhìn thấy tâm tánh đám con thơ của mình đã xa rời lẽ thật tình thương, thiếu đạo đức, mất công bình, lãng quên nguồn cội, bản chất con người không còn nguyên vẹn, nên Ngài mới tùy theo trình độ căn trí chúng sinh cũng như hoàn cảnh địa lý mà cho các vị Giáo Tổ xuống trần khai giáo độ sanh. Thời Thượng cổ, các vị Giáo chủ theo lệnh Đức Thượng Đế, mở ra các mối đạo như sau:

–Ngài Phục Hy giảng sanh tại Trung Hoa lập ra nền Thánh Đạo.

–Ngài Thái Thượng Đạo Tổ giảng sanh tại Trung Hoa lập ra nền Tiên Đạo.

–Ngài Nhiên Đăng Cổ Phật, hay A Di Đà Phật giảng sanh tại Ấn Độ lập ra nền Phật Đạo.

–Ngài Mối Se giảng sanh tại Do Thái lập ra Thiên Chúa Giáo.

Ngài cũng chiết thân làm nhiều vị Thánh, Tiên, Phật để dạy cho con người trong mọi quốc gia, chủng tộc về cách ăn, cách nói, cách sống, cách làm. Ngài lập lại kỷ cương, đưa con người hướng về chơn Đạo, xa lìa phàm tánh dục tâm, sa mê trụy lạc; đưa con người trở lại cảnh thanh bình thịnh trị thánh đức an vui. Đây là thời kỳ giáo hoá đầu tiên được gọi là Nhất Kỳ Phổ Độ.

Nhưng rồi cội phàm trần vẫn là nơi dẫy dầy ô trược, chạp bầy của thế gian luôn câu nhử rập rình. Sau đời Thánh đức, nhân tâm con người cũng bắt đầu bị phàm hoá bởi tham vọng, tranh đấu, khiến cho xã hội loài người trở nên hỗn loạn, đưa nhân loại vào nơi thống khổ đau thương. Một lần nữa Đức Thượng Đế Chí Tôn nhìn thấy đám con trần phải lạc lảm chánh đạo, rơi vào nơi ngoại giáo bàng môn, nên Ngài phải phân thân giảng trần cứu thế. Lần này, Ngài đến chấn hưng Đạo pháp với những danh vị Giáo chủ như sau:

- Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tại Ấn Độ chấn hưng Phật giáo.
- Đức Lão Tử tại Trung Hoa chấn hưng Lão giáo.

- Đức Khổng Tử tại Trung Hoa chấn hưng Nho giáo.
- Đức Chúa Giêsu tại Do Thái chấn hưng Thiên Chúa giáo.

Đây là thời Nhị Kỳ Phổ Độ, các tôn giáo trên lần lượt được khai mở, đưa con người trở về đời sống thật ngay đạo đức trong bản chất thanh cao cố hữu của mình, lập đời thái bình thịnh trị.

Đến nay đã hơn hai ngàn năm trôi qua, các pháp môn ngày xưa nay đã rơi vào thời mạt tận phai mờ, do ý phàm canh cải, chơn truyền bị xiêu lạc, chánh pháp cũng không còn, Thánh giáo hoá ra phàm giáo. Lúc này chúng sanh đa bệnh, cõi hồng trần lắm cảnh đau thương, trước khí ngút trời, nghiệt oan chồng chất, nhân loại đang sắp bước vào Ngươn tận diệt điều tàn. Trước tình cảnh này, Đức Thượng Đế Chí Tôn không nở ngôi yên nơi Bạch Ngọc mà nhìn đăm con của Ngài phải chịu vùi chôn cả xác lẫn hồn trong bể nghiệp trầm luân, nên Ngài mới đích thân giáng thế, khai mở cơ tận độ trong Kỳ Ba Đại ân xá. Trong Đại Thừa Chơn Giáo có ghi lời Ngài dạy:

*Muôn kiếp các con chịu lạc đường,
Thấy vậy Thầy lưỡng động lòng thương,
Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật,
Lập Đạo không thành chịu tội ương.⁷*

Khi giáng lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế Chí Tôn vì thương yêu muốn độ dẫn tất cả chúng sinh vào đường giải thoát mà Ngài phải lập tờ đoan thệ với Tòa Tam Giáo như vậy:

“Nên hội Tam Giáo công đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo mẫu phổ hoá, độ tất cả đám quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”⁸

Lời đoan thệ của Ngài làm chấn động cả càn khôn vũ trụ; chư Phật, Tiên, Thánh, Thần phải đồng xuống trần tá trợ Ngài cứu độ chúng sanh.

Nhìn lại quá trình khai giáo độ sinh của Ngài, chúng ta thấy rằng: Khi làm Phật ở Ấn Độ, Ngài bỏ cung vàng điện ngọc ra đi. Khi làm Chúa ở Do Thái, Ngài lấy thân mình dâng lên cây thập tự. Khi làm Khổng Tử, Ngài phải từ quan chu du lục quốc. Ngày nay mở đạo Cao Đài lại phế cả Bạch Ngọc Kinh: *“Ngọc Kinh Thấy phế đến trần gian.”* Bạch Ngọc Kinh là tòa ngự của Ngài, khắp trong vũ trụ không có gì sánh bằng, thế mà Ngài lại còn phế bỏ để đem Đạo mẫu giáo hoá nhằm cứu vớt chúng sanh ra khỏi sông mê bể khổ trở về nơi thanh phước Niết bàn. Qua những dẫn luận trên, chúng ta thấy tình thương yêu sanh chúng và công đức giáo hoá của Ngài thật là cao rộng mênh mông, không lời lẽ nào diễn tả hết cái công trình vĩ đại, cái đức ân vô lượng vô biên của Đấng Giáo chủ Cao Đài.

Hôm nay, đứng trước một vũ trụ bao la không bờ bến, và lược qua công đức của Ngài, mặc dù không thấy được Ngài, nhưng chúng ta cảm nhận được Ngài đang hiện hữu khắp cả nơi nơi. Trong vũ trụ này không nơi nào không có sự hiện diện của Đức Thượng Đế.

Trong cuộc sống xã hội hiện tại cũng có các nhà khoa học, bác học, đạo học hoặc những người bình thường không tin có Thượng Đế. Họ cho rằng vũ trụ là do nhân duyên giả hợp, trái đất của chúng ta đang sinh sống và vạn vật là do các nguyên tử bụi tào thành, họ không tin rằng có Thượng Đế. Dù con người có thông minh đến đâu đi nữa thì sức hiểu biết cũng vẫn có hạn, không thể nào biết được cái vô hạn của Trời Đất được. Một hạt bụi không thể nhảy múa cả càn khôn vũ trụ, một giọt nước không thể chứa đựng cả đại dương, thì cái biết của con người cũng chỉ dừng lại ở trong cái hữu hạn, cho dù con người có chinh phục được sao Hỏa, có đặt chân tới cung trăng, hay khám phá các hành tinh khác, thì vũ trụ này vẫn còn mênh mông vô cùng, vô tận, con người cũng không thể hiểu hết bằng cái tri thức hữu hạn của mình.

7. Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 34.

8. Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 32.

IV. QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC THƯỢNG ĐẾ

Đức Thượng Đế Chí Tôn có một quyền năng tối thượng. Ngài có hai quyền:

- Quyền chưởng quản càn khôn vũ trụ.
- Quyền Giáo chủ đạo Cao Đài.

1. QUYỀN CHƯỞNG QUẢN CÀN KHÔN VŨ TRỤ:

Vũ trụ từ buổi ban sơ đã do ngôi Thái Cực phóng phát lập thành, Đức Thượng Đế là Vua của vũ trụ, là ngôi Chúa cả Càn Khôn. Trong Bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu Cáo có đoạn:

Thượng chưởng tam thập lục thiên,

Tam thiên thế giới.

Hạ ốc thất thập nhị địa,

Tứ đại bộ châu.

Tiên Thiên, hậu Thiên,

Tịnh dục Đại Từ Phụ.

Cổ ngưng kim ngưng,

Phổ tế tổng pháp tông.

Nãi nhật nguyệt tinh thần chi quân,

Vi Thánh Thần Tiên Phật chi chủ.

Đoạn kinh trên cho chúng ta thấy rằng: trên thì Ngài chưởng quản cả ba mươi sáu cung trời, và ba ngàn thế giới, dưới là bảy mươi hai quả địa cầu, với bốn bộ châu lớn đó là Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hoá Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Cu Lư Châu. Trước Trời, sau Trời đều do một mình Ngài chưởng quản. Ngài là vua của nhật nguyệt tinh tú, là chúa của Phật, Tiên, Thánh, Thần. Ngài nắm luật Thiên điều mà điều hành cả vũ trụ càn khôn, từ vật cực lớn như các tinh cầu nhật nguyệt cho đến vật cực nhỏ như vi khuẩn, vi trùng; hay là phong vũ điều hoà, bốn mùa tám tiết, vạn vật sanh sôi nảy nở, tất cả đều nằm trong định luật vận động của Ngài. Trong đời sống con người, tất cả mọi sự, mọi việc nên hư, thành bại đều nằm trong sự sắp đặt luân chuyển của Thượng Đế. Thánh giáo Đức Trần Hưng Đạo có câu:

Xét muôn việc có tay Thượng Đế,

Nằm bên trong cái kế con người,

Bên trong tất cả sự đời,

Ý người tính có ý Trời kèm theo.⁹

Thật vậy, khắp cả vũ trụ này không có một vật gì, hay một sự việc gì mà không có quyền năng của Đức Thượng Đế Chí Tôn chưởng quản. Như vậy quyền năng của Thượng Đế là tối thượng.

2. QUYỀN GIÁO CHỦ ĐẠO CAO ĐÀI:

Quyền Giáo chủ đạo Cao Đài cũng không khác chi với quyền chưởng quản càn khôn vũ trụ. Đạo Cao Đài là do Đức Thượng Đế Chí Tôn sáng lập, Ngài có toàn quyền chủ phần lập pháp để độ rỗi và siêu rỗi cho tất cả chúng sanh. Ngài chưởng quản cả phần hữu hình và phần vô hình.

Về vô hình: Trên có Ngài chủ phần Lập pháp, dưới có Toà Tam Giáo chủ phần Bảo pháp, Tam Trấn cùng chư Phật, Tiên, Thánh, Thần chủ phần Hành pháp.

Về hữu hình: Trên có Đức Giáo Tông thay mặt Ngài chủ phần Lập pháp, nhưng Đức Giáo Tông chỉ có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn, dưới có ba vị Chưởng Pháp là chức sắc Hiệp Thiên Đài ở Cửu Trùng Đài chủ phần Bảo pháp, ba vị Đầu Sư thay mặt Hội Thánh chủ phần Hành pháp.

Lập đạo Cao Đài, Ngài lập ra ba Đài gồm: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Ngài ngự tại Bát Quái Đài chưởng quản và điều hành cả Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Ngài có quyền cầm cán cân công bằng luật pháp thưởng hay phạt tất cả môn đồ của Ngài theo luật Thiên điều đã định. Lập đạo lần này, Ngài không phân thân giáng trần như các lần trước, Ngài không làm một Giáo chủ hữu hình mà Ngài dùng huyền diệu cơ bút Tiên gia để dạy Đạo. Cho nên ngoài quyền Lập pháp, Ngài còn có thêm một quyền nữa là quyền về cơ bút. Cơ bút là phương tiện giáo Đạo của Đức Giáo chủ. Ngài có quyền giáng cơ hoặc ngưng cơ, hay cho phép các Đấng Thiêng Liêng và chư Phật, Tiên, Thánh, Thần giáng cơ dạy Đạo ở bất cứ nơi đâu. Ngài tùy theo hoàn cảnh, trình độ tiến hoá của mỗi nơi, mỗi người mà hoá độ. Dù cho một vị

9. Thánh Truyền Trung Hưng, tập 4, tr. 298.

Phật, Tiên, Thánh, nào muốn giảng cơ dạy Đạo cho ai thì cũng phải qua sự chấp thuận của Ngài.

Vậy, Đức Thượng Đế Chí Tôn Giáo chủ đạo Cao Đài có quyền chưởng quản điều hành càn khôn thế giới, có quyền thưởng phạt, độ rỗi và siêu rỗi tất cả vạn loại chúng sanh trong nền Đại Đạo.

V. BIỂU TƯỢNG THỜ KÍNH VÀ LỄ VÍA:

1. BIỂU TƯỢNG THỜ KÍNH:

Xưa nay các dân tộc trên thế giới cũng đều thờ kính tôn vinh Đức Thượng Đế. Họ cho rằng Ngài là vị vua Trời cho nên họ tạo ra hình dáng một ông vua ngồi trên ngai vàng phương phi lẫm liệt, có nơi thờ Ngài trong nhà, lại cũng có nơi thờ Ngài ở ngoài sân. Đây là nói theo phong tục tập quán trong nền tín ngưỡng dân gian ở mỗi nơi mỗi khác. Còn các tôn giáo hiện hữu trên thế giới xưa nay chỉ tôn kính Ngài qua nhiều tôn danh, tôn hiệu khác nhau chứ chưa có thờ kính Ngài bằng biểu tượng, (chùa Ngọc Hoàng có tạc tượng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế để thờ!) vì Ngài là Đấng không hình, không tướng cho nên không có một hình tượng nào để thờ Ngài cả. Ngày nay, Ngài lập đạo Cao Đài lại dạy hàng môn đệ thờ Ngài bằng Thiên Nhân (mắt Trời), ngày đầu tiên lập Đạo Ngài dạy:

*Nhân thị chủ tâm
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả Ngã dã.
Nghĩa là:
Mắt do tâm làm chủ
Hai nguồn sáng trong mắt là chủ tế,
Yến sáng ấy là chơn Thần,
Chơn Thần ấy là Trời,
Trời là Ta vậy.*

Như vậy thờ Thiên Nhân là thờ Ngài. Người xưa thường có câu: “Hoàng Thiên Hữu Nhân” nghĩa là: Trời cao có mắt. Một lần khác, Ngài dạy với một cách thông thường dễ hiểu hơn:

Con nên hiểu Trời cao có mắt

*Mây hồng trần nhỏ nhặt đầu qua
Tội đến phước hưởng đó là
Công bình Tạo Hoá mình Cha cầm quyền.¹⁰
Hay là:*

*Đời thường nói Trời cao có mắt,
Sách thường biên Thái Nhất vô hình,
Mệnh mông đồ sộ rộng thình,
Mà soi xét đủ tình hình thế gian.¹¹*

Đức Giáo Chủ Cao Đài dạy môn đồ thờ Ngài bằng biểu tượng Thiên Nhân, là tượng trưng của sự sáng suốt, soi dẫn, thấy biết tất cả của ngôi Thượng Đế. Đó là chơn thần mà Ngài đem đến ban bố cho tất cả chúng sanh để tu chứng đắc Đạo. Đó là Chánh pháp Nhân tạng mà Ngài trao lại cho chúng sanh trong thời kỳ mạt pháp. Vậy biểu tượng thờ kính Đức Thượng Đế Chí Tôn, Giáo Chủ đạo Cao Đài, là Thiên Nhân có ý nghĩa soi sáng tất cả chúng sanh giác ngộ tìm về thiên lý, nương theo chơn pháp mà ngộ ra tự tánh của mình, trực nhận được chân lý tối cao ngay trong cuộc sống hiện tiền.

2. LỄ VÍA:

Lễ vía Đấng Giáo chủ Cao Đài hay còn gọi là lễ tế Trời, việc này đã có từ ngàn xưa, các dân tộc khắp nơi trên thế giới đều có lòng tín ngưỡng tôn kính thờ tự và cúng tế Ngài. Từ thời tiền sử, người Việt Nam đã tin có Trời. Việc chi trong cuộc sống họ cũng cầu Trời. Những tiếng “Trời ơi, Trời ơi” trên đầu môi đã cho thấy Trời rất quen thuộc với con người Việt Nam từ thời xa xưa cho đến giờ. Ca dao Việt Nam có câu:

Mỗi đêm mỗi thắp đèn Trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Hay là câu:

Lạy Trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày,
Lấy đầy bát cơm,
Lấy rơm đun bếp.

Điều này chứng tỏ người Việt Nam có một

10. Đại Thừa Chơn Giáo.

11. Tu Chơn Thiệp Quyết.

tín tâm thờ kính tế Trời từ buổi bình minh của đất nước. Đến đời nhà Lý, nhà Trần thì chỉ có nhà vua mới được tế Trời, vì vua là Đấng Thiên tử thay Trời trị dân, còn người dân thì chỉ được tế Thành Hoàng Bốn Cảnh ở đình làng. Lễ tế Trời tại Đền Nam Giao do chính Hoàng Đế ngự tế chủ bái ở nước Việt Nam được đặt thành tục lệ từ đời vua Lý Anh Tông (1138 – 1175) nhà vua cho xây Đền Viên Khâu phía Nam thành Thăng Long để tế Trời Đất. Đến đời Lê Thái Tổ (1428 – 1433), lễ tế Trời ở Đền Nam Giao được cử hành vào đầu xuân hằng năm. Lễ tế Trời trong các triều đại phong kiến được tổ chức rất long trọng, nhà vua phải thành tâm trai giới tịnh tâm hai ngày để cử hành đại lễ. Trong văn tế tại Đền Nam Giao có những đoạn rất thành khẩn được lược dịch ra như sau:

Mệnh mông không xiết,
Dốc dạ kính thành,
Công đức vòi vọi
Cùng Trời Đất chung.
Nhớ đức hiếu sanh,
Sao cho xứng tình,
Lễ phẩm dâng tế,
Điềm tịnh hư không.
Biết tâu gì được,
Mong hợp mệnh Trời,
Phúc lành ban xuống,
Khấp chấn an vui.

Đoạn văn tế trên cho chúng ta thấy được truyền thống tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam qua việc các vua đều tế Trời, còn trong nhân gian thường hay truyền tụng câu ca dao: “Mùng chín vía Trời, mùng mười vía Đất.” Ngày mùng chín tháng Giêng, tất cả người dân Việt Nam hay cúng Thiên Sư để cầu Trời ban phúc cho cuộc sống trong năm được an bình vạn sự. Ngày nay, Cao Đài Giáo ra đời cũng lấy ngày mùng chín tháng Giêng âm lịch làm ngày vía Đức Thượng Đế Chí Tôn, Đấng Giáo chủ Cao Đài. Vì sao đạo Cao Đài không chọn ngày khác mà lại chọn ngày mùng chín tháng Giêng làm ngày đại lễ Đấng

Giáo chủ của mình? Đây là một vấn đề mà người tu Cao Đài cũng cần tìm hiểu. Chúng ta thấy rằng Đức Thượng Đế không có ngày sinh, cũng không có ngày mất, thì lấy ngày nào để làm ngày vía của Ngài? Như vậy, ngày mùng chín tháng Giêng âm lịch hẳn hàm chứa ý nghĩa sâu sắc:

– Đạo Cao Đài ra đời tại đất nước Việt Nam, cho nên chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Việt Nam. Ngày mùng chín tháng Giêng là ngày các nhà vua đời xưa thường hay tế Trời, và nhân dân hay cúng Thiên Sư (Thầy Trời) vào ngày này.

– Đức Thượng Đế Chí Tôn là ngôi Thái Cực Thánh Hoàng, là nguyên thủy của vạn vật, là khởi đầu tất cả. Chúng ta thấy Thái Cực là ngôi một, lấy số 1 làm tiêu biểu, áp dụng vào thời gian thì tháng Giêng là tháng thứ nhất trong một năm. Theo kinh Dịch, quá trình tiến hóa gồm có chín giai đoạn, số 1 là giai đoạn đầu tiên, số 9 là viên mãn. Do đó chọn ngày thứ chín của đầu năm mới là ngày sinh của Trời.

Theo Dịch học những con số chẵn như 2, 4, 6, 8, 10 được gọi là số Âm, hay Ngẫu (Địa số) và những con số lẻ như 1, 3, 5, 7, 9 được gọi là số Dương hay Cơ (Thiên số). Bốn số 6, 7, 8, 9 được gọi là số thành. Số 9 là số thành lớn nhất lại là số Dương, vì thế Dịch gọi số 9 là số Lão Dương. Số này được coi là số hoàn hảo nhất, được dùng để chỉ ngôi cao tột bậc, người thế gian gọi vua là Đấng Cửu Trùng, ngôi vua là ngôi Cửu Trùng. Thế thì qua tượng số Dịch học, có thể hiểu rằng chọn ngày mùng 9 là vì số 9 là số Lão Dương lại là số huyền vi bí diệu, có thể biểu tượng cho ngôi Thượng Đế, Chúa Tế muôn loài vạn vật.

Ngoài hai ý nghĩa trên cũng còn nhiều ý nghĩa khác không thể nói ra đây hết được. Như vậy ngày mùng 9 tháng Giêng âm lịch hằng năm là ngày lễ lớn nhất của toàn đạo Cao Đài. Tất cả tín đồ Cao Đài xem ngày này là ngày đầy ơn phước trong năm, mọi người đều trai giới tinh nghiêm để dạ chí thành nguyện cầu Đấng Giáo chủ ban điển lành để sáng suốt trên đường tu

học và cầu nguyện cho quốc thái, dân an, thế giới thanh bình, càn khôn an định.

VI. THAY LỜI KẾT:

Qua những dẫn luận trên, chúng ta thấy Đấng Giáo Chủ đạo Cao Đài thật vĩ đại vô cùng. Ngài là Đấng toàn thiện, toàn chơn, toàn mỹ, vô thủy, vô chung, tự hữu hằng hữu, vĩnh cửu tuyệt đối. Ngài là ngôi Thái Cực nhất nguyên của vũ trụ, là Đấng điều hành, cai quản cả càn khôn, vũ trụ muôn loài. Ngài có công đức vô cùng, có quyền năng tối thượng, quyền pháp tối linh, bởi vì Ngài là Giáo Chủ của các tôn giáo và ngày nay đích thân giáng làm Giáo chủ Cao Đài. Ngài vừa là Cha cũng vừa là Thầy củatoàn thể nhân loại. Ngài đã bao lần vì chúng sanh mà giáng trần mở Đạo. Hôm nay, Ngài lại vì thương yêu tất cả chúng ta mà phế cả Bạch Ngọc Kinh để xuống thế ban truyền mỗi Đạo siêu mẫu cho chúng ta tu học, điều này cho chúng ta thấy đức đại từ đại bi của Ngài thật vô cùng tận. Chúng ta có duyên may gặp được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đại ân xá của Ngài, đó là ân phước vô cùng. Để không phụ công ơn to lớn của Ngài, chúng ta phải dốc hết lòng lo tu, lo học, nương theo quyền pháp và tất cả những lời dạy của Ngài qua kinh điển, Thánh ngôn, Thánh giáo mà thực hành sống Đạo và phải tu cho thành Đạo để được gặp Ngài ngay trong cuộc sống hôm nay vì Thánh ngôn Ngài dạy:

*Con có Thánh Tâm sẽ có Thầy,
Thầy là Cha cả của Đông Tây,
Tây Đông đâu biết hay không biết,
Thì đức háo sanh cũng thế này.¹²
Hay là:
Mấy trẻ muốn gặp Thầy cũng dễ,
Đẹp phàm tâm chớ để dây dưa,
Đục trong, quý phải ngăn ngừa,
Tham sân si ố tấn chừa cho xa.*

Muốn gặp Đức Giáo chủ Cao Đài thì phải có Thánh tâm. Ngài ở trong ta khi chúng ta đoạn

diệt hết tâm phàm. Được làm môn đệ của Đức Cao Đài là niềm vinh hạnh lớn nhất của tất cả chúng ta. Điều quan trọng là chúng ta phải dốc hết lòng tu học, chớ không phải chúng ta ý mình là đệ tử của Đấng Chúa Tể Càn Khôn rồi chê người khen mình, tự cho Đấng Giáo chủ của mình là lớn, sanh lòng tự cao tự đại mà làm mất đi đạo hạnh của mình và trái với lòng mong mỏi của Đức Thượng Đế Chí Tôn.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

HẠT XUÂN¹³

*Hạt xuân từng hạt xoay tròn
Cho con giác ngộ ra con rõ ràng
Tâm con là tiểu Ngọc Hoàng
Thân con là vũ trụ quan rộng dài
Tình con là đoá hoa mai
Mang hồn xuân đến hoà hài thương yêu.
Chí con thông thả tiêu diêu
Như làn gió mát riu riu thổi về
Ý con như cánh đồng quê
Trăm hoa đua nở bốn bề xuân sang
Qua đi từng hạt nhẹ nhàng
Hạt xuân hé mở Thiên đàng nơi tâm.*

THIÊN

*Phủ lớp bụi trần lộ tánh nguyên,
Vệt mây hiện rõ ánh trăng huyền,
Đất trời lồng lộng tâm hằng tại,
Có ngộ hay chăng một chữ Thiên?
Thiên tâm mới thấy đất trời tân,
Sớm tối say sưa hưởng cảnh nhàn,
Vạn vật sát na đều biến đổi,
Xinh tươi mới lạ đẹp vô vàn.*

TÂM

*Tâm đến hồng trần bị vô minh,
Tâm vương ngoại cảnh tánh sanh tình,
Tâm loạn bể trần tung sóng gió,
Tâm bình thế giớiặng an ninh.
Tâm kèm sáu dục không tà vọng,
Tâm khiến bảy tình phục thánh linh.
Tâm Đạo không sanh mà chẳng diệt,
Tâm vốn là ông chủ của mình. ■*

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).

13. Hạt Xuân là hạt châu trong chuỗi châu.

HỌC LỜI ƠN TRÊN DẠY VỀ ẤN CHỨNG

■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

Ngày 01-02 Mậu Thân (27-02-1968), tại Thiên Lý Đàn, Đức Đông Phương Chương Quán dạy: “Ngày nay cần truyền lệnh cho tất cả nhân viên Cơ Quan, từ thập trai đến trường trai, đều đến thọ pháp để phòng khi đại biến. Cần nhứt là biểu các em ráng trường trai, cho các em học sơ thoàn trong 9 ngày để định tâm an thân, sẽ tiếp truyền tân pháp, cho tập phần hữu vi rồi sẽ lần sang vô vi đại định.”

Trong lời dạy này chúng ta gạch dưới các điểm:

1. Ơn Trên ban ân không sót một ai “Truyền lệnh cho tất cả nhân viên”, trừ những vị chưa hội đủ điều kiện tối thiểu là chưa thọ thập trai: “từ thập trai đến trường trai”. Nếu trường trai thì kết quả sẽ tốt hơn: “biểu các em ráng trường trai”.

2. Ơn Trên ban ân cho nhân viên thọ pháp để có thể vượt qua các trở ngại: “phòng khi đại biến”.

Cùng ngày này, Đức Mẹ dạy: “Mẹ đến hôm nay là vì muốn cho các con được yên lòng trong khi cuộc



Minh họa: Bửu Long.

biến chuyển nơi thế gian. Chư Phật Tiên Thánh Thần đều lo cho nhân loại, lo cho các con. Khi con được đến trước Thiên bàn hầu tiếp đón các Đấng Vô hình là các con đã mở trí vô minh thêm một chút nữa. Ánh hồng quang soi rọi tâm thức đặng trọn lành hầu gọi nhuần Tiên Thiên chơn khí, để nhận định đường lối cho con và hướng dẫn mọi người.”

Chúng ta đến trước Thiên bàn là để thấp hươg, cúng, tịnh. Tuy chúng ta không thấy nhưng chư Thiên Hộ Pháp đã giáng lâm để giúp chúng ta mở trí huệ, tiếp Tiên Thiên chơn khí hầu tự cứu và diu dắt đồng bào, đồng đạo.

Trong đêm Đại hội Thường niên năm Mậu Thân, đàn cơ được thiết lập vào Tuất thời ngày 14, Ôn Trên dạy Đạo trưởng Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn hôm sau lãnh phần truyền pháp vào giờ Ngọ Rằm tháng hai cho từng người một. Cùng đêm đó, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Đ.C... Cười... Hiện đệ hiểu như vậy: Phương pháp tham thiền tịnh luyện là phương tiện thiết yếu giúp cho phần nghiên cứu viết lách được dễ dàng thông suốt. Còn trái lại như hiện đệ đã gặp là bởi tham thiền hành pháp chưa đúng mức. Hãy sửa chữa ngay tại chỗ bí đó, chớ không phải tại hành pháp làm trở ngại phần nghiên cứu.

Vậy hiện đệ hãy nhờ Tổng Lý và Bảo Pháp giúp đỡ khai thông chỗ bị bế đó nghe. Hiện đệ an lòng rồi sẽ toại nguyện.”

Việc tham thiền giúp cho phần nghiên cứu, huynh đệ nào chưa thông là do hành pháp chưa đúng mức. Thế nào là đúng mức: đúng thời, đủ thời, đúng theo khẩu quyết và phép hành công.

KIỂM ĐIỂM KẾT QUẢ = ÁN CHỨNG

Sau 81 ngày hành công của khóa Sơ Thiền Cửu Cửu năm Mậu Thân (1968), Đức Đông Phương Lão Tổ dạy trong đàn kiểm điểm:

*Bách thảo tươi nhờ đủ tuyết sương,
Ngọc cao giá bởi giữa trau thường,
Người tu muốn đạt cơ mẫu nhiệm,
Công quả công phu vạn nẻo đường.*

Hành giả siêng tu thì cơ thể tươi nhuận, được trong đạo, ngoài đời yêu mến, và lúc nào cũng lo công phu mà không quên công quả dù lớn hay nhỏ khi đến với mình.

Kế tiếp Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân lâm đàn dạy:

*Tòng bá xanh tươi đượm sắc màu,
Chín từng mây bạc cảnh tiêu dao;
Thương đời giữa lúc đời nguy khốn,
Giáng thể diu nương lại động đào.*

THANH HƯ ĐẠO ĐỨC CHƠN QUÂN – Lão chào chư hiền đệ hiền muội.

Vừa rồi Đức Đông Phương Chuông Quân phải đến Đâu Suất Cung hữu sự, có nhờ phần việc dạy pháp này cho Lão, nên Lão đến để hội ngộ chư hiền.

Không có vị Phật nào khóc, chẳng có vị Thánh nào buồn, Đức Thanh Hư dạy mỗi tịnh viên khuôn mặt phải tươi, lấy tươi vui để đẩy lùi buồn khổ, trở thành một tập quán tốt khi tọa thiền. Ngài dạy: “Vây chư đệ muội đã thọ pháp – hãy đồng ngồi lại, tắt cả công phu một giây cho Lão xem. Phải từ từ, chẳng nên phóng tâm. Sắc diện phải tươi lên như sắp được một việc vui mừng. Mặc dầu chư hiền đệ chưa niệm hết bài chú, nhưng cái thể đã biểu lộ trong sự công phu của chư hiền ở thời gian qua.”

Trong số tịnh viên, có vị đạt ít nhiều kết quả, có vị chưa được nên Đức Thanh Hư dạy “cần tìm cho được ấn chứng” thì mới bước lên, tiến đạo được. Ấn chứng trước tiên về thân là khứ trước lưu thanh, về tâm là giảm lục dục thất tình.

“Lão mong ước trong số chư hiền đã thọ pháp, cần tìm cho được ấn chứng của sự thành công, là bước đầu chỉ định tâm định thần. Nhưng cái tâm định, tức là thần trụ. Mà thần trụ sẽ có một ấn chứng phát hiện, hoặc xua đuổi thất tình lục dục, hoặc tẩy trừ uế trước ở châu thân. Bằng chẳng tìm ra, khó mà bước lên đệ nhị cấp cho trọn Tân Pháp, bảo vệ chư hiền trong lúc độc khí lan tràn, thiên tai chiến họa.”

“Nơi đây, Lão nhìn qua, đáng khen các hiền đệ cũng như thanh niên, nơi mình đường có vẻ rục rờ. Đó là ấn chứng của các thời công phu đầy đủ, và cũng khuyên những hiền đệ, hiền muội nào chưa hành đúng, chưa tìm được ấn chứng, ráng bền công mà tìm sự kết quả, đừng nản lòng.”

Vậy thì:

1. Ăn chay về mặt tâm là học mở rộng lòng nhân, về mặt thân là lưu thanh khứ trước, người môn đệ Đức Cao Đài ráng ăn chay 10 ngày/

tháng để được thọ pháp hầu vượt qua những biến loạn ngoại cảnh, và dao động nội tâm.

2. Cúng, tịnh trước Thiên bàn ở tại gia, nhứt là trước điện tiền Thánh sở, chư Thiên Hộ Pháp giúp hành giả mở thêm trí huệ, thu nhiếp Tiên Thiên chơn khí hầu tự độ và độ tha.

3. Nhờ thiền định đúng mức mà thuyết trình viên nghiên cứu thêm sâu, thêm rộng, thêm rõ để tài hầu trình bày cho thính giả dễ hiểu, dễ nhớ, dễ hành.

4. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân thật thương chúng ta khi dạy từng chi tiết về tư thế điều thân. Để chuẩn bị hành công, hành giả phải luôn nhớ tu đầu có khổ, không có vị Thánh nào buồn, không có vị Tiên nào khóc, nên nét mặt hành giả phải tươi để đón may mắn, tươi vui, phúc lạc.

5. Kế điều thân là điều tâm: “Tâm định thì thần trụ”, hôn trầm là bởi tâm không định. Xin cùng học lời dạy của Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân một lần nữa “chưa hành đúng, chưa tìm được ấn chứng, ráng bền công mà tìm sự kết quả, đừng nản lòng.”■



Tu thân là chước bảo thân,
Tập rèn đạo đức là phần vinh quang.
Với đời chung bước chung đàng,
Đỡ nâng diu đất khó khăn chớ từ.
Gìn lòng giữ một tâm hư,
Đừng lo danh lợi riêng tư dễ đành.
Tu là giữ một chí thành,
Nội tâm ngoại thể học hành cho thông.
Giữ gìn sẵn có chủ ông,
Trên đường tu học ân hồng rưới chan.
Nhân ngày Tứ Phước Thiên Quan,
Bút thần Lão để đôi hàng khuyên tu.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG
GIÁO LÝ, 15-01 KỶ MÙI (11-02-1979).

TƯƠNG TIẾN TỬU & TÂM TƯƠNG TỬU

■ THIÊN CHÍ S.T.

Tương tiến tửu – Thể thơ: Cổ phong (cổ thể) (thời kỳ: Thịnh Đường)

Nguồn: <http://www.saimonthidan.com/?c=article&p=792>



TƯƠNG TIẾN TỬU - LÝ BẠCH (701 - 762)

將進酒

君不見黃河之水天上來，
奔流到海不復回？
君不見高堂明鏡悲白髮，
朝如青絲暮成雪？
人生得意須盡歡，
莫使金樽空對月。
天生我才必有用，
千金散盡還復來。
[...]且為樂，¹

1. Tạm gác 4 chữ 烹羊宰牛

會須一飲三百杯。
岑夫子，
丹丘生，
將進酒，
杯莫停。
與君歌一曲，
請君為我傾耳聽。
鐘鼓饌玉何足貴，
但願長醉不願醒。
古來聖賢皆寂寞，
唯有飲者留其名。
陳王昔時宴平樂，
斗酒十千恣歡譁。
主人為何言少錢，
逕須沽取對君酌。
五花馬，千金裘，
呼兒將出換美酒，
與爾同消萬古愁。

■

TƯƠNG TIẾN TỬU

Quân bất kiến Hoàng hà chi
thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đại hải bất phục hồi!
Hựu bất kiến cao đường minh
kính bi bạch phát,
Triêu như thanh ti mộ thành
tuyệt.

Nhân sinh đặc ý tu tận hoan,
Mạc sử kim tôn không đối
nguyệt!
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
[...] thả vi lạc,²
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi.
Sâm phu tử,
Đan Khâu sinh.
Tương tiến tửu,
Bôi mạc đình!
Dữ quân ca nhất khúc,
Thỉnh quân vị ngã khuynh
nhĩ thính:
“Chung cổ soạn ngọc bất túc quý,
Đãn nguyện trường túy bất
nguyện tinh!
Cổ lai thánh hiền giai tịch
mịch,
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh.
Trần Vương tích thời yển
Bình Lạc,
Đẩu tửu thập thiên tú hoan
hước.”
Chủ nhân hà vi ngôn thiếu tiền,
Kính tu cô thủ đối quân chúc.
Ngũ hoa mã,

2. Tam gác 4 chữ “phanh dương tế
ngư”.

Thiên kim cừ,
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu,
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.

BẢN DỊCH CỦA NGÔ VĂN PHÚ

Thấy chẳng anh
Nước Hoàng Hà từ trời tuôn xuống
Chảy băng ra biển chẳng quay về.
Lại chẳng thấy
Lầu cao gương sáng thương đầu bạc
Sớm tựa tơ xanh, chiều đã tuyệt
Đời khi đặc ý hãy nên vui
Chớ để chén vàng trơ trước nguyệt.
Trời sinh ta tài ắt phải chọn
Nghìn vàng tiêu hết rồi có thôi
[...] lại vui nữa
Đủ ba trăm chén một lần mời.
Sâm Phu Tử
Đan Khâu Sinh
Nào kẻo rượu, chén chớ dừng!
Cùng người ca một khúc
Xin người nghiêng tai hãy lắng nghe
Tiệc lớn chuông trống dạo chẳng quý
Không được tỉnh đâu, phải say nhờ
Thánh hiền từ xưa đà lạnh ngắt
Lưu danh thiên hạ kẻ ôm be
Trần Vương³ thưở trước yến Bình Lạc
Đấu rượu vạn tiền say một cuộc
Chủ nhân xin đừng nói thiếu tiền
Mai kiếm rượu về lại cùng chiuốc
Áo cừ ngựa quý của ta đâu
Hãy sai hầu trẻ đem đổi rượu
Cùng uống cho tan vạn cổ sầu.

(NGÔ VĂN PHÚ, 2005. THƠ LÝ BẠCH TRANG 53-56).

■

Ghi Chú (từ nguồn): Vào niên hiệu Khai Nguyên, Lý Bạch đã quá 30 tuổi đời mà công danh vẫn chưa thành tựu gì. Ông thường du

3. Trần Vương chính là Tào Thực con trai của Tào Tháo, là một nhân vật rất tiêu biểu trong làng văn thơ. Tánh tình phóng khoáng, năm xưa đãi yến tiệc ở cung Bình Lạc mời tất cả các thi nhân ăn uống thoải thích...

ngoạn khắp nơi để quên lãng và lấy đó làm an ủi, được người bạn thân là Nguyên Dấn mời ông đi chơi Thái Nguyên. Phụ thân của Nguyên Dấn đang giữ chức Phủ Doãn tại Thái Nguyên, Lý Bạch được tiếp đãi nồng hậu và ân cần. Khi rời Thái Nguyên ông được phụ thân Nguyên Dấn tặng cho một con tuần mã và một chiếc áo lông chồn (Hổ Cừ) có giá trị nghìn vàng. Trên đường trở về ngang Lạc Dương, Lý Bạch bất ngờ gặp Nguyên Đan Khâu chơi núi Nga Mi về, hai người không nỡ chia tay, cùng nhau về chơi núi Dĩnh Dương. Vừa lúc đó vị ẩn sĩ ở vùng Nam Dương là Sâm Huân từ xa đến cùng nhau bày tiệc rượu tâm sự cho thỏa tình. Họ khiêng bàn tiệc ra giữa sân, trên trời ánh trăng tròn đang chiếu sáng, họ kể nhau nghe những cuộc du chơi đây đó và tương lai của cá nhân. Lý Bạch thở dài và có vẻ buồn lo nhưng ông tự an ủi mình và rót rượu uống hết chung này sang chung khác. Nguyên Đan Khâu sợ Lý Bạch quá chén thì chuyện không hay bèn ra hiệu cùng với Sâm Huân khích Lý Bạch làm thơ. Sâm Huân quay sang Lý Bạch, hỏi: “Xin hỏi hiền đệ, thế nào là đấu rượu?”, Lý Bạch đưa cao ly rượu lên, đáp: “Đời xưa múc rượu bằng vá (đấu), đại để một vá có thể châm được mấy ly”, Sâm Huân lại hỏi “Xin hỏi hiền đệ, ngày hôm nay đệ uống mấy đấu rồi?”, Lý Bạch thông thả đáp: “Có lẽ hai ba đấu”, Sâm Huân lại hỏi: “Nghe đồn hiền đệ uống một đấu rượu thì thơ tràn ra như nước, vậy thơ đâu?”, Lý Bạch biết mình đã mắc mưu bèn vỗ bàn đứng lên chỉ vào ngực đáp: “Ở đây này!” Cũng may lúc đó bút mực đã có sẵn, Lý Bạch liền đọc một hơi: “Quân bất kiến... Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai, Bôn lưu đảo hải bất phục hồi!...” rồi Lý Bạch rót uống thêm mấy chung mời Nguyên Đan Khâu và Sâm Huân, Nguyên Đan Khâu sợ Lý Bạch say sẽ không được nghe thơ liền nói: “Tôi đã hết tiền mua rượu rồi”, Lý Bạch liền tiếp: “Chủ nhân hà vi ngôn thiếu tiền, Kính tu cô thủ đối quân chiuốc. Ngũ hoa mã, Thiên kim cừ, Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu, Dữ nhĩ đồng

tiêu vụn cổ sâu...” thế là bài Tương Tỉu ra đời vào thời gian này. Tuy là bài thơ say nhưng nó được ấp ủ những cay đắng ngọt bùi trong nửa cuộc đời của Lý Bạch...

TÂM TƯƠNG TỬU

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 14-01

CANH THÂN 1980

Vượng khí THÁI hòa có đức nguyên,

Câu kinh BẠCH tự ấy chơn truyền,

Ai hay KIM ngọc năng mài dũa,

Rực rỡ TINH hoa ánh diệu huyền.

Tiết Mạnh Xuân còn hòa dịu bao la man mác, vạn vật còn đang chuyển mình trong khí tam dương. Dù cát bụi hồng trần vẫn còn mịt mịt quyen lấy gió xuân, nhưng mầm sống của vạn vật vạn linh vẫn vươn lên theo mầm sống thiêng liêng vô tận.

Mới nhắm mắt bóng câu, hành giả đã vượt qua hết một chu kỳ ngắn ngủi, để ngắm lại hay lắng tai nghe sau trước, sau những bước chân của hành giả có còn âm hưởng vọng lại trên đường sứ mạng Thiên ân hay như muôn vạn bóng mờ lại qua qua lại. Xuân nào cũng là một mùa xuân đem đến sự thay đổi, sự tiến hóa, sự thành công. Đối với hàng Thiên ân hướng đạo, xuân khác ở chỗ bình dị thâm trầm nhưng không thiếu bốn phận vi nhân để lèo lái con thuyền cứu độ.

Xuân Canh Thân, chư hiền đệ muội có vẫn thơ xuân, có chung trà ấm, có ly rượu nồng, có xuân sứ mạng và cũng có xuân phụng sự thì đâu kém những lần xuân trước. Tâm tương tửu mà Bản Đạo đã cùng chư đệ muội đối ẩm là để nhắc nhở nhau.

Bản Đạo thiết tưởng xuân hữu hạn đối với thế nhân xuân bất tái lai nên phải có ly rượu Giao thừa, chung trà khai thái để đón giờ xuân đến, tiễn giờ xuân đi. Còn hàng chơn tu thọ Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp thì xuân lại vô cùng vô tận.

Xuân Đạo vẫn còn, xuân tâm vẫn có. Kìa rượu xuân còn đó, chư hiền đệ muội đã nâng ly và hãy nâng ly xem như chung rượu tâm tương

tửu mà năm nào Bản Đạo đã cùng chư hiền đệ muội đối ẩm.⁴ Duy chỉ có một điều Bản Đạo muốn lưu ý chư hiền đệ muội: khi uống cạn ly rượu chung trà, cái thực chất có thấm thía được vào can trường huyết quản của người sứ mạng Thiên ân hay không.

BÀI TÂM TƯƠNG TỬU NĂM MẬU NGỌ CỦA ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

TUẤT THỜI, 29-12 MẬU NGỌ (27-01-1979)

Này chư hiền đệ! Một năm dài khổ nhọc hành đạo độ đời, nay Bản Đạo ban cho ly rượu nồng gọi là tâm tương tửu để tưởng thưởng công lao, chư đệ hãy dùng đi. Hãy nâng ly cùng Bản Đạo.

BÀI

Tâm tương tửu dễ nhường Tiên tửu,

Biết say men chí bửu Thiên ân,

Giúp cho tánh đạo sạch lần,

Diệt trừ tư hữu ngã nhân pháp quyền.

Muốn thấy tánh đùng thiên vị tánh,

Bình thường tâm mặc cảnh vô thường,

Chấp trì gương máy thiên lương,

Thượng hòa hạ mục là phương lập thành.

Tâm tương tửu Lão dùng đãi ngộ,

Tháng năm dài lao khổ chung lo,

Uống đi men đạo hồi trò,

Say men đạo đức dễ dò lòng nhau.

Tài với đức đối trao phụng sự,

Tâm với tài bực thứ không hai,

Có tâm mà lại có tài,

Đức tâm tài đủ, đạo Thấy hoằng dương.

Đời thì có hai đường chơn ngay,

Đạo chỉ cần chung thủy nhứt tâm,

Rượu này một thưởng cuối năm,

Một là ý chỉ cơ cảm ngày mai.

Chư hiền đệ hiền muội! Giờ này Bản Đạo muốn cùng chư hiền đệ muội chúc ly cúc tửu chờ đợi hương xuân. Hãy say men đạo cuối năm để trở bước hành đạo độ đời trong năm mới. ■

4. Đức Giáo Tông nhắc lại: Giao thừa năm Mậu Ngọ, Đức Giáo Tông ban rượu và bài thơ Tâm Tương Tửu

TU CHỨNG

■ HỒNG PHÚC

Bài đúc kết hội thảo kỳ II năm Quý Tỵ 2013.

Đức Chí Tôn Thượng Đế thành lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Đại Đạo, bộ máy sau cùng của Đại Đạo làm động năng thực hiện cả hai sứ mạng ngoại giáo công truyền và nội giáo tâm truyền để thực hiện hai mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là “Thế đạo Đại đồng và Thiên đạo Giải thoát”.

Nói rõ hơn, sứ mạng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được cô đọng trong hai lĩnh vực vô cùng trọng yếu mà Đức Giáo Tông Đại Đạo đã nhấn mạnh: “Trách nhiệm của Cơ Quan có hai điểm chính là tự độ và độ tha; tự hoàn thiện mình và hoàn thiện tha nhân trên hai phương diện:

– Phổ thông, phổ truyền giáo lý về mặt ngoại giáo công truyền.

– Đạt đạo giải thoát bằng phương pháp tánh mạng song tu về mặt nội giáo tâm truyền.”¹

Đây là hai lĩnh vực trí năng và đạo hạnh mà Đức Giáo Tông cũng đã minh định:

*“Trí năng để thuyết minh giáo lý soi sáng cho người tu học, cho mọi người, mọi tầng lớp, mọi nơi, mọi dân tộc và mọi trình độ văn minh. Đạo hạnh để thể hiện cụ thể tôn chỉ giáo lý đạo làm gương mẫu cho nhân sanh. Sống nếp sống đạo trong sinh hoạt hàng ngày, nhất nhất đều thể hiện lý Đạo.”*²

“Đạo hạnh” là lĩnh vực được tìm thấy qua kết quả của Công phu tu tịnh là một trong năm trọng điểm mà nhân viên Cơ Quan phải đạt được như lời dạy của Đức Giáo Tông vào năm Kỷ Tỵ (1979) là: “Đạo pháp thuần chơn, huyền

*vi chứng đắc.”*³ Nói khác hơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã được Thiêng Liêng đặt để cho việc đào tạo những con người phải “chứng được lẽ huyền vi” mà gọi đơn giản là “Tu chứng”, và Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã khẳng định:

“Tu là phải chứng. Có như vậy chư hiền đệ mới hoàn thành sứ mạng trọng đại đã ban trao. Tu chứng có hai phần:

1. Phần do nội giới tu chứng, phần này sẽ đạt đến chỗ lục thông.

2. Phần đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là tiêu biểu của Chơn Nhơn.

*Tuy hai mà một, ảnh hưởng thành tựu không riêng.”*⁴

Qua lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, chúng ta hiểu thế nào là Tu Chứng? Sự biểu hiện của tu chứng ra sao? Ai có thể tu chứng? Cấp nào mới đạt được tu chứng? Làm thế nào để tu chứng?

MỤC ĐÍCH CỦA ĐỀ TÀI.

Gần 50 năm trôi qua, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo với bao nhiêu thế hệ đã và đang tiếp nối trên đường sứ mạng hoằng giáo độ nhân trên hai phương diện “phổ thông, phổ truyền giáo lý và đạt Đạo giải thoát” và đã có những tấm gương Thiên ân công thành quả đủ, trở về đắc vị nơi cõi vô sanh để cho đoàn người hậu tấn noi theo tiếp bước.

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-01 Bính Dần (02-3-1986).

2. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-8 Bính Dần (14-9-1986).

3. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 27-02 Kỷ Tỵ (03-4-1979): “Bản Đạo dạy những trọng điểm sau đây cần thi hành: (1) Đạo pháp thuần chơn huyền vi chứng đắc. (2) Sứ Đạo. (3) Xác lập Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo. (4) Đào tạo nhân sự. (5) Phát triển kinh tế tự túc.”

4. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 09-10 Tân Dậu (05-11-1981).

Trong tinh thần phát huy truyền thống tốt đẹp của Cơ Quan, đồng thời giúp người nhân viên Cơ Quan vượt qua những chướng ngại hoài nghi do bởi những khảo đảo, củng cố đức tin, nâng cao hiệu quả tu học bằng sự nỗ lực bản thân hầu chung tay lèo lái con thuyền Cơ Quan vững vàng trước những cơn bão tố phong ba, hầu có thể làm tròn sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn đã ban trao, nhất là để đáp đền công ơn dạy dỗ của các Đấng Thiêng Liêng trong mấy mươi năm qua, Văn Hóa Vụ đã mạnh dạn đưa vào chương trình Hội Thảo kỳ II năm Quý Tỵ 2013 đề tài “TU CHỨNG”.

Văn Hóa Vụ hy vọng tạo một cơ hội để mỗi người nhân viên Cơ Quan có dịp suy tư chiêm nghiệm nhìn lại bản thân, nhận ra những gì đã đạt được và những gì chưa đạt được trong suốt quá trình tu học và hành đạo của mình, để rồi cùng nhau ngồi lại trải lòng nói cho nhau nghe trong ước vọng chung là khắc phục, sửa chữa, bổ sung những khiếm khuyết để cùng nhau hoàn thiện, đạt đến kết quả như lời khuyến nhủ của Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Nhơn: “*khuyến những hiền đệ hiền muội nào chưa hành đúng, chưa tìm được ấn chứng, rán bền công mà tìm sự kết quả, đừng nản lòng.*”⁵

Tất cả chỉ nhằm hướng về mục tiêu duy nhất là hoàn thành sứ mạng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nói chung và đạt Đạo giải thoát cho mỗi người nhân viên Cơ Quan nói riêng.

THẾ NÀO LÀ “TU CHỨNG”?

Muốn đạt đến chỗ gọi là “Tu chứng” thì không thể nào bỏ qua việc tìm hiểu ý nghĩa rất ráo của hai chữ “Tu chứng”. Qua các buổi Hội thảo vừa rồi, rõ ràng vẫn còn mơ hồ, không nhứt quán trong cách hiểu đúng hai từ “Tu chứng”.

• TU: theo từ Hán Việt có rất nhiều nghĩa, nhưng theo nghĩa thông thường:

– Tu là sửa chữa, (tu bổ, tu chỉnh...), sửa trị (tu thân...)

– Tu là chú tâm vào học tập và rèn luyện (tu dưỡng, tu luyện...)

– Tu còn được định nghĩa là sống khắc khe theo những giáo lý qui định chặt chẽ của một tôn giáo (tu đạo Phật, tu hành...)

Ở đây, Tu có thể được hiểu chính xác một cách khái quát, là sửa tánh từ xấu ra tốt, từ dữ hóa lành, theo đường đạo đức bằng việc chú tâm học hỏi giáo lý, điều tâm theo đường thiên lý bằng cách giữ giới luật; diệt trừ vọng niệm để chuyển từ phàm tâm ra Thánh tâm song song với việc rèn luyện chuyển hóa từ mạng người sang Thiên mạng bằng công phu thiên định để tạo tiền đề cho sự giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Như vậy, tu là phải có trau luyện.

Đức Ngô dạy về việc tu luyện như sau:

1. Là phải lo cải tiến tinh thần, gột rửa những thói hư tật xấu cho nội tâm được trong sạch, thi ân bố đức từ lời nói đến việc làm để có được âm chất.

2. Là phải học hỏi về phương pháp tu luyện để sớm giải thoát mọi vấn vương của nghiệp chướng thường tình, hầu tìm lại chơn như bản thể.⁶

• CHỨNG: nguyên gốc Hán Việt có nhiều nghĩa, theo nghĩa thông thường:

– Động từ: xác nhận rõ, nhận thực [chứng kiến (nhìn thấy tận mắt); chứng minh (làm cho thấy rõ ràng là có thực) chứng giám (soi xét và làm chứng); chứng quả (kết quả tu hành, thấy rõ được Đạo, thuật ngữ của đạo giáo)...]

– Danh từ: cái để dựa vào đó nhằm để xác nhận điều gì (chứng cứ, tang chứng...)

Vậy, “Tu chứng” hiểu một cách đơn giản nhất là kết quả của việc tu hành đã được chính người tu cảm nhận qua những thay đổi theo chiều tích cực về mặt sức khỏe, tánh tình, khả năng trí tuệ... của mình và cũng có thể được người khác nhìn thấy qua dung mạo, dáng vẻ, ngôn ngữ, cách đối xử... với mọi người.

Mặc dù, Ôn Trên đã xác nhận:

Tu chứng có hai phần:

5. Ngọc Minh Đài, 15–6 Mậu Thân (1968).

6. Gio Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

1. Phần do nội giới tu chứng, phần này sẽ đạt đến chỗ lục thông.

2. Phần đức độ uy nghi, tác phong thuần phác, đó là tiêu biểu của Chơn Nhơn.

Nghĩa là đích điểm của sự Tu chứng, bên trong là đắc được Lục thông, bên ngoài phải thể hiện tác phong, đức độ của bậc Chơn Nhơn. Tuy nhiên, đối với nhân viên Cơ Quan, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã xác nhận việc tu hành chỉ cần đạt được chỗ: “Huyền vi chứng đắc”, tức là tu học, luyện đạo sao cho thấy được nghĩa lý nhiệm mầu sâu kín tế vi của Đạo. Điều này phù hợp với cách tu nhập thế, tiệm ngộ của con đường tu theo Phổ Độ của Cơ Quan.

Đức Đông Phương Chưởng Quản cũng đã dạy:

“Tu chứng không phải đúng như danh từ được ghi trong đạo thơ chơn kinh, đó chỉ là đặt danh từ để làm điểm nhắm cho hành giả biết thế nào là luyện kỹ công phu, chớ sự tu chứng khó tỏ bày bằng lời bằng tiếng. Bởi hành giả nhắm vào danh từ này nên ước vọng tu chứng không thành, bởi chứng ngộ mà tự mình không hay biết, như cá sống trong nước đục nước trong, không hay rằng trong hay đục, vẫn lội vẫn bơi, thung dung tự tại.”

Như vậy, Tu Chứng: chỉ là sự nhận biết được qua thời gian kết quả của việc tu học, luyện rèn thân tâm theo phương pháp đã được Thiêng Liêng chỉ dẫn, cụ thể là sự nhận biết kết quả từ việc thực hành pháp môn Tam Công: Công quả: hành đạo, phụng sự giúp đời; Công trình: luyện kỹ, sửa rèn tâm tánh từ phàm ra Thánh và Công phu: tu tịnh thiền định để diệt trừ vọng niệm, rèn giữ tâm thanh tịnh. Có thể tóm tắt Tu chứng là tạo được tâm công bình, bác ái, từ bi, vong kỷ, vị tha, phá chấp, hy sinh để không còn bất cứ sự phân biệt nào, thể hiện như là tâm Trời Đất từ pháp môn Tam Công như lời xác nhận của Đức Bát Nhã Thiền Sư: “Công đức, công trình, công phu, công quả không thể đo lường, nhưng có thể nhờ đó mà thành công tu chứng.”⁷

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-7.Định Tỵ (02-9-1977).

8. Bát Nhã Tịnh Đường (Long Hải), 08-5 Giáp Dần (27-6-1974).

SỰ CẦN THIẾT CỦA “TU CHỨNG”

Các Đấng Thiêng Liêng thường nhắc nhở rằng chỉ có tu chứng mới cứu độ được nhân sanh. Và để thực hiện thành công sứ mạng phổ thông phổ truyền giáo lý, Đức Ngọc Lịch Nguyệt đã nhắc nhở:

“Sự thành công của Cơ Quan không phải nhứt thiết bằng hoạt động, bằng tuyên truyền, bằng cứu cánh thực thể mà cần phải bằng tâm linh vi diệu, bằng đạo pháp tu chứng nữa mới thật sự kết quả sứ mạng của Cơ Quan.”⁹

Thật vậy, lời nói về đạo đức, về con đường giải thoát cứu khổ nhân sanh nếu phát ra từ cửa miệng của một nhà nghiên cứu, một học giả, thì cũng chỉ trở thành những học thuyết trong muôn ngàn học thuyết, không mang lại giá trị thực tiễn cho sự cứu độ nhân sanh, có nghĩa là không đủ hiệu năng để người đời làm theo, cho nên cần phải có sự tu chứng của người thuyết đạo để cho thấy một tâm linh vi diệu phát xuất từ công phu luyện kỹ, tu đơn. Có như vậy sứ mạng của Cơ Quan mới thực sự kết quả.

Hơn nữa, Đức Giáo Tông Đại Đạo đã nhắc nhở:

Định luật tương quan cõi thánh phàm,

Hoảng khai Đại Đạo độ kỳ tam,

Máy trời vận chuyển cơ qui nhứt,

Chẳng phải Chơn Nhơn ắt khó làm.¹⁰

Đây là cơ qui nhứt diễn ra trong thời điểm đạo đức con người tuy suy đồi, tâm linh con người tuy mờ tối, nhưng trí tuệ con người lại tiến bộ vượt bậc, con người đã đạt đến đỉnh điểm của sự vinh quang do bởi những tìm tòi, phát minh kỹ thuật khoa học vật chất. Cho nên, để làm sứ mạng vận chuyển thế đời, đòi hỏi con người sứ mạng phải tu chứng, phải thể hiện là bậc Chơn Nhơn, không chỉ có được trí thức siêu việt hơn đời, mà còn phải có một nhân cách hơn người thể hiện qua nếp sống hằng ngày với đức độ, tác phong đạo hạnh gây được thiện cảm, mẫn phục đối với mọi người, và điều này chỉ có được đối

9. Vĩnh Nguyên Tự, 11-3 Giáp Dần (03-4-1974).

10. Ngọc Minh Đài, 15-7 Mậu Thân (08-8-1968).

với người tu hành chúng đắc được nghĩa lý sâu kín của Tạo Hóa để làm theo Thiên lý, như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*“Muốn độ người phải có trí thức siêu việt hơn đời, phải ưu thế hơn trên mặt trí năng tư tưởng. Nhưng Đạo là lẽ sống, là hạnh phúc nên phải thể hiện cụ thể chân lý cao siêu ấy trong mỗi người qua nếp sinh hoạt hằng ngày, tác phong đạo hạnh thuyết phục mọi người chung quanh để cảm để phục, vừa lành vừa hay, vừa ích lợi vừa chân thật, đó là những yếu tố quan trọng tiến đến thành công trong lĩnh vực tâm lý xã hội.”*¹¹

Chính vì vậy mà Ôn Trên đòi hỏi người nhân viên Cơ Quan phải đạt đến chỗ “Đạo pháp thuần chơn, huyền vi chứng đắc.” Ôn Trên không đặt ra tiêu chí “Đạo pháp thuần chơn, lục thông chứng đắc”, bởi vì đây là điều chưa thể đạt được đối với con người trong thời mạt pháp. Chúng ta là những lũ khách đang đang lẩn dò từng bước để tìm về bến giác một cách hết sức khó khăn do bởi lạc nẻo luân hồi quá lâu, ngọn tâm đăng đã bị phủ mờ tăm tối, không mong vọng tu hành đắc được lục thông tại thế, chỉ tin tưởng rằng bằng sự quyết tâm gắng chí con đường tu hành chỉ có thể chứng ngộ từng cái tế vi của Tạo Hóa như lời của Đức Đông Phương Chưởng Quân:

“Sở dĩ chư hiền phần đông chưa thâm nhập được bản thân, giữ gìn được bản thể viên dung là bởi sanh nơi hồng trần trải qua vô lượng kiếp, ô nhiễm biết bao chủng tử, nhiều phiền não, cho nên muốn trở lại lúc ban sơ không phải một sớm một chiều mà thành công được.

(...) chư hiền phải học nhiều thấm nhuần đạo lý pháp môn. Trước khi hạ thủ, đồng thời cũng được để tâm quan sát các pháp ở thế gian hầu biết được các pháp ấy giai không để rồi tạo lấy niềm tin.

Học đã kỹ, quán đã thông, thì đến đoạn hành. Trong lúc hành có được kết quả mau chóng hay không là nhờ căn bản đạo lý có vững chắc hay

*không, nghĩa là làm sao khi hành câu vô niệm hay bất cứ tâm pháp nào khác mà không thấy trở ngại, bởi cột tâm vào sở học mà hành trúng đường, ấy mới gọi là “tuyệt học vô ưu”, chứng đắc đạo quả vậy.”*¹²

Nếu hiểu Tu chứng trong ý nghĩa đó, vấn đề tu chứng không chỉ là điều kiện tối cần mà còn là nhu cầu bức bách để Cơ Quan hoàn thành sứ mạng trước Đức Chí Tôn do bởi sẽ có ảnh hưởng to tát cho cơ tận độ như lời Thánh giáo:

*Chư hiền đệ hiền muội rất có thiện chí để thuận hành đạo pháp vượt khổ hải trùng dương là một điều đáng ngợi khen, nhưng phải bền chí nhẫn nại tìm cho được cái mấu chốt duy nhất để điều động gương máy cho thông suốt, khả dĩ tự hoan lạc tâm trung và phát hiện ra diện mạo hiền hòa thư thái. Sự chứng ngộ đó sẽ có ảnh hưởng rất to tát cho cơ tận độ ngày nay. Cũng như ánh sáng của ngọn đèn, khi được thắp lên và khi đã tắt, nên người tu hành đến lúc ấy không những lợi cho bản thân mà còn lợi nhơn, lợi vật, vì lòng lành bao la thanh thoát, tình thương trải khắp đó đây, sự sống nào cũng vui cũng hợp. Cái giá trị của người tu luyện như thế. Chư hiền đệ hiền muội hãy ghi nhớ để mà tu..”*¹³

NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA “TU CHỨNG”.

Khi nói đến Tu chứng, nhiều người nghĩ đến việc đắc lục thông, có phép mầu hô phong hoán vũ, có phép thuật thần thông, am tường quá khứ vị lai. Theo đúng nguyên tắc của việc tu hành, tu chứng có nhiều mức độ mà mức độ căn bản đầu tiên của sự tu chứng chính là có được dáng vẻ bên ngoài thuần hậu minh mẫn, dễ mến dễ thương, có khả năng cảm hóa được những người chưa giác ngộ. Mức độ thứ hai của tu chứng chính là sự phát huệ, là đạt được trí huệ minh triết để hiểu được lẽ Trời, hiểu được Thiên cơ như lời Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-8 Bính Dần (14-9-1986).

12. Bát Nhã Tịnh Đường, 12- 3 Nhâm Tý (25-4-1972).

13. Thánh thất Bình Hòa, 18-8 Nhâm Tý (25-9-1972).

Người tu chứng ngộ biết lẽ Trời,
Sẽ thấy được chỗ rộng khơi mầu nhiệm.¹⁴

Mức độ cao nhất của sự tu chứng là đạt được sự thần thông biến hóa, không còn bị ngăn ngại bởi không gian và thời gian của cõi trần thế này. Đức Giáo Tông Đại Đạo đã dạy: “Tu chứng giả biến thông vô tận”¹⁵ có nghĩa là người tu chứng quả thì có thể biến hóa thông suốt không hề bị giới hạn ngăn ngại.

Tuy nhiên, đối với người nhân viên Cơ Quan, như đã nói, việc tu chứng đã được Ôn Trên đưa ra chỉ tiêu là “*Huyền vi chứng đắc*”, cho nên mức độ cao nhất không đặt ra. Điều này cũng đã thấy rõ hơn qua một lần giảng đàn tại Cơ Quan, Đức Đông Phương Chương Quán đã hỏi các vị hầu đàn:

“Qua một thời gian tu tập, chư hiền đệ có nhận được sự tu chứng của chính mình không?”

Và Ngài đã xác nhận:

“*Phải! Chư đệ làm sao biết được, vì tu chứng ở hình thức rất nhiều mặt mà tóm lại cái lý đơn nhất tế vi. Nếu chư hiền đệ nhận biết có thì sẽ thật sự tu chứng. Vào hàng Đại Thừa, phép công phu tu luyện là tâm thanh tịnh. Tâm có thanh tịnh mới xét biết được chỗ hư thiệt mà dụng tâm cho kế hợp huyền đồng cùng thiên lý. Tuy nhiên không phải một sớm một chiều mà hàng phục được vọng tâm, chế ngự tập tánh phiền tạp. Do đó đòi hỏi người hành giả phải có đức kiên trì nhẫn nại trước mọi nghịch cảnh. Những cái bất như ý khác sẽ khắc phục được cái thói thường tình thì chơn tâm mới hiển lộ.*

(...) Muốn được như vậy, chư đệ phải làm thế nào khi khí lực nhờ tu luyện mà duy trì, tâm linh nhờ tu luyện mà sáng suốt. Hiện tại chư đệ cần dùng tâm đức để điều hòa trách nhiệm, phải học tập vô vi nhi vô bất vi, mà không dùng tâm lực như khi trước.

Nói như vậy không phải bảo chư đệ không

làm gì cả, mà phải hòa mình với các em trong mọi công việc.”¹⁶

1. TỰ CẢM NHẬN ĐƯỢC SỰ THAY ĐỔI TRONG THÂN TÂM:

Qua lời dạy của Đức Đông Phương Lão Tổ, sự tu chứng ở hình thức có rất nhiều mặt nhưng sự hiển lộ rất tế vi, nếu chúng ta nhận biết thì sẽ thật sự tu chứng. Đó chính là sự thay đổi âm thầm lặng lẽ trong thân tâm của người tu theo chiều hướng thượng, thăng hoa trải qua thời gian mà nhiều khi chúng ta không hay biết vì nó xuất hiện rất chậm và rất tế vi.

Đức Ngô Đại Tiên dạy:

“– Người tu chứng tâm đức sẽ hiển lộ, suốt thấu tất cả sự vật chung quanh mà lòng như dòng nước mát, không ngăn cách phân biệt thấp cao sang hèn thanh trước, tận độ với một lòng bác ái vô biên.

– Người tu chứng chung quanh dường như không có một quyền uy pháp luật nào mà ân oai chói rạng, quyền pháp nghiêm minh, tình thương do đó mà dấy tràn, trật tự do đó mà an bài, giáo lý Đạo do đó mà thâm sâu hoằng hóa.”¹⁷

Sau một thời gian tu học, thực hành pháp môn Tam Công với tâm chí thành, thường rất lâu, nếu chúng ta cảm thấy lòng mình như mở rộng hơn, sẵn sàng giúp đỡ người khác trong sở năng sở hữu mình một cách nhiệt tình, không tính toán thiệt hơn. Không còn phiền não bởi những tình cảm ganh ghét, đố kỵ người hơn mình, không còn muốn so đo tranh giành hơn thua như trước. Đức tin của mình vào con đường đã chọn đã trở nên vững mạnh kiên định, không bị chuyển lay cho dù bị khảo đảo, muộn phiến, tức trở nên bản lĩnh hơn.

Tâm tánh mình trở nên điềm đạm, nhẫn nại, bớt nhiều sự nóng nảy cố hữu khi gặp chuyện trái lòng. Biết chấp nhận nghịch cảnh

14. Minh Lý Thánh Hội, 06–12 Quý Sửu (29–12–1973).

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29–02 Mậu Ngọ (06–4–1978).

16. Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 08–4 nhuận Nhâm Tuất (30.5.1982).

17. Đức Ngô Đại Tiên.

mà không còn than van, oán trách. Tình cảm dường như đã vượt ra khỏi giới hạn của sự thiên lệch, để có được sự đối xử, phán đoán công bằng hơn với mọi người.

Lòng cảm thấy gắn bó hơn với tập thể, luôn lo lắng trách nhiệm của mình trong mối liên hệ với tập thể, không vì bất mãn, chê trách mà rời xa tập thể, để nuôi dưỡng ngã mạn ngày một lớn hơn. Tinh thần vị tha đã dần thay chỗ cho lòng vị kỷ.

Đáng nói hơn, là người tu cảm thấy sức khỏe mình tốt hơn vì như Thánh giáo dạy: *“Trước tiên là điều hòa thần khí, an định thân tâm. Thần khí, thân tâm được điều hòa an định thì con người luôn luôn được tươi nhuận khoẻ mạnh không phải bận tâm những thời kỳ thuốc men khan hiếm.”*¹⁸

Sự tu chứng còn biểu lộ sự sáng suốt, khả năng học hiểu nhanh hơn, sâu hơn, đồng thời có được những quyết định, những suy nghĩ, lời nói và hành động hợp thời và đúng đạo lý khiến cho khả năng giải quyết mọi việc trong cuộc sống, trong nghề nghiệp, nhanh nhạy hơn, hợp lý, đúng đạo, thuyết phục được người đối diện, và tâm hồn luôn cảm thấy thơ thới hân hoan thay vì bị căng thẳng, đè nén.

Trong giờ công phu, hành giả không còn bồn chồn trông chờ hết giờ, không còn bị tê chân, mỏi lưng, không hôn trầm và sự phóng tâm đã giảm xuống. Thần hồn mạnh mẽ hơn, như không còn sợ ma trong giờ tịnh một mình lúc nửa đêm giờ Tý...

Trên đây là một số thí dụ về tu chứng được thể hiện qua những chuyển biến tích cực bên trong người tu nói lên kết quả của việc tu hành mà chỉ có người tu khi quán xét kiểm điểm thân tâm có thể nhận biết. Người tu chứng còn có thể chứng nghiệm sự thông công cùng với cõi vô hình qua những tiếng nói vô thanh dạy đạo, bởi vì Đức Đông Phương Chưởng Quản đã xác nhận:

“Khi tâm linh được mãn tuệ khai thì người

18. “Thánh Giáo Sư Tập Đức Đông Phương Lão Tổ và Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn”, tr.97 (1995).

*và Trời hòa đồng như một, vẫn nghe được tiếng nói không lời, vẫn thấy được hình ảnh không sắc tướng.”*¹⁹

Tiếng nói không lời đây chính là những tư tưởng đúng đắn nảy lên trong giây phút tâm thanh tịnh, có khả năng tháo gỡ những khó khăn hay trả lời một vấn đề nào đó mà mình đang thắc mắc chưa tìm ra cách giải quyết, chớ không phải là âm thanh vọng lại từ ngoại giới.

Đây là phần nội giới tu chứng.

2. SỰ TU CHỨNG ĐƯỢC THỂ HIỆN QUA DÁNG VẼ BÊN NGOÀI:

Bước sang phần ngoại giới tu chứng, sự tu chứng được thể hiện qua dáng vẻ bên ngoài của người tu, đã được các Đấng Thiêng Liêng dạy rất nhiều.

Đức Vạn Hạnh Thiển Sư giải thích:

“Hễ màn vô minh được mỏng, ngọn tâm đăng hiện lần lần ra. Hễ ngọn tâm đăng càng hiện lần lần sáng tỏ chừng nào thì con người ấy sẽ được và đang được trở thành một người thuần hậu, thuần lương, từ tướng đi cách đứng, khi nói lúc làm, luôn luôn tác phong người ấy rất nghiêm chỉnh phúc hậu đoan trang, dễ gây sự thiện cảm kính mến với tất cả mọi người chung quanh, một lời người ấy nói ra sẽ đem lại sự thành công nên việc, an ủi và hạnh phúc cho kẻ khác.

*Tâm đăng soi sáng giúp cho mình,
Tâm đạo trau dồi được tuệ minh,
Cầm đuốc rọi đường cho đại chúng,
Phổ truyền giáo lý độ nhơn sinh.”*²⁰

Đức Hà Tiên Cô cũng dạy: *“Tâm chí sáng ngời nhờ có chí lo bồi công lập đức, có chói sáng được tâm đức thì thể hiện lên những nét thuần hậu minh mẫn, dễ mến dễ thương chẳng những đoan được nghiệp thân mà cảm hóa được những người chưa giác ngộ. Đó là bước tu chứng đầu tiên của người hành giả.”*²¹

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sừu (25-3-1973).

20. Minh Lý Thánh Hội, 21-9 Kỷ Dậu (01-11-1969),

21. Vĩnh Nguyên Tự, 22-11 Đinh Tỵ (01-01-1978).

3. TU CHỨNG BIỂU HIỆN BỐI ÂN PHƯỚC CỦA THIÊNG LIÊNG BAN CHO:

Một điểm phúc lớn lao đối với người nhân viên Cơ Quan là có thể nhìn thấy sự tu chứng của mình qua những ân phước mà Thiêng Liêng đã ban cho trong đời sống thường nhật. Đây là điều mỗi người tự cảm nhận để tự đánh giá việc tu học của mình.

AI CÓ THỂ “TU CHỨNG”

Thường khi nói đến tu chứng, là nghĩ ngay đến phần công phu luyện Đạo. Trong Đạo pháp thì có nhiều cấp bậc, từ thấp đến cao, và ai cũng nghĩ rằng chỉ có những bậc tu luyện cao, mới có thể tu chứng. Tuy nhiên, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có lần đã khẳng định:

“ĐÁNG CHÍ TÔN luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật Thánh Tiên luôn luôn hộ trì, chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập cho thật dững mãnh sáng suốt, dầu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được. Chư đệ muội hãy giữ Cao Đài nội tại cho thật vững vàng thì không sợ gì bị sa đọa trầm luân.

*(...) Lão phân như vậy để chư hiền đệ muội vững vàng trước sứ mạng hiện hữu của chính mình mà làm tròn trách nhiệm thiên ân.”*²²

Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân cũng đã dạy:

*“Trong hàng đạo hữu thường khi nghe nói đến lãnh vực thiên định công phu tu luyện thì đã nghĩ ngay đến vấn đề tạo Phật tác Tiên, thoát thai thân hóa. Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng chỉ mới đúng có phân nửa mà thôi, còn phân nửa kia phải hiểu rằng đó là yếu tố căn bản để giúp cho hành giả một phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhưng rẻ tiền, chỉ dụng nhiệt tâm trì chí là đạt thành tu chứng”*²³.

Đức Đông Phương Chưởng Quân xác nhận:

Công phu tu luyện không ngoài ý chí của chư đệ. Bản Đạo xét thấu toàn thể chư đệ đều có ý

*chí cương quyết tham cầu Đạo pháp, giải thoát nghiệp duyên thì sớm muộn gì cũng tu chứng được, ngoại trừ chư đệ không dứt lòng chấp trước, chưa đoạn hết trần duyên, dám bỏ sự nghiệp bạc tiền mà không dám bỏ lòng mặc cảm, tư ái...”*²⁴

Qua lời dạy của các Đấng, có thể yên lòng tin rằng đã bước chân vào đường Đại Thừa Thiên Đạo, dù ở cấp bậc nào cũng có thể đạt được sự tu chứng, miễn là người tu nhứt nhứt tâm thành, quyết tâm giải thoát, trì hành đúng theo lời dạy của Thiêng Liêng, giữ tròn qui giới, hành đúng pháp môn, siêng tu, siêng học thì sớm muộn gì cũng tu chứng được.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ “TU CHỨNG”?

Nói đến Tu chứng là nói đến lĩnh vực Công phu thiên định, cho nên để trả lời câu hỏi “Làm thế nào để Tu chứng” thì trước hết, không thể không nhắc đến Công phu tu luyện:

Đức Bảo Hòa Thánh Nữ dạy:

*“Muốn tu chứng phải có tâm chí kiên trì, công phu chẳng trễ, sạch lòng phiền não, ái dục, tham sân si, để được thanh tịnh mà tu mà học.”*²⁵

Trong một đàn cơ khác, Đức Bảo Hòa Thánh Nữ đã dạy: *“Ví như muốn đạt đến chỗ tu chứng thì vạn duyên phải đốn tuyệt.”*²⁶

Đức Giáo Tông Đại Đạo dặn dò các tịnh viên: *“Đây các tịnh viên nghe Bản Đạo dạy: trước khi vào nhập tịnh phải giữ lòng yên tịnh thanh thản, dứt bỏ những gì liên hệ đến gia đình, không bận bịu thì công phu mới tu chứng.”*²⁷

Nhưng chỉ Công phu vẫn chưa đủ vì điều kiện Tu chứng còn đòi hỏi người tu phải khắc kỷ, luyện tâm. Khắc kỷ là sửa đổi, không làm tội lỗi, đoạn trừ thất tình lục dục, nhĩ ngã phân chia để biến phàm tâm ra Thánh tâm, bởi vì muốn hóa nhơn phải luyện kỷ, *“khuyến người làm từ bi, bác*

22. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

23. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Giáp Dần (26-01-1975).

24. Minh Đức Tu Viện, 24-01 Đinh Tỵ (13-02-1977)

25. Vĩnh Nguyên Tự, 22-11 Đinh Tỵ (01-01-1978).

26. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 29-02 Nhâm Tuất (24-3-1982).

27. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Quý Sửu (17-5-1973).

ái, công bình mà chính mình không làm được thì sự khuyên đó không đem lại kết quả gì hết”, mà phải như lời Đức Mẹ dạy:

Con phải cố khêu đèn chơn lý,
Cho người đời để ý nhìn theo.²⁸

Đức Bảo Hòa Thánh Nữ dạy:

“Đừng thấy lỗi nhỏ mà làm, chớ cho điều lành nhỏ mà bỏ qua. Công minh chính trực, mảy hào chớ phạm, lợi kỷ tổn nơn là điều nên tránh. Quên tự thân mà làm nên đạo đức thì Đại Thừa Thiên Đạo ắt được trọn nên.”²⁹

“Điều thứ đến là phải học luật lệ Cao Đài, và sau nữa phải giữ giới luật qui điều Đại Đạo. Đó là ba điều tối thiểu mà người muốn bước vào Đại Thừa Thiên Đạo phải thực hiện cho được thì mới vững vàng trên trên bước đường Chơn Đạo và sẽ được ĐỨC CHỈ TÔN điểm đạo.”³⁰

Luyện tâm là rèn Tâm chuyên nhứt, không vọng cầu và tuyệt đối thanh tịnh. Đức Như Ý đã dạy:

“Tâm phải bình thường như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kinh thiên, tám gió không lay, mười hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức là luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm nữa mà là thần. Thần là chủ thể vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thế cơ Trời. Thần năng nhập thạch, thần năng phi hành, nhập thủy bất nịch, nhập hỏa bất phần. Chư đệ muội nhớ những câu tâm ấn này chớ? Thần linh diệu thì ngôi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lặng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành.”³¹

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng đã có lần dạy rằng: “Tâm không an định làm sao ngộ Đạo tu chứng thoát khỏi mê đờ? Thiên cơ diễn tiến, người có an định thanh tĩnh mới hiểu được Thiên cơ.”³²

28. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Hườn Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

29. Vĩnh Nguyên Tự, 22-11 Đinh Tỵ (01-01-1978).

30. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 9 giờ đêm Rằm tháng Giêng Tân Dậu

31. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

32. Minh Lý Thánh Hội, 03-5 Giáp Dần (29-6-1974).

Đức Đông Phương Chương Quán cũng đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc rèn luyện tâm hạnh đối với kết quả tu chứng: “*Phải rèn tâm hạnh, tâm hạnh là mức độ thành công của người hành giả.*”³³

• TÂM: là tâm chuyên nhứt, không vọng cầu, trọn vẹn niềm tin vào con đường chân lý mình đã chọn cho dù bao nghịch cảnh trái ngang, hay bị khảo đảo muộn phiến. Đây là yếu tố rất quan trọng vì người tín đồ Cao Đài có đi trọn con đường để hoàn thành sứ mạng thiêng liêng hay không là do tâm có vững vàng chuyên nhứt hay không.

• HẠNH: là nét na, tư cách, tác phong đạo hạnh, lời nói, cử chỉ biểu lộ được hình thành bởi tính nhẫn nhục, lòng khiêm tốn, đức phục thiện. Để đạt được Hạnh, đòi hỏi quá trình luyện kỹ, kiên nhẫn, sửa đoan từ tánh xấu ra tốt.

Ngoài ra, việc tu chứng còn phải chịu sự tác động của quả nghiệp tiền khiên, vì vậy đòi hỏi sự thực hành Công quả, để tạo nên Đức: Là phần âm chất vô hình có được do những việc làm có lợi cho tha nhân, cho xã hội. Để đạt được Đức phải thực hành công quả trong tinh thần vô công vô kỷ, vô lợi, vô danh như lời dạy của Đức Cao Triều Tiên Bồi:

“*Hãy lấy làm niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.*”³⁴

Một yếu tố nữa cũng không thể thiếu là Tài, trong bốn điều kiện tu học mà Ôn Trên vẫn thường nhắc đến là Tâm – Hạnh – Đức – Tài, là kết quả thu thập được từ quá trình siêng năng tu học giáo lý không thể thiếu đối với người tu, thể hiện trí tuệ, hỗ trợ đắc lực cho việc tu chứng.

Cuối cùng, không thể không nhắc đến sức khỏe được coi là yếu tố then chốt cho người tu trên bước đường tu tập thực hành pháp môn Tam Công.

Đức Long Hoa Giáo Chủ Di Lạc Thiên Tôn đã nhắc nhở:

“*Trước khi vào Sơ Cơ thừa thụ pháp môn, không phải theo khẩu quyết nhứt định, mà phải soát*

33. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-12 Đinh Tỵ (09-01-1978).

34. Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

lại tâm nguyện, giới hạnh, sức khỏe. Ba điều ấy thiếu một, không sao làm được thánh. Nên trước hết là tâm nguyện có đủ, mà sức khỏe không bảo đảm, làm sao đeo đuổi hành trì mãi đời?

Dầu có làm cũng không đúng pháp, nên trước hết là dạy về phương điều nhiếp dưỡng sanh, tiêu trừ tật bệnh. Phải quân bình cho được các bộ phận trong cơ thể, về ngũ tạng lục phủ, khí huyết tứ chi, quân bình để cho cơ thể điều hòa, sức khỏe trợ lực cho tinh thần thì tu không chán, ngồi không mỏi, học không thôi. Quân bình thể chất và quân bình tinh thần, quân bình giữa ý niệm tập quán từ xưa còn lưu ứ nơi lòng, giữa thể xác, giữa tinh thần phải tương trợ lẫn nhau, điều hòa giữa pháp môn và căn quả từng người.

(...) Phải ý thức cho được bệnh thể nơi mình. Phải vệ sinh, tập làm lao động cho xương gân mạnh mẽ, cho khí huyết lưu thông. Phải thổ cố nạp tân cho bệnh tình chấp dứt. Phải có giờ giấc, lúc xả cân buông cõi gân guốc, tập chết để thân thể vô tư hoàn phục chơn dương lẽ sống, đó là dưỡng sanh.³⁵

TẠM KẾT

Tu chứng là kết quả tu luyện mà người nhân viên Cơ Quan phải đạt được trên bước đường sứ mạng phổ thông, phổ truyền giáo lý và đạt Đạo giải thoát. Tu chứng theo tiêu chí Ôn Trên đã đặt ra là “Huyền vi chứng đắc” hoàn toàn nằm trong khả năng tu học của người nhân viên Cơ Quan, và dù ở cấp bậc đạo pháp nào cũng có thể tu chứng, miễn là có được Tâm chí thành, quyết cầu tu giải thoát. Do vậy, Tu chứng trở nên trách nhiệm mà người nhân viên Cơ Quan phải chu toàn, vì không chỉ giúp Cơ Quan hoàn thành sứ mạng, mà còn ảnh hưởng rất lớn đến cơ tận độ Kỳ Ba của Đức Cao Đài Thượng Đế.

Mỗi người nhân viên có bốn phận tự suy nghĩ về điều này, để làm sao Cơ Quan phải là Tập thể tiêu biểu cho Trí năng, Đạo hạnh bên trong và sự Thanh lịch, quý phái bên ngoài. Nguyện cầu được như thế. ■



Hãy giác ngộ với nắng hè còn nóng bỏng,
Hãy tùy thời gió lộng đón thu sang,
Hãy kiên tâm khi giá buốt của đông hàn,
Hãy hòa nhịp bước không thời gian cùng Tạo Vật.
Kìa chén trà sen mùi bát ngát,
Ta nhấp hương xuân rồi mặn lạt sẽ chia nhau,
Càng đắng cay, càng thấm lẽ Trời cao,
Có thu, đông, hạ mới đượm thêm màu xuân sắc.
Là một nhơn sanh sống trong vòng trời đất,
Mảnh hình hài vốn vật tối linh linh,
Giữa đất trời cùng một khối nhơn sinh,
Sao vùi lấp dưới vô minh, đành đoạn ly tình,
gieo mình trong kiếp nạn?
Hỡi nhân thế hãy nghe lời Ta phán,
Dân ý thị Thiên ý, một bầu chung xán lạn giữa
quần sanh.
Hãy đoạn trái oan thì tánh mạng được an lành,
Nhân dục thị Thiên chi sở dục.
Lòng bác ái, đức háo sanh ấy thuận Thiên thành
Đại Đạo.
Nhơn sanh vô giá bảo, xuân nhựt kỷ trùng lai,
Trước điện vàng hực hỡ cánh hoa mai,
Dưới bệ ngọc vui vầy câu đạo lý.
Kết quả đó là tri âm tri kỷ,
Nương tựa nhau khi phong thủy bất hòa.
Hãy thương nhau như con cái một nhà,
Như thủ túc tâm can điều hòa trong một thể.
Rồi đây trái chín có xa rời cội rễ,
Thì chồi non tiếp kế sẽ vươn lên.
Dầu cuộc đời có diên đảo đảo diên,
Thì thể đạo pháp quyền làm sự sống.
Xuân Đinh Tỵ huy hoàng trước cổng,
Lão chúc chư hiền vui sống đức ân ban.
Nghệp duyên quanh quần rộn ràng,
Thường xuân để trọn lòng vàng thường xuân.

■ ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-01 ĐINH TÝ (17-02-1977).

35. Bát Nhã Tịnh Đường, 10-12 Tân Hợi (25-01-1972)



■ XUÂN MAI

“Đừng xao lãng lòng nhân”

Dân gian thường truyền tụng câu: “Mùng 9 vía Trời, mùng 10 vía Đất.” Ngày mùng 9 tháng giêng tất cả người dân Việt Nam hay cúng Thiên Sư để cầu Trời ban phúc cho cuộc sống trong năm được an bình vạn sự.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, đạo Cao Đài cũng lấy ngày mùng 9 tháng giêng âm lịch làm ngày vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế – Đấng Giáo chủ Cao Đài.

Đức Chí Tôn không có giáng sanh xuống cõi trần. Nhơn loại dựa theo số học, hoặc theo dịch số trong kinh sách mà chọn ra ngày lễ Vía Đức Chí Tôn. Kỷ niệm ngày vía Đức Chí Tôn không gì quý hơn là chúng ta hãy ôn lại những lời dạy của Người để thực hành cho tròn vẹn.

Vào đúng ngày đầu năm – mồng 01 tháng Giêng mùa xuân năm Ất Tỵ (02-02-1965), với tình thương con vô bờ bến, Đức Chí Tôn – Đấng Chúa Tế càn khôn đã đến với đàn con thương yêu đang còn ngập tràn trong biển khổ để an ủi vỗ về và để

dạy các con hãy thương yêu nhau, nhìn nhau đều là anh em trong tinh thân đại đồng; đừng bao giờ xao lãng lòng nhân, chỉ như thế là con người đã góp phần đem lại hòa bình an lạc chung cho nhân loại:

*Kìa thế giới ngày nay biến loạn,
Bởi người đời xao lãng lòng nhân,
Kìa là tôn giáo tranh phân,
Bởi người thiếu lẽ tình thân đại đồng.¹*

“Nhân” là gốc rễ của nhân cách con người. “Nhân giả ái nhân” (người có đức nhân thương yêu con người). Vậy cơ bản nhất của “Nhân” là thương yêu người khác như thương yêu bản thân mình. Nhưng con người ngày nay đã xao lãng lòng nhân, đã quên rồi sự thương yêu người khác, còn nói chi đến việc truyền lý tưởng nhân ra toàn xã hội để người người cùng yêu thương nhau, cùng nhìn nhau là huynh đệ đại đồng.

1. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

Lòng nhân từ không trau luyện sẽ rất ít phát triển trong tâm hồn, dẫn đến xao lãng và đôi khi cũng không còn nữa. Thiếu lòng nhân ta sẽ có một khoảng trống lớn về lòng vị tha, và cuộc sống của kẻ không có lòng nhân sẽ là một cuộc sống như bóng tối không có ánh sáng.

“Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ.” (Lc 6, 36).

Nhưng muốn đạt đến mức đối xử với người bằng lòng nhân từ, trước hết phải tu sửa bản thân mình; không ngừng nâng cao sự tu dưỡng đạo đức của chính mình; chú ý khơi dậy lòng nhân và phát triển lòng nhân.

KHOI DẬY LÒNG NHÂN

Lòng nhân từ liên quan tới chúng sinh thường gọi là lòng từ ái, là lòng cảm thương đến người khác, không xuất phát từ cảm xúc thương hại mà xuất phát từ trái tim của lòng nhân hậu. Từ bi là mang trái tim của mình sẵn sàng hiến tế cho người khác, đem hết nhiệt tâm mà phụng sự trong trách nhiệm bốn phận nhận lãnh.

Lòng nhân từ có sẵn trong mỗi người chúng ta. Nhưng vì tiềm nhiễm thói quen xấu; ảnh hưởng giáo dục sai lầm; gần gũi bạn bè bất nhân,... nên ta không biết khơi dậy lòng nhân. Lòng nhân từ đôn hậu là lòng thương người, yêu thích điều thiện, lúc nào cũng chỉ muốn kẻ khác tốt. Thấy kẻ khác đau khổ thì lòng bất nhẫn, nên ra tay cứu. Thấy kẻ khác thiếu thốn thì lòng lân mẫn, nên tìm cách giúp.

MUỐN ĐẠT ĐƯỢC “NHÂN” CÒN PHẢI THÔNG QUA TU DƯỠNG THEO “LỄ”

Đức Khổng Tử còn cho rằng muốn đạt được “Nhân” còn phải thông qua tu dưỡng theo “Lễ”. Một người nhân ái phải thực hiện lễ để hài hòa với thế giới bên ngoài. Khi Nhan Hồi hỏi: “Người nhân ái cụ thể cần phải làm gì?”. Khổng Tử đáp: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động” (không phải lễ không nhìn, không phải lễ không nghe, không phải lễ không nói, không phải lễ không làm).

Tuy đề cao “Lễ” như vậy, Đức Khổng Tử vẫn

nhấn mạnh rằng lòng nhân ái mới thật sự quan trọng, vì vậy Ngài lại nói thêm: “Nhân nhi bất ngôn, như lễ hĩ.” (người có lòng nhân tuy không nói nhưng vẫn giữ đúng lễ). “Lễ” tuy quan trọng nhưng so với “Nhân” vẫn là thứ yếu hơn, vẫn phải phụ thuộc vào “Nhân”.

PHÁT TRIỂN LÒNG NHÂN:

Mỗi người đều có Phật tánh là cái mầm của muôn hạnh lành, cái mầm ấy đã bị chôn vùi dưới bao lớp dục vọng, si mê sân hận. Bây giờ muốn tiêu trừ dục vọng, si mê sân hận, chúng ta phải tạo điều kiện cho cái mầm Thượng Đế tánh trở lá lên hoa, kết trái Bồ đề. Điều kiện làm cho mầm Bồ đề phát triển là những hạnh lành như Từ Bi, Hỷ Xả, Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, v.v... Nếu chúng ta phát triển những đức tánh ấy trong đời sống thường nhật, tất nhiên những tánh xấu không có đất mọc lên nữa.

Con người luôn luôn có thể phát triển lòng từ cho dù đôi khi ta có thể cảm thấy thù ghét hay giận dữ. Việc cảm nhận lòng từ ái thì dễ chịu và tự nhiên hơn nhiều so với việc cảm thấy sân hận. Lòng từ đến một cách tự nhiên hơn. Ta cảm thấy sân hận khi ta rối loạn. Ta cảm thấy từ ái khi ta bình tâm, không bị rối loạn. Do vậy ta nên tập kéo dài những cảm xúc yêu thương từ ái và không để cho những cảm xúc tiêu cực, giận dữ xuất hiện hoặc kéo dài để nó có cơ hội phát triển. Đồng thời, nếu ta tập quen thuộc cảm nhận lòng từ ái thì càng ngày ta sẽ cảm nhận nó càng thường xuyên hơn.

Như thế, muốn phát triển lòng nhân trước hết ta phải biết từ bỏ sân hận.

TỪ BỎ SÂN HẬN: CHÍNH LÀ KHÔNG DÍNH MẮC VÀ DUY TRÌ SỰ SÂN HẬN

Khi gặp những hoàn cảnh khó khăn và bất hòa, ta thường bị những cảm xúc tiêu cực áp đảo đến nỗi không có thời giờ hay tinh tảo để nghĩ đến sự thương yêu, tha thứ. Đặc biệt là nếu ta có khuynh hướng sân hận thì dĩ nhiên là ta sẽ lại nóng giận, ta sẽ không cảm thấy có lỗi, sẵn sàng xúc phạm người khác mà thậm chí cũng không bản khoăn

nếu điều này xảy ra có làm hại ta không, hay hại người không. Tuy nhiên, việc giận dữ không làm cho ta quá sai lầm, mà sự dính mắc vào sân hận và việc mong muốn trả thù là điều hại và làm hại chính ta rất nhiều. Do vậy, chúng ta cần cảnh giác trong việc duy trì sự sân hận này, trong việc dính mắc vào nó. Sân hận là một trở ngại lớn lao cho sự phát triển lòng nhân, nó chỉ làm tổn hại ta, phá vỡ những nỗ lực của ta đối với sự phát triển nội tâm yên tĩnh và tổn thương đến những người khác.

Biết làm nguôi dịu sân hận, nguôi dịu sự thù ghét là bước đầu tiên phát triển lòng từ ái. Mỗi khi ta ý thức rằng ta đang giận dữ, ta nên cố gắng lái sự chú tâm của ta tới một điều gì khác có thể thay thế cho những cảm xúc giận dữ của ta.

Khi tu tập để thoát khỏi sự thù ghét, ganh tị, tham lam, ta sẽ cảm nhận được an bình, hạnh phúc và thoải mái trong sự ấm áp của lòng tốt. Lòng từ ái đem đến an bình và phát triển một thái độ tích cực. Một khi không có điều tiêu cực nào quấy rầy ta, ta cảm thấy nhẹ nhàng, tự do và thanh thản. Sự ấm áp này cũng được lan tỏa đến những người quanh ta.

Bên cạnh tu tập để không duy trì và thoát khỏi sự thù ghét, ta còn phải ý thức thực tập cư xử chân thành với bất kỳ ai mà chúng ta gặp như một người bạn cũ, quan tâm và giúp đỡ họ. Điều này sẽ làm cho chúng ta có cảm giác chân thật của sự hạnh phúc. Đó là sự tu tập về lòng từ bi.

Hạnh phúc và tình thân đạo hữu đích thực không đến từ vật chất hoặc thậm chí cả tri thức, mà từ một trái tim nồng ấm với tất cả tình yêu thương chân thật. Đây là điều chúng ta cần trưởng dưỡng một cách tích cực và luôn luôn.

ƯỚC MUỐN THÀNH TỰU CHO NGƯỜI KHÁC:

Mình muốn thành tựu thì trước hết hãy thành tựu kẻ khác, mình muốn thông đạt thì trước hết cũng mong cầu người khác thông đạt (đạt Đạo). Biết suy xét điều mình hy vọng, mong cầu cũng là điều mà người khác hy vọng, mong ước mà chú tâm thực hiện cho người tức là phương pháp để sinh lòng nhân.

Quá trình thành tựu kẻ khác là quá trình ta trưởng dưỡng lòng nhân, cũng là quá trình giúp ta trưởng dưỡng tâm bồ đề, tâm đại bi. Bởi trưởng dưỡng lòng nhân từ đến viên mãn thì nó biến thành lòng đại bi của nhà Phật. Đức Thế Tôn dạy rằng muôn hạnh lành do lòng đại bi mà trưởng thành.

Nói về rộng rãi thì chẳng có gì bằng lòng đại bi. Nói về sâu dày thì chẳng gì hơn lòng nhân. Chúng ta – những người giác ngộ, tu học theo Khôn đạo – là đạo của đất, cần bắt chước theo tính đất: trưởng dưỡng, lợi lạc kẻ khác. Tức là, cần nuôi dưỡng lòng đại bi nhân từ, lúc nào cũng sẵn sàng giúp người, thành tựu người. Đối với bản thân mình thì trong sạch từ tư tưởng, lời nói, đến việc làm, ở tha nhân gia đình hay xã hội thì mưu được sự hòa thuận, an bình lợi ích cho chung, chỉ dùng đạo đức, mong sao có thể thật sự giúp ích cho người; chẳng dùng thủ đoạn, tính toán vị kỷ. Do lòng từ bi, người tu theo Khôn Đạo lúc nào cũng ôn hòa nhu thuận, không để ý nghĩ, lời nói ác ôn giận dữ, thâm độc đố kỵ, hại người tổn đức có cơ hội khơi dậy. Đó chính là thực sự hiểu: Tu đạo Khôn là tu đức hạnh, từ bi nhân hậu vậy.

THỰC TẬP THIÊN ĐỊNH ĐỂ NUÔI DƯỠNG LÒNG YÊU THƯƠNG NHÂN ÁI

Thiên định là vũ khí đặc biệt có hiệu quả để chống lại sự sân hận, nóng giận và thù ghét. Nếu ta thấu hiểu bản tánh đích thực của sự giận dữ, chán tánh của tâm, khi giận dữ xuất hiện, tất cả những gì ta phải làm là suy niệm rằng không có điều gì chọc giận ta, không có người giận dữ, và không có sự giận dữ bên trong ta hiện diện một cách độc lập. Qua luyện tập thiên định, lòng thương cảm cũng có thể đơm nụ, nở hoa khi chúng ta đồng cảm với nhau – tất cả chúng ta đều là những người bạn đồng hành đang trên đường tu tiến vì sự tiến bộ của chính chúng ta và của muôn người.

Đức Phật khuyến khích những tăng sĩ và môn đồ của Người hãy thường xuyên thiên định, bất cứ trong tư thế nào, dù đi, đứng, ngồi, nằm để tràn ngập và lan khắp mọi nơi lòng yêu thương bác ái đến tất cả chúng sanh.

Đức Chí Tôn có dạy:

“THẤY cũng thường nhắc đi nhắc lại cái bản phận một Thiên ân, bất cứ trong giờ phút nào cũng từ bi tinh tấn, không nghĩ quấy làm sai, khỏi một niệm không lành chuồng tạo cho kiếp sau nhiều ác quả, nên lúc nào cũng làm khuôn làm mực để gương tốt cho người noi theo, cho người mến yêu mà tin tưởng.”²

LỢI ÍCH CỦA PHÁT TRIỂN LÒNG NHÂN

Con người tồn tại cho đến bây giờ do bởi lòng nhân, vì thế ta thấy chữ “nhân” được xếp đứng đầu của các bài học dạy chúng ta: Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

Bằng cách phát triển lòng từ ái, chúng ta có thể dần dần thay đổi, tiến bộ. Bằng cách ý thức về sự vô ích và hậu quả tai hại của sân hận, ta sẽ kiểm soát bản thân tốt hơn. Dần dần càng ngày ta càng bớt sân hận về những việc nhỏ bé, và cường độ giận dữ của ta cũng suy giảm. Điều đó có nghĩa là ta nên thay đổi sự định hướng của tâm ta. Hướng tâm đến cảm giác yêu thương, quan tâm đến cảm giác của người đang sân giận với ta để bao dung, tha thứ, không còn nghĩ đến sự thù ghét, chứ không có nghĩa là ta nên luôn luôn kềm giữ và đè nén mọi cảm xúc giận dữ.

TỰ ĐỘ, ĐỘ THA

Một khi chúng ta cố gắng dần dần để trở nên từ bi hơn, đó là chúng ta có thể phát triển những cảm thông thực sự đối với sự khổ đau của người khác và sẽ giúp họ loại bỏ những đau khổ của bản thân. Kết quả là, tâm hồn chúng ta được thanh thản và sức mạnh bên trong của chúng ta sẽ dần tăng trưởng.

Việc phát triển lòng nhân với một trái tim rộng lượng, tràn đầy nước cam lồ mát mẻ của tình yêu thương nhân ái không chỉ có nghĩa là chỉ từ bỏ sự thù ghét mà còn là ước muốn tất cả chúng sinh được hạnh phúc. Khi ta ước muốn tất cả chúng sinh thoát khỏi đau khổ thì ta nói đến

lòng bi mẫn (cùng bản chất với lòng từ bi nhưng có cấp độ khác hơn). Nếu ta đã phát triển lòng từ ái với ước muốn hạnh phúc cho tất cả chúng sinh, và lòng bi mẫn thúc đẩy ta giải thoát tất cả khỏi sự đau khổ, thì sự bình an và giải thoát đã không còn suy nghĩ giới hạn cho riêng một mình ta nữa. Tức là chúng ta đã tu theo hạnh Bồ Tát.

Một khi mỗi con người đều biết yêu thương, tha thứ, quan tâm, nhường nhịn và hỗ trợ người khác thì không những họ thấy cuộc sống của bản thân yên ấm, hạnh phúc, mà cả cộng đồng của họ cũng có sự gắn bó, bền vững. Ngày nay, khi xã hội loài người đang trong quá trình toàn cầu hoá, phấn đấu để thế giới trở thành “ngôi nhà chung”, không còn có cộng đồng lớn hay nhỏ đứng ngoài “ngôi nhà chung” ấy, thì chúng ta càng cần phải xích lại gần nhau, cùng xây dựng một ngôi nhà chung đầy đủ yêu thương hòa ái.

Gìn hạnh đạo từ bi, bác ái,

Thuận lòng Trời, nhưn ngài thương yêu,

Giữa cơn nắng sớm mưa chiều,

Bao nhiêu gian khổ, bấy nhiêu hợp quần.³

Sự hủy hoại thiên nhiên, nghèo đói, xung đột, bạo lực, v.v. đều là các vấn nạn do chính con người gây ra, bởi con người thiếu tình yêu thương đồng loại, thiếu hoặc xao lãng lòng nhân. Các vấn nạn đó cần được giải quyết bằng sự hiểu biết và nỗ lực của con người cũng như sự phát triển ý thức về tình huynh đệ đại đồng. Chúng ta cần phát huy tính trách nhiệm vì nhau và vì hành tinh mà chúng ta đang chia sẻ. Do vậy, chúng ta phải học cách sống hài hòa và hòa bình, vì hạnh phúc của nhau và vì thiên nhiên.

“Hạnh phúc đích thực chỉ có được từ sự biết hài lòng và hòa bình nội tâm. Sự hài lòng và hòa bình nội tâm chỉ có thể đạt được thông qua sự phát triển lòng nhân, tinh thần bao dung, vị tha về tình thương, và sự nỗ lực diệt trừ vô minh, ích kỷ, tham lam. Người có lòng nhân thì lúc nào

2. Trung Hưng Bửu Tòa, 07-6 Bính Thân (14-7-1956).

3. Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

(XEM TIẾP TRANG 85)

THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CDGL 121)

■ ĐẠT TƯỜNG

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN

2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ

3. PHƯƠNG TIỆN

4. NGHI THỨC LẬP ĐÀN

5. DIỄN TIẾN MỘT BUỔI LẬP ĐÀN CƠ

– Khởi đầu đọc Kinh Cầu Cơ¹:

*Kìa là chốn bồng lai thanh tịnh,
Cảnh thiên nhiên ca vịnh phú thi,
Định thần hồn xuất vân phi,...*

Thông thường khi đọc kinh đến câu:

*Họa Tam Thiên linh phù tiếp điển,
Xin Tiên đồng mau chuyển Thần cơ...*

Vị Pháp đàn khê dùng đầu họa phù Tam Thiên thì hai tay Đồng Tử bắt đầu chuyển động và cơ quay tròn.

Người viết cũng nhận thấy có trường hợp phải đọc bài Kinh Cầu Cơ đến lần thứ ba thì cơ mới quay. Qua đó cũng cho thấy cấp độ của Đồng tử cũng như mức độ trợ điển của các thành viên trong Ban Thông công. Tất cả cần phải thành tâm cầu nguyện:

*“Bản Đạo thấy sự chênh lệch cần nên sửa đổi:
Tất cả Hiệp Thiên Đài đọc bài cầu cũng như
Pháp đàn khi họa phù.”*²

Cũng có khi phải đọc thêm bài Thúc Cơ³

Trời còn sông biển đều còn,

*Khắp xem cội dưới núi non đượm nhuận...*⁴

*(...) Thần, Tiên vốn chẳng xa chi,*⁵

*Có lòng triêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.*⁶

Khi thấy Ôn Trên đã bắt đầu giáng cơ, Đồng tử hai tay thủ Đại Ngọc Cơ quay đều thì toàn thể Bộ phận Thông công đọc bài Kinh Mừng.

– Sau đó tay Đồng tử chuyển động hạ xuống, cơ bắt đầu viết trên mặt bàn cơ. Tiếng ma sát giữa đầu bút cơ và mặt bàn phát ra âm thanh “kít kít,” thỉnh thoảng cơ gõ nhịp nghe “cộp, cộp.” Lâu lâu, nếu tiếng ma sát lớn quá, vị Độc giả rưới lên bàn cơ một ít rượu. Cơ viết liên tục đều đều, đôi lúc ngưng lại rồi quay tròn như Ôn Trên đang suy nghĩ lời văn cho đoạn kế tiếp, sau đó lại gõ nhẹ vài cái trên mặt bàn rồi lại viết tiếp.

Thí dụ đoạn Thánh giáo sau cho chúng ta thấy một phần diễn tiến buổi đàn cơ:

*“Thiện Tài Đồng Tử, Tiểu Thánh chào chư
Thiên mạng, chào chư liệt vị đàn tiền.*

*Vâng lệnh Đức Quan Âm Bồ Tát báo đàn, chư
liệt vị thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh xuất
ngoại ứng hầu, thăng.*

TIẾP ĐIỂN

THI

Một tấc Quan(g) Âm một tấc vàng,

Thương đời Bồ Tát giáng trần gian,

Dem mồm chơn lý gieo cùng khắp,

Nhắc nhở nhơn sanh tỉnh mộng tràng.

QUAN ÂM BỒ TÁT. Bản Sĩ chào chư hiền sĩ hiền muội đàn trung đẳng đẳng.

*Thừa sắc lệnh Linh Tiêu Bửu Điện, thay mặt
Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Bản Sĩ
giáng đàn hôm nay để chứng tẩm lòng thành*

1. Thuở ban đầu thì đọc bài Thông Minh Chú: “Cầu Thiên Đại La ...”

2. Đức Quan Âm Bồ Tát, Ngọc Điện Huỳnh Hà, 03-01 Giáp Thìn (15-02-1964).

3. Quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, đó là bài Cầu Tiên, tr. 67.

4. Kinh Tam Nguơn Giác Thế: “Khắp xem cội dưới nước non đượm nhuận.”

5. Kinh Tam Nguơn Giác Thế: “Cúi xin Tiên Phật từ bi.”

6. Xin xem thêm quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, tr. 67.

kính chư hiền sĩ hiền muội tụ họp về đây để thiết lễ dâng Chí Tôn nhơn ngày quý Vía, ...

Chư hiền sĩ hiền muội sửa soạn nghinh tiếp Linh Quang Thổ Địa sắp nhập đàn. Bản Sĩ ban ân lành toàn thể. Thăng.”⁷

Thông thường, khởi đầu bao giờ cũng có một vị có phẩm vị thấp hơn đến báo đàn.⁸ Và sau khi có một Đấng Thiêng Liêng giáng đàn xưng tên thì cơ sẽ tạm ngưng viết⁹ mà chỉ chuyển động quay vòng tròn chờ đợi tất cả những người hầu đàn lễ bái trong lúc đọc bài kinh chào mừng:

Mừng thay chi xiết nổi mừng,

Hào quang chiếu diệu ngàn tầng không trung...¹⁰

Ví dụ: Khi Thiện Tài Đồng Tử báo có Đức Quan Âm lai đàn và thăng thì Bộ phận Thông công đọc bài kinh mừng Đức Tam Trấn Oai Nghiêm. Rồi khi Đức Quan Âm báo có Đức Thổ Địa lâm đàn và thăng thì cũng đọc kinh để mừng.

Vậy, sau khi đã xong phần dạy Đạo của mình, Thiêng Liêng sẽ cho biết Đấng nào giáng đàn tiếp theo.

– Trong một vài trường hợp được sự chỉ dạy cụ thể thì nghi lễ chào mừng sẽ được châm chế đơn giản. Ví dụ:

“Hôm nay Ban Cai Quản và các cháu địa phương cử hành lễ kỷ niệm trùng tu tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, có Tam Trấn Oai Nghiêm giáng lâm và chư vị Tiền Khai Đại Đạo.

Lão đến trước báo tin để chư hiền và các cháu thủ lễ nghinh tiếp. Mỗi vị đạo khách đến khởi đọc bài mừng, xá một xá thì lễ thay vì lễ bái. Lão sẽ trở lại với chư hiền. Lão xuất ngoại tiếp nghinh. Lui.”¹¹

“Chào chư Thiên mạng, chào chư hướng đạo

và liệt vị đàn tiên. Thánh Nữ được linh truyền, tiếp theo đây sẽ có hàng tiên bối đạo hữu giáng cơ. Chư liệt vị khá bình thân,¹² không quý, không ngỗ. Thánh Nữ chào chung, xin lui đi.”¹³

“Địa hữu sứ mạng lai đàn, kiểm điểm quả công. Chào mừng chư Thiên mạng, chư phận sự. Khi này Đức Giáo Tông quên dặn chư Thiên mạng lúc tiếp đi các vị Sơn Thần thì miễn lễ bái, vì tuy là Sơn Thần, nhưng nguyên căn các vị ấy kém Thiên mạng rất xa.

Địa mời chư Thiên mạng đàn trung an tọa. Địa mời luôn cả Pháp đàn.”¹⁴

– Việc lễ bái và đọc kinh mừng cũng được Ôn Trên hướng dẫn thực hiện cho đúng lễ. Chúng ta thấy điều này qua những đoạn Thánh giáo sau:

“Giờ Sửu đến đây, các đệ nghinh tiếp đàn tràng, mở cửa Lôi Âm, khai đường Bạch Ngọc để rước xuân, nghe THẦY giáo hóa.(...) Đánh 9 tiếng trống, 12 tiếng chuông. Thôi Lão chào.”¹⁵

“Long giá sắp kê, Tiểu Thánh Bạch Hạc Đồng Tử vội vã vào đây sắp đặt Ban Cai Quản sở tại đánh ba hồi chuông trống để tiếp giá (...)¹⁶

“Bản Đạo giáng đàn hôm nay chỉ dạy mọi điều cần thiết đã xong. Toàn thể hiền đệ hiền muội đàn trung hãy nghiêm chỉnh tiếp giá Đức Chí Tôn. Ban lễ hãy thay đổi một số tam bửu trên Thiên Bàn. Lưu ý chư hiền đệ hiền muội, trong giờ Chí Tôn ngự giá, có cả Tam Giáo Tam Trấn Oai Nghiêm hộ phò Chí Tôn trên không trung. Sự trật tự yên lặng trong ngoài khá nghiêm chỉnh.”¹⁷

“Khi Đức Chí Tôn giáng, chẳng nên mặt niệm điều chi và chẳng nên chạy qua chạy lại. Đánh chuông phải sắp đặt cho có một vị đứng hầu chung cho sẵn. Đến khi xưng tên thì mới hầu chung.

7. Ngọc Minh Đài, 09–01 Đinh Mùi (17–02–1967).

8. (Những Đấng Thiêng Liêng phẩm vị từ hàng: – Chơn Nhơn, Kim Tiên thuộc Tiên vị, – Bồ Tát thuộc Phật vị trở lên được có Đồng Tử đến trước báo đàn.)

9. (và Đồng tử ngưng xuất khẩu.)

10. Xin xem thêm quyển Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, tr. 68.

11. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15–3 Bính Thìn (14–4–1976).

12. Bình thân: đứng lên.

13. Đức An Hòa Thánh Nữ, Thiên Lý Đàn, 14–01 Bính Ngũ (04–02–1966).

14. Thiên Lý Đàn, 08–6 Giáp Thìn (16–7–1964).

15. Đức Quan Thánh Đế Quân, Thánh Truyền Trung Hưng, tập 2, Thánh thất Thái Hòa, 01–01 Ất Mùi (24–01–1955).

16. Nam Thành Thánh thất, 01–01 Ất Tỵ (02–02–1965).

17. Đức Lý Giáo Tông, Ngọc Minh Đài, 15–02 Đinh Mùi (25–3–1967).

(Bạch: Xin bà cho biết, lay rồi mới hầu chung, phải chăng?)

Xưng tên rồi, cơ ngưng sẽ hầu chung. Khi Chí Tôn thăng, quý anh, quý chị, cả thầy phải lay đưa, rồi tái cầu...¹⁸

“Bộ phận Thông công từ giờ trở đi phải làm đúng theo pháp chính cơ lập pháp, nghĩa là phải xưng tán công đức Phật, Tiên, chào mừng chư Thiêng Liêng đến ngự giá trước. Chớ đừng để các Đấng ấy đến chào chúng ta, chúng ta mới chào lại.”¹⁹

– Thông thường, các Đấng Thiêng Liêng ban ân cho phép ngồi nghe dạy đạo, đến khi Thiêng Liêng thăng thì mọi người quỳ lên để lay tạ, chuẩn bị đón chào Đấng Thiêng Liêng kế tiếp. Tuy nhiên, những lúc nhận Sắc lệnh hay nghe dạy việc quan trọng thì Ôn Trên chưa ban ân cho “an tọa.” Thí dụ trong một đàn tại Hội Thánh Truyền Giáo, khởi đầu, Đức Quan Âm giảng đàn dạy Đạo, trước khi thăng, Ngài dạy:

“Hôm nay, Bản Đạo đến cũng để thử lòng chí thành chí kính đến đâu, nên không miễn lễ, vì vậy chúng tỏ quyền pháp đến tối lắm rồi. Bản Đạo từ bi nhắc thêm là cố gắng để cầu Đức Mẹ, đừng vô phép nhe.”²⁰

Tiếp theo sau, Đức Mẹ giảng. Mẹ từ bi nên sau khi xưng danh bằng bài thơ tứ tuyệt, Mẹ liền ban ân cho ngồi nghe dạy một thi bài 15 vé (60 câu). Tiếp đó Mẹ dạy:

“Các con quỳ thẳng nghe đọc, tập lấy quyền pháp đối với Mẹ.”

Nội dung đại ý:

“(...) Muốn giải thoát phải có chí làm Phật làm Tổ... Con nào có chí đó?... có chí làm Thánh làm Tiên mới có quyền làm Giáo Sĩ... không... có lòng ham danh ứng lợi để đứng đầu, đi trước múa lười chúng tài...”

18. Đức Bát Nương, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, tái bản 1966, tr. 08.

19. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Thánh Truyền Trung Hưng, tập 2, Trung Hưng Bửu Tòa, 02-01 Bính Thân (13-02-1956).

20. Thánh Truyền Trung Hưng, tập 4, Trung Hưng Bửu Tòa, 15-8 Nhâm Dần (1962), tr. 224.

– Trường hợp cá nhân hay tập thể một bộ phận đạo hữu khi được ban lời dạy dỗ thì quỳ nghe và khi được dạy xong thì lay tạ ân. Thí dụ:

“Tiên Huynh chào chư Thiên mạng, chào liệt vị đàn tiền, mừng các em Thanh Thiếu Niên. Thừa lệnh Tam Giáo Tòa, Tiên Huynh giáng để tiếp nối phận sự trong chương trình Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý. Mời tất cả đồng an tọa. Riêng phần Thanh Thiếu Niên hãy quỳ và nghiêm chỉnh nghe lệnh dạy. Đàn hôm nay Đức Lý Giáo Tông chủ tọa.”²¹

– Có trường hợp, Ôn Trên cho chơn linh chưa đắc vị chính thức được nhập cơ. Khi đó sẽ được Đấng Thiêng Liêng báo tin, trước khi nhường bút, không cần lễ bái khi tiếp vong linh. Thí dụ:

“Thành Hoàng Bốn Cảnh – Bốn Thân xin phép chư Thiên mạng đến trấn giữ trong ngoài để chơn linh hạ bút. Xin chào chư Thiên mạng. Bốn Thân báo trước, chớ nên quỳ lễ bái nghe. Bốn Thân xin xuất ngoại. Thăng.”²²

Trong buổi lập đàn, nếu Đấng Thiêng Liêng đang giảng cơ không bảo những người hầu đàn chuẩn bị đón tiếp Đấng nào tiếp theo mà lại có lời từ giả, điều này có nghĩa là buổi hầu đàn sắp chấm dứt. Mọi người nếu đang được ngồi hầu đàn sẽ quỳ lên để chuẩn bị lay tạ. Khi Ôn Trên thăng thì ngọn cơ từ tay Đồng Tử không còn viết nữa nhưng từ từ rung rung được nâng lên trên quá đầu và giữ nguyên vị trí. Khi đó, Bộ phận Thông công đọc Kinh Tiên Chư Thiên. Tất cả đồng lay tạ ơn.

Đầu cúi lay già từ Thiên điển,

Cách âm dương luân chuyển...

Lời châu tiếng ngọc truyền ra độ đời.

Nay Thiêng Liêng để lời dạy bảo,

Đến giờ này hải đảo chia phân...

Dứt tiếng kinh, vị Pháp đàn bước đến đỡ nhẹ Ngọc cơ ra khỏi hai tay Đồng tử, nói khẽ vài lời

21. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).

22. Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965). Xin xem thêm nơi mục 6b “độc đồng.”

bên tai, Đồng tử tỉnh lại vén khăn che mặt lên và rời khỏi vị trí bàn cơ rồi quỳ xuống. Tất cả hành lễ bãi đàn.

Nếu như hình thức lên đồng của tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu có nguồn gốc ở miền Bắc Việt Nam còn nặng về hình thức âm thanh sắc tướng trong nghi lễ “chầu văn,” các “cô, cậu” và những người đi hầu lễ không cần thiết phải chay tịnh tinh khiết và được ăn mặc tự do thì nghi thức lập đàn cầu cơ trong Cao Đài Giáo tuyệt đối nghiêm trang và thanh khiết.

6. HÌNH THỨC LẬP ĐÀN:

Ngay từ buổi đầu, trong thời kỳ tiềm ẩn của Cao Đài Giáo, hình thức phò loan sử dụng song đồng âm dương. Buổi tiếp cơ đầu tiên, đón tiếp Đức Cửu Thiên Nương Nương²³ và Cửu vị Tiên Nương do hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc thủ cơ.

Về sau, khi Cao Đài Giáo có nhiều Hội Thánh, tùy theo sắc lệnh đã ban mà mỗi ban cơ trong lúc thi hành sứ mạng sẽ là song đồng âm dương hay độc đồng. Đoạn Thánh giáo sắc lệnh sau đây sẽ cho chúng ta thấy:

“Kim Quang Đồng Tử, Tiểu Thánh chào chư Thiên ân sứ mạng. Tiểu Thánh vâng lệnh Đức Đông Phương chuyển sắc lệnh đến cho Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Tâm thi hành (...)

Điều 2. – Đồng Tử chỉ thủ cơ âm dương khi nào có lệnh dạy (...).

Đông Phương Chưởng Quản Ấn Ký.”²⁴

A. SONG ĐỒNG ÂM DƯƠNG:

– Lúc mới khai đạo các cặp Đồng Tử là: Cao Quỳnh Cư – Phạm Công Tắc; Trương Hữu Đức²⁵ – Nguyễn Trung Hậu;²⁶ Trần Duy Nghĩa – Trương Văn Tràng, v.v.

Thử ban đầu, Bộ phận Thông công nơi Tòa

Thánh Tây Ninh chỉ toàn là nam phái. Về sau, tuy đã phân phái lập chi nhưng quy định này vẫn không thay đổi. Cụ thể trong “Ngọc Để Chân Truyền” 1935, điều thứ ba của Thập Ngũ Quy Điều, định: *“Còn Đồng Tử thì không dựng dùng nữ phái, điều ấy cấm ngặt.”*

Nhưng vào thập niên 40 ở một số chi phái mới bắt đầu được Ôn Trên ban ơn cho nữ phái tham dự công quả thông công.

Song Đồng âm dương gồm hai Đồng tử, hoặc là nam cả, hoặc là nữ cả. Tuy gọi là Song Đồng âm dương nhưng không bao giờ có trường hợp một nam một nữ.

Theo lời của Đạo trưởng Huệ Chơn (nguyên là Pháp đàn,) Đồng tử dương ngồi bên tay mặt còn Đồng tử âm ngồi bên tay trái ở vị trí bàn cơ nhìn lên Thiên Nhân.²⁷ Thông thường, theo kinh nghiệm của mình, Pháp đàn sắp xếp Đồng tử lâu năm đã thuần điển được xếp đặt ngồi đồng dương còn Đồng tử ít thâm niên giữ nhiệm vụ đồng âm.

27. Như vậy: Đồng dương ở phía bên đạo hữu nam phái, Đồng âm bên nữ phái.



HAI VỊ CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH) ĐANG LÀM ĐỒNG TỬ ÂM DƯƠNG TRONG ĐÀN CẦU CƠ. ẢNH CỦA TẠP CHÍ LIFE (HOA KỲ).

23. Về sau chúng ta mới biết đó chính là Đức Điều Trì Kim Mẫu.

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

25. Hiến Pháp Trương Hữu Đức.

26. Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu.

Hai Đồng tử ngồi đối mặt với nhau, bốn bàn tay cùng nắm thanh cây chũ thập trong giỏ cơ.

Thí dụ sắc lệnh sau:

“Kim Quang Đồng Tử. Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chào chư huynh tỷ, chư đạo tâm nam nữ. Tiểu Thánh đến chuyển sắc lệnh Đức Tôn Sư. Chư liệt vị thành tâm tiếp sắc lệnh. Tiểu Thánh xin tuyên đọc:

*Đông Phương Chuông Quán sắc truyền,
Xả đàn mười phút lập liền ban cơ.*

Song đồng Mai, Thủy trẻ thơ,

Phò loan tiếp điển từ từ châu rơi.

Mẫu Nghi giá ngự truyền lời,

Phật Tiên Thân Thánh độ người thoát mê.

Tiểu Thánh xin chào chư liệt vị phân hồi phục lệnh. Thăng.”²⁸

– Ý nghĩa của Song Đồng âm dương có thể được hiểu qua đoạn Thánh giáo sau:

“Tôn Sư chuyển bút sắc truyền Hoa Thủy, Hoa Liên lưỡng vị môn đồ chấp cơ âm dương tương hội. Hoa Thủy tiếp chơn dương chi khí Tiên Thiên vận trù huyết thống. Hoa Liên, chơn âm, vận trù hòa đồng châu thể phối hợp thành âm dương hòa khí. Về phần cấu tạo linh cơ, chơn dương điều khiển, chơn âm phụ họa chơn thần. Như thế chơn dương là chủ phát xuất từ Tiên Thiên chi khí hườn nguyên tiếp ứng xuất hiện trần gian chuyển cơ vận dụng. Đó là huyền năng do Tôn Sư bố điển.”²⁹

Vậy Song Đồng âm dương chỉ thủ cơ chứ không chấp bút.

– Về vị trí ngôi của Song Đồng, chúng ta tham khảo trích đoạn đàn cơ sau thuộc Hội Thánh Tây Ninh.

“ĐẠI mừng các bạn và các chị.

(...) Cát muốn độ nhũ mẫu, phải không?

Cát bạch: – Dạ phải, ...

– Bà ở Nghiệt Cảnh Đài, chỉ có một phương là cầu nguyện Đức Quan Âm thì mới yên phận và cho một lá số hữu hình, và ông Cát cần lập âm

chất nơi thế mà để tên bà, rồi mới đốt thì hiệu nghiệm. Còn phần vô vi thì Đại độ dẫn giùm, vì bà lúc sanh tiền chịu bao điều vay trả nên nay phải cam hận. Thôi, bấy nhiêu, Đại xin kiếu. Thăng.

TÁI CẦU:

Đại tịnh, có Quan Âm Bồ Tát đến.

Dời đàn ra trước Thiên bàn.”³⁰

Chúng ta thấy khi lập đàn cho chơn linh về, vong của một đạo hữu tên Đại, bàn cơ của Song Đồng âm dương không được đặt trước Thiên bàn. Nhưng đến khi Đức Quan Âm Bồ Tát giáng cơ thì được lệnh truyền: “Dời đàn ra trước Thiên bàn.”

B. ĐỘC ĐỒNG:

Chỉ có một Đồng tử ngồi thủ cơ đối diện với Thiên bàn.

Trường hợp chơn linh giáng cơ chưa đắc vị chính thức thì Đồng Tử được lệnh dạy phải ngồi xoay ngang. Thí dụ:

Hộ thần trấn định lập đàn linh,

Pháp lệnh thượng ban giữ sắc gìn,

Lập bút truyền sang người dĩ vãng,

Đàn môn ứng hiện mở huyền linh.

Xả đàn rồi dời qua tả bên Thiên bàn cho Lý Dũ về (...)

“Kìa Bá Phước Thần đã đến. Vì Phan Văn Thanh³¹ đã được lệnh ân xá, Tam Giáo Tòa cho lâm đàn viếng Thánh đường và chư đạo hữu. Truyền tiếp điển, triệu Kim Quang thủ cơ, dạy mặt phía tả; Tứ Bửu tịnh dưỡng hộ đàn. Lão ban ơn lành chung chư Thiên mạng, hãy cố gắng lo tròn nhiệm vụ.”³²

“Nhân tiện hôm nay, Mẹ có tiếp khai thỉnh cầu của lưỡng đài Tiên Bối, Trương Văn Trạng³³ xin lâm đàn để cùng Huệ Lương đôi lời tâm sự. Mẹ sẽ

28. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–8 Bính Thìn (07–9–1976).

29. Đức Đông Phương Chuông Quán, Đạo Lý 57; Nguyệt Thanh Quang, 15–7 Canh Tuất (1970), tr. 64.

30. Thánh Ngôn Sưu Tập Tây Ninh, Thanh Trước Đàn, 30–3 Tân Mão (05–5–1951). Phò loan: Giáo Hữu Thượng Khai Thanh – Minh Liêm.

31. Nguyên là Đầu Hộ đầu tiên của Ngọc Minh Đài, sau đắc Hiển Thế Đạo Nhơn.

32. Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 10–5 Ất Tỵ (09–6–1965).

33. Tiếp Pháp trong Thập Nhị Thời Quân đầu tiên của Tòa Thánh Tây Ninh.

cho Kim Đông hộ trợ chơn linh nhập đàn. Vậy xả đàn 5 phút, sửa lại bàn cơ cho Đồng Tử ngồi một bên và triệu Ngọc Liên Độc giả.”³⁴

Qua đây cho thấy nghi lễ trật tự với Thiêng Liêng rất quan trọng. Ngay cả những vị đã được trở về “quê xưa” nhưng chưa chính thức đặc vị, còn là chơn linh, đều được phép giáng cơ nhưng tư thế ngồi của Đồng Tử vẫn phải thay đổi!

Trường hợp Ôn Trên cho phép một vong linh sắp đi đầu thai về đàn từ già. Lúc đó vị trí và tư thế ngồi của Đồng Tử cũng phải thay đổi. Chúng ta xem những thí dụ sau:

1- Trường hợp một nguyên căn là Sơn Thần từng giữ nhiệm vụ Giáo Hữu, mắc lỗi nặng, phải đi đầu thai.

“Bạch Đại Tâm. Nhon dịp này, Lão xin cùng U Minh Giáo Chủ, Bá Phước Thần đưa chơn linh của thân phụ điệt lai đàn thuyết Luân Hồi Nhân Quả. Vậy Pháp Đàn đem ban cơ sang tả ban, Đồng Tử xây mặt hữu ban. Huệ Thanh thủ cơ. Lão dạy các thân quyến Văn Mễ nhập đàn thành khẩn.”³⁵

2- Trường hợp nhờ công đức của cha mẹ nên được về đàn thăm viếng trước khi đi đầu thai vào một gia đình đạo hữu Cao Đài. Nhưng phải lập đàn cầu vong trước bàn vong chứ không được lập đàn trước Thiên bàn.

2a. “Bảo Pháp Chơn Quân hiền đệ! Bản Đạo chuyển tôn ý của Đông Phương Chưởng Quân đến, hiền đệ cùng Bộ phận Hiệp Thiên Đài chuẩn bị hành sự đàn cơ vào lúc 7 giờ tối ngày mùng 8 tháng 8 Mậu Thân. Theo sự thỏa thuận của hiền đệ Thiện Bảo và hiền muội Diệu Long, trước hết lập đàn cơ tại Thiên bàn để lãnh lệnh giờ chót. Y phục Đồng tử và Độc giả như cựu lệ.

Sau đó đến lập đàn cơ vong thì thiết lập tại bàn vong. Pháp Đàn khởi trấn đàn tại bàn vong vì có Linh Quang Thổ Địa dẫn vong hồn rồi. Đồng tử không được mặc y cân hiện thời, nên dùng y cân

khác. Độc giả và Diễn ký nên mặc tiểu phục và đứng mà đọc bài cầu vong.

(Bài: Mừng thay rảnh đặng cuộc trần...)

Tất cả những hiền đệ hiền muội dự khán có thể ngồi những hàng ghế chung quanh, không ai được quỳ. Hiền đệ nhớ hành y.”³⁶

2b. “Linh Quang Thổ Địa, Bản Thần chào chư Thiên mạng, chư chức việc nội ngoại và đạo hữu đàn tiền. Vâng lệnh Đô Thống Quản Địa Thần, Bản Thần hôm nay đến tiếp rước Nam Phương Thổ Địa Thần Kỳ dẫn vong hồn Hoàng Đình Lập về thăm viếng và từ già thân bằng quyến thuộc trước khi đi đầu thai chuyển kiếp.

Theo lời dặn của Lê Đại Tiên hôm trước về nghi lễ sắp đặt bàn cơ vong, nhờ quý vị Chưởng Nghiêm Pháp Quân giùm sắp xếp y lời dạy.

Bản Thần bổ túc cho rõ rệt thêm về các điểm sau đây: Đổi Ngọc cơ, đổi tiểu phục cho Đồng tử.³⁷ Như vậy là chu toàn...”³⁸

(CÒN TIẾP).■

36. Đức Lê Đại Tiên, Văn phòng Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân (21-9-1968).

37. Điều này một lần nữa cho thấy sự nghiêm chỉnh về mặt nghi lễ, có cấp bậc trật tự rõ rệt qua y phục, vị ngồi của Đồng tử...

38. Văn phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 08-8 Mậu Thân (29-9-1968).



Chèo thuyền bát nhã độ quần sanh,
Lướt dặm trùng dương vượt thác ghềnh,
Minh triết bảo thân không thẹn mặt,
Trung thành sự Đạo chẳng ô danh.

Thánh xưa bao quản điều hưng bĩ,
Phật trước nể chi lẽ bại thành,
Quý ở Thiên ân tròn sứ mạng,
Chèo thuyền bát nhã độ quần sanh.

■ ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHON, VĨNH NGUYÊN TỰ, 11-01 ĐINH TÝ (27-02-1977).

34. Đức Mẹ, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

35. Đức Như Ý Đạo Thàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 02-12 Tân Sửu (07-01-1962).

“HỌC VÀ HÀNH THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC NHƯ Ý”

■ TỔ ĐIỀU HÀNH TỌA ĐÀM: ĐẠT TƯỜNG — XUÂN MAI — HOÀNG PHONG

Bài đức kết tọa đàm kỷ niệm 100 năm ngày đăng tiên của Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (1843 – 1913)

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày đăng Tiên của Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long – đặc quả vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, mừng 3 tháng chạp (1913–2013), một bậc Thiên ân sứ mạng đã dày công chuẩn bị cơ duyên cho việc hình thành cơ cấu tổ chức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào buổi sơ khai, Ban Cai Quản Vĩnh Nguyên Tự đã tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề:

“HỌC VÀ HÀNH THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC NHƯ Ý”

1. Theo Dịch lý, Nguyên là một trong 4 đức của đạo Càn và đạo Khôn. Nguyên là đầu tức là khởi thủy mà cũng có nghĩa là lớn.

Đức Như Ý là bậc Tiên gia đã lãnh ấn tiên phong đi đầu đến Nam bang Thánh địa Việt Nam để gây dựng ngôi Vĩnh Nguyên Tự để rồi trở thành một trong vài địa danh lịch sử đầu tiên góp phần hỗ trợ cho Đức Chí Tôn thiên phong các đại cao đồ chuẩn bị nhân sự hình thành Hội Thánh Đại Đạo, cùng những yếu tố căn bản khác như kinh, nhạc lễ, luật lệ, v.v... của Cao Đài giáo để thực hiện cơ cứu độ và tận độ Kỳ Ba. Đức Ngài có dạy:

“Cũng nhờ ân đức tổ tiên mà Lão đã xây dựng được một nền tảng đạo lý giúp đời, đó là Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng khởi thủy cho công cuộc lập đạo Kỳ Ba, chiêu tập được Thập nhị khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

*Do đó mà Vĩnh Nguyên Tự đã và sẽ được ghi vào sử đạo Cao Đài.”*¹

2. Đức Ngài cũng là một trong các Đấng Thiêng Liêng thường xuyên giảng cơ dạy Đạo cho tín hữu Cao Đài.

Bài học đầu tiên Đức Như Ý dạy cho con là Ngài Đầu sư Ngọc Lịch Nguyệt, nhân sự kiện ngày giỗ của mình vào năm Bính Dần 1926, đã trở thành bài học căn bản cho mọi tín hữu Đại Đạo:

“Các vị nghe Ta.(...)”

Ta hỏi vì sao phải làm công quả?(...)”

Chín mươi hai ức nguyên nhân ngày nay bị đọa lạc tại thế gian, không thoát khỏi đường mê, không biết Chơn Đạo, không độ những người đó, làm sao thành Đạo tại thế?(...), Ta hỏi (...), người người không tu thì không thành Đạo.

*Tu để làm gì? Tu để độ người, độ người tức là độ ta, độ ta tức độ Cửu Huyền Thất Tổ. Đó chính là hiếu vậy.(...)”*²

3. Như thế, phổ độ chúng sanh là trách nhiệm của người tu nói chung. Người tu dù cõi tiên hay kẻ tục cũng đồng chung sứ mạng. Ngài dạy:

Tuy rằng kẻ tục với người Tiên,

Nhiệm vụ cùng chung đạo phổ truyền,

Lãnh lấy vai trò không mệt mỏi,

Mới là xứng phận bậc căn nguyên.³

4. Học tập thực hành theo lời khuyên của Đức Như Ý: tín hữu chúng ta luôn nhìn nhau là huynh đệ một nhà, đoàn kết gắn bó cùng nhau trong sứ mạng phổ truyền Đạo đức.

Tình huynh nghĩa đệ mến thương nhau,

Chớ để khinh lờn chỗ thấp cao,

1. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01–12 Bính Ngũ (11–01–1967).

2. Vĩnh Nguyên Tự, 03–12 Bính Dần (Thứ năm, 06–01–1927)

3. Vĩnh Nguyên Tự, 16–01 Bính Thìn (15–02–1976).

*Địa vị giàu nghèo nên gói lại,
Tinh thần đạo đức nghĩa chi giao.*⁴

– Bậc Thiên ân hướng đạo phải ý thức được sứ mạng vì đạo, vì đời của mình. Phải là hình tượng gương mẫu trước đạo hữu, trước nhân sanh.

*Đã là sứ mạng một anh linh,
Vì đạo giúp đời trọn đức tin,
Quên cái riêng tư, quên bản ngã,
Hầu nêu đức hạnh đức hy sinh.*⁵

5. Một trong những điều các Đấng Thiêng Liêng đã dạy đi dạy lại nhiều lần là trọng điểm của sứ mạng Tam Kỳ, đó là việc “Thiết lập thế Nhơn Hòa”. Đức Như Ý có dạy:

• “*Đã ở nơi đây, đã sống nơi đây, nhứt là đã sanh trưởng nơi đây và ngày nào đó sẽ gởi năm xương tàn nơi đây vào lòng đất mẹ; tôn giáo này cũng phát nguyên nơi đất nước này là đất nước của dân tộc Việt, mỗi người có bốn phận xây dựng nó. Tuy đa diện mỗi người mỗi cách, nhưng con số cứu cánh là an vui hạnh phúc, đạo đức, tiến bộ cho tất cả mọi người trên mảnh đất này.*

Mỗi người mỗi vai tuồng, mỗi tổ chức, mỗi giai đoạn cần thiết của nó, nhưng chung quy phải là lấy đạo đức để san định, tất cả làm nòng cốt cho công cuộc xây dựng đời Thượng ngươn Thánh đức.(...)

Ai thương gia đình mình hãy kêu gọi khuyến khích, giáo dục nhau cùng tu cùng tiến. Ai thương dân tộc đất nước mình hãy gây dựng tình thương yêu từ bản thân đến tập thể, thiết lập một “Thế Nhơn Hòa” để chỉnh an thiên hạ.

*Đó là con đường phải đi và sẽ đến.*⁶

Lần khác, Đức Như Ý dạy:

• “*Có thực hiện được Thời Trung thì mới thực hiện được thế nhân hòa.*

*Có tạo được thế nhân hòa thì mục đích tôn chỉ của Đại Đạo mới thực hiện, sứ mạng Tam kỳ Phổ độ mới hoàn thành.*⁷

4. Minh Lý Thánh Hội, 03-12 Nhâm Tý (06-01-1973).

5. Ibid.

6. Ibid

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi.

6. Điều căn bản trong thế Nhân Hòa ấy là “Thế Đạo và Thiên Đạo song hành”. Đức Như Ý luôn quan tâm nhắc nhở đến sự tiến tu của tất cả hàng tín đồ trong Đại Đạo: bước đầu phải tu sửa thân, kế tiếp là chuyển hóa tâm hạnh và xây đắp cho mình một tòa “Cao Đài nội tại”. Ngài dạy:

*“Phải quyết tâm xây đắp cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi trang trọng để ở hẳn vào đó, lấy đó làm ngôi vịnh cứu trường tồn, sẽ vượt qua mọi giông bão nắng mưa.”*⁸

Tâm vật có bình hành được như thế chúng ta mới có thể thực hành Bồ tát Đạo để giải khổ chúng sanh.

Công phu tịnh tọa tham thiền,

*Hoàn thành sứ mạng số Tiên ghi để.*⁹

Khi mà mỗi ai trong chúng ta có làm được như thế thì đường về quê xưa rộng mở để hình ảnh “con người muôn thuở muôn phương” của chư Thiên trở nên hiện thực trong tâm khảm đồng đạo.

7. Đức Như Ý đã từng là người giữ vườn, năm xưa đã sớm đem hạt giống tốt gieo vào vườn ươm Đại Đạo.

Đạo pháp trường lưu, cho nên cần phải có nhiều bàn tay của các thế hệ tiếp nối nhau. Ngày nay, chúng ta là người tiếp nối đạo nghiệp Đại Đạo, nên phải tiếp tục tuyển lựa hạt giống của mỗi chi để ươm mầm.

Là những kẻ giữ vườn, chúng ta hãy học và hành theo lời dạy của Ngài, đem hạt đi ươm trong khu vườn Đại Đạo.

“Tất cả chúng ta kẻ giữ vườn...”

*Lão là người ươm hạt trước tiên. Rồi đây các chi sẽ lần lượt đem hạt đi ươm trong khu vườn Đại Đạo.”*¹⁰

Chúng ta là người gieo giống, gieo tư tưởng cho hàng ngũ tiếp nối nhứt thiết phải tu theo chánh đạo, thuần chơn vô ngã.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-3 Mậu Ngọ.

9. Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn.

10. Minh Lý Thánh Hội, 03-12 Nhâm Tý (06-01-1973).

Thế hệ trẻ phải có ý thức tinh thần đại đồng phải được nỗ lực dựng xây ngay trong nội bộ Cao Đài để rồi tiếp tục lan tỏa rộng khắp đến muôn nơi trên thế giới thì chúng ta mới hoàn thành trách nhiệm.

8. Đức Như Ý giảng cơ dạy Đạo cho con cháu Ngài cũng đồng thời dạy chung cho toàn thể chức sắc hay tín đồ. Lời nhắn nhủ ghi tâm được Đức Ngài dạy cho toàn thể chúng ta là:

“Xã hội vật chất hiện nay đã lên tới mức độ văn minh tuyệt hảo, rất ảnh hưởng đến tinh thần của các cháu, nếu không khéo sẽ sa vào sự sa đọa của văn minh vật chất. Nhưng may mắn các cháu là con em của những nhà đạo đức tu hành từ đời này sang đời nọ, hoặc mới gặp đạo, thì đó là một cơ hội để các cháu tiến thân làm nên một con người thuần túy trong danh nghĩa con người, làm gương xã hội hậu thế và cứu vãn thời đại hiện tình.

*Nếu các cháu thờ ơ không tự thấy cái may mắn của mình thì chẳng khác nào kẻ ngồi dựa mé giếng mà đành chịu khát nước, hoặc kẻ vào xứ ngọc mà đành chịu khổ sở nghèo nàn. Lão vẫn tắt, các cháu ghi lòng.”*¹¹

9. Chúng ta vừa ôn lại một số lời dạy căn bản của Đức Như Ý để làm hành trang cùng chung tay trên bước đường sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Những huynh tỷ đệ muội hiện diện nơi đây trong buổi tọa đàm này nói riêng, những đạo hữu đã về ngôi cổ tự Vĩnh Nguyên này dự lễ và góp phần công sức trong việc tổ chức lễ kỷ niệm nói chung và chung nhất hơn nữa là toàn thể những ai đang thực sự tu học hành đạo theo lời chỉ truyền của Ngài theo tinh thần chung trong Tam Kỳ Phổ Độ từ Minh Lý, Cao Đài, v.v chắc hẳn trong tâm tư tình cảm của mọi người đều cảm nhận thấy Đức Như Ý là bậc tiền bối chung của tất cả và đã tận tình dẫn dắt chúng ta thấy rõ con đường tìm về ngôi nhà xưa Vĩnh Nguyên thiêng liêng bất tử, nơi mà từ đó chúng

ta đã ra đi khi nhận lãnh sứ mạng vào thế gian nơi địa cầu 68 này để lập công bồi quả chung tay góp phần vận chuyển Thiên cơ của Chí Tôn Thượng Đế trong đại cuộc cứu độ Kỳ Ba.

Biết bao thế hệ tín hữu đã hoàn thành đại nghiệp trở về nhưng cũng còn biết bao người chưa hoàn tất nhiệm vụ đã nhận lãnh. Đức Như Ý nói riêng cũng như Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu vẫn đang mong mỏi, trông chờ ngày “phục hồi cổ hương” trong vinh quang của đàn con.

Hôm nay, tổ chức lễ giỗ kỷ niệm 100 năm ngày đăng tiên của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, chúng ta hãy ghi nhớ lời dạy của Ngài:

*“Nếu còn tưởng đến Lão thì hãy làm và làm cho thật nhiều những gì Lão đã truyền dạy khi còn sanh tiền và những điều đã dạy xuyên qua các đàn cơ từ ngày Lão thoát xác đến giờ...”*¹²

Trong những ngày tháng tới đây mùa Xuân lại về, hướng về việc kỷ niệm 90 năm xuất hiện của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, con đường duy nhất mà mỗi đạo hữu chúng ta phải tiến bước là hãy chí thành với sự tu thân, dầu cho ở cấp bậc nào hạ trung thượng thì “Cao Đài nội tại” vẫn là điều căn bản phải xây đắp và luôn củng cố để tích cực hành đạo góp phần phổ độ hầu mang lại “mùa Xuân đạo đức” cho tất cả chúng sanh.

Mỗi người tín hữu Đại Đạo hãy là một tấm gương sáng như lời dạy của Đức Chí Tôn:

*Sơn hà bóng đã mỗi mòn,
Bước chân Đại Đạo sắt son mỗi thời.
Dem thân dâng hiến cho đời,
Cứu người mê muội độ người đau thương.
Là con biết rõ vai tuồng,
Hiếu Thầy, trung Đạo làm gương sau này.
(...)*

*Mùa xuân đạo đức con ơi!*¹³

Ý thức công quả độ dẫn nhân sanh luôn là hành động thiết thực của những người tu chúng ta trong thời Tam Kỳ phổ độ này. ■

11. Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Kỷ Dậu (10-01-1970).

12. Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

13. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

TÌNH CHÚA HY SINH

■ THIÊN LÝ

Người hy sinh để mua lại lòng tha thứ nơi trần gian hận thù, ganh ghét...

Những tiếng gọi đàn chiên lạc lờng từ Thiên Chúa để bảo rằng hãy tiếp nối hy sinh.



Minh họa: Bửu Long.

Thiên Ân đến đông tàng lạnh giá,
Nơi hang lừa cô quạnh trời xa,
Vang tiếng khóc ngân hà bừng sáng,
Gọi hy sinh xây đắp hiệp hòa.

Hai ngàn năm Thánh Tòa chờ đợi,
Những người con vươn gió ra khơi,
Những người con sứ mạng ân Trời,
Xô sóng cả, hiền ngang bạt lưới.

Kính dâng Thiên Chúa tâm hồn của chúng con.

Những con chiên sứ mạng trên con đường hy sinh vì tình yêu thương vô tận. ■

Một tiếng khóc bên trời thơ đại,
Trao cho đời muôn thuở vẫn bay,
Đôi chân rết bồng dậm dài,
Rao truyền chân lý cho ai tạc lòng.

Chân dấu bước than hồng, lửa bồng,
Tin Cha Trời lòng nhẹ tựa bông,
Trên cây thập giá phiêu bồng,
Tâm an thanh tịnh trời hồng vân du.

Thương con đại hận thù quên lối,
Thương con khờ, si dại, mớ côi,
Tình yêu cứu chuộc tô bồi,
Treo thân thập tự ươm chồi hy sinh.

Soi ánh lửa trao tình tạo hóa,
Đêm đông về ấm lạnh tình Cha,
Sưởi lòng con trẻ thật thà,
Vững tin sứ mạng thái hòa nhân sinh.

Gió đông heo hắt một mình,
Đôi chân sứ mạng hy sinh gập ghềnh,
Đêm trôi sao lạc mộng mênh,
Chúa ơi! Cất tiếng gọi tên con về.

Gọi con say lạc, vấp mê,
Gọi con chấp ngã muôn bề hơn thua,
Thánh đường đêm lặng chuông đưa,
Hy sinh sáng rực bên mùa đông rơi.

Khả lân vô hạn thương xuân ý



Khi ngọn gió chướng mang theo hơi biển mát lạnh thổi vào bờ cũng là lúc hơi Xuân về cùng cánh én liện nghiêng rẽ nước trên dòng sông quê. Cái hữu tình của Xuân khiến cho kẻ vô tâm cũng phải phút chốc giật mình mà để ý đến vạn hữu chuyển mình phục phát nguyên sinh. Nhân tiết Xuân về nên người viết mượn đó mà “tức sự” cùng Xuân nhật tức sự của một thiền sư¹, nhan đề bài viết chính là dòng thứ ba trong bài thơ này:

春日即事

二八佳人刺繡持，
紫荊花下轉黃鸝。
可憐無限傷春意，
盡在停針不語時。

PHIÊN ÂM: Xuân nhật tức sự

Nhị bát giai nhân thích tú trì

Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly

Khả lân vô hạn thương xuân ý

Tận tại đình châm bất ngữ thì.

Bài viết này, chúng tôi muốn áp dụng lý thuyết Thi pháp học để đọc hiểu bài thơ trên nguyên tác cho nên phần dịch nghĩa của bài thơ xin mời quý độc giả xem nơi phần phụ chú cuối bài. Xuân nhật tức sự là một bài thơ tứ tuyệt luật trắc đầy khẩu khí kết hợp vần bằng êm dịu cùng niêm luật hài hòa tạo nên một tứ thơ đậm sắc thái của chánh khí dương xuân. Vần “i” theo kiến thức âm vị học thì là nguyên âm có âm sắc cố định, độ mở miệng nhỏ và môi không tròn. Tại sao lại bàn đến

vấn đề này? Chúng ta khi tiếp xúc đến văn bản là tiếp xúc dựa trên ngôn ngữ, thông qua mắt nhận biết các ký tự, tai nghe các âm thanh rồi bộ não mới xử lý giải mã. Chính vì thế mà cần phải hiểu kiến thức ngôn ngữ của văn bản mà đọc hiểu để có thể giải mã đúng và trúng thông điệp trong văn bản. Âm sắc, thanh điệu, nhịp điệu, vần điệu là những yếu tố đầu tiên tác động đến người tiếp nhận, do đó đây là những yếu tố đầu tiên cần giải mã. Từ âm hưởng chung này mà ta giải mã tiếp hình ảnh, biểu tượng để rõ cấu tứ hay cảm hứng chủ đạo của bài thơ cũng là tâm tình mà tác giả gợi gắm. Hướng tiếp cận bài thơ này nhìn chung cần mạnh mẽ trong trí thức như luật trắc “sắc” để đọc hiểu lẽ Sắc thể thường nhưng cũng cần êm dịu trong tâm thức như vần bằng “i” để thấu triệt lý Vô đạo thường. Chắc hẳn lời dông dài này sẽ khiến quý vị hơi khó hiểu nhưng đi vào giải mã bài thơ, quý vị sẽ hiểu tại sao người viết nói thế.

Hiện lên trước mắt độc giả khi tiếp xúc bài thơ là hình ảnh cô gái đẹp đôi tám (nhị bát giai nhân) đang ngồi thêu gấm chậm rãi (thích tú trì). Chọn nhị bát giai nhân để mở đầu Xuân nhật tức sự là đắc sự, một hình ảnh đắt giá vì bởi đó là biểu tượng cho mùa xuân đẹp của đời người. Thêu thùa may vá là nét đẹp nữ công nữ hạnh của người phụ nữ xưa nhưng khái quát lên là chỉ tính tỉ mỉ, chăm chút, tài thành tạo vật – thiên chức của người phụ nữ. Câu thơ mở đầu song trùng trong hình ảnh ấy vẻ đẹp Nguyên sinh của mùa xuân đất trời cũng như mùa xuân của đời người. Hợp với sự dịch chuyển chậm rãi ấy là âm thanh thỏ thẻ hiện hữu phát sinh nơi con chim oanh thấp thoáng dưới chùm hoa tử kinh. Điểm xuyên cho vẻ đẹp Nguyên sinh ấy là nét năng động vui vẻ vang vang... Cũng

1. Bởi vấn đề tác giả còn những tranh cãi chưa xác đáng nên vấn đề tác giả xin được bàn ở một bài viết khác, chỉ biết đa số các học giả xưa nay cho là của thiền sư Huyền Quang đời Trần, nhưng thiền sư Thích Trí Siêu – Lê Mạnh Thát chứng minh là của thiền sư Áo Đường Trung Nhân đời Tống (tạp chí Văn học số 1-1984).

cần tìm hiểu thêm về loài hoa này vì không phải ngẫu nhiên mà nó được chọn trong bài thơ.

Tử kinh có tên đầy đủ là Dương tử kinh (danh pháp hai phần: *Bauhinia blakeana*) (tiếng Trung: 洋紫荆) là một loại cây thân gỗ thường xanh, thuộc về chi Ban (*Bauhinia*), với các lá to và dày cùng các hoa đỏ ánh tía nổi bật. Các hoa tương tự như hoa phong lan, có mùi thơm, thông thường có kích thước cỡ 10–15 cm, nở từ khoảng đầu tháng 11 năm trước đến cuối tháng 3 năm sau. Đôi khi nó còn được gọi là lan Hồng Kông (香港蘭 – hương cảng lan). Hình dáng của lá lưỡng thù tương tự như hình trái tim, dài 7–10 cm và rộng 10–13 cm, với kẽ nứt phân chia phần đỉnh phiến lá. Người Hồng Kông gọi lá này là thông minh điệp (聰明葉, “lá thông minh”) và coi nó như là biểu tượng của sự thông minh. Một số người còn dùng lá để làm vật đánh dấu sách với hy vọng nó sẽ hỗ trợ họ học hành tốt hơn. Tuy nhiên, thông thường nó là vô sinh (không tạo hạt), việc nhân giống được thực hiện bằng cách chiết, ghép cành, và loài cây này ưa thích nơi nhiều ánh sáng và đất tốt. Ở đây, chúng ta cần chú ý đặc tính vô sinh và ưa sáng của hoa tử kinh. Màu của hoa làm nên tên hoa, màu tía là màu thể hiện linh diệu may mắn (theo điển cố, trên đầu thánh nhân thường có tử khí chớ che).

Chim oanh vàng (hoàng ly) theo Thi nghĩa sơ 诗义疏:

Hoàng điểu, Ly lưu dã; hoặc vị Hoàng lật lưu; U Châu vị chi Hoàng ương, hoặc vị chi Hoàng điểu; nhất danh Thương canh, nhất danh Thương canh, nhất danh Ly hoàng, nhất danh Sở tước; Tề nhân vị chi Bác thủ, Quan Tây vị chi Hoàng điểu. Thường thẩm thực thời lai, tại tang thụ gian, giai ứng tiết xu thời chi điểu. Hoặc vị chi Hoàng bào.

黄鸟, 鹂鷓也; 或谓黄栗留; 幽州谓之黄鸯, 或谓之黄鸟; 一名仓庚, 一名商庚, 一名鷲黄, 一名楚雀; 齐人谓之搏黍, 关西谓之黄鸟. 常榘熟时来, 在桑树间, 皆应节趋时之鸟. 或谓之黄袍.

(*Hoàng điểu chính là Ly lưu; hoặc còn gọi là Hoàng lật lưu; vùng U Châu gọi nó là Hoàng ương, hoặc gọi là Hoàng điểu; một tên khác là Thương canh, một tên khác nữa là Thương canh, còn có tên*

là Ly hoàng, tên Sở tước; người nước Tề gọi nó là Bác thủ, vùng Quan Tây gọi là Hoàng điểu. Thường khi mùa dâu chín bay về đậu trên cây dâu, đây là loài chim ứng theo mùa. Còn được gọi là Hoàng bào).

Còn theo Thuyết văn 说文:

Ly hoàng Thương canh dã, minh tắc tầm sinh 离黄仓庚也, 鸣则蚕生

(Ly hoàng tức Thương canh, khi chim hót là tầm sinh)

Và Lễ ký 礼记:

Trọng Xuân chi nguyệt Thương canh minh 仲春之月仓庚鸣

(Tháng Trọng Xuân chim Thương canh hót)

Ta có thể thấy, chim oanh vàng là loài chim báo hiệu mùa xuân.

Qua những tìm hiểu bên trên, đó cũng là một trong những lý do mà hoàng ly xuất hiện trong Xuân nhật tức sự cùng với hoa tử kinh.

Hình ảnh đẹp, màu sắc tươi, thanh âm vui đậm hơi xuân làm cho chủ thể trữ tình không thể vô tâm, cảnh xuân hòa cùng tình xuân qua lời tha thiết:

Khả lân vô hạn thương xuân ý

Bài thơ này mang nhiều giai thoại. Cái hay của bài thơ là không thể phủ nhận được rồi, nhưng thiên sư tác giả của bài thơ thì mang nhiều tai tiếng thị phi miệng đời. Một bậc đạo đức tu hành rồi mà còn rung động trước thiếu nữ, trước cảnh đẹp, dạt dào tình cảm, miệng đời thị phi là thế! Vậy miệng đạo phải có cái gì khác chứ? Đây cũng là một nguyên nhân mà người viết đề xuất đọc hiểu văn bản theo lý thuyết Thi pháp học dựa trên nguyên bản, tiếp cận tác phẩm từ góc độ ngôn ngữ trước nhưng nếu mới dừng lại ở đó thì chỉ mới là yếu tố luật trắc trí thúc, ta cần dùng yếu tố văn bằng tâm thức để tinh nghĩa nhập thần.

Thương, thương lắm! Biết thế nhưng ta đã chú ý thật sự xem thiên sư thương gì chưa?

Tận tại đình châm bất ngữ thi.

Thời điểm đình châm bất ngữ là chỗ rất ráo nhất của xuân đạo! Câu thơ vi diệu, xuân ý và thiên ý gom trọn vào đây! Chia khóa hóa giải miệng đời nằm ở tận tại...

Vì sao lại thương chỗ này? Xin dẫn ra câu chuyện sau, chắc chắn không xa vấn đề đang bàn. Một vị Ni đời Lý, Ni Diệu Nhân khi sắp tịch để lại những câu thơ nhắc nhở đồ đệ, có hai câu như sau:

*Thiền Phật bất câu
Uống khẩu vô ngôn.*

DỊCH:

*Thiền Phật chẳng câu
Uống lời không nói.*

Đến chỗ không câu Thiền, không câu Phật, tức là đến chỗ viên mãn tột cùng thì không còn lời gì để nói. Đến chỗ đó vừa mở miệng là sai, là lạc về đối đãi rồi. Thế nên thương, thương lắm là thương chỗ không nói (bất ngữ), tức là chỗ đã viên mãn tột cùng. Cùng ý này, thiền sư Tịnh Giới đời Lý, khi cảm hứng về mùa thu, Ngài có làm mấy câu thơ:

*Thu lai lương khí sáng hung khâm,
Bát đấu tài cao đối nguyệt ngâm.
Kham tiểu thiền gia si độn khách,
Vi hà tương ngữ dĩ truyền tâm.*

DỊCH:

*Thu về mát mẻ thích trong lòng,
Tám đấu tài cao hát thông dong.
Cửa thiền những thẹn người si độn,
Biết lấy câu gì để truyền tâm.*

Trong thiền lý, khi đến chỗ chân thật cứu cánh, thường nói là: ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, tức là bật đường ngôn ngữ, không có lời để diễn tả và dứt chỗ tâm hành tức là dứt cái tâm đang tìm kiếm, đang đuổi theo sáu trần. Dứt chỗ tâm hành tức là dừng thêu (đình châm) chớ gì? Dừng được tâm đó mới là chỗ thương, thương lắm.

Niết bàn tiếng Phạn là Nirvāna, và tiếng Pali là Nibbāna निर्वाणशब्दम्. Chữ Nib là không. Bana là thêu dệt. Không thêu dệt (đình châm) tức là không tạo nghiệp, không đan kết, không bị lôi cuốn vào vòng luân hồi. Vì thế Niết bàn cũng gọi là Vô sanh, tức là không còn đan dệt vòng luân hồi nữa. Chỗ cô thiếu nữ không nói, dừng thêu, quả là Niết-bàn, đây là chỗ thiền sư thích nhất, nên Ngài diễn tả bằng cảnh Xuân tươi đẹp. Đến đây, ta đã diện kiến được tâm xuân tĩnh tại của

bài thơ hài hòa tuyệt diệu cùng cảnh xuân tươi đẹp và tình xuân dạt dào. Chính chỗ này làm nên mùa xuân bất diệt cho bài thơ xuân bất hủ để mùa xuân nào về ta cũng tức sự cùng Xuân nhật tức sự.

Cô gái đẹp nhưng cứ thêu, thêu mãi, thì đó là cái đẹp của luân hồi sanh tử, chưa đáng cho thiền sư quan tâm. Cần phải có cái đẹp khi không nói và lúc dừng thêu, đó mới thật là cái đẹp của hành giả muốn tìm, muốn được. Hai câu chót cứ ám ảnh người đọc, mà Huệ Chi đã dịch như thể hiện một khía cạnh tiếp nhận của mình:

*Bao nỗi thương Xuân, thương biết mấy,
Là khi không nói, chợt dừng thêu.*

Vậy trọng tâm của người tu là phải làm sao đạt đến chỗ cứu cánh Niết bàn. Đây là điểm dừng chân cho ý nghĩa hai chữ TU CHỨNG, ấy là chủ thể tự do đúng nghĩa: “Hỗn độn tôn sư, Càn khôn chủ tử” tận tại của mỗi hành giả tham cầu.

PHỤ CHÚ:

Đặng Thai Mai dịch:

*Đường kim bỗng chậm lại trên tay cô nàng
xinh đẹp mười sáu xuân xanh,
Mấy chú oanh vàng thò thẻ trong lòng tử kinh
hoa nở rộ,*

*Thương quá đi bao nỗi lòng xuân vô hạn,
Đang trút cả giây phút ngừng kim và im
phăng phắc.²*

Đình Gia Khánh dịch:

*Người con gái đẹp tuổi đôi tám chăm chậm thêu,
Dưới bóng hoa tử kinh, chim hoàng ly nháy nhót,
Đáng yêu là cái ý thương xuân vô hạn,
Động lại tất cả ở lúc dừng kim, không nói năng.³*

Huệ Chi dịch:

*Lông tay thêu gấm gái yêu kiều
Hoa rộ oanh vàng lạnh lót kêu
Bao nỗi thương xuân thương biết mấy
Là khi không nói chợt dừng thêu.⁴■*

2. “Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học”, Thơ văn Lý Trần, tập 1, NXB Viện Văn Học Hà Nội, 1977, tr. 44.

3. Văn học Việt Nam, Đình Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương, cuốn 1, T Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, 1992, tr. 184.

4. www.thivien.net/poem.php?

LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TỊNH

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

T hông qua một số kinh sách trong Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta đã biết ít nhiều về cơ nguyên sanh hóa và điều hành vạn vật trong vũ trụ. Nhưng có thể chúng ta chưa biết nhiều về một định luật có cái tên khá ngắn gọn mà Ôn Trên dùng để nói lên nguyên lý hóa sanh ra muôn loài vạn vật từ Nhất Thể Đạo, định luật đó là “Luật Tác Âm Dương Động Tĩnh”. Đây là một trong những định luật đặc trưng giải thích cơ chế tạo dựng và điều hành trật tự điều hòa vạn vật trong vũ trụ, nói một cách khác, là định luật giải thích cơ chế “Nhất bốn tán vạn thù”, thuộc vũ trụ quan Đại Đạo. Mục đích của bài viết này là phân tích một số đoạn Thánh giáo dạy về Luật Âm Dương Động Tĩnh để hiểu chi tiết nội dung của định luật này. Luật Tác Âm Dương Động Tĩnh được dạy cụ thể trong quyển Đạo Học Chỉ Nam, tại chương 4, tiết 2, mục 1, như sau (ký số trong ngoặc đơn dùng để đánh số thứ tự các câu):

“(1) Luật Tác Âm Dương Động Tĩnh chứng minh sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. (2) Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong luật

tác tương hiệp tương hòa, bởi vì, nếu đi ngoài luật tác ấy, vạn hữu đối nghịch sẽ khởi thi cho sự tranh phân và tự diệt. (3) Trái lại, nhờ nó mà Vũ Trụ mới sinh trưởng biến hóa, vẫn xây cho cuộc thể diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người.

(4) Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh, hay cảnh hoàng hôn, huy hoàng rực rỡ, làm rung cảm bao kẻ ưu tư. (5) Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tác. (6) Nhờ vậy con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh, biết bao nhiêu những vụ chứng khác, mà con người có thể nhận thức được.”

Đầu tiên, chúng ta hãy phân tích một số từ ngữ và ý nghĩa đoạn Thánh giáo trên để rút ra nội dung của Luật Âm Dương Động Tĩnh.

1. LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TỊNH

Trong câu (1), chứng minh là cho thấy một sự việc là đúng đắn (hiển nhiên) bằng lý lẽ (bằng lập luận) hoặc bằng chứng (bằng thực tế). “Luật Tác Âm Dương Động Tĩnh chứng minh sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn

tác hiệp” nghĩa là nội dung của định luật âm dương động tĩnh là những lý lẽ, lập luận hoặc bằng chứng để cho thấy rằng “sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp”. Trong đoạn Thánh giáo trên, Ôn Trên dùng cả lý lẽ và bằng chứng màn đêm và ánh sáng để chứng minh “sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp”.

Mâu thuẫn là tình trạng trái ngược nhau, phủ định nhau về một phương diện nào đó của hai yếu tố. Tác hiệp hay hiệp tác có nghĩa là cùng phối hợp tham gia vào một quá trình, để bổ sung cho nhau làm ra một thành quả hay hoàn thành một công việc nhất định. Từ hai định nghĩa về mâu thuẫn và tác hiệp bên trên, chúng ta có thể hiểu sự mâu thuẫn tác hiệp là sự bổ túc cho nhau của hai yếu tố mâu thuẫn nhau để hòa hiệp, phối hợp nhau tham gia vào một quá trình để hoàn thành một công việc nhất định; khi tham gia vào quá trình ấy, hai yếu tố này sẽ lấy tình trạng trái ngược nhau để phối hợp với nhau, lấy tình trạng phủ định nhau để bổ túc cho nhau. Nói một cách khác, sự

mâu thuẫn tác hiệp là sự bổ túc và phối hợp nhau của hai yếu tố bằng chính tình trạng trái ngược hoặc phủ định của mình vào trong một quá trình để hoàn thành một công việc nào đó.

Chuyển vận có nghĩa là làm thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác. Mọi sự tiến hóa là mọi dạng tiến hóa từ tinh thần đến vật chất, ở mọi cấp độ tiến hóa từ thấp đến cao. “*Sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa*” nghĩa là sự tác động đối nghịch là để mọi dạng tiến hóa có thể chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác. Cũng có nghĩa là để mọi dạng tiến hóa đang có, tiếp tục được chuyển hóa từ dạng tiến hóa này sang dạng tiến hóa khác nữa. Như vậy, sự tác động đối nghịch trong ngũ cảnh của luật âm dương động tịnh làm cho vạn vật, vốn đã đa dạng, lại càng đa dạng hơn nữa, vạn vật vốn đã phong phú về chủng loại, lại càng phong phú về chủng loại hơn nữa.

“*Sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp*” nghĩa là thế nào? Sự mâu thuẫn vốn dĩ là sự trái ngược nhau hay đối nghịch nhau. Nếu sự mâu thuẫn đó hay sự đối nghịch đó lại tác động với nhau thì ta có sự tác động đối nghịch. Ngoài ra, sự tác động đối nghịch ấy (tác động trong mối quan hệ mâu thuẫn) muốn chuyển vận mọi sự tiến hóa thì phải trong sự “tác hiệp”, cũng

như trong sự tương hòa tương hiệp được đề cập trong câu (2) của đoạn Thánh giáo. Cho nên sự tác động đối nghịch muốn chuyển vận mọi sự tiến hóa phải là sự mâu thuẫn tác hiệp, nói một cách khác là phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. Chữ “hiệp” trong chữ “tác hiệp” có nghĩa giống như chữ “hiệp” trong chữ “tương hiệp”.

Như đã trình bày, trong ngũ cảnh của Luật Âm Dương Động Tịnh, sự tác động đối nghịch phải nằm trong Luật Tác Tương Hòa Tương Hiệp thì mới có sự tiến hóa. Trong câu (2), Luật Tương Hòa Tương Hiệp đề cập đến sự phối hợp, liên hiệp nhau của vạn vật trong vòm trời đại thể để tiến hóa trong sự điều hòa của vũ trụ¹. “*Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong Luật Tác Tương Hiệp Tương Hòa*” nghĩa là sự tác động đối nghịch của những yếu tố mâu thuẫn, cũng phải đồng thời trong sự phối hợp, liên hiệp nhau trong vòm trời đại thể là vũ trụ, để cùng nhau tiến hóa trong trật tự, điều hòa của vũ trụ.

Đến đây, có lẽ chúng ta đã có thể hình dung phần nào nội dung của Luật Tác Âm Dương Động Tịnh là để nói lên mối quan hệ giữa muôn loài vạn vật trong vũ trụ. Từ một bản thể Đạo ban đầu cho đến muôn loài vạn vật trong vũ trụ đều có

1. Chúng ta có thể tìm hiểu chi tiết hơn về luật tương hòa tương hiệp của vũ trụ, được giảng dạy cùng với luật tác âm dương động tịnh trong Đạo Học Chi Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

mối quan hệ gắn kết chặt chẽ với nhau trong một tổng thể vũ trụ. Cho dù trong lòng vũ trụ tồn tại sự mâu thuẫn với nhau như thế nào thì sự mâu thuẫn ấy cũng có thể tác hiệp với nhau tức là bổ sung, bổ túc cho nhau để cùng nhau tiến hóa trong trật tự, điều hòa của vũ trụ. Nếu vạn vật không biết dùng sự khác biệt nhau của mình để bổ sung, bổ túc cho nhau và cùng nhau tiến hóa, tức là đi ngược với Luật Tác Âm Dương Động Tịnh, đi ngược với Luật Tác Tương Hòa Tương Hiệp, đi ngược với ý nghĩa của sự mâu thuẫn tác hiệp, thì vạn vật đã bắt đầu sự tranh phân, tức là tranh chấp, chia rẽ, rồi tự hủy diệt chính mình và như vậy làm hủy diệt lẫn nhau.

Trong câu (3) của đoạn Thánh giáo, biến hóa tức là biến đổi thành ra cái khác hoặc biến đổi sang trạng thái khác, hình thức khác.

Về chữ vẫn xây, theo Từ điển Tiếng Việt của Trung tâm từ điển học Vietlex, vẫn có nghĩa là xoay chuyển mạnh theo nhiều hướng. Xây có nghĩa là quay về phía nào đó. Xoay (hay quay) có nhiều nghĩa như quay tròn, cũng có nghĩa là đổi hướng, tìm hết mọi cách, tìm cách này hay cách khác để mong đạt được kết quả. Trong chữ vẫn đã bao gồm chữ xoay. Chữ xây, chữ quay, chữ xoay đồng nghĩa với nhau. Vẫn xây có nghĩa xoay tròn, xoay chuyển mạnh theo nhiều hướng để mong đạt được kết quả.

Cuộc thế hay thế cuộc có nghĩa là cuộc đời.

Cũng theo Từ điển Tiếng Việt của Trung tâm từ điển Vietlex, diễn là biểu diễn, trình bày cho xem, nó còn nghĩa là xảy ra và tiến triển. Phô là để lộ ra, bày ra, chứng ra, nói ra. Phô bày có nghĩa là để lộ rõ ra cho nhiều người cùng thấy. Phô diễn là thể hiện, diễn đạt bằng một phương tiện, cách thức nào đó. Như vậy, chúng ta có thể hiểu diễn phô là trình bày, thể hiện rõ ra bên ngoài bằng một cách thức nào đó cho nhiều người cùng thấy.

Thanh, sắc có nhiều nghĩa. Thanh là nói tắt của thanh điệu, thanh âm hay âm thanh. Sắc là nói tắt của sắc màu hay màu sắc. Sắc còn là cái có hình dạng mà con người có thể nhận biết được. Theo quan niệm của nhà Phật, sắc đối lập với cái không. Như vậy, “thanh, sắc” trong bài Thánh giáo này ngụ ý về sự đa dạng phong phú của muôn loài, thể hiện qua muôn vàn âm thanh và sắc tướng nơi thế gian. Các Đấng Thiêng Liêng thường ví von sự phong phú giống loài là vạn vật muôn loài, côn trùng thảo mộc, thủy tú sơn xuyên, vạn điều nghìn ngư, thiên hình vạn trạng...

“*Cuộc thế diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người*” có nghĩa là cõi đời là nơi đang diễn ra, bày ra bên ngoài muôn loài vạn vật, đa dạng, phong phú về hình thức trước con người. Và con người dùng

lục thức của mình để nhận biết muôn loài vạn vật. Lục thức là sáu giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý thức của con người.

Tóm lại, câu “*Trái lại, nhờ nó mà Vũ Trụ mới sinh trường biến hóa, vẫn xây cho cuộc thế diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người*” nghĩa là nhờ Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh, nhờ trong mối quan hệ mâu thuẫn – tác hiệp mà Vũ trụ mới sinh trường, biến đổi liên tục ra đủ mọi hình thức, trạng thái, là cái giống loài trong cõi đời này, mà con người có thể nhận thức được bằng sáu giác quan của mình.

Nói một cách đầy đủ hơn về Luật Âm Dương Động Tĩnh là, vạn vật, từ những yếu tố mâu thuẫn ban đầu (trạng thái ban đầu) nơi bản thân mình, những yếu tố mâu thuẫn ấy mới xoay chuyển một cách mạnh mẽ, theo nhiều chiều hướng khác nhau giống như xoay tròn (vẫn xây), tìm cách này hay cách khác để bổ sung bổ túc cho nhau bằng sự mâu thuẫn của mình, sao cho từ trạng thái mâu thuẫn ban đầu ấy có thể biến đổi thành đủ mọi trạng thái hay hình thức khác gọi là muôn loài vạn vật, hay muôn hình vạn trạng. Và cũng nhờ vào luật này, mọi sự tiến hóa của vạn vật lại tiếp tục được biến hóa ra thêm nhiều hình thức phong phú khác nữa.

Đến đây, chúng ta thấy Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh

chính là một phần quan trọng trong vũ trụ quan Đại Đạo. Định luật này không những (1) nói lên việc tạo dựng vạn vật (tức là cái Vạn) được phát sinh từ một nguồn gốc (tức là cái Một) của Vũ trụ, mà còn nói đến nguyên lý mà vạn vật từ đó cứ tiến hóa lên mãi. Ngoài ra, (2) định luật còn giải thích sự tồn tại bên cạnh nhau của vạn vật, điều hòa trật tự trong một vòm trời đại thể là vũ trụ. Như vậy, định luật này được xem là một trong những định luật đặc trưng giải thích cơ chế “Nhất tán Vạn” và sự tồn tại của cái Vạn trong một tổng thể.

Ba câu đầu tiên của đoạn Thánh giáo đề cập đến Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh của vũ trụ, tác động trên Nhất thể Đạo để Nhất thể Đạo hóa sanh ra muôn loài vạn vật. Ba câu tiếp theo đề cập đến luật tắc này tác động con người, nhờ luật tắc này, “con người mới hiệp thành xã hội”, “thiết lập thế giới nhân sinh”.

Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh nói riêng và các luật tắc của vũ trụ nói chung có tính chất phổ quát, chi phối toàn thể vũ trụ. Các quy luật chi phối từ Nhất thể Đạo, con người, cho đến vạn vật, chứ không phải thuận túy dành cho con người hay một đối tượng nào. Chữ “con người” chỉ là tạm đặt ra để làm đại diện, thay thế cho vạn thể: “*Con người ở đây được xem không phải là con người nghĩa hẹp của nó, mà đặt lấy cái tên*

để thay vì cho vạn thể hiện hữu trong vũ trụ giới thức.”

Bây giờ, chúng ta hãy cùng phân tích ví dụ màn đêm và ánh sáng từ câu (4) của đoạn Thánh giáo để hiểu thêm về luật Tắc Âm Dương động tịnh.

2. VÍ DỤ MÀN ĐÊM VÀ ÁNH SÁNG

Màn đêm, ánh sáng ở đây có nghĩa là cái tối và cái sáng của bầu trời. Cái sáng của bầu trời và cái tối của bầu trời là mâu thuẫn nhau vì chúng là tình trạng trái ngược nhau. Trên phương diện ánh sáng thì, sáng ngược tối, tối ngược với sáng. Sáng thì không tối, tối thì không sáng.

Màn đêm và ánh sáng là một minh họa của sự mâu thuẫn tác hiệp như thế nào? Câu (4) *“Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh, hay cảnh hoàng hôn, huy hoàng rực rỡ, làm rung cảm bao kẻ ưu tư.”* Như đã nói, màn đêm và ánh sáng là tình trạng trái ngược nhau, phủ định nhau về độ sáng trên bầu trời, nên chúng rõ ràng là mâu thuẫn nhau. Nhưng không dừng lại ở đó, màn đêm và ánh sáng là mâu thuẫn tác hiệp nhau.

Màn đêm và ánh sáng trái ngược nhau về độ sáng nhưng tình trạng trái ngược đó không tiêu diệt nhau mà bổ sung, bổ túc cho nhau: trong chu kỳ một

ngày đêm, màn đêm và ánh sáng tiếp diễn nhau, tuần tự nhau để tạo lấy trên bầu trời biết bao buổi bình minh huy hoàng nổi tiếp cảnh hoàng hôn rực rỡ.

“Nhịp” là sự nối tiếp và lặp lại một cách đều đặn, tuần hoàn một quá trình nào đó. “Khúc” là từ biểu thị một hành động hoặc trạng thái vừa chấm dứt để chuyển sang một hành động hoặc một trạng thái khác. Nhịp khúc là sự nối tiếp và lặp lại một cách đều đặn, tuần hoàn của một quá trình bao gồm trạng thái này vừa chấm dứt thì chuyển sang trạng thái khác. Bốn mùa trong năm là một quá trình có nhịp khúc trong đó. Bốn mùa trong năm là một quá trình có sự nối tiếp và lặp lại một cách đều đặn, tuần hoàn hết năm này qua năm khác. Quá trình này bao gồm xuân vừa chấm dứt thì chuyển qua hạ, hạ vừa chấm dứt thì chuyển qua thu, thu vừa chấm dứt thì chuyển qua đông. Đó là về chữ “nhịp khúc”.

Ân tình (ơn tình) là tình nghĩa thâm thiết do có chịu ơn sâu với nhau. Ôn là điều làm cho đối tượng nào đó, mang lại lợi ích, sự tốt đẹp, được bản thân đối tượng ấy nhận thức như là cần phải đền đáp.

Trở lại với ví dụ màn đêm và ánh sáng. Màn đêm, ánh sáng nối tiếp nhau là nhịp khúc của bầu trời, màn đêm trên trời vừa hạ màn thì ánh sáng lại hé lên, ánh sáng vừa chột tắt thì màn đêm mới giăng đầy. Quá

trình hết tối lại sáng như thế cứ nối tiếp nhau, lặp lại từ ngày này sang ngày khác, nên mới gọi là nhịp khúc. Nhưng tại sao chúng lại có ân tình (ơn tình) sâu nặng với nhau? Bởi vì nhờ có màn đêm, con người mới thấy rằng chỉ có ánh sáng mới có giá trị tạo nên biết bao buổi bình minh huy hoàng. Tương tự như thế, nhờ có ánh sáng, con người mới hiểu rằng chỉ có màn đêm mới có công dụng nên vô vàn buổi hoàng hôn rực rỡ. Màn đêm và ánh sáng đã chịu ơn nhau vì đã làm nên giá trị thật sự của nhau bằng cách dùng tình trạng mâu thuẫn nhau mà tác hiệp với nhau.

Câu (5) *“Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tắc”* có nghĩa là nhịp khúc ân tình có được từ sự mâu thuẫn tác hiệp đều nằm trong luật tắc, gọi tên là Luật Tắc Âm Dương Động Tịnh.

Câu (6) *“Nhờ vậy con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh,...”* đề cập đến con người. Con người có biết bao sự khác biệt. Có những yếu tố khác biệt nhau tưởng chừng như mâu thuẫn, trái ngược nhau. Và giáo lý Đạo chỉ rõ, nhờ Luật Tắc Âm Dương Động Tịnh, những yếu tố mâu thuẫn nhau của con người lại tác hiệp thành công với nhau trong mối quan hệ “mâu thuẫn tác hiệp”, sẽ tạo được xã hội con người, lập được thế giới nhân sinh.

“(...) biết bao nhiêu những vụ chứng khác, mà con người có thể

2. Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

nhận thức được” nghĩa là còn biết bao việc khác nữa là bằng chứng cho kết quả của Định Luật Âm Dương Động Tĩnh, cho kết quả của “những tác động đối nghịch chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp”, mà con người có thể nhận thức được.

3. LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỘNG TĨNH TRONG ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO

Ngoài đoạn Thánh giáo đã được nêu ra ban đầu, nội dung của Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh còn được đề cập trong một số kinh sách khác, ví dụ như trong Đại Thừa Chơn Giáo. Tuy không gọi sự kết hợp âm dương để hóa sanh vạn vật bằng một định luật có cái tên cụ thể như trong Đạo Học Chỉ Nam, nhưng trong Đại Thừa Chơn Giáo, bài Tiên Thiên Cơ Ngẫu, Đức Chí Tôn cũng dạy nội dung tương tự về Luật Tắc Âm Dương Động Tĩnh, như sau:

“Trước khi chưa phân định Âm Dương, Càn Khôn thế giới thì trong thời kỳ ấy, khí hồng mộng dương hỗn độn mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hiệp thì kêu là Tiên Thiên Hư Vô chi khí.

Trong Khí Hư Vô ấy lại phát hiện ra một vòng đại quang minh là Thái Cực, đó kêu rằng Vô Cực sanh Thái Cực (không mà có).

Rồi vòng Hư Vô ấy nó lại có một điểm trung tâm thì Thái cực là cơ, mà hễ cơ là lẽ. Đã lẽ thì làm sao mà hóa sanh để tạo thành Càn Khôn thế giới, vạn

vật muôn loài, côn trùng thảo mộc, thủy tú sơn xuyên, nên cái lý đơn nhứt ấy mới phóng ra một vầng quang minh phân định: khí khinh thanh thượng phù giả vi Thiên, khí trọng trước ngưng giáng giả vi Địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên, làm ngôi Càn. Càn là Thiên tức là Nhứt dương chi khí. Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm Khôn. Khôn là Địa, Nhứt âm chi khí.

Cái năng lực mạnh bạo của khí âm dương vẫn vẫn quanh lộn, lăn tròn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian. Khí dương động, âm tĩnh. Âm thì ngưng một chỗ, còn dương thì bao quát Càn Khôn.

Đức Thái Cực mới, vận hành khí chơn dương hiệp cùng khí âm (âm dương là cơ với ngẫu). Khí Âm Dương hỗn hiệp nhau, đụng chạm mà hóa hóa sanh sanh là do trong chỗ điều hòa, tương ứng tương cảm, huân chủng đằm ấm mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng. Khí Âm Dương bắt đầu sanh hóa ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi, đời nọ sang đời kia, không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về một, là vì “nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn”.

Nội dung tương tự về Luật Âm Dương Động Tĩnh được đề cập trong Đại Thừa Chơn Giáo, có thể được tóm tắt như sau: Thuở ban sơ của vũ trụ, lúc chưa tạo lập Càn Khôn thế giới, vũ trụ

chỉ có một Khí Hư Vô hay Tiên Thiên Hư Vô chi khí. Để có thể hóa sanh tạo thành Càn Khôn thế giới, Khí Hư Vô ấy mới phân định thành Nhứt dương chi khí và Nhứt âm chi khí. Khi đó, Khí Hư Vô còn được gọi là Khí Âm Dương do đã có sự phân định Âm – Dương trong nó.

Nhứt dương chi khí và Nhứt âm chi khí có tính chất trái ngược, mâu thuẫn nhau: một cái thì khinh thanh, nhẹ nhàng, bay bổng lên, một cái thì trọng trước, nặng nề, ngưng giáng xuống. Nhứt dương chi khí và Nhứt âm chi khí mới vẫn xoay, lăn tròn, đung đẩy nhau trong không gian, hỗn hiệp nhau, đụng chạm nhau để kết hợp thành công với nhau mà hóa sanh ra muôn loài vạn vật. Muôn loài vạn vật từ đó cứ hóa sanh ra mãi mãi, không bao giờ ngưng nghỉ.

Những điều trên có nghĩa là, từ cái “một” là Tiên Thiên Hư Vô chi khí (hay Khí Hư Vô), sanh thành “hai” yếu tố mâu thuẫn nhau là Nhứt dương chi khí và Nhứt âm chi khí. “Ba” chính là sự “tác hiệp” của hai yếu tố mâu thuẫn đó để hóa sanh. Nói một cách khác, “ba” là kết quả của mối quan hệ mâu thuẫn-tác hiệp giữa hai yếu tố vốn mâu thuẫn nhau. Nếu dùng cùng ngôn ngữ với đoạn Thánh giáo trong Đạo Học Chỉ Nam đã được giới thiệu đầu tiên, thì “ba” chính là sự phối hợp của hai yếu tố mâu thuẫn tuân theo luật tắc

âm dương động tịnh. Khi đã có cái “ba” này, tức là khi đã có sự tác hiệp với nhau, đồng nghĩa với sự tuân theo luật tắc âm dương động tịnh thì sẽ có muôn loài vạn vật. Đó là ý nghĩa của “một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật”. Quá trình từ cái “một” sinh ra “vạn vật” ấy gọi là “nhứt bốn tán vạn thù”. Còn quá trình “vạn vật cũng phải quay đầu về một” gọi là “vạn thù quy nhứt bốn”.

Như vậy, chúng ta thấy nội dung của đoạn Thánh giáo trong Đại Thừa Chơn Giáo không khác gì so với đoạn Thánh giáo trong Đạo Học Chỉ Nam, cùng nói nội dung của Luật Âm Dương Động Tịnh, cùng giải thích cơ chế “Nhất bốn tán vạn thù”.

4. KẾT LUẬN

Qua sự phân tích một số Thánh giáo dạy về cơ nguyên sanh hóa của vũ trụ vừa qua, chúng ta có thể hiểu ngắn gọn về Luật Tắc Âm Dương Động Tịnh như sau: vạn thể trong vũ trụ đều có hai yếu tố mâu thuẫn, trái ngược nhau gọi là Âm và Dương. Khi Âm và Dương tác hiệp với nhau, tức là bổ sung, bổ túc cho nhau bằng sự trái ngược của mình thì vạn vật được sinh hóa và tiến hóa ngày càng thêm lên.

Luật Âm Dương Động Tịnh là một trong các định luật đặc trưng nhằm giải thích cơ chế tạo dựng và điều hành vạn vật tồn tại và tiến hóa trong trật tự điều hòa của vũ trụ, trong bán trình “Nhất bốn tán vạn thù” theo vũ trụ quan Đại Đạo. Chúng ta có thể tìm hiểu sự diễn giải về nội dung định luật

âm dương động tịnh thông qua kinh sách trong Tam Kỳ Phổ Độ hoặc tìm hiểu một sự phát biểu tường minh về định luật này trong Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, chương Vũ Trụ, mục Nguyên lý Nhất tán Vạn-Vạn quy Nhất, đã được Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo xác lập và phổ biến từ năm 2006.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh, Hán Việt từ điển.
- Cao Đài Đại Đạo, phái Chiếu Minh, Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn giáo, 2011.
- Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn giáo, 2006.
- Minh Lý Thánh Hội, ĐHCN, bản in ronéo.
- Trung tâm từ điển học Vietlex, Từ điển tiếng Việt.■

"ĐỪNG XAO LÃNG LÒNG NHÂN"

(TIẾP THEO 66)

cũng tự tại an lạc với chính mình, với hoàn cảnh. Lòng lành bao la thanh thoát, tình thương trải khắp đó đây, sự sống nào cũng vui cũng hợp.”⁴

LỜI KẾT

Một thế giới đại đồng, hòa bình an lạc chỉ có được khi mỗi người thực sự có hòa bình trong chính mình, và biết trải rộng lòng lành đến muôn người.

Chúng ta, là những người hữu duyên biết Đạo, giác ngộ trước lẽ Đạo, đi trước thì có bốn phận phải là tấm gương sáng, phát huy văn hóa đạo đức, đem giáo lý Đạo hướng dẫn người đời theo sau. Muốn thế, phải tu dưỡng để hạnh phúc tròn đầy, luôn luôn thể hiện lòng trung thực, đức độ khoan dung, lấy tình thương ban bố khắp mọi nơi, dụng đức từ bi, khiêm tốn làm phương tiện dìu dắt người đời vào đường chân thiện mỹ. Những tư tưởng thanh cao tốt đẹp lương thiện thường thường là những tư tưởng của chơn như bốn thể hay Phật tánh, để cảm ứng và được hộ trì, dẫn hướng của các Đấng trọn lành. Được Trời – người hiệp nhứt, chính là mục tiêu tu chứng của người tín đồ Cao Đài để độ mình và độ người, cùng hợp lực xây dựng đời Thượng người Thánh đức – thái hòa an lạc. ■

4. Đức Đông Phương Lão Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 06-12 Quý Sửu (29-12-1973).

Lễ hiến dâng trọn đời

NGÀY RẼM THÁNG 10 QUÝ TỶ 2013

■ TẬP ĐOÀN GIÁO SĨ

Một ngày rằm tháng mười lại đến với những người con Đại Đạo, đó là ngày rằm tháng mười năm Quý Tỵ, 2013. Cái nắng nhẹ nhẹ buổi sáng ngày rằm dường như xen lẫn vào tâm trạng hồi hộp, chờ đợi của chúng tôi trước giờ phút trọng đại của buổi lễ truyền thống của Thanh thiếu niên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo – buổi lễ hiến dâng trọn đời. Buổi lễ hiến dâng năm nay chỉ có hai em hiến dâng, vậy mà chúng tôi vẫn nghẹn ngào xúc động không khác những năm nào chúng kiến hàng chục con người lập nguyện hiến dâng nơi Thiên bàn Cơ Quan. Buổi lễ đã trôi qua nhưng những giây phút thiêng liêng của nó thì không thể nào quên được.

Đạo đệ Trần Phúc Thịnh và Phạm Thế Vinh là hai em hiến dâng năm nay – quê tại Tiền Giang – cùng với gia đình đã

đến Cơ Quan từ rất sớm để chuẩn bị cho buổi lễ hiến dâng quan trọng này. Gia đình các em được đón tiếp tại thư viện Cơ Quan, trên tay là những ly nước, miếng bánh chan hòa tình cảm triu mến của các anh chị em giáo sĩ, tu sĩ, tu sinh,... các thế hệ trước.

Sau phần cúng tứ thời, dâng sớ cầu nguyện lên Ông Trên là phần chính của buổi lễ hiến dâng. Nghi thức lễ hiến dâng được mở đầu bằng lời chào mừng và lời giới thiệu danh sách hiến dâng năm nay của đại diện Tập Đoàn Giáo Sĩ – giáo sĩ Hồng Mai. Lần lượt hai em Phúc Thịnh, Thế Vinh tiến lên, uy nghiêm quỳ trước Thiên bàn, nói rõ họ tên mình và lập nguyện hiến dâng trọn đời trước sự chứng minh của Ban Thường Vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tập Đoàn Giáo Sĩ, gia đình của các em và đông đảo quý huynh tỷ

đệ muội trong Cơ Quan: “Đệ tử (họ tên) xin dâng trọn hết tinh thần và thể xác cho Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng sử dụng. Đệ tử xin đem hết tài đức phục vụ nhân sanh, tuân hành những quy định của Cơ Quan và Tập Đoàn Giáo Sĩ”. Ngay sau lời nguyện hứa ấy, toàn thể anh chị em hiến dâng trọn đời các thế hệ đi trước, hòa chung tinh thần với hai em hiến dâng mới thành một khối thống nhất, đồng quỳ trước Thiên bàn, đọc vang bài kinh “Cầu nguyện Cơ Quan”, giương cao tinh thần “Nguyện chung sức mở đường đại chúng, đem đạo mầu công dụng mọi nơi, cho người thông cảm cùng người, dẹp tan sắc phái, phục hồi tình thương”.

Phần cảm động nhất có lẽ là phần phát biểu cảm tưởng của đại diện phụ huynh – đạo tỷ Hồng Lạc Hương – thân mẫu

của em Phúc Thịnh. Tình cảm cha mẹ lúc nào cũng thương con, luôn mong con khôn lớn, vững vàng trước những khó khăn trong cuộc sống, luôn mong con thành công trên đường Đạo lẫn đường đời. Ngay cả khi con mình đã lựa chọn sống một cuộc đời phụng sự cho đạo, cho nhân sanh, đầy vinh quang, thì cha mẹ vẫn không ngừng lo lắng, theo dõi từng bước chân, bước tiến của con mình. Đạo tử đã khóc và nhiều người cũng đã khóc. Khóc không phải do nghĩ đến hình ảnh người mẹ xa con, mà khóc bởi niềm hạnh phúc, hy vọng dâng trào không thể kềm chế được, trước tập thể các em dám hy sinh cuộc đời cho lý tưởng đạo đức thanh cao, cho sứ mạng truyền đạo ra khắp năm châu bốn biển trong tương lai. Riêng chúng tôi, chúng tôi sẽ còn vui mà khóc khi thấy các em sẽ ngày càng trưởng thành hơn trong đức tin, ngày càng vững vàng hơn trước khó khăn của cuộc đời, và thành công hơn trong sứ mạng thiêng liêng.

Kế đến là phần phát biểu của đại diện các em hiến dâng đạo đệ Phúc Thịnh. Khác với những tình cảm nghẹn ngào thương con của bậc sanh thành, các em hiến dâng lại tỏ rõ một ý chí quyết tâm tu học và hành đạo để đền đáp công ơn cha mẹ và đáp tạ ơn phước của các đấng thiêng liêng. Các em thể hiện tinh thần phụng sự, học

hỏi giáo lý, không sờn lòng nản chí, dù ở hoàn cảnh nào cũng noi bước tiền nhân, làm sáng danh Thầy, danh Đạo. Các em cũng không tỏ ra quá lo lắng bởi vì các em không bao giờ đi một mình, bên cạnh em còn có tập thể hiến dâng, sẽ nâng đỡ, giúp đỡ em lúc hữu sự. Các em còn may duyên được sống và hành đạo dưới sự dìu dắt, hộ trì của Đức Cao Triều Phát tiền bối và các Đấng Thiêng Liêng. Xin thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho các em để các em có thể thực hiện tốt sứ mạng mà Ông Trên giao phó.

Tiếp theo là lời nhắn nhủ của đại diện Ban Thường Vụ – Đạo Trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí. Ban Thường Vụ rất vui mừng trước sự hiến dâng của các em. Bên cạnh sự lo lắng trước tuổi đời các em còn quá trẻ, đạo trưởng còn dặn dò “Thiên kinh vạn điển, hiểu vi tiên”. Đạo trưởng dặn dò phải luôn nhớ công ơn cha mẹ, giữ giới luật của Đạo. Giới luật là khuôn vàng thước ngọc để un đúc cho các em đi trọn cuộc đời hiến dâng của mình. Đạo trưởng cũng không quên gửi đến các em hiến dâng lời chúc “tự thắng bản thân” và giữ trọn lời nguyện hiến dâng, gửi đến gia đình các em hiến dâng lời chúc sức khỏe và tinh tấn.

Sau cùng là lời cảm tạ của đại diện Tập Đoàn Giáo Sĩ – Giáo sĩ Hồng Mai. Buổi lễ hiến

dâng trọn đời tuy đơn giản, không hình thức vấn tóc, cắt tóc, hay mặc tu phục mới như các tôn giáo bạn, nhưng buổi lễ vẫn đầy đủ ý nghĩa, gieo được vào ý thức các em rằng, các em đã bước lên một con đường mới – con đường hiến dâng trọn đời là con đường hòa nhập vào bước tiến mới của đạo Cao Đài. Con đường của các em sẽ đi là con đường mà các bậc giáo tổ, các bậc chơn tu đã đi, và đầy vinh hạnh cho các em. Tập Đoàn Giáo Sĩ xin cảm ơn Ban Thường Vụ, toàn thể quý huynh tử đệ muội đã hiện diện và trợ diễn cho các em bắt đầu cuộc hành trình mới của mình.

Vậy là buổi lễ hiến dâng năm nay đã kết thúc, gia đình Tập Đoàn Giáo Sĩ từ hôm nay đã có thêm hai người em mới. Trong tình cảm quyến luyến, thương mến nhau, Tập Đoàn Giáo Sĩ đã cùng với gia đình các em hiến dâng chụp một số tấm hình lưu niệm và cùng chia vui trong bữa cơm trưa thân mật tại thư viện Cơ Quan. Những tiếng cười rộn rã, những món quà tinh thần trao nhau trong bữa cơm làm chúng tôi quên dần đi cảm giác tập thể chúng tôi vừa tiếp nhận hai thành viên mới. Bây giờ chúng tôi đã là một rồi. Rồi đây, chúng tôi sẽ chung vai sát cánh, sẽ cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng nâng đỡ nhau trên những nẻo đường trong cuộc hành trình phụng sự đang chờ đón chúng tôi... ■

CẢM TƯỞNG CỦA MỘT NGƯỜI MẸ TRONG BUỔI LỄ HIẾN DÂNG CỦA TU SINH TẠI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Kính thưa quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ,

Hôm nay là ngày Rằm tháng 10 năm Quý Tỵ, lễ Khai Minh Đại Đạo, cũng là ngày lễ hiến dâng của các em Tu sinh khóa V.

Đạo muội tên Ngô Thị Kim Chi – Thánh danh: Hồng Lạc Hương, đang hành đạo tại Thánh thất Khánh Hậu thuộc Hội thánh Ban Chính đạo. Vào những ngày thượng huyền hay các mùa tu, muội đều về Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn nhập tịnh.

Muội xin đại diện cho Phụ huynh các Tu sinh khóa V có đôi lời cảm tưởng.

Trước hết, muội thay mặt gia đình cảm ơn Đạo huynh Đạt Tường. Khi Phúc Thịnh vừa bước vào ngưỡng cửa đại học, muội rất lo lắng. Lúc ấy Thịnh đã ăn chay trường được ba năm. Trong mắt muội, con mình không là một thanh niên 17 hay 18 tuổi mà chỉ là một đứa trẻ ba tuổi đạo, làm sao chịu đựng được sóng gió giữa chợ đời. Thật lòng mà nói, muội lo hơn lúc con chuẩn bị thi đại học. Trong lúc bản khoản bối rối, may nhờ có đạo huynh Đạt Tường hiểu được nỗi lo âu của muội nên đã giới thiệu cho Phúc Thịnh cư ngụ tại Thánh thất Liên Hoa Cửu Cung. Cũng nhờ duyên lành, Thịnh gia nhập vào tập thể thanh thiếu niên Đại Đạo, rồi thanh thiếu niên Ngọc Minh Đài. Về thành phố, Thịnh được quý huynh tỷ gửi gắm ở tại Thánh thất Bàu Sen

và hiện nay Thịnh cư ngụ tại trụ sở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Mỗi bước đi của Thịnh đều được chư huynh tỷ giúp đỡ, che chở. Đạo muội xin thay mặt gia đình thành thật biết ơn quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ.

Có lẽ nhờ hạt cơm từ bi của quý huynh tỷ và cộng thần khởi điển lành hồng ân nên Phúc Thịnh có được một sức khỏe tốt, một vóc dáng khô ngô, một linh hồn và trí tuệ sáng suốt để quyết định học khóa tu sinh lánh tục tầm Tiên cứu đời.

Thịnh đã gọi điện về xin phép: “Mẹ ơi! Con muốn học khóa tu sĩ.” Muội bàng hoàng và không cần suy nghĩ, liền can ngăn vì sợ con mình có quyết định nhất thời chưa chín chắn, e sẽ đắc tội với Ông Trên. Vài tuần sau Thịnh về nhà, mẹ con cùng trao đổi (muội nhận thấy con mình đã đi đến chỗ quyết định sáng suốt). Muội nhận thấy, chỉ trong một thời gian ngắn, nhưng nhờ sự dạy dỗ của chư huynh tỷ, Phúc Thịnh đã hiểu được chiều sâu của nền Đại Đạo. Muội nhận thấy con mình đã đi đến chỗ quyết tâm, nên muội chấp thuận và nói: “Nếu ngày xưa mẹ gặp được người Thiện tri thức sớm hơn, có lẽ mẹ cũng đã quyết định sáng suốt như con, mẹ xin chúc mừng con.”

Mình cũng xin nhắc các em tu sinh một điều: “Đạo cao nhứt xích, ma cao nhứt trượng. Đạo cao nhứt trượng, ma cao đầu thượng. Đạo cao

đầu thượng, ma nhượng đầu sư”. Từ tiểu học cho đến đại học, lúc nào cũng có bài kiểm tra, thì các em phải cố gắng tìm cho mình một đáp số hẳn hoi, để các em không phải bất ngờ trước cơn khảo thí.

Trên đường các em đi còn lắm chông gai, muội cũng xin quý huynh tử cùng Tập đoàn Giáo sĩ luôn quan tâm và chăm sóc các em, giúp sức cho các em vững vàng thực hiện được tâm huyết và hoài bão của mình.

Cuối lời, muội không quên cầu nguyện Thầy Mẹ cùng chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần ban ân lành cho quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tử, Tập đoàn Giáo sĩ cùng gia quyến được dồi dào sức khỏe, thân tâm thường lạc, trí huệ viên minh để dìu dắt các em. Rất mong sau này các em có đầy đủ hành trang để có thể “Thế Thiên hành hóa”, hoằng hóa Đạo Thầy ra khắp năm châu bốn bể.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.■

THƠ TẶNG CON

Thương người cũng lắm thương con,
Lên hai mươi tuổi lòng con rạng ngời.
Tâm tiên lánh tục độ đời,
Đó là hồng phúc Cha Trời dành cho.
Cho nên con phải ráng lo,
Cố làm công quả đắp bồi dựng xây.
Một lòng một dạ chẳng lay,
Đức tài tròn đủ giúp Thầy hoằng khai.
Thương con mẹ gắng đêm ngày,
Công phu công quả hướng hồi cho con.
Dầu cho mẹ có hao mòn,
Không bằng con trẻ hiến dâng cuộc đời.
Con ơi! Chớ có đổi đời,
Một lời minh thệ bao người chứng minh.
Đêm về mẹ nguyện cầu xin,
Ở Trên ban rưới điển lành cho con.
Tu sinh con ráng lo tròn,
Ngày sau giáo sĩ giúp Thầy giáo dân.

Mẹ thương con.

TÂN HƯƠNG, ĐÊM 16-11-2013 (14-10 QUÝ TỶ).■

THÀNH GIÁO

Thế sự thăng trầm thôi chớ hỏi,
Mừng xuân ta nhấp một vài chung.
Mời chư Thiên ân nâng ly rượu ngọt,
Cho khuây niềm trắc ẩn ở nơi lòng,
Cho khóa nổi ưu tư vì đạo nghiệp.
Ngắm biển cả trập trùng nước biếc,
Nhìn non cao mườn mượt mấy từng cây.
Bức tranh đời Tạo Hóa đã an bài,
Người chí sĩ, kẻ râu mày nên ý thức.
Xuân giao Thái có xuân tâm hòa xuân đức,
Cho Thiên ân vượt bực để thành công.
Chén trà xuân mời bạn tâm đồng.

■ ĐỨC MINH ĐỨC ĐẠO NHƠN, MINH ĐỨC TU VIỆN, 04-01 BÍNH THÌN (03-02-1976)

■
Xuân thị thiên địa chi giao thái,
Xuân giả vạn vật chi sanh cơ,
Biết thưởng xuân lòng phẳng lặng như tờ,
Vui xuân với thiên nhiên nhiều thú lạc.
Nhấn người hành giả, khuyên bậc Thiên ân,
Nước loạn ly mới biết được trung thần,
Nhà cơ cấn mới hay con thảo.
Muốn trung hiếu phải học rành lý đạo,
Chính mình làm gương báu để soi chung.
Tu một thân mà muôn kẻ hưởng nhờ cùng,
Rèn một chí mà trăm dân noi dấu thánh.
Đạo vô thượng phải ráng tu tâm luyện tánh,
Đức vô cùng muôn hạnh gắng đổi trau,
Muốn độ đời đừng phân biệt thấp cao,
Muốn giúp người chớ chấp ngã nhân ngu trí.

■ ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN, MINH ĐỨC TU VIỆN, 04-01 BÍNH THÌN (03-02-1976)



BUỔI HỌP MẶT GIAO LƯU TUỔI TRẺ CỦA TỔ CHỨC LIÊN GIAO CÁC HỘI THÁNH & CÁC TỔ CHỨC CAO ĐÀI

■ BAN LIÊN GIAO TẬP ĐOÀN GIÁO SĨ

Chiều ngày 23-11-2013, đúng 2 giờ, các phái đoàn Cơ Quan và Hội thánh Cao Đài tề tựu trước Thiên Phong Đường của Tòa thánh Châu Minh (Hội Thánh Tiên Thiên-Bến Tre) để tham dự buổi họp mặt giao lưu của Thanh thiếu niên các Hội thánh.

THÀNH PHẦN THAM DỰ GỒM:

- Các chức sắc phái đoàn Hội thánh Tiên Thiên do Phối sư Thượng Bảy Thanh làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Ban Chính Đạo do Đầu sư Ngọc Nho Thanh dẫn đầu.
- Phái đoàn Hội thánh Truyền Giáo do Giáo sư Thượng Văn Thanh dẫn đầu.
- Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Giáo sĩ Hồng Mai – Trưởng Tập đoàn Giáo sĩ – dẫn đầu.
- Phái đoàn Hội thánh Cao Thượng Bửu Tòa do Hiền Tỷ Hương Nga dẫn đầu.

Buổi giao lưu của Thanh thiếu niên các Hội thánh và tổ chức Cao Đài có mục đích bàn thảo về vấn đề giáo dục con em nhà đạo, đồng thời tạo nên mối liên kết mật thiết hơn giữa các chức sắc đạo Cao Đài cũng như Thanh thiếu niên trong Đại Đạo.

Khai mạc buổi giao lưu họp mặt trong hai ngày 23 và 24 tháng 11-2013, Phối sư Thượng Bảy Thanh phát biểu với lời mời cùng liên kết học tập, chia sẻ kinh nghiệm đào tạo phù hợp với điều kiện của từng Hội Thánh. Ông nhấn mạnh: Mỗi đơn vị tổ chức, Hội Thánh, cần định hướng đường lối đào tạo của đơn vị mình. Trong giáo dục, cần phải đi theo hướng đào tạo con người Thanh thiếu niên không chỉ có kỹ năng mà còn phải có đạo hạnh.

Tiếp tục chương trình của buổi giao lưu, lúc 19 giờ cùng ngày, các Trưởng ban Thanh thiếu niên đã họp mặt góp ý về mô hình sinh hoạt Thanh niên do Hội thánh Truyền Giáo tổ chức và đưa ra những nội dung chính để các đơn vị đóng góp ý kiến và đề nghị hướng giải quyết:

- Làm gì để lớp học mình vững mạnh.
- Làm gì để thu hút các em sinh hoạt cho tốt trong quá trình đào tạo.
- Bằng cách nào cho các em học đạo tốt & kiến thức giỏi.

Lần lượt các đơn vị trình bày phương pháp giáo dục, sinh hoạt của đơn vị mình.



Trong buổi họp này, Giáo sĩ Hồng Mai đã khuyên nhủ các bạn thanh thiếu niên nên khiêm tốn trong học tập và làm việc. Các bạn thanh thiếu niên còn trẻ, đừng quá nóng lòng hăng say trong việc đạo mà quên đi việc trau sửa thân tâm và học tập nhiều hơn nữa khi mình đang còn là tu sinh trong thời gian tu tập.

Sáng ngày 24-11, ban tổ chức và các phái đoàn tiếp tục thảo luận về sự thành lập tổ chức thanh niên. Qua đó, Hội Thánh Truyền Giáo đã triển khai mô hình sinh hoạt Thanh thiếu niên theo truyền thống Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn.

Sau khi đã thực hành mô hình mẫu sinh hoạt thanh thiếu niên ngoài khuôn viên của Hội Thánh, trở lại hội trường, các bạn Thanh thiếu niên nêu lên các thắc mắc và trình bày những điều tâm đắc của bản thân.

Kết thúc buổi họp mặt Thanh thiếu niên nhà đạo, Anh lớn Bảo Đạo Hội Thánh Tiên Thiên phát biểu: “Buổi giao lưu không chỉ nhằm mục đích học tập trao đổi kinh nghiệm đào tạo mà còn có sự liên giao giữa các Hội thánh và Cơ quan đạo. Nhờ đó, mối quan hệ giữa các đơn vị càng thêm khăng khít và liên kết nhiều hơn thông qua những buổi hội học.”

Anh lớn cũng nhấn mạnh rằng phương pháp đào tạo cho giới trẻ phải phù hợp trình độ, lứa tuổi và tâm lý giới tính. Cuối cùng, Anh lớn nói rằng, khi đào tạo, chúng ta không nhất thiết phải theo một mô hình cố định mà tự mỗi đơn vị phải tùy theo truyền thống giáo dục của đơn vị mình mà thực hiện.

Buổi giao lưu khép lại sau hai ngày hoạt động liên tục. Đạo hữu các Hội thánh và Cơ quan Đạo có mặt trong buổi giao lưu đồng cầu nguyện và tạ ơn Đức Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng Liêng. ■

TRANG THƠ

■ NGÔ XUÂN HÙNG

TẠ ƠN THẦY

Chơn pháp Thầy ban độ chúng sanh,
Chúng con chí nguyện quyết tu hành,
Luyện rèn thân pháp lòng minh định,
Tu sửa phàm tâm dạ chí thành.
Đắc đạt chơn nguyên ra độ chúng,
Gom về hội hiệp với Cao Xanh.
Lòng thành bày tỏ cùng Thầy – Mẹ,
Ân đức cao dày bất luận tranh. ■

VÔ THƯỜNG

Người đời danh lợi lắm hoài trông,
Lăn lóc, bon chen giữa bụi hồng,
Giật lấy miếng ăn trong cuộc sống,
Giành nhau chốn ở cũng hờn không.
Ông cha sự nghiệp lo gây dựng,
Con cháu cơ đồ chẳng ngóng trông,
Rốt cuộc thân tàn đành bỏ xác,
Chi bằng đạo đức góp dày công. ■

TƯỜNG NHỚ TIỀN NHÂN KHAI ĐẠO

Tường đến hiền nhân chí dũng cường,
Nhớ về quá khứ để noi gương,
Tiền hiền khai mở nền Tiên Đạo,
Nhân nghĩa thường hành lập kỷ cương.
Khai sáng Tam Kỳ quy bốn chúng,
Đạo mẫu phổ độ cứu hiền lương.
Cao minh vạn pháp siêu Tam giới,
Đài hội chư Tôn giải mộng trường. ■

TỰ SỰ

Hồi tâm quán chiếu việc trần sinh,
Lầm lỗi ăn năn tâm trí minh.
Việc thiện thường hành tâm đạo khởi,
Nhân từ phát triển tính nhân sinh.
Giúp người hoạn nạn tình đồng loại,
Cứu vật lâm nguy nghĩa chúng sinh.
Hành đạo cứu đời cơ tận diệt,
Quy về bốn chúng hiệp Cao Xanh. ■

TRI KỶ

■ NGÔ XUÂN HÙNG

Xa cách nhiều năm mới gặp nhau,
Hàn huyền tâm sự chuyện muôn màu,
Chuyện đời oan trái nhiều đau khổ,
Tình đạo yêu thương trợ giúp nhau.
Chung sức vun bồi câu nghĩa nặng,
Đồng lòng xây đắp chữ tình sâu,
Thỏa tình tri kỷ nhiều lưu luyến,
Mong nghĩa thâm giao trọn trước sau.■

TÌNH NGƯỜI

■ PHONG HIẾU

Xin sưởi ấm tình người trong vài phút
Cho tình người cao vút vạm tằng không
Cho tình người ôm ấp cả mệnh mông
Xin sưởi ấm chút tình người cảm xúc.■

XUÂN ĐẠO

■ THIÊN LÝ

Xuân đạo dường như một chữ tâm,
Đạo thường hạnh ngộ đất trời ngâm.
Ngạo khúc đông đi, xuân chợt đến,
Mai cười khế hỏi chữ xuân tâm?

Nguyên sinh đạo chuyển sanh cầm,
Hư hư vô tướng ẩn mẫm chơn như.
Thái hòa tánh mạng song tu,
Đức Nguyên khởi dựng mây mù vệt tan.

Bước ra ngô bàng hoàng xuân đạo,
Một cụ già lạo xạo chân xiêu.
Ba mươi tết ngả trời chiều,
Khẩn xin một giọt tình yêu con người.

Xuân có phải Tâm Trời nhẩn nhủ,
Một chữ tình trọn đủ kiếp nhân.

Tâm – Tình bảo hợp lý xuân,
Là Nguyên tiềm ẩn Thức – Thần đạo minh.

Đấng cứu chuộc hy sinh lập chí,
Vượt rào ngăn lập vị cái tôi.
Cái tôi vướng bận cuộc đời,
Cái tôi tàng ẩn bởi lời trên môi.

Đức Phật dạy tô bồi chơn ngã,
Hạnh Từ bi, buông dạ tham sân.
Vô ưu tĩnh lặng tình xuân,
Tâm không chợt ngộ ngươn thần diệu minh.
Nương cõi tạm tâm tình xuân đến,
Thoi tơ trời xuân bện xuân tâm.
Đạo mầu chan rưới trở mẫm,
Tâm sanh chánh đạo, lý tầm chơn như.

Tu tâm tánh đại từ dĩ ngộ,
Lòng dịu dàng đại độ vị tha.
Tợ trăng soi rọi nhu hòa,
Xuân tâm Đại Đạo mướt mà thanh trong.

Tạm muối dưa nguyện lòng lập chí,
Nuôi Khí – Thần chơn vị nguyện khô.
Xuân kia trở lại Tánh Trời,
Tâm kia rục rờ thức đời huệ khai.

Yêu cái khổ dậm dài thế tục,
Để ta, người cảm xúc hòa chan.
Niềm tin chơn ngã ngập tràn,
Lý xuân đặng ngộ chẳng màng lo toan.

Đạo xuân chuyển vận nhịp nhàng,
Tình xuân man mác theo nòng nhân sinh.
Đất Trời vô-hữu đăng trình,
Trời – Người luyện bậc cung tình vô vi.

Xuân đạo dường như cuộc khảo thí,
Tâm ta, Tâm đạo lúc so bì.
Mượn đóa xuân sang ôn lục thức,
Tâm chơn huệ khởi thức vô vi.■



Minh họa: Bửu Long.

Cuộc sống cứ thế lặng lẽ trôi. Đến một ngày trời xanh hừng nắng, gió mát vi vu thổi, những áng mây trắng trôi bồng bênh, phiêu lãng ở trên cao. Cây mơ màng, đưa mắt ngược nhìn lên phía những vì sao và nghĩ: “Đẹp quá, nơi đó phải chăng là thiên đàng?”. Cây quyết định sẽ đi đến đó, quyết định rời bỏ ngọn Cỏ, vươn cao mình lên phía những vì sao.

“Anh đi đâu vậy?” – Cỏ cất tiếng hỏi khê. “Tôi đi tìm những vì sao hạnh phúc.” – Cây lạnh lùng đáp và cất bước ra đi. Cỏ im lặng nhìn theo, cúi đầu không nói. Cỏ ở lại một mình nơi triển đất thảo nguyên rộng lớn, còn Cây thì ngày càng vút cao và những cành lá ngày càng vươn xa. Bởi vì Cây mong một ngày đi đến bầu trời cao. Bởi vì Cây mơ ước một ngày được gặp các vì sao ngôi sáng...

Khoảng cách của Cây và Cỏ cũng ngày càng xa hơn... Cuộc

sống lặng lẽ trôi đi. Cho đến một ngày, Cây đã trở thành bậc đại thụ sừng sững giữa thảo nguyên bát ngát nhưng vẫn chưa với được những vì sao cho riêng mình... Cỏ cũng không còn màu xanh nữa mà trở nên vàng úa, và lặng lẽ ở phía dưới cây cao.

Cây bắt đầu mệt mỏi nhận ra rằng mình không thể đi đến cái nơi bản thân vẫn cho là thiên đường hạnh phúc. Cây hối hận nhìn xuống phía dưới. Cỏ vẫn ngồi đó, vẫn đang vui đùa với những cánh hoa, vẫn đang thướt tha cùng muôn loài bướm. Cây chợt cảm thấy nuối tiếc, hối hận khi hiểu: Hạnh phúc chính là điều mà Cây đã từng có và đánh mất. Cây buồn, nỗi buồn không thể nói cùng ai...

“Cây ở trên đó thế nào?” – Một ngày Cỏ cất tiếng hỏi thăm. “Mọi thứ ở đây đều tốt. Được làm bạn với Gió và nghe tiếng chim hót líu lo. Cuộc sống muôn màu và rất là vui vẻ.” – Cây ngẩng cao đầu trả lời ngọn Cỏ. “Vậy là Cây đã tìm thấy những vì sao hạnh phúc?” – Cỏ nhìn Cây hỏi tiếp.

Cây gật đầu đưa mắt nhìn Cỏ rồi khê mỉm cười quay đi, ngẩng cao đầu hướng về phía các vì sao lơ đãng. Không phải vì Cây muốn tiếp tục đi tìm hạnh phúc mà đơn giản, Cây đang cố tránh một ánh mắt nhìn. Vì Cây đang nói dối! Vì Cây biết mình cô

độc. Vì Gió chỉ đến rồi Gió lại đi. Gió bỏ Cây ở lại và lá rơi thổi mãi chứ không bao giờ dừng lại. Và Chim cũng vậy, Chim không thể ở đó hót mãi cho Cây nghe. Cây biết Cây là kẻ cô đơn nhưng cái bản tính kiêu căng vốn có đã không cho phép Cây hạ độ cao, thừa nhận sự nuối tiếc. Cây sợ phải xấu hổ, sợ tỏ ra mình yếu đuối. Vì thế, Cây mãi ngẩng cao đầu và không chịu nhìn xuống...

Cuộc sống lại lặng lẽ trôi đi... Cho đến một ngày, Bão đến! Cây đương đầu chống chọi. Bão gào rú, Cây ngã nghiêng rung chuyển. Bão thổi mạnh, Cây bật gốc lung lay. Bão cười, Bão đẩy nhẹ, Cây ngã xuống đổ gục, nằm yên trên thảo nguyên lạnh lẽo... Cây kiệt sức, lịm đi.

Hôm sau Bão hết, trời xanh lại hừng sáng. Cây mở mắt nhìn lên, bầu trời xa vời vợi, nhưng màu xanh của Cỏ thì lại thật gần, và ấm áp. Cây chết, cỏ mọc xung quanh. Một thời gian sau nơi cây đổ xuống mọc lên một loài cây lạ. Và người ta đặt cho nó tên là cây Xấu Hổ. Một cây Xấu Hổ với cỏ mọc xung quanh.

Đôi khi con người ta cứ mãi mê lao mình vào cuộc kiếm tìm hạnh phúc để rồi có lúc chợt nhận ra rằng hạnh phúc đang ở ngay dưới chân mình nhưng lại không có đủ can đảm và không đủ dũng cảm để cúi xuống nhặt nó lên. ■

1. CHÚNG TA TÌM HIỂU “BÍ QUYẾT CỦA SOCRATES”

Khi bắt đầu nói chuyện với mọi người, bạn không nên bắt đầu những điểm khác biệt. Ngược lại, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách nhấn mạnh những điểm mà hai người đều đồng ý. Nếu như có thể, bạn sẽ tiếp tục nhấn mạnh cả hai đều phấn đấu cho cùng một mục đích, sự khác nhau duy nhất giữa hai người chỉ là về mặt phương pháp mà thôi. Câu trả lời “Đồng ý” ngay từ đầu sẽ tốt hơn rất nhiều.

Theo một học giả, tiếng “không” là một trở ngại khó vượt qua. Khi bạn đã nói không

thì tất cả niềm kiêu hãnh cá nhân đòi hỏi bạn phải nhất trí với chính mình. Sau đó, dù có nhận ra câu trả lời “không” là bất ổn thì lòng kiêu hãnh vốn có của bạn cũng không cho phép bạn thay đổi, một khi đã nói điều gì bạn cảm thấy mình có bổn phận phải bám lấy điều đó và bảo vệ nó đến cùng. Do đó, cần phải để cho người ta đồng ý với bạn ngay từ đầu, đó là điều hết sức quan trọng.

Câu trả lời “đồng ý” ngay từ đầu của một người sẽ khiến cho quá trình suy nghĩ và quyết định của người ấy đi theo hướng đồng tình.

Nó cũng giống như sự vận động của một hòn bi. Khi bị đẩy đi theo một hướng nó cần một lực tác động đủ mạnh mới có thể đổi hướng, và cần có một lực lớn hơn nhiều để nó lăn theo chiều ngược lại. Khi một người đã thực sự nói “không” thì toàn bộ các giác quan, hệ thần kinh, cơ bắp của người ấy đều tập trung trong tâm thể từ chối. Trái lại, khi một người nói “có” thì từng tế bào trong cơ thể người đó giãn ra trong trạng thái sẵn sàng tiếp nhận. Do đó, ngay từ đầu chúng ta tranh thủ được nhiều tiếng “có” là ta đã mở rộng con đường cho việc

■ CAO BẠCH LIÊN S.T.

một vài bí quyết **THÀNH CÔNG TRONG GIAO TIẾP**



tiếp nhận đề nghị sau cùng – đó là mục đích của chúng ta.

Socrates là một trong những nhà triết học vĩ đại nhất thế giới, ông đã làm được một điều mà nhân loại chẳng mấy người làm được, đó là thay đổi hoàn toàn lối suy nghĩ của con người. Cho đến ngày nay, 21 thế kỷ sau khi ông mất, ông vẫn được tôn vinh là một trong những nhà hùng biện khôn ngoan nhất từng ảnh hưởng mạnh mẽ đến toàn thế giới.

Phương pháp của ông như thế nào? Toàn bộ kỹ năng của ông ngày nay gọi là “phương pháp Socrates” chỉ là dựa vào việc khai thác câu trả lời “vâng, vâng”. Ông thường hỏi những câu mà người đối diện buộc phải tán thành. Rồi ông tiếp tục dẫn dắt họ đi từ thừa nhận này đến thừa nhận khác, cho đến khi cuối cùng họ “tự nguyện đồng ý” theo ý kiến mà họ đã bác bỏ kịch liệt trước đó vài ba phút.

Nếu chúng ta định bảo ai đó là sai lầm, hãy nghĩ đến Socrates và hãy lựa chọn câu mở đầu bằng một câu hỏi nhẹ nhàng có thể đem đến câu trả lời “vâng”.

– Người Trung Hoa có một câu nói rất khôn ngoan lưu truyền từ bao đời nay ở phương Đông: “Ai bước đi nhẹ nhàng người đó sẽ đi được xa.”

– Chìa khóa quý nhất, là chiếc chìa khóa có thể mở lòng người, hãy luôn nhớ rằng: sự dịu dàng và thiện chí có sức mạnh hơn vũ lực và giận dữ.

– Phương pháp Socrates đơn giản, nhưng để làm được như vậy, người thực hiện phải vận dụng những hiểu biết về tâm lý và nghệ thuật ứng xử mới làm cho mọi người đối diện mình nói tiếng “vâng”, tiếng “có”, rồi đồng tình với mình. Đây là điều không đơn giản.

2. HÃY KHÔN NGOAN KHI GẶP ĐỐI ĐÁU

Nói nhiều về mình là thói quen của nhiều người khi muốn chinh phục người khác theo ý của mình.

Bạn muốn người khác nghe mình nói, trước hết nên để người khác trình bày quan điểm của họ. Họ biết nhiều công việc của họ hơn bạn. Bạn chỉ nên hỏi và lắng nghe những câu trả lời của họ. Người ta mến bạn, không phải do nghe bạn nói nhiều mà vì bạn biết lắng nghe họ nói. Và sự chín chắn bắt đầu khi bạn biết quan tâm đến những vấn đề của người khác, hơn là quan tâm đến những rắc rối của bản thân mình.

Nếu không bằng lòng với điều người khác nói, bạn có khuynh hướng ngắt lời họ. Bạn không nên làm như vậy, vì không ai chú ý nghe bạn nói, khi họ còn nói chưa hết ý của họ.

Bạn nên kiên nhẫn quan tâm lắng nghe và khuyến khích họ chia sẻ hết những điều họ muốn giải bày.

– Một gia đình nọ có hai mẹ con, nhưng quan hệ giữa họ ngày càng xấu đi nhanh chóng.

Cô con gái trước đây vốn ngoan hiền, điềm đạm, nay trở nên ngỗ nghịch, lì lợm và hay chống đối mẹ. Người mẹ đã dùng mọi biện pháp thuyết phục, rồi đe dọa, trừng phạt nhưng đều không có kết quả.

Bà kể lại: Một hôm, con gái tôi đi thăm cô bạn của nó, bất chấp sự ngăn cản của tôi. Khi nó về, tôi định mắng nó như hàng trăm lần trước, nhưng tôi đã không còn hơi sức để làm như vậy nữa. Tôi chỉ nhìn nó và buồn bã nói: “Con này, tại sao con lại như thế hả con?” Nó nhận ra tình cảm của tôi và điềm nhiên hỏi lại: “Thưa mẹ, có thực sự mẹ muốn biết không?” Tôi gật đầu và nó nói hết những suy nghĩ của nó.

Lúc đầu nó còn ngần ngại nhưng sau đó nó nói hết tâm tư của nó, tôi chưa bao giờ thực sự lắng nghe nó như vậy. Lúc nào tôi cũng bảo nó phải làm cái này, không được làm cái kia. Khi nó muốn nói lên suy nghĩ của nó thì tôi liền ngắt lời nó bằng một mệnh lệnh khác. Tôi thực sự không hiểu rằng con cái cần có sự động viên khích lệ, hơn là mệnh lệnh bắt chúng phải tuân theo.

Sau khi lắng nghe nó nói, tôi bắt đầu hiểu ra rằng cháu rất cần đến tôi, nhưng không phải như một bà mẹ luôn tỏ ra uy quyền như từ trước tới giờ, mà nó cần một người bạn để nó có thể tâm tình, một nơi để nó thổ lộ những suy nghĩ của tuổi mới lớn.



Thế mà tôi luôn nói liên tục trong khi lẽ ra phải lắng nghe. Từ ngày ấy, tôi để cho cháu nói mọi chuyện nó muốn nói. Nó kể cho tôi nghe những điều nó trần trụi, suy nghĩ, những chuyện đang diễn ra trong tâm tư của nó. Sự đồng cảm sẽ chia thật sự xuất hiện và mối quan hệ mẹ con của chúng tôi tốt hơn hẳn. Nó trở lại là cô bé dễ thương ngày nào.

– Một công ty tài chính nổi tiếng đăng báo cần tuyển một nhân viên tài chính như sau: “Cần tuyển một người có khả năng và kinh nghiệm tài chính.” Một người nộp đơn ứng tuyển. Vài ngày sau, anh ta được thư mời đến phỏng vấn. Trước khi đến, anh ta bỏ nhiều thời gian để tìm hiểu mọi thông tin về người chủ doanh nghiệp này.

Hôm đó ông chủ trực tiếp phỏng vấn. Người ứng viên nói: “Tôi sẽ rất vinh dự được hợp tác với một tổ chức có những người như ông. Tôi rất

ngưỡng mộ khi được biết rằng cách nay 28 năm ông đã bắt đầu sự nghiệp khi không có gì hết ngoài một văn phòng nhỏ và một người thư ký. Có phải thế không thưa ông?”

Hầu hết mọi người thành công đều muốn nhắc lại những ngày mới khởi nghiệp gian khổ trước đây của mình. Người chủ doanh nghiệp này cũng không ngoại lệ. Ông kể rằng mình đã đấu tranh để vượt qua những khó khăn và thất bại như thế nào, làm việc một ngày đến 16 giờ, kể cả chủ nhật và ngày nghỉ ra sao và kết quả là ông đã vượt qua mọi thử thách để giờ đây, những nhà quản trị quan trọng nhất cũng phải đến nhờ ông giúp ý kiến khi gặp vấn đề khó khăn. Ông tự hào về những thành tích phi thường của mình và tỏ ra rất hứng khởi khi có dịp được nhắc lại.

Cuối cùng ông hỏi ngắn gọn về kinh nghiệm của anh ta, sau đó gọi một phó giám đốc của ông và nói: “Tôi nghĩ rằng đây chính là người mà chúng ta đang tìm.”

Anh chàng chuyên viên tài chính này đã chịu khó tìm hiểu thành tích của ông chủ tương lai của mình. Chính vì vậy mà anh chuyên viên tài chính này đã tạo nên một ấn tượng rất hiệu quả và chắc chúng ta cũng đoán là anh ta được tuyển dụng một cách nhanh chóng dễ dàng. Nếu anh ta cứ tự khoe giỏi giang, kinh nghiệm đầy mình, thì chưa chắc ông chủ

có cảm tình như vậy, mà có khi còn bị gán cho cái tội khoe khoang khoeác lác, có khi bị loại ra khỏi vòng tuyển dụng.

– Một triết gia người Pháp đã nói: “Muốn có kẻ thù thì hãy tự đề cao mình, còn muốn có bạn thì hãy đặt mình thấp hơn họ.”

– Ở đời thường xảy ra chuyện “thua ta thì khinh, hơn ta thì ghét”. Đố kỵ là một trong những tính xấu của con người, nó luôn tiềm ẩn và chực chờ sinh sôi nảy nở. Có lẽ chẳng có ai trong chúng ta muốn tạo môi trường cho nó phát triển.

Tóm lại:

– Các nhà hùng biện bao giờ cũng hiếm. Nhưng hiếm hơn nữa là những người im lặng đúng lúc và càng quý hơn là những ai biết nhường lời cho kẻ khác.

– Kẻ nào muốn lãnh đạo mọi người, hãy biết đứng đằng sau và phụng sự mọi người.

– Tỏ ra hơn người, người sẽ thành kẻ thù của ta. Biết nhường người, người sẽ trở thành bạn ta.

– Để người khác cảm thấy họ là người làm chủ cuộc nói chuyện hơn là ta làm chủ, thì dễ thành công.

3. ĐỨC KHIÊM TỐN VÀ HẠ MÌNH

Khiêm tốn hạ mình là một trong những yếu tố đưa đến thành công của một cá nhân. Một tổ chức có nhiều người biết hạ mình cùng nhau nhìn về một hướng, hỗ trợ nhau

bằng tình thương yêu thì cũng dễ dàng thành công.

Tổng thống Mỹ Roosevelt khi còn là thống đốc bang New York đã áp dụng một nguyên tắc:

Mỗi khi muốn đề cử một chính trị gia vào một vị trí quan trọng trong chính quyền của ông, ông thường mời lãnh đạo của các đảng đối lập đến văn phòng của ông để hỏi ý kiến. Ông cho phép họ đề cử một người có uy tín của đảng họ, để họ thêm thế lực của đảng họ vào chính phủ. Thực ra, trong đầu ông đã có ý chọn người nào rồi, nhưng ông không nói ra. Khi họ đề cử không đúng người ông chọn, ông khéo léo nói rằng: “Người các vị chọn không được dân chúng ủng hộ mấy, nếu đề cử người đó là thất sách.” Họ đề cử một nhân vật khác, ông cũng nhẹ nhàng nói người các vị chọn không đúng mong muốn của dân chúng, các vị nên chọn người đủ tài năng và tư cách hơn. Lần thứ 3 họ đề cử một người tốt hơn, nhưng ông vẫn chưa vừa ý. Ông cảm ơn và yêu cầu hãy cố gắng thêm lần nữa. Lần này họ tiến cử người đúng như ông dự kiến từ đầu. Ông hoàn toàn hài lòng và cảm ơn các đảng phái đã giúp ông tìm được nhân tài giúp cho đất nước.

Lãnh đạo các đảng phái thì hoan hỷ vì được Thống đốc tôn trọng ý kiến của họ. Điều quan trọng nhất là họ không có ý đồ chống đối, vì đó là người chính họ đề cử.

– Phương pháp giúp ông

thành công là biết hạ mình, hướng người khác cùng nhìn về một hướng, cùng hợp tác với mình.

– Một tập thể, một tổ chức có nhiều người cùng hạ mình, cùng nhìn về một hướng, tập thể đó sẽ thành công.

Thánh nhân dạy:

Nước suối và mưa nguồn sở dĩ đều chảy về sông sâu biển lớn, vì sông và biển dám chấp nhận ở vị trí thấp. Thánh nhân muốn thể hiện uy đức cao hơn người bèn hạ mình dưới họ, muốn trí năng vượt trước thời đại thì phải ẩn mình phía sau. Vì vậy, dù vị thế thánh nhân ở trên thiên hạ cũng không ai tức tối, dù vượt thiên hạ cũng không ai oán hờn.

Các em tu sinh là thanh niên của Đại Đạo sẽ đi truyền giáo trong tương lai, cần lắm đức khiêm tốn, hạ mình để giúp các em thành công. Một nhà truyền đạo với tác phong hiền hòa giản dị, nói năng khiêm tốn nhẹ nhàng, sẽ dễ thu hút được người nghe – kết quả sẽ có nhiều người vào đạo.

Ngay cả Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế là Đấng Tối Cao của càn khôn vũ trụ mà khi giáng trần mở Đạo đã hạ mình khiêm tốn xưng là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát – Tiên ông là một phẩm vị bình thường của đạo Lão, Bồ Tát là một phẩm vị bình thường của đạo Phật. Ngài xưng Thầy với môn sanh và gọi các môn sanh là các con. Thật là giản dị và gần gũi biết bao. Ngài

đã dạy cho chúng ta một bài học đầu tiên đó là đức khiêm tốn và hạ mình.

4. MỘT CÁCH ỨNG XỬ THÀNH CÔNG LÀ ĐẶT MÌNH VÀO HOÀN CẢNH NGƯỜI KHÁC

Một người có thể sai hoàn toàn nhưng không bao giờ chấp nhận mình sai. Vì vậy, chúng ta đừng nên kết án họ bởi điều đó không có tác dụng. Thay vào đó, chúng ta có thể tìm cách hiểu họ. Chỉ những người phi thường, khôn ngoan và bao dung mới đi theo cách này.

Luôn có nguyên do khiến người ta hành động và suy nghĩ như cách mà họ đang sống. Nếu chịu khó tìm hiểu, bạn sẽ nắm được chiếc chìa khóa chi phối suy nghĩ, hành động và tính cách của người ấy vậy.

Hãy thành thực đặt mình vào hoàn cảnh của người ấy. Nếu bạn tự nhủ lòng rằng “Mình sẽ cảm thấy như thế nào, sẽ phản ứng như thế nào, nên ở vào hoàn cảnh của người ấy lúc đó.”

Bạn sẽ tiết kiệm được thời gian và tránh sự bực mình, bởi vì một khi đã hiểu được nguyên nhân, bạn sẽ có thêm sức mạnh và sự khéo léo trong việc giải quyết các vấn đề đó.

Hãy dừng lại một phút mà suy gẫm xem bạn đã quan tâm sâu sắc đến việc của mình và có thờ ơ với mọi người trên thế gian như thế nào, lúc đó bạn sẽ hiểu ra rằng mọi người đều như thế? Như vậy là bạn

đã nắm được nền tảng duy nhất chắc chắn cho mối quan hệ xã hội, rằng muốn thành công phải hiểu được quan điểm của người khác.

Trong một gia đình nọ, ông chồng luôn chê trách vợ đã dành quá nhiều thời gian để chăm sóc bồn hoa, hết nhỏ cỏ lại bón phân, đã một năm trôi qua mà không thấy bồn hoa đẹp hơn chút nào.

Dĩ nhiên bà vợ của ông bực mình trước lời nhận xét này. Mỗi lần như vậy là buổi tối bình yên của gia đình lại bị phá vỡ.

Sau khi tìm hiểu về phương pháp ứng xử, người chồng hiểu ra rằng bao nhiêu năm nay mình thiếu tế nhị trong ứng xử, ông không bao giờ nghĩ là vợ mình thích thú khi làm việc ấy. Bà cũng mong đến một lời khen về thái độ chăm chỉ của mình nhưng không được khen. Một hôm, sau bữa ăn trưa người vợ rủ ông ra vườn tham gia nhỏ cỏ cùng bà. Lúc đầu ông muốn từ chối, nhưng nghĩ lại rồi ông theo bà ra vườn nhỏ cỏ giúp bà. Bà vợ vui vẻ hẳn lên. Hai người vừa làm việc, vừa trò chuyện rất thú vị. Từ đó ông luôn giúp vợ làm vườn và chăm sóc bồn hoa tươi đẹp hơn lên và còn khen bà siêng năng làm việc từ một khu vườn hoang sơ đã trở nên đẹp đẽ. Kết quả là những bông hoa hạnh phúc nở rộ trong khu vườn của họ.

Chỉ đơn giản vì ông đã nhìn nhận sự việc theo quan điểm của vợ dù vấn đề chỉ liên quan đến cỏ cây hoa lá mà thôi.



Muốn đạt được sự nhất trí trong giao tiếp, bạn phải xem trọng ý kiến riêng cũng như tình cảm của người đối thoại.

– Hai bên phải biết rõ mình nói về chủ đề gì và sẽ dẫn đến đâu. Hãy đặt mình vào vị trí người nghe xem họ muốn nghe gì thì bạn sẽ nói điều đó. Việc này sẽ khiến người nghe dễ dàng chấp nhận ý kiến của bạn.

– Khi nói chuyện với người khác, bạn nên quan sát xem người nghe có đồng cảm và thích nghe câu chuyện bạn đang nói không? Khi bạn biết suy nghĩ theo quan điểm của người khác là bạn đã bước lên nấc thang đầu tiên thành công trong công việc.

– Hãy đặt mình vào vị trí của người khác, nếu bạn cảm thấy mình bị tổn thương, thì người khác cũng khó chịu không kém.

Mức độ lớn khôn và trưởng thành thực sự trong cuộc đời của mỗi con người tùy thuộc vào thái độ ứng xử đối với người khác: Dịu dàng với người trẻ, cảm thông với người già, chia sẻ với người bất hạnh, động viên người có chí hướng, tha thứ người mắc lỗi lầm, bao dung với kẻ yếu và khoan hòa với kẻ mạnh. Bởi lẽ, đến một lúc nào đó trong cuộc đời của mỗi con người, ta có thể lâm vào những cảnh ngộ tương tự, không ai hoàn toàn chỉ gặp may mắn. Hãy bỏ qua cái tôi của mình và đồng cảm với người khác để suy xét mọi việc. ■



Trước mỗi mùa tu, có một số đạo hữu đang sinh sống ở ngoài Việt Nam gửi thư về hỏi giờ giao tiết để thực hiện. Tinh thần ấy thật đáng quý. Từ nhu cầu chánh đáng này đã làm lộ ra một vài quan điểm nhận thức về thời điểm giao tiết khác biệt nhau. Thiển nghĩ đây là một đề tài giáo lý rất thực, gắn liền với việc thực hành của tịnh viên nhưng ở góc độ phổ thông giáo lý, chúng ta lại chưa có sự nhứt quán trong lý luận của những huynh tử có trách nhiệm truyền giáo.

Giờ giao tiết trở thành một trong những đề tài giáo lý và cả giáo pháp nữa, nhu cầu này cho thấy cần có sự nghiên cứu sao cho tìm thấy giữa đạo học và khoa học có sự tương thích với nhau để nhơn sanh đạo hữu khi tiếp thu không có sự nghi hoặc trong bối cảnh trình độ tri thức văn minh khoa học của nhơn sanh đã ngày càng lên cao.

Trong bốn thời giao tiết của mỗi năm, do tầm quan trọng đặc biệt của thời giao tiết Đông chí về mặt thực hành đạo pháp, trong khi chờ đợi những nghiên cứu tỉ mỉ đầy đủ, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu thêm đề tài này ở vài khía cạnh căn bản.

Qua buổi thảo luận chung với Minh Lý Thánh Hội và Hội Thánh Truyền Giáo về quẻ Phục trong Kinh Dịch, đã có những hiểu biết khác biệt nhau về thời điểm giao tiết Đông chí. Với câu hỏi:

“Thời điểm giao tiết Đông chí năm 2013 là 00g11 phút của Hà Nội, là thời điểm chung cho mọi vị trí trên toàn cầu hay mỗi quốc gia có thời giao tiết riêng của mình?”

Đã có ba lời giải đáp được nêu ra.

1. Do mỗi ngày, tháng, năm, v.v. đều có thời Phục (thời Tý) của mình nên

■ ĐẠT TƯỜNG

Tìm hiểu đông chí



không có thời giao tiết Đông chí chung cho toàn thế giới.

2. Đông chí là thời điểm trong năm mà khoảng cách giữa tâm mặt trời và tâm trái đất ở khoảng cách dài nhất, cho nên mọi nước trên địa cầu đều ở vị trí tương đối xa nhất với mặt trời, do đó chỉ có một thời Đông chí chung cho toàn thế giới.

3. Mùa ở Bắc và Nam bán cầu đối nghịch nhau, cho nên các nước ở Bắc bán cầu có chung thời giao tiết Đông chí. Nhưng thời khắc đó ở Nam bán cầu là tiết Hạ chí. Phải chăng người ở nước Úc nếu muốn đón nhứt dương sanh của Đông chí thì phải đợi đến Hạ chí?

Chúng ta hãy tìm xem giới thiên văn học nói về những vấn đề vừa nêu trên như thế nào?

– Lời giải thích nơi trang web địa chỉ sau:¹

“Chúng ta cũng phải lưu ý đến cự ly giữa điểm cận nhật và điểm viễn nhật (tức điểm gần nhất và xa nhất từ Trái Đất đến Mặt Trời) của Trái Đất trong hành trình quay xung quanh Mặt Trời. Trái Đất đi qua cận nhật vào khoảng từ ngày 02 đến ngày 05-01, khi đó khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng 147,1 triệu kilômét; trong khi đó nó qua điểm viễn nhật vào khoảng ngày 04 đến ngày 07-7 với khoảng cách là khoảng 152,1 triệu km.

Như vậy chúng ta thấy rằng hiệu số của hai khoảng cách này là khoảng 5 triệu km, quy đổi ra tỷ lệ phần trăm thì Điểm cận Nhật và Điểm viễn Nhật chỉ chênh lệch nhau khoảng 3%. Ba phần trăm là một con số rất nhỏ, nó không thể tạo nên các mùa của Trái Đất, sự khác nhau về khoảng cách này chỉ tạo ra sự chênh lệch về lượng ánh sáng Mặt Trời mà mỗi Bán cầu nhận được trong cùng một mùa, cụ thể là mùa hè ở Nam Bán Cầu sẽ nhận được nhiều ánh sáng Mặt Trời hơn là mùa hè ở Bắc Bán Cầu...

Mùa hè và mùa đông có tâm điểm là các ngày mà chúng ta gọi là các ngày chí, chúng được đánh dấu bằng sự kiện Mặt Trời ở điểm cao nhất và thấp nhất trên bầu trời của chúng ta. Tại Bắc bán cầu, Mặt Trời thường ở vị trí cao nhất vào ngày 21-6, cao hơn 47° so với vị trí thấp nhất của nó vào ngày 21-12. Chính vì lý do đó mùa hè bắt đầu vào khoảng ngày 21-6 tại Bắc bán cầu và mùa đông sẽ bắt đầu ở Nam bán cầu cũng trong ngày này.”²

Đến đây chúng ta cũng có thể thấy rằng ngày mà chúng ta thường gọi là ngày hạ chí, tức 21 tháng 6 hàng năm, thực chất là không chính xác bởi vì nó chỉ là ngày bắt đầu của mùa hè ở Bắc bán cầu chứ không phải là ngày bắt đầu mùa hè của toàn bộ Trái Đất, hạ chí của Bắc bán cầu thì lại là đông chí của Nam bán cầu và

ngược lại, không có ngày Hạ chí cũng như ngày Đông chí chung cho cả Trái Đất (tương tự mùa xuân và mùa thu cũng có sự đối xứng như vậy giữa hai bán cầu).

– Còn câu trả lời của Tiến Sĩ Trần Tự Cường, Viện Hàn lâm Khoa Học và Xã Hội Việt Nam cho biết:³

“Trái đất đi qua điểm gần nhất so với Mặt trời từ ngày 01 đến 05-01 hàng năm, trong khi, điểm xa nhất thường diễn ra từ ngày 02 đến 05-7 hàng năm.

Mặc dù Trái đất ở vào khoảng cách xa nhất với Mặt trời nhưng người dân sống ở các quốc gia bắc bán cầu, như Mỹ sẽ vẫn không cảm thấy bớt nóng so với bình thường.

Nguyên nhân được các nhà khoa học giải thích là do độ nghiêng của Trái đất. Yếu tố này quyết định một vùng nhận tia bức xạ Mặt trời theo phương thẳng đứng hay góc chéo hơn. Trong khi bắc bán cầu đang là mùa hè, nam bán cầu hiện tại đang là mùa đông.”

Lẽ ra với suy luận thông thường là vào mùa Đông lạnh giá thì trái đất xa mặt trời nhất. Nhưng lời giải đáp của nhà khoa học cung cấp cho chúng ta có sự hiểu biết lý thú, ngược lại hoàn toàn. Vào mùa Đông ở Bắc bán cầu, khoảng cách từ trái đất đến mặt trời lại gần hơn khoảng cách ấy vào mùa Hè.

1. <http://dialyvacuoocsong.wordpress.com/2013/10/17/nguyen-nhan-cua-mua-tren-trai-dat/>

2. Lưu Xuân Bình (VACA).

3. <http://www.baomoi.com/Vi-sao-bon-mua-trong-nam-lai-khong-deu-nhau/79/12066924.epi>

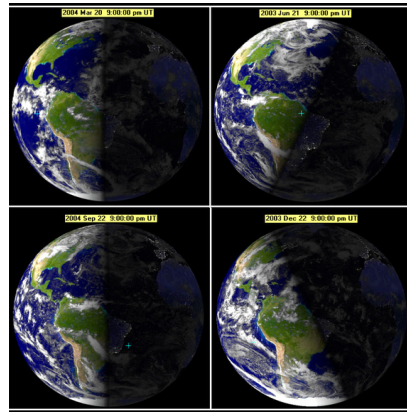
Chúng ta hãy để ý đến nhiệt độ mặt đất trong ngày tại một địa điểm cụ thể.

Khi đó khoảng cách D từ mặt trời đến trái đất có sự thay đổi không đáng kể vì chỉ là độ dài khoảng 7 ngàn km (dài hơn bán kính trái đất một tí) giữa ngày và đêm khi so sánh với khoảng cách trung bình của D là 50 triệu km. Hay nhiệt độ chênh lệch giữa trưa nắng ban ngày và lúc bình minh về sáng hay vào lúc hoàng hôn, rõ ràng không phụ thuộc vào chiều dài D mà chỉ phụ thuộc vào độ thẳng đứng của mặt trời khi đứng bóng nắng hay độ nghiêng của bóng nắng mà thôi.

Như thế vấn đề khoảng cách giữa trái đất và mặt trời không đóng vai trò quyết định đến việc thời tiết nóng hay lạnh của trái đất ở vùng thuộc Bắc bán cầu nhưng phần nào đó có đúng với những vùng thuộc Nam bán cầu.

Quan sát hình chụp dưới đây từ vệ tinh xuống trái đất tại bốn thời điểm giao tiết trong năm, đặc biệt với hình ở bên dưới góc phải, chúng ta thấy vào lúc Đông chí ở Bắc bán cầu, vùng cực Bắc trái đất hoàn toàn nằm trong đêm tối. Còn với hình bên trên ở góc phải vào lúc Hạ chí ở Bắc bán cầu, trong khi ở vùng cực Bắc đang hưởng ánh nắng rực rỡ thì vùng cực Nam trái đất ngược lại hoàn toàn chìm trong đêm tối. Phần bóng sáng và tối giữa June solstice và December solstice đối xứng nhau là do mặt trời cố định (định tinh) còn trái

đất là hành tinh quay quanh mặt trời đồng thời tự xoay quanh trục với độ nghiêng khoảng 23°5.



Trong Đạo Học Chỉ Nam, Đức Van Hạnh thiền sư có viết nơi Chương “Dung hòa nhất lý”, mục 3: “Dung hòa con người giữa thế giới Vũ Trụ” như sau:

“(...) Vấn đề dung hòa con người và Vũ trụ... phải được xác định theo tiêu chuẩn nào và đường hướng nào...”

Thứ nhất: dung hòa trong căn bản tri thức...

Thứ nhì: dung hòa trên căn bản hành động...

Thứ ba: dung hòa trên căn bản tâm linh...”

Vấn đề chúng ta đang đề cập là một thí dụ điển hình cho đoạn Thánh giáo này.

Trong phần Căn bản tri thức, Ngài viết:

“Hành giả tri hành hiệp nhất, biết trọn vẹn cái biết mới dám gọi rằng biết...”

Chính vì thế, vấn đề dung hòa trong nhận thức của con người đối với Vũ Trụ, là điều cần lưu ý hơn hết.”

Như thế, tri thức của chúng ta về Đông chí nói riêng và bốn

thời giao tiết nói chung cần phải đạt tới mức chính xác theo khoa học. Do mùa của hai phần bán cầu trái đất khác biệt nhau, vì thế việc áp dụng phương pháp biện chứng “phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”⁴ là cần thiết biết bao. Thái độ này hoàn toàn thích hợp với tinh thần Dịch lý của Đạo học về âm dương trong quan niệm về vũ trụ. Mỗi sự việc đều phải được xem xét đầy đủ đến các yếu tố không gian và thời gian để có lời giải đáp cụ thể.

Nơi đây, cụ thể là sự kiện Đông chí, tuy trong cùng một thời điểm nhưng sự việc (thời tiết, mùa, ánh nắng hay màn đêm, v.v.) diễn ra tại hai không gian ở hai bán cầu có đồng nhất với nhau hay không?

Mà xét về phương diện Đạo học, khi nói về Đông chí là nói đến yếu tố “nhứt dương sanh” của thời PHỤC ☱ nghĩa là điểm Đạo được trở lại. Ở yếu tố này hoàn toàn đúng với Bắc bán cầu vì vùng cực Bắc sau khoảng thời gian chìm trong màn đêm, nay ánh dương bắt đầu trở lại. Nhưng ở vùng cực Nam địa cầu khi đó, ánh nắng lên đến cực điểm và bắt đầu lui dần, nghĩa là khí dương lên tới cực đại và khí âm bắt đầu xuất hiện.

Sự việc khí âm trở lại có thể nào gọi là phục “nhứt dương sanh” hay không? Theo Dịch lý, khi ấy ngược lại rơi vào thời “CẤU” ☵ tượng hình một hào âm quay lại với ý nghĩa: “Cấu là

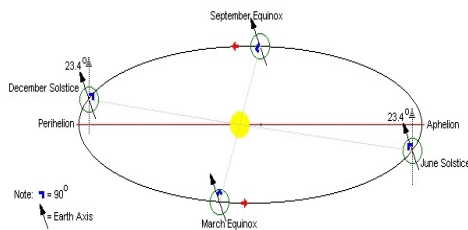
4. Phép Duy vật biện chứng (Karl Marx)

một âm động, tà niệm dấy lên, quần ma tụ tập, nên gọi “Lý sương kiên bằng chí”.”

Nếu xét ở việc thực hành của người tu luyện sao cho dung hòa với Vũ trụ thì “... khám phá Vũ Trụ không phải là để khám phá Vũ Trụ. Trái lại, tìm hiểu Vũ Trụ là để tìm hiểu con người trong sự tương hòa tương hiệp”. Như thế những đạo hữu ở Úc châu, Tân Tây Lan, Argentin, Brasil, v.v. nếu muốn đón “nhút dương sanh” của vũ trụ thì vẫn chưa thể thực hành vào ngày 22-12-2013.

Điểm cần lưu ý, trên bảng Lịch đối chiếu của thiên văn học⁵ người ta không dùng từ Đông chí hay Hạ chí – Winter Solstice hay Summer Solstice, v.v. như của lịch Gregorian thông dụng trong đời sống mà thay vào đó là từ December Solstice, June Solstice... để thể hiện tính chính xác của khoa học về thời gian.

Biểu đồ dưới đây là một minh chứng được thu gọn:



Vậy nếu tri thức chúng ta hiểu không chính xác về giờ giao tiết Đông chí tại mỗi vùng hay miền trên hai bán cầu của quả đất thì chúng ta sẽ hành động sai, như vậy hiệu quả tâm linh chắc chắn bị hạn chế!

Vì thế để thực hành theo lời Đạo học Chỉ Nam: “Hơn nữa, dùng lý tính để cải tiến tri thức trong sự tiến hóa, nhưng luôn luôn sẵn sàng chấp nhận sự dung hiệp giữa con người và Vũ Trụ.”

Chúng ta cần có ý thức và thái độ thích nghi với từng môi trường cụ thể trong mỗi liên hệ giữa con người và vũ trụ.

TÓM LẠI:

Lời Thánh giáo của Đức Gia Tô tại thánh

5. <http://www.timeanddate.com/calendar/seasons.html?n=240>

thất Bàu Sen ngày Noël năm 1967: “Sự quan trọng không phải những điều kiện khởi phát mà là mầm khởi phát”.

Đón “nhút dương sanh” vào thời khắc Đông chí chính là đón nhận “mầm khởi phát” Tiên thiên của vũ trụ.

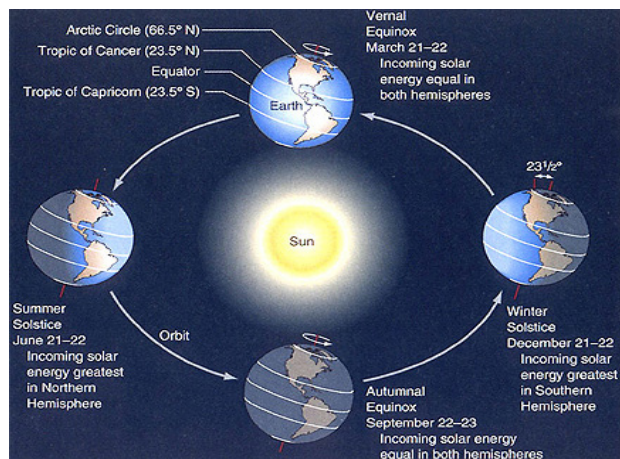
Việc giúp các tịnh viên xác định đúng thời này ở mọi vùng trên thế giới để áp dụng cho việc hành pháp là điều khá quan trọng nhứt là với những vị đã lên đến cấp tu luyện.

Bài giáo lý hay giáo pháp này cần phải đạt đến tầm mức như tinh thần lời Thánh giáo của Đức Cao Triều Phát: “(...) cần phải nâng cao tầm mức giáo lý cho có triết học, khoa học, văn học.”⁶

Từ những lý giải của giới khoa học thiên văn, chúng ta có thể sơ kết như sau:

1. Không có thời điểm chung giao tiết cho mọi quốc gia trên trái đất. Chỉ có thời điểm chung cho các vùng trên mỗi bán cầu mà thôi. Cụ thể, các nước thuộc Bắc bán cầu có cùng thời điểm giao tiết Đông chí.
2. Nhưng ngược lại ở thời điểm đó, các nước thuộc Nam bán cầu lại là thời điểm Hạ chí.
3. Với Bắc bán cầu, vào mùa đông thời tiết lạnh giá không phải vì khoảng cách từ trái đất đến mặt trời dài hơn vào lúc mùa hè; chỉ khoảng 3%; nên năng lượng mặt trời nhận được ít hơn mà thực tế trái lại với kết quả đo đạc của ngành thiên văn học độ dài này lại thật sự ngắn hơn so với khoảng cách chiều dài ấy vào mùa hè.■

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Ất Sửu (31-3-1985).



■ V.T. S.T.

NĂM NGỌ

NÓI CHUYỆN NGỰA



NGỰA XÍCH THỐ. TRANH: BAIDU

1. NGỰA XÍCH THỐ

Trong số những con ngựa nổi tiếng thời cổ đại, đầu tiên phải nhắc đến Ngựa Xích Thố thời Tam Quốc. Con ngựa này dài một trượng, cao tám thước, màu đỏ rực như lửa, tuyệt không có một sợi lông tạp, ngày đi ngàn dặm, trèo non vượt suối dễ dàng.

Ngựa Xích Thố từng qua tay rất nhiều chủ. Chủ nhân đầu tiên của Xích Thố là Đông Trác (132–192), tướng nhà Đông Hán (năm 25–220). Trong triều đình lúc bấy giờ, có rất nhiều người khinh thường con người tàn bạo như Đông Trác, trong đó có Đinh Nguyên, cũng là một tướng nhà Đông Hán. Trong một lần họp triều, Đinh Nguyên đã chửi thậm tệ vào mặt Đông Trác, Đông Trác định chém Đinh Nguyên thì con nuôi của Đông Nguyên là Lã Bố từ phía sau xông lên, khí chất anh hùng của Lã Bố đã khiến cho Đông Trác sững lại, đành phải nhượng bộ. Từ đó, Đông Trác nảy sinh ý định thu phục Lã Bố.

Vì muốn tiếp cận và thu phục Lã Bố, Đông Trác đã đem

Xích Thố tặng cho Lã Bố. Lã Bố sau khi có được ngựa quý quả nhiên đã giết chết chủ cũ của mình là Đinh Nguyên, quy phục dưới chân Đổng Trác, và trở thành con nuôi của Đổng Trác.

Ngựa Xích Thố đã cùng Lã Bố chinh chiến khắp nơi. Trên chiến trường, ông chuyên cưỡi ngựa Xích Thố, như một mãnh hổ tả xung hữu đột, vạn người không địch nổi. Sau này, Lã Bố bị trúng kế của một đại thần nhà Đông Hán, giết chết Đổng Trác. Sau đó Lã Bố bị Tào Tháo giết, ngựa Xích Thố thuộc về Tào Tháo, một nhà chính trị, quân sự kiệt xuất cuối thời Đông Hán.

Có lẽ do duyên số, Quan Vũ hay còn gọi là Quan Vân Trường, một trong những người có công lớn thành lập nhà Thục Hán vào thế kỷ thứ 2, vì muốn bảo vệ hai vị phu nhân của người anh em kết nghĩa của mình là Lưu Bị đã tạm thời về phe Tào Tháo. Tào Tháo vô cùng quý mến nhân tài như Quan Vũ, cũng muốn bắt chước Đổng Trác tặng ngựa cho anh hùng.

Nhưng Quan Vũ không như Lã Bố, ông tiếp nhận Xích Thố là để tìm được Lưu Bị nhanh hơn. Sau khi Quan Vũ bị giết, Xích Thố lại rơi vào tay một viên tướng nhà Thục Hán khác là Mã Trung. Nhưng lần này nó không còn ngoan ngoãn đi theo chủ nhân mới như trước, mà tuyệt thực đến chết.

2. NGỰA TUYỆT ẢNH

Ngựa Tuyệt Ảnh là ngựa yêu của Tào Tháo (155–220). Tuyệt Ảnh có nghĩa là phi rất nhanh, đến cái bóng cũng không đuổi kịp được.

Tương truyền, khi Tào Tháo tấn công Trương Tú, Trương Tú dâng thành đầu hàng Tào Tháo. Trương Tú là cháu gọi Phiêu kỵ tướng quân Trương Tế bằng chú. Sau khi Đổng Trác bị giết năm 192, Trương Tế cùng các tướng khác của Đổng Trác mang quân đánh vào Trảng An, lại nắm vua Hán Hiến Đế, thao túng triều đình như Đổng Trác trước đây.

Tuy nhiên, Tào Tháo không ngờ lại bị trúng kế của kẻ thù, bị đánh bất ngờ, trở tay không kịp,

suýt nữa thì bị mất mạng. May có ngựa Tuyệt Ảnh mới thoát được ra ngoài.

Ngựa Tuyệt Ảnh bị trúng ba mũi tên trên mình mà vẫn cất vó phi nước đại, sau đó bị trúng một mũi tên vào mắt mới gục ngã. Trong trận chiến này, Tuyệt Ảnh đã hoàn tất sứ mạng của mình.

Đây là một thất bại nữa của Tào Tháo kể từ sau trận Xích Bích. Trong trận đánh này, Tào Tháo bị mất một con trai, Tào Ngang, một cháu trai, Tào An, và một con tuấn mã, Tuyệt Ảnh. Có thể nói đây là một thất bại thảm hại của Tào Tháo.



NGỰA TUYỆT ẢNH HY SINH THÂN MÌNH CỨU CHỦ.
TRANH: BAIDU.

3. NGỰA ĐÍCH LÔ

Đích Lô vốn là ngựa của Trang Vũ, vốn là một tướng của một danh sĩ dòng dõi hoàng tộc nhà Hán là Lưu Biểu nhưng sau này phản bội lại Lưu Biểu. Lưu Bị (người sáng lập ra nhà nhà Thục Hán) bị thất bại trong trận giao chiến với Tào Tháo nên về đầu quân cho Lưu Biểu vì hai người cùng trong hoàng thất, đợi thời cơ làm lại sự nghiệp.

Lưu Bị nhìn thấy ngựa của Trương Vũ cho rằng đây là một con tuấn mã, liền hết lời ca ngợi rằng “con ngựa này chắc chắn là ngựa thiên lý”. Tướng của Lưu Bị lúc đó là Triệu Vân lập tức hiểu ngay ý của chủ nhân, liền giết chết Trương Vũ để cướp ngựa. Triệu Vân là danh tướng thời cuối Đông Hán và thời Tam Quốc, người góp công lớn thành lập nhà Thục Hán.

Khi Lưu Biểu nhìn thấy con ngựa này cũng khen không ngớt lời. Lưu Bị đang không biết lấy gì để báo đáp Lưu Biểu liền tặng con ngựa này cho Lưu Biểu. Không ngờ, Lưu Biểu lại thấy con ngựa này “có quang mắt, trên đầu có những đốm trắng, lại tên Địch Lô, ắt là con ngựa sát chủ”, còn nói rằng “Trương Vũ cưới con ngựa này bị chết” chính là minh chứng, nên vội vàng tìm cơ trả lại cho Lưu Bị.

Người hầu của Lưu Bị đem tin “ngựa sát chủ” nói cho Lưu Bị, nhưng Lưu Bị không tin. Sau đó, khi nhận được mật báo có người định sát hại, Lưu Bị vội vàng thoát ra ngoài, cưới ngựa Địch Lô chạy trốn, nhưng bị nhảm đường, ông chạy đến bên suối Đàm Khê.

Phía trước là con suối rộng lớn, phía sau là quân địch truy đuổi, lúc này Lưu Bị mới nhớ đến lời khuyên “Địch Lô sát chủ” ngày trước, ông vừa điên cuồng quất vào lưng ngựa, vừa hét: “Địch Lô! Địch Lô! Hôm nay mày hại ta đi!”. Địch Lô bỗng nhiên vùng lên, phi một phát sang bờ bên kia, lập một kỳ tích chưa từng có trong lịch sử. Sau đó, Lưu Bị càng không tin chuyện “Địch Lô sát chủ”, ông càng yêu quý con ngựa đã cứu mạng mình này hơn.

Khi đem quân đi đánh nước Thục, thấy ngựa của Bàn Thống, một trong những mưu sĩ của Lưu Bị, già yếu quá, nên để thể hiện sự trọng dụng của mình với Bàn Thống, Lưu Bị đã đem ngựa yêu của mình tặng cho Bàn. Ai ngờ Bàn Thống không có phúc được hưởng, vừa mới cưới lên Địch Lô đã bị kẻ địch tưởng nhầm là Lưu Bị



NGỰA ĐỊCH LÔ CỨU MẠNG CHỦ NHÂN. TRANH: WEIBO.

nên bắn chết. Sau này ngựa Địch Lô cũng không rõ lưu lạc về đâu.

4. DẠ CHIẾU NGỌC SƯ TỬ

Dạ Chiếu Ngọc Sư Tử toàn thân lông trắng như tuyết, tương truyền một ngày có thể đi hàng nghìn dặm. Ngay từ khi mới sinh ra phía dưới cổ đã có một hàng lông dày, trông giống như sư tử, tính khí nóng nảy, sau này lớn lên tính khí bớt nóng nảy hơn, buổi tối con ngựa này còn phát ra ánh sáng trắng bạc, vì vậy mới có tên là Dạ Chiếu Ngọc Sư Tử.

Con ngựa này của Triệu Vân, sống vào khoảng thế kỷ thứ hai. Tương truyền, Triệu Vân đóng quân ở trên núi Trường Bản xuất quân đi đánh trận đều cưới Dạ chiếu ngọc sư tử, có lần Triệu Vân cùng ngựa bị rơi xuống hố bẫy sần của quân địch, tưởng chừng không thể thoát thân. Nhưng sức ngựa rất lớn, cuối cùng cũng nhảy được lên trên miệng hố, cứu chủ nhân thoát chết. Trong bộ tiểu thuyết Thủy hử cũng từng nhắc đến con ngựa này.

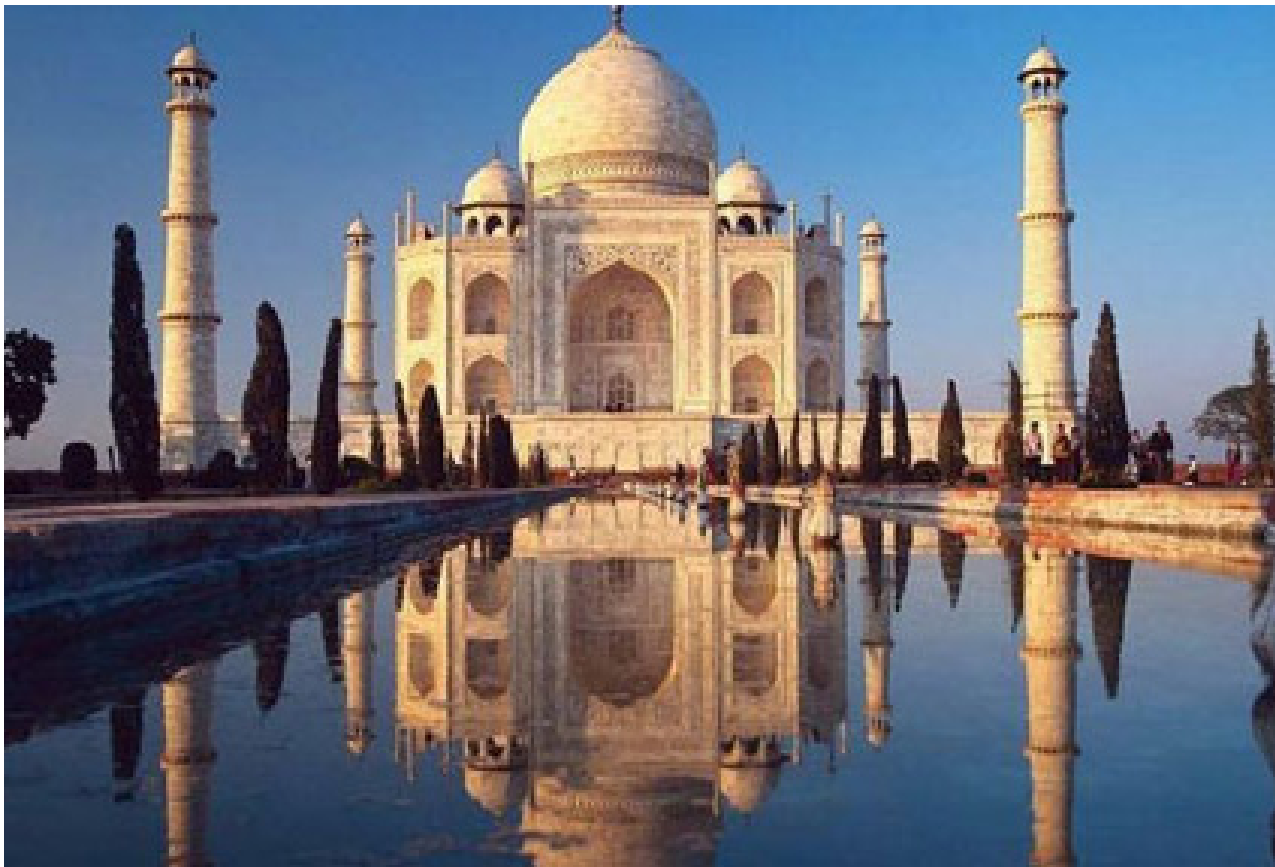
5. Ô VÂN ĐẠP TUYẾT

Ô Vân Đạp Tuyết còn có tên là Vương Truy Mã, sống ở thế kỷ thứ hai, toàn thân màu đen nhưng bốn vó màu trắng. Đây là ngựa của Trương Phi, người anh em kết nghĩa với Lưu Bị và Quan Công, được coi là anh hùng tuấn mã.

Ngựa của Trương Phi có tên rất ý nghĩa, Vương Truy Mã có nghĩa là con ngựa đi theo hầu hạ Đại Vương. Tương truyền Trương Phi và Ô Vân Đạp Tuyết đều đen như nhau. Trương Phi quý chú ngựa này như con đẻ, thường xuyên tự tay tắm rửa cho ngựa quý.

Người đời về sau thường nói người dũng mãnh cưới ngựa dũng mãnh. Quan Công từng nói: “Người tôi nặng nề, ngựa không vác nổi nên thường hay gãy, chính vì vậy mà tôi không thể cưới ngựa bình thường được”. Trương Phi cũng như vậy, ngựa bình thường thì không thể xứng với hào khí phi thường của Trương Phi được. ■

30 ĐIỀU THÚ VỊ VỀ ĐẤT NƯỚC ẤN ĐỘ



■ BAN BIÊN TẬP S.T.

Xung quanh quốc gia – có số dân lớn thứ 2 thế giới và là nơi bắt nguồn của “Phật giáo” – ẩn chứa nhiều sự thật thú vị mà có thể bạn chưa biết:



1. Indira Gandhi là nữ thủ tướng đầu tiên và duy nhất của Ấn Độ.



2. Mẹ Teresa mặc bộ sari (trang phục truyền thống của phụ nữ Ấn độ) lần đầu tiên năm 1948. Hiện nay, nó đã trở thành đồng phục của các nữ tu theo yêu cầu của bà.



3. Những Dabbawala (chỉ người giao hàng, rất phổ biến ở Mumbai, mang những hộp suất ăn trưa từ nhà cho đến các văn phòng làm việc bằng nhiều phương tiện khác nhau) giao 200,000 suất ăn trưa bằng xe đạp và tàu hỏa mỗi ngày.

4. Bang Meghalaya ở phía bắc Ấn Độ là nơi âm uất nhất trên thế giới.

5. Trà xanh đã được trồng ở Ấn Độ nhiều thế kỷ trước khi nước Anh bắt đầu canh tác thương mại trà ở đây.



6. Hồ trắng sẽ chỉ tìm thấy trong những giống hồ Ấn Độ.



7. Dãy núi Himalaya bao gồm 9 trong 10 đỉnh núi cao nhất thế giới.

8. Phụ nữ có thể bị cấm việc nhà nếu màu của hình xăm cô dâu Mendhi (hay Henna) vẫn còn trên tay.

9. Ấn Độ hiện nay tự hào có 400,000 triệu phú với tổng tài sản khoảng 2,5 tỷ đô la.



10. Ẩm thực Ấn Độ có thể coi là ẩm thực lâu đời nhất của loài người.

11. Uống đồ uống có cồn bị cấm ở 5 bang ở Ấn Độ, độ tuổi uống rượu từ 18 đến 30 ở những bang khác.

12. Tính theo sức mua tương đương (PPP), Ấn Độ là nước có nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới.

13. Jalfrezi (một dạng cà ri gà) vượt qua món Tikka Masala (những miếng gà quay (tikka) được nấu cùng hỗn hợp nước sốt cay (masala)) để trở thành món ăn Ấn Độ ngon nhất ở Anh.

14. Nếu mang đồng Rupee ra khỏi Ấn Độ, bạn sẽ bị coi là phạm pháp.

15. Bollywood là ngành công nghiệp sản xuất phim lớn nhất thế giới. Theo sau nó là Nollywood ở Nigeria và Hollywood ở Mỹ.

16. Ấn Độ có dân số lớn thứ 2 thế giới và đứng thứ 7 về diện tích.

17. 80% dân số Ấn Độ theo đạo Hindu và đạo Hồi, còn lại là đạo Ki Tô giáo, đạo Sikh (hay còn gọi là Thích Tắc giáo), đạo Jain (Kì na giáo).

18. Ở Ấn Độ, chỉ đàn ông bị phạt nếu ngoại tình.

19. Cờ Vua được cho là bắt nguồn từ Ấn Độ.

20. Ở Ấn Độ, 23 ngôn ngữ được sử dụng chính thức, cùng với hàng nghìn ngôn ngữ của dân tộc thiểu số và thổ ngữ.



21. Nalanda ở vùng nông

thôn Bihah, là một trong những trường đại học cổ nhất thế giới, đang được trùng tu lại.

22. Một nửa lực lượng cung cấp dịch vụ IT outsourcing (thuê ngoài) trên thế giới đến từ Ấn Độ.

23. Tỷ lệ biết chữ ở người lớn là 70%.

24. Ấn Độ sản xuất 4,700 báo ngày ở hơn 300 ngôn ngữ, cộng thêm 39,000 tạp chí và báo tuần.



25. Công ty tuyển dụng nhiều nhân viên nhất thế giới là công ty Đường sắt Ấn Độ (Indian Railways).

26. Ấn Độ là một trong những quốc gia giàu nhất thế giới cho đến khi bị Anh xâm lược đầu thế kỷ 17.

27. Ấn Độ với 300,000 giáo đường, là quốc gia có nhiều giáo đường nhất thế giới.

28. Trước 1986, Ấn Độ là nơi duy nhất trên thế giới được cho là có thể tìm thấy kim cương.

29. Ấn Độ có số lượng bưu điện lớn nhất thế giới.

30. Người Ấn Độ cho rằng nên xả nước trong nhà vệ sinh bằng tay trái. Tay trái được coi là không sạch sẽ và không bao giờ được sử dụng cho việc ăn uống. ■

những câu chuyện để đời CỦA BÀ HOÀNG TỪ DŨ

■ BAN BIÊN TẬP S.T. • THEO AN NINH THẾ GIỚI

Trước sau như vậy, bà Từ Dũ Phạm Thị Hằng đã có một cuộc đời tỏa sáng, nhân đức của bà đã được hậu thế lưu danh.

Từ khi con trai nối ngôi vua cha để ngôi trên ngai vàng trị vì đất nước, lúc nào bà Từ Dũ cũng nhắc nhở Vua Tự Đức phải cân nhắc, soi xét thật kỹ càng khi bổ dụng các quan lại. Bà luôn nhắc với vua rằng: Phải dùng những ông quan thanh liêm, có lòng nhân nghĩa để lương dân bớt khổ. Bà ở trong cung, nhưng nghe ở đâu có ông quan những lạm hà hiếp dân lành là bà hỏi cho kỳ được.

Xuất thân trong một gia đình quyền quý, nên bà đã biết duy trì và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình. Từ nhỏ đã được dạy dỗ rất chu đáo nên bà là người thông tường kinh sử, hiểu việc nước, việc đời cũng như việc nuôi nấng dạy dỗ con cháu trong gia đình. Bà thường nhận xét những ưu điểm, khuyết điểm của từng viên quan lại trong triều một cách hết sức công minh.

Bà thường hỏi vua Tự Đức nhiều chuyện từ việc quốc gia đại sự đến việc thường ngày trong bàn dân thiên hạ, rồi ban dạy cho con những điều hay lẽ phải. Vì vậy mà vua Tự Đức hết lòng tôn kính mẹ. Tất cả những lời dạy vàng ngọc ấy của bà Từ Dũ đã được Vua Tự Đức cho khắc in lại gọi là Từ Huấn Lục (chép những lời giáo huấn của mẹ hiền).

Ở trong cung, bà Từ Dũ thường dùng địa vị và quyền hạn của mình để ổn định mọi sinh hoạt ở tam cung lục viện. Theo bà, ở trong cung có trên thuận dưới hòa thì Vua mới hết lo và dành hết thời giờ cho xã tắc. Bà vẫn thường nói với các hoàng phi, cung tần rằng càng ở ngôi cao thì càng phải chăm chăm sửa mình, phải cần kiệm liêm chính để kẻ dưới noi gương.

Sử nhà Nguyễn vẫn còn chép lại nhiều câu chuyện về sự cần kiệm của bà Hoàng Thái hậu Từ Dũ mà cho đến ngày nay vẫn còn rất nhiều người nhắc nhở: Ai cũng biết rằng, bà là người rất được Vua Thiệu Trị sủng ái, được con là Vua Tự Đức hết lòng phụng kính, cuộc sống vật chất nơi vương triều đạt đến tuyệt đỉnh. Thế nhưng, trước sau bà vẫn giữ nghiêm một nếp sống vô cùng giản dị đến lạ lùng.

Khi vào ở tại cung Gia Thọ (sau này là Diên Thọ) người ta đã sắm sửa cho bà theo mức giàu sang tột bậc, nhưng bà nhất định chối từ. Bà nói rằng: Đồ phụng dưỡng cho bốn thân này đều là của trong thiên hạ cung nạp, mình đã không làm nặng sự chi lợi ích cho nhà nước thì thôi, có sao giám vọng phi? Rồi bà nhất quyết chỉ dùng những thứ đồ cũ đã có từ trước đó.



ẤN TỪ DŨ THÁI HOÀNG THÁI HẬU CHI BẢO.

Một hôm, Vua Tự Đức đến cung Gia Thọ để thỉnh an mẹ, vua cầm cái dây đựng kính đeo mắt lên xem, thấy dây đã cũ mềm, nhiều chỗ đã bị sút chỉ, tuy đã được may lại rất khéo nhưng vẫn không thể giấu được sự nghèo nàn tội nghiệp. Vua Tự Đức đã đề nghị xin cho đổi cái khác. Bà nói: Kiếng thủy tinh ấy đeo vào chỉ mát con mắt trong chốc lát thôi chớ chẳng hiệu nghiệm chi hơn. Nếu đổi cái dây mới thì lâu rồi nó cũng sẽ cũ như vậy. Chi bằng cứ để nó mà dùng có tiện hơn không.

Ngày ngày, cung nhân dâng đèn sáp để thắp sáng trong cung Gia Thọ, bà thường dạy cắt bớt đi. Mỗi ngày dành một ít, đến lúc dồn được số nhiều, bà lại sai người đem vào dự trữ trong kho của triều đình. Phần sáp nhiều ra thường là các cung nhân mang đi vớt, nhưng bà sai người gom góp lại, để dành đến lúc nhiều thì mang đúc thành cây đèn sáp mới.

Bà vẫn thường nói với quan hầu rằng: Ta thuở nhỏ gia đình tuy không dư dả nhưng cũng đủ ăn. Vậy mà các thứ dầu nước không đủ thắp cho trọn đêm, huống nay ngựa nhờ ơn trời đất, tổ tông được giàu có trong bốn bể, một sợi tơ, một hạt lúa cũng là dầu mỡ của dân, nếu xài phung phí thì đã không ích chi mà còn rất tiếc. Lâu nay, tấn nạp cho ta toàn những đồ châu báu và gấm vóc sô tơ... tất cả ta đều giao lại cho quan kho cất giữ. Vì bốn tính ta không thích sự hào nhoáng. Sách có chữ «xa xỉ ấy triệu nghèo, kiệm cần là nguồn phước» nên con cháu phải nhớ lấy!

Là Hoàng quý phi của Vua Thiệu Trị, là Hoàng Thái hậu của Vua Tự Đức nhưng đương thời làm việc gì, tiêu cái gì dù nhỏ nhất bà cũng nghĩ tới dân. Có dịp mừng thọ bà Từ Dũ, Vua cũng như triều thần muốn tổ chức trọng thể cho bà, nhưng bà đã lấy lý do dân còn nghèo, thiên tai còn gây mất mùa, đói kém để mà từ chối... Bà còn là người rất có công trong việc mang nhiều giống cây ăn trái ở quê bà xứ Gò Công và cả những giống cá cũng như công thức làm nhiều loại mắm đến với xứ Huế quê chồng...

Bà Từ Dũ là người đã sinh ra Vua Tự Đức và

bà cũng là người nuôi nấng, dạy học cho Vua. Bà vô cùng nhân hậu nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc. Suốt 36 năm ngồi trên ngai vàng để trị vì đất nước, nhưng các lễ nghi giao tiếp giữa Vua Tự Đức với Hoàng Thái hậu Từ Dũ vẫn không hề thay đổi. Trong suốt thời gian ngồi trên ngôi báu, Vua Tự Đức đã dường như có một thời khóa biểu cố định cho mình.

Đó là, ngày lễ thì Vua nghị triều bàn bạc việc nước với quần thần; ngày chẵn thì vào châu Thái hậu. Cho dù về sau này Hoàng Thái hậu tuổi ngày một cao, nhưng bà vẫn luôn là một con người mẫn tuệ, có những việc đã qua rất lâu, những lời ai nói lúc nào, năm nào, sử sách kinh điển thế nào, nói gì bà đều nhớ như in, cho nên Vua Tự Đức có rất nhiều chuyện phải nhờ tới Hoàng Thái hậu...

Về sau này, thông qua sử sách nhiều người trong chúng ta đều biết: Cuộc đời của Vua Tự Đức có lắm chuyện buồn phiền. Để giải khuây, ông thường đi săn bắn hoặc là xem hát bội. Thấy săn bắn là sát sinh nên bà Từ Dũ đã can ngăn



HOÀNG THÁI HẬU TỪ DŨ.

Vua đừng nên săn bắn. Có lần Vua Tự Đức dâng lên cho mẹ mấy con chim vừa mới bắt được, bà lựa ra những con chim bị thương nhưng còn khả năng sống được, đem xức thuốc, nuôi nấng cho lành rồi thả chúng về với thiên nhiên.

Rồi bà lấy chuyện Cao Hoàng hậu đã dạy để nhắc nhở Vua Tự Đức: vật cũng như người, bắn chết con trống thời con mái thương nhớ, bắn con con thời con mẹ thảm buồn, vậy thời bắn mà làm chi? Muốn tập bắn thời bắn súng điều thương cho quen, bắn bia hay hơn. Tự hậu phải bớt bớt đi, chẳng nên sát hại sanh vật.

Thân Trọng Huệ, một vị quan dưới triều Vua Tự Đức có kể một câu chuyện về việc giáo huấn của Hoàng Thái hậu Từ Dũ với Vua Tự Đức như sau: Một hôm rảnh việc triều chính, Vua Tự Đức ngự săn bắn tại rừng Thuận Trực, bên bờ sông Lợi Nông. Vì sợ mưa phải đi gấp, nhà vua không kịp tắm rửa, ông dặn nữ quan ở nhà tắm lên bà hay. Chẳng hay nữ quan bận rộn công việc nên quên không tắm.

Đến khi trời mưa to điểm báo sắp có lụt lớn bà mới hay Vua Tự Đức đi săn nên bà hết sức lo âu. Hơn nữa, trong Nội chỉ hai ngày nữa là đến dịp kỵ Đức Hiến Tổ (Vua Thiệu Trị) mà vua Tự Đức chưa về thì không biết phải sắp đặt ra sao. Sốt ruột, bà liền sai quan Đại thần Nguyễn Tri Phương đi rước. Đi được nửa đường, cụ Nguyễn Tri Phương thấy thuyền ngự đang chèo lên. Vì nước chảy mạnh nên dù đã cố sức thuyền cũng

không thể đi mau được. Gần tối, thuyền ngự mới về tới Nghinh Lương.

Ngoài trời vẫn mưa như trút, Vua Tự Đức vội vã lên kiệu trần ngự thẳng vào cung Gia Thọ, lạy xin chịu tội với mẹ. Giận con, bà Từ Dũ quay mặt vào màn, không nói không rằng. Vua Tự Đức đã tự tay lấy một cây roi mây dâng lên đặt trên tràng kỷ rồi nằm dài xuống xin chịu đòn.

Sau một hồi lâu, bà xoay mặt ra, đưa tay hất cây roi mà ban rằng: Có một mẹ một con, con đi đâu lâu, thời mẹ ở nhà trông đợi lắm. Sao con không báo cho mẹ hay trước? Thôi tha cho. Đi chơi để quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta. Vua Tự Đức khấu đầu lạy tạ lỗi: “Từ nay con không dám như vậy nữa”.

Khi Vua lui ra bà còn dặn: “Lo ban thưởng cho xong để ngày mai còn đi hầu kỵ. Vua rời cung Gia Thọ. Đêm hôm ấy tại Điện Cần Thành, Vua đã thức rất khuya để thực hiện những điều mẹ dạy.

Vua Tự Đức bẩm sinh sức khỏe yếu, nên có một giai đoạn việc triều chính nhiều lúc bị trễ nải nên đã tạo điều kiện cho một số quan lại lợi dụng thời cơ lộng quyền vơ vét... Thấy tình hình không ổn, Tiến sĩ Phạm Phú Thứ đã dâng sớ đàn hạch Vua sao nhãng chuyện quốc sự. Tự Đức đọc xong thấy có nhiều lời hàm ý chê trách, nên giận đến tái mặt.

Nhân đó, bọn gian thần hùa theo để kết tội Phạm Phú Thứ. Vua phạt Phạm Phú Thứ phải “Tiền quân hiệu lực”, tức là làm sai dịch trong quân đội ở Trại Thừa Nông. Tin ấy đến tai bà Từ Dũ. Ngay lập tức bà cho vời Vua vào hỏi: “Ông Phạm dâng sớ trách cái tính lười biếng của con, thì ông ấy được lợi gì?”. Vua Tự Đức thưa: “Ông ấy không được lợi gì, nhưng bề tôi sao dám chê trách Vua nặng lời như thế?”.

Thái hậu nhẹ nhàng với con: “Khi thương người ta mới giận. Mà đã giận thì hay quá lời. Còn những người bầm bầm dạ dạ có chắc họ trung với Vua không?”. Vua Tự Đức cúi đầu im lặng. Thái hậu nói tiếp: “Ông Phạm làm lính, có thấy ông ấy buồn không?”. Vua Tự Đức thưa:



TẤM BIA VUA TỰ ĐỨC GHI TẠC CÔNG ĐỨC CỦA ÔNG NGOẠI MÌNH LÀ THƯỢNG THƯ PHẠM ĐĂNG HƯNG.

“Thưa, nghe người ta bảo ông ấy không buồn mà hình như còn tỏ ra vui vẻ”.

Bà Từ Dũ nói: “Con thấy không, người trượng phu không phải vui ở chức tước, mà cốt là ở những việc làm chân chính không hổ thẹn với lòng mình”. Vua Tự Đức hiểu ra, sụp lạy mẹ. Ngay sau đó, Tiến sĩ Phạm Phú Thứ được triệu về kinh, được khôi phục phẩm hàm chức tước. Giao công việc mới ở Sở Tu Thư.

Rõ ràng, cách nhìn nhận đánh giá của bà Từ Dũ là rất chính xác, chí lý, chí tình. Sau này, Phạm Phú Thứ đã tham gia vào đoàn sứ bộ sang Pháp để điều đình chuộc lại đất lục tỉnh. Ông đã ghi lại những điều tai nghe mắt thấy về văn minh phương Tây, trên cơ sở đó, ông đã đề xuất với Vua nhiều ý kiến về canh tân đất nước.

Bà Từ Dũ vẫn thường nhắc Vua Tự Đức rằng: “Từ xưa tới nay, quan lại chỉ một chữ tham mà chưa trừ được. Một nước hại dân cũng từ đó mà ra. Làm quan mấy năm vị nào cũng giàu có gấp bội. Của ấy không lấy của dân thì lấy ở đâu ra?”

Là bậc mẫu nghi thiên hạ, muốn gì được nấy, nhưng bà đã không vì vậy mà nâng đỡ những người bà con dòng họ của mình. Có lần, có người cùng trong tộc Phạm Đăng của bà từ Gò Công

ra đến Huế để xin chức tước. Khi được Vua Tự Đức hỏi ý kiến bà đáp rằng: “Người trong họ ta không có công lao thì không được ban tước lộc. Nếu có ai làm điều sai quấy thì phải nghiêm trị theo phép nước để răn đe người đời...”

Năm Quý Mùi (1883), Vua Tự Đức băng hà, để lại di chiếu tấn tôn bà làm Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu, nhưng gặp lúc đất nước đang trong cơn biến loạn.

Tháng 5 năm Ất Dậu (1885), kinh đô thất thủ, Vua Hàm Nghi phải bôn tẩu ra thành Tân Sở để hạ chiếu Cần Vương kêu gọi những người ái quốc tụ họp lại để cùng nhau đánh Pháp. Bà Từ Dũ đã theo Vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị nhưng sau đó vì già yếu nên bà đã phải theo tam cung để trở về lại Huế, sống âm thầm lặng lẽ cho đến khi qua đời ở tuổi 93.

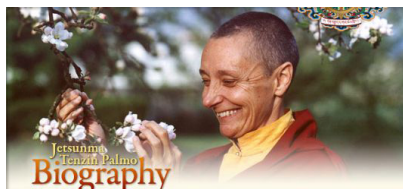
Cuộc đời của bà Từ Dũ từ khi được tiến cung cho đến khi mất là một quãng thời gian rất dài. Bà là người sống thọ nhất trong tất cả những bà hoàng của triều Nguyễn. Bà là người đã chứng kiến rất nhiều khúc đổi thay thăng trầm của hoàng tộc. Trước sau như vậy, bà Từ Dũ Phạm Thị Hằng đã có một cuộc đời tỏa sáng, nhân đức của bà đã được hậu thế lưu danh.■



THÁNH GIÁO

Xuân không đổi, mà cuộc đời thay đổi. Xuân vẫn là mùa lập lại và kiến tạo tương lai, nhưng lòng người có hòa hợp với xuân thì công cuộc kiến tạo từ cảnh đến tâm mới huy hoàng phát triển. Thế nên, người Thiên ân tín đồ của Thượng Đế phải hằng tỉnh tâm giác ngộ trên đường tu học, đừng thấy khó mà sợ thì mới nhận được cái khôn, đừng thấy nhơn tình tráo trở, thế sự đảo điên mà rộn ràng tâm tánh rồi lãng quên công phu công quả. Đã dốc chí tu hành thì đừng câu nệ chỗ đức bạc tài sơ hay căn cơ còn non kém. Đạo gốc là ở lòng chí thành, chí kính, chí chánh, chí chơn. Từ chỗ thành kính chánh chơn thâm nhập lâu ngày vào lòng, người tu hành sẽ trở nên kiến tánh. Muốn được như thế thì phải cần tu tập hằng ngày về đạo tâm, về đức hạnh không giây phút nào quên. Dấu lỗi nhỏ chớ làm, lỗi lầm phải ăn năn, đừng tái phạm. Gặp lợi dầu lớn nhỏ chớ tham để không sanh lòng buồn vui được mất. Biết nẻo tà là muôn ngàn sai quấy, tội nghiệp vương mang thì hành động và ngôn ngữ phải đặt dè, hãy xa lánh. Có lỗi bước, sớm giác ngộ quay về. (...)

■ ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN, VĨNH NGUYÊN TỰ, 11-01 ĐINH TÝ (27-02-1977).



Ni sư Tenzin Palmo

■ BAN BIÊN TẬP S.T. • HỒNG HÀ (THEO PHÁP LUẬT & ĐỜI SỐNG)

Chọn cách ẩn tu trong một hang động hẻo lánh trên rặng núi Hy Mã Lạp Sơn, cách biệt với thế giới bên ngoài bởi những rặng núi tuyết phủ, ni sư Tenzin Palmo đã tu luyện tại đây trong suốt 12 năm. Ở đó ni sư đã phải chiến đấu với cái lạnh cắt da cắt thịt, với những thú hoang dã, với sự khan hiếm thực phẩm và tuyết lở.

Cuộc sống trên độ cao lạnh lẽo những tháng ngày sau đó với Tenzin cực kỳ khó khăn. Mùa hè thì còn có thể đi bộ ra suối lấy nước, nhưng khi mùa đông đến thì không ra ngoài hang được, phải nấu tuyết làm nước uống và sinh hoạt. Về thực phẩm, bà phải thu xếp để nhận các thực phẩm khô, dầu đốt, dầu ăn, muối đường và củi khô ở dưới núi đem lên vào mỗi mùa hè. Thêm vào đó, bà trồng thêm hoa màu ở một cái vườn nhỏ trước hang. Bà trồng rau cải và đậu peas nhưng bị chuột núi ăn mất chỉ chừa cho bà loại cải turnip và khoai tây mà thôi. Tenzin đã khám phá ra là loại cải turnip này rất tốt và bổ dưỡng. Bà thu hoạch nhiều để phơi khô dành cho mùa đông.

Tenzin vẫn ăn chay từ ngày gia nhập vào hàng ngũ tăng lữ Phật giáo. Thực đơn hàng ngày rất đơn giản, có thể nói ngày nào

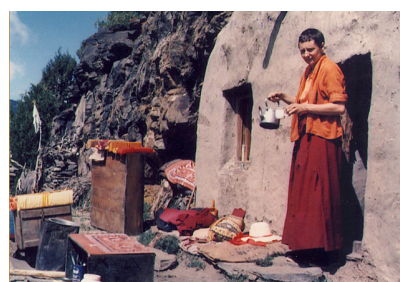
cũng như ngày nào trong suốt 12 năm. Mỗi bữa ăn gồm cơm, đậu lentil và rau cải turnip khô hoặc tươi, đôi khi thêm khoai tây. Trong suốt 12 năm, Tenzin đã ăn uống như thế, không có gì thay đổi, không có những thứ xa xỉ như bánh ngọt hay sôcôla.

Mỗi khi mùa đông đến, thời tiết cực kỳ lạnh, nhiệt độ dưới thung lũng là âm 35 độ, còn nơi Tenzin ở lạnh hơn rất nhiều. Tuyết phủ dày đặc bao quanh hang động, tuy thế trong hang lại ấm hơn là căn nhà mà Tenzin ở 6 năm dưới thung lũng trước kia, bằng chứng là cốc nước trên bàn thờ ở đây không đông thành đá trong khi ở dưới kia lại đông đá. Tenzin chỉ nhóm lửa một lần vào mỗi trưa để nấu ăn. Điều này có nghĩa là khi mặt trời lặn, trong hang hoàn toàn không có một chút hơi ấm, thế mà Tenzin vẫn vượt qua được, bà bảo khi thực sự hành thiền, tự nhiên cơ thể phát nhiệt và trở nên ấm áp.

Trong hang tu của Tenzin không có ti vi, không máy nghe nhạc, không sách báo tiểu thuyết ngoại trừ kinh sách Phật giáo, ngay cả đến giường nằm cũng không có. Tenzin muốn cuộc sống càng đơn giản chừng nào càng tốt chừng nấy. Bà đã tập ngồi thiền mà không

cần ngủ. Bà cho rằng trạng thái yên tĩnh và cô quạnh trong hang động là nơi hoàn hảo nhất để thực hành tu tập.

Sống trong hang động hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài là một điều kỳ bí và thích thú đối với Tenzin. Phụ nữ thường hay nhút nhát sợ hãi và mất bình tĩnh khi thấy những con thú đi lảng vảng xung quanh, nhưng Tenzin chẳng bao giờ sợ bất cứ con thú nào, ngược lại, chúng cũng không sợ hãi bà. Trong suốt 12 năm sống trong hang động Tenzin cảm thấy yên bình hạnh phúc, tuy không ít lần bà phải đối diện với cái chết bởi những trận bão tuyết, tuyết lở và thiếu thực phẩm. Ví dụ như trận bão tuyết và tuyết lở kinh hoàng vào tháng 3/1979 kéo dài liên tục suốt một tuần làm 200 người dân Lahoul chết. Trong trận bão tuyết ấy, Tenzin phải sống trong bóng tối vì tuyết phủ kín, bà không dám đốt đèn vì sợ không còn oxy để thở. Tenzin



BÊN NGOÀI HANG CƯ TRÚ

đã đối diện với cái chết, nhưng trong giây phút đó bà đã không nghĩ đến cái chết và tỏ ra sợ hãi, bà đã tự kiểm điểm lại bản thân, những việc làm tốt và không tốt và luôn cảm thấy hạnh phúc khi nghĩ rằng mình là một tu sĩ Phật giáo. Tenzin đã trải qua cơn bão tuyết kinh hoàng ấy khi mà những người dưới núi không ai nghĩ bà còn sống sót.

Lẽ ra Tenzin Palmo sẽ ở trong động tu suốt cuộc đời, nhưng vì một trục trặc nhỏ về giấy tờ di trú nên bà bị bắt buộc phải rời khỏi động tuyết để trở về với thế giới bên ngoài bởi chính quyền sở tại. Khi được tin bà ra khỏi động tu sau 12 năm dài ẩn tu, nhiều người đã tìm đến để có dịp tận mắt xem Tenzin giờ ra sao, kết quả tu hành của bà thế nào? Bà thành Phật chưa? Một người bạn Đức quen biết bà nhiều năm tên là Lia đang sinh sống ở Dharamsala cũng đến tìm gặp Tenzin. Lia kể về Tenzin Palmo như sau: “Khi tôi hỏi nhiều lần về sự chứng ngộ, Tenzin Palmo chỉ trả lời: “Một điều tôi có thể nói với bạn là – Tôi đã chẳng bao giờ nhầm chán.”

Và thế là Tenzin Palmo ra khỏi động tu, lúc ấy vào năm 1988 và bà bước sang tuổi 45. Theo như người ta kể, bà già từ động tu, nơi mà đã ấp ủ bà suốt quãng tuổi thanh xuân một cách bình thản không tiếc, không thương, không buồn. Chính bà đã nói: “Chẳng có gì cả, phần lớn những gì tôi đối mặt ở đây đã qua đi. Thời gian ngưng lại,

đặc biệt là ba năm cuối cùng qua đi như là có mấy tháng.” Sau 24 năm ở Ấn Độ, trong đầu bà lúc này hoàn toàn không có ý niệm đi đâu. Nhiều người quen ở khắp nơi trên thế giới đều biên thư hoặc đánh điện ngỏ ý mời bà đến đất nước của họ. Nhưng cuối cùng bà đã chọn về với gia đình một người bạn Hoa Kỳ ở Italy, thị trấn Assissi, tỉnh hạt Umbria.

Tenzin ở Assissi 5 năm. Trong thời gian này nhiều nơi ở châu Âu và châu Á, cả Phật giáo lẫn Thiên Chúa giáo đều mời bà đến diễn thuyết và dạy thiền. Vì thấy các nữ tu sĩ Phật giáo không có chốn tu hành, họ thường phải di chuyển từ trung tâm này đến trung tâm khác, không thuận tiện cho việc tu tập phát triển tâm linh, nên bà quyết định bắt tay vào việc thiết lập một nữ tu viện Phật giáo tại miền Bắc Ấn Độ. Bà đi diễn thuyết và cổ vũ khắp mọi nơi cho dự án này. Bà gặp đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 và Đức Giáo Hoàng. Bà cũng đã tham dự hội nghị Phật giáo do lời mời của đức Đạt Lai Lạt Ma tại Dharamsala và giúp tổ chức các hội nghị về nữ tu Phật giáo thế giới hàng năm tại Bồ Đề Đạo

Tenzin Palmo là người có công lớn trong việc xây dựng nữ tu viện Phật giáo, bà nhiệt thành đi diễn thuyết xin tiền ủng hộ. Bà làm việc không mệt mỏi. Tài sản của bà chỉ vồn vện gồm một cái túi ngủ, một vài quyển sách Phật giáo, một ít dụng cụ cá nhân, và ba bộ áo nhà tu. Bà từ chối không

dùng tới số tiền quyền góp dành xây tu viện, ngay cả dùng vào chi phí di chuyển. Bà không ngần ngại đi khắp mọi nơi, đi xe, đi bộ, đi máy bay, chờ đợi nhiều giờ, có khi nhiều ngày để chuyển tiếp phương tiện, nhưng không bao giờ cau có, than phiền, ngoại trừ khi đựng tới vấn đề ăn mặn, bà nói mạnh và thẳng thừng lý do tại sao không nên ăn thịt chúng sinh.

Cuộc đời của ni sư Tenzin Palmo đã trở thành một huyền thoại thần kỳ. Bà trở thành thần tượng cho các nữ tu sĩ phương Tây, cả Phật giáo và các tôn giáo khác. Hiện tại với vai trò là ni sư trưởng của Phật giáo Tây Tạng, ni sư Tenzin vẫn ngày ngày tâm huyết với các dự án của mình. Bà nói rằng bà sẽ trở lại động tu nhưng bà sẽ không trở lại động tu cũ bởi sức khỏe hiện tại không cho phép bà sống ở độ cao như thế nữa. Đối với bà, động tu sắp tới mang nhiều ý nghĩa ẩn dụ hơn là hiện thực, cũng có thể là một túp lều tranh ở một nơi yên tĩnh, không hẳn là ở thật xa. Nơi đó có thể là bất cứ đâu, có thể là phương Đông nơi bà có cảm nghĩ là sẽ viên tịch ở đó. Tất cả đều không quan trọng bởi đối với Tenzin bất cứ nơi đâu bà cũng đều coi là nhà. ■



KHÍ THẢI NGÀY CÀNG TĂNG



Các nhà khoa học mới đây cho biết lượng khí thải carbon trong năm nay đang tiếp tục tăng và sẽ đạt mức kỷ lục 36 tỷ tấn.

Theo thống kê của các nhà nghiên cứu thuộc Dự án Carbon Toàn cầu GCP, mức khí thải carbon dự tính được thải ra tính đến hết năm nay sẽ đạt mức 36 tỷ tấn, tăng 2,1% so với năm 2012. Điều này cũng cho thấy lượng khí thải toàn cầu từ hoạt động đốt các nhiên liệu hóa thạch tăng khoảng 60% so với năm 1990.

Các nhà khoa học cho biết, hoạt động của con người gây ra khí hiệu ứng nhà kính như khí methane hay carbon dioxide chính là thủ phạm chính gây ra sự nóng lên toàn cầu. Con số thống kê về lượng khí thải carbon hàng năm cho thấy tình trạng biến đổi khí hậu và nóng lên toàn cầu đang ngày càng nghiêm trọng.

Theo Live Science, con số

được GCP đưa ra đúng vào thời điểm Hội nghị về Biến đổi khí hậu đang được diễn ra tại Warsaw, Ba Lan, đã đặt ra yêu cầu cho các đại biểu quốc tế nhanh chóng thống nhất giải pháp để đối phó với tình trạng này.

Tại Hội nghị Biến đổi Khí hậu Liên Hợp Quốc tại Copenhagen, Đan Mạch, hồi năm 2009, các chuyên gia đã thống nhất duy trì mức tăng nhiệt độ trung bình của Trái Đất dưới mức 2°C. Đây là mức có thể giảm tối thiểu các nguy cơ về biến đổi khí hậu trên thế giới. Corinne Le Quere, một nhà nghiên cứu của Đại học East Anglia, Anh, cho biết chỉ có nhanh chóng giảm lượng khí thải xuống mức ổn định thì mới có thể kiểm soát được tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu.

Theo báo cáo về lượng khí thải carbon toàn cầu (GCB), Trung Quốc là quốc gia đứng

đầu trong danh sách các nước có lượng khí thải carbon cao nhất trong năm 2012 với 27%, đứng sau trong danh sách là Mỹ (14%), châu Âu (10%) và Ấn Độ (6%).

Nhu cầu về năng lượng, đặc biệt là năng lượng hóa thạch như than, khí đốt, dầu mỏ ở các quốc gia phát triển ngày càng lớn, khiến lượng khí thải được sinh ra ngày càng tăng. Năm 2012, ước tính 43% lượng khí thải carbon toàn cầu được thải ra từ hoạt động đốt than, 33% là từ sử dụng dầu mỏ. Khí tự nhiên làm tăng 18% và cháy rừng là nguyên nhân tạo ra 8% lượng khí thải. ■



LƯỢNG KHÍ THẢI CARBON LÀ NGUYÊN NHÂN GÂY RA TÌNH TRẠNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NÓNG LÊN TOÀN CẦU. ẢNH: LIVESCIENCE

MÌ TIỀM NGŨ QUẢ

■ BẠCH TUYẾT



NGUYÊN LIỆU:

- 700gr mì sợi
- 30gr nấm hương (nhỏ)
- 300gr nấm rơm
- 200gr hạt sen tươi
- 200gr bạch quả
- 100gr táo khô không hạt
- 300gr củ năng
- 3 củ cà rốt
- 1 cây chả lụa (bó số)
- 1 cây đậu hủ non.

- Ít hạt nêm + đường + ít hương vị tiềm từ 5 đến 10 ngàn đồng (cho vào túi vải, cột miệng kín) + 1 chút gừng củ bằng ngón tay cái nướng vàng vỏ.

CÁCH LÀM:

Nấm rơm cắt chân rửa sạch. Nấm hương ngâm nước cho mềm, xả sạch vắt ráo, xào với ít

củ hành cho sẵn để riêng. Hạt sen tươi rửa xong để riêng. Bạch quả đập bỏ vỏ, rửa sạch. Táo cũng rửa. Củ năng gọt vỏ rửa sạch, củ lớn cắt đôi, củ nhỏ để nguyên. Cà rốt gọt vỏ, tía hoa, cắt khúc cho đẹp và rửa sạch.

Bắc lên bếp 1 nồi nước khoảng 2 lít nước, cho gói hương vị tiềm và củ gừng nướng đập dập vào và đợi sôi. Cho tất cả hỗn hợp đã rửa sạch vào nồi, nêm vào 1 muỗng súp đường 3 muỗng súp bột nêm, một muỗng cà phê muối, nêm lại cho vừa ăn tùy ý thích. Khi các thứ đã mềm, cắt đậu hủ non cây thành từng khoanh cho vào nồi, chờ nước sôi tắt lửa. Chả (bó số) không nấu, mà cắt từng khúc vuông như con cờ cho vào tô mà mình đã chuẩn bị múc ra nồi lẩu, cho ít tiêu.

Bắc nước sôi (khoảng nửa nồi nước) để trụng mì. Cho mì vào nước sôi, nhanh tay trộn mì cho đều, đổ mì ra rổ, xóc cho ráo nước, cho vào 4 muỗng dầu đã có phi hành tỏi, trộn cho mì không dính vào nhau. Sau đó dùng đũa gấp mì quấn tròn thành từng vắt cho vào đĩa, sắp đều đầy đĩa và để lên trên mặt ít ngò cho đẹp. Dọn thêm đĩa rau Tần Ô và chén nước tương có mấy lát ớt.■

Những mẫu chuyện hay

■ DIỆU THUẬN SƯ TÂM



Minh họa: Bửu Long.

ÁC KHẨU VÀ QUẢ BÁO

Ngày xưa, trong thành Xá Vệ có một người nhà rất giàu, tên gọi là Sư Chất, đã hơn 40 tuổi rồi mà chưa có con. Hai vợ chồng rất lo lắng, liền đến một nhà Bà La Môn xin bốc một quẻ bói xem sau này có sinh được đứa con trai hay con gái nào không? Nhưng họ vô cùng thất vọng nghe thấy bói trả lời rằng suốt đời họ sẽ không có con. Sư Chất nghe thế không chịu tin, lại đi tìm một ông thầy tướng số khác, cao tay ấn hơn, nhiều kinh nghiệm hơn xin bốc quẻ. Lạ thay, vị thầy tướng này vốn được mọi người tôn kính và khen ngợi là bói linh như thần, lại cũng làm cho Sư Chất thất vọng.

Sư Chất đi về mà lòng phiền muộn, bỗng sực nhớ đến bậc Đại Thánh Thích Ca Mâu Ni, tự nghĩ:

– ĐỨC PHẬT là giáo chủ của trời và người, là bậc Nhất thiết trí, không có gì là Ngài không biết, không có gì là Ngài không hiểu, tại sao ta lại không đến gặp Ngài xin chỉ giáo?

Nghĩ đến đây, ông bèn nhắm hướng tịnh xá Kỳ Viên mà đi. Cung kính đánh lễ đức Phật xong, ông chấp tay bạch:

– Bạch ĐỨC THẾ TÔN đại bi, xin Ngài thương

xót chúng sinh ngu si mà chỉ giáo. Con có chút ưu tư, năm nay đã hơn 40 mà chưa có đứa con trai nối dõi, đó là do nhân duyên gì, cúi xin đức Phật khai thị.

Đức Phật trả lời:

– Không lâu nữa ông sẽ có một đứa con trai, vừa có phúc lại vừa có đức, chỉ có điều là khi nó vừa lớn nó sẽ xin xuất gia.

Nghe tin này Sư Chất rất đổi vui mừng, thành tâm đánh lễ chân Phật, rồi thỉnh cầu:

– Cầu xin Thế Tôn và chư tăng cho phép chúng con được cúng dường vào trưa mai, để chúng con được kết thêm thiện duyên và trồng chủng tử vào ruộng phước của Như Lai.

Đức Phật nhận lời rồi, Sư Chất hoan hỷ quay về chuẩn bị đàn trai. Hôm sau, ông dẫn đầu gia nhân, chân thành cúng dường những món ăn thức uống ngon lành đẹp mắt nhất.

Đức Phật nhận cúng dường xong, thuyết một thời pháp rồi dẫn tăng chúng quay về tịnh xá. Đi được nửa đường, Đức Phật và tăng chúng ngồi dưới một gốc cây bên bờ sông nghỉ ngơi. Bỗng từ trên cây, một con khỉ nhảy xuống xin mượn bình bát của đức Phật. Nó ôm bình bát chạy đi thật xa rồi quay về, trong bình bát chứa đầy mật ngọt. Nó dùng hai tay kính cẩn dâng bình bát lên Đức Phật, Ngài nhận lấy và chia cho chư tăng dùng để con khỉ được nhiều phúc đức. Con khỉ thấy thế mừng rỡ nhảy nhót.

Không lâu sau nó đến ngày tận số, đầu thai làm người, sinh vào nhà của Sư Chất.

Lúc nó sinh ra, trong nhà phàm có vật dụng gì có thể chứa đựng thức ăn, thì vật dụng ấy bỗng đầy ắp mật và đường. Vợ chồng Sư Chất thấy điều quái dị, bèn do nhân duyên này đặt tên con là Mật Thắng.

Thời gian vùn vụt trôi mau như tên bắn, hơn mười năm trôi qua như trong nháy mắt,

Mật Thắng nay đã lớn khôn. Chú bé chán ngán chuyện thể tục, xin phép cha mẹ cho mình được xuất gia, cha mẹ hết sức vui mừng mà trả lời:

– Lúc con chưa ra đời, Đức Phật đã biết sẽ có ngày hôm nay. Bây giờ con muốn xuất gia, cha mẹ rất hoan hỷ. Không bao giờ cha mẹ ngăn chặn con một cách vô lý.

Được cha mẹ hoan hỷ cho phép rồi, Mật Thắng đến tinh xá Kỳ Viên xin xuất gia với Đức Phật. Nhờ có tiền duyên, Mật Thắng chứng quả rất mau.

Một hôm, thầy đang trên đường đi độ hóa với các bạn đồng tu, cảm thấy vừa nóng vừa khát lạ thường, ai nấy đều ao ước có một cái gì để uống. Tỳ kheo Mật Thắng bèn cầm bát tung lên trời rồi sau đó dùng hai tay tiếp lấy bát trở về. Bấy giờ trong bát đựng đầy mật ngọt, Mật Thắng bèn chia cho chúng tăng giải khát.

Về tới tinh xá, một vị tỳ kheo đi tìm Đức Phật xin thỉnh giáo:

– Bạch Thế Tôn, trong quá khứ tỳ kheo Mật Thắng đã tu phúc đức gì mà bây giờ bất cứ lúc nào, ở đâu cũng có thể có đường và mật?

Đức Phật trả lời:

– Các ông có nhớ có một lần lâu lắm rồi, có một con khỉ đem mật ngọt đến cúng dường Như Lai và chúng tăng không? Nhờ bố thí với thiện tâm, nên sau khi chết rồi nó được sinh ra làm người, và nhờ nó chân thành cúng mật ngọt cho Phật nên kiếp này nó có thể được đường và mật bất cứ lúc nào và ở đâu.

Đức Phật nói xong, vị tỳ kheo nọ hỏi tiếp:

– Bạch Thế Tôn! Thế thì tiền kiếp Mật Thắng do nhân duyên gì mà bị đọa làm thân khỉ?

Lúc ấy xung quanh Đức Phật có rất nhiều đệ tử vân tập, Ngài nhìn họ một lúc rồi đáp:

– Thầy ấy bị đọa xuống làm khỉ là do một nhân duyên xảy ra cách đây 500 kiếp về trước, thời Đức Như Lai Ca Diếp còn tại thế. Lúc đó có một vị tỳ kheo trẻ tuổi, tình cờ thấy một vị tỳ kheo khác đang băng qua một con suối nhỏ, vị trẻ tuổi bèn cười chế nhạo, bảo là đáng điều của vị tỳ kheo kia giống hệt như con khỉ. Nhưng sau đó thầy ấy tự biết lỗi lầm của mình, đến xin sám hối với vị tỳ

kheo mà mình đã chế nhạo. Vị tỳ kheo trẻ tuổi đã phạm tội ác khẩu nên bị đọa xuống làm khỉ, tuy nhiên nhờ thắng duyên biết sám hối nên kiếp này mới được gặp Phật và được Phật độ, chứng quả A la hán một cách mau chóng.

Nghe đức Phật giảng xong, các vị tỳ kheo đều nhận ra rằng một câu nói ác cũng có thể chiêu cảm nghiệp khổ, vì thế không còn ai dám ác khẩu, ngay cả đến một câu nói đùa cũng không dám nói.

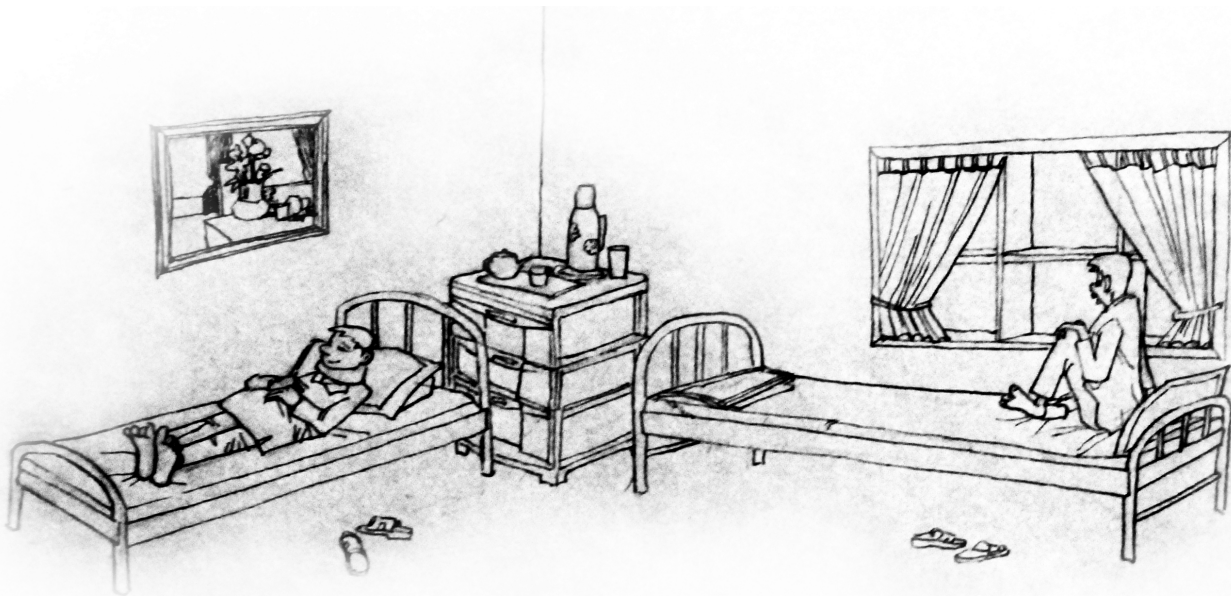
Bởi vì luật nhân quả không bỏ sót bất cứ một người nào.■

BƯỚC LÊN TRÊN NGHỊCH CẢNH

Một câu chuyện ngụ ngôn kể rằng: Có một người nông dân nọ có một con lừa già. Một hôm, con lừa bị rơi xuống cái giếng khô cạn và đau đớn kêu la thảm thiết. Sau khi bình tĩnh đánh giá tình hình, vì thương con lừa, người nông dân đã quyết định nên nhanh chóng giúp nó kết thúc sự đau đớn. Anh gọi thêm mấy người hàng xóm để cùng lấp đất chôn con lừa tội nghiệp.

Lúc đầu, con lừa càng thêm kinh hoàng vì những gì người ta đang làm đối với nó. Nhưng khi từng tảng đất được hất xuống giếng liên tiếp theo nhau ập trên vai nó, một ý nghĩ chợt lóe lên: Cứ mỗi lần tảng đất rơi đè lên vai, nó lại lắc mình cho đất rơi xuống và ngoi lên trên! Và nó đã làm như vậy, từng chút từng chút một, với một lời tự nhủ và tự cổ vũ: “Nào mình hãy hất nó xuống và bước lên trên, hất nó xuống và bước lên trên...” Mặc cho sự đau đớn ê ẩm phải chịu sau mỗi lần tảng đất ập xuống, mặc cho sự bi đát cùng cực của tình huống đang gánh chịu, con lừa tiếp tục chiến đấu, chống lại sự hoang mang, hoảng sợ, tiếp tục theo đúng phương châm “hất nó xuống và bước lên trên”.

Và không lâu sau, cuối cùng dù bị bầm dập và kiệt sức, con lừa già đã vui mừng đắc thắng bước lên khỏi miệng giếng. Những gì như sẽ đè bẹp và chôn sống nó, trên thực tế đã cứu sống nó. Tất cả đều nhờ vào cái cách mà con lừa đã can đảm đối diện với nghịch cảnh của mình.■



Minh họa: Bửu Long.

HẠNH PHÚC VÔ BIÊN

Có những hạnh phúc vô biên khi mang lại hạnh phúc cho người khác bất chấp hoàn cảnh của riêng mình. Nỗi khổ được sẻ chia sẽ vơi nửa, nhưng hạnh phúc được sẻ chia sẽ được nhân đôi.

Hai người đàn ông đều bệnh nặng, được xếp chung một phòng tại bệnh viện. Một người được phép ngồi dậy mỗi ngày trong một tiếng vào buổi chiều để thông khí trong phổi. Giường ông ta nằm cạnh cửa sổ duy nhất trong phòng. Người kia phải nằm suốt ngày. Hai người đã nói với nhau rất nhiều. Họ nói về vợ con, gia đình, nhà cửa, công việc, những năm tháng trong quân đội và cả những kỳ nghỉ đã trải qua.

Mỗi chiều, khi được ngồi dậy, người đàn ông cạnh cửa sổ dành hết thời gian để tả lại cho bạn cùng phòng những gì ông thấy được ngoài cửa sổ. Người kia, mỗi chiều lại chờ đợi được sống trong cái thời khắc một tiếng đó – cái thời gian mà thế giới của ông được mở ra sống động bởi những hoạt động và màu sắc bên ngoài.

Cửa sổ nhìn ra một công viên với một cái hồ nhỏ xinh xắn. Vịt, ngỗng đùa giỡn trên mặt hồ trong khi bọn trẻ thả những chiếc thuyền giấy. Những cặp tình nhân tay trong tay đi dạo giữa ngàn hoa và ráng chiều rực rỡ. Những cây cỏ

thụ sum suê toả bóng mát, và xa xa là đường chân trời của thành phố ẩn hiện.

Khi người đàn ông bên cửa sổ mô tả bằng những chi tiết tinh tế, người kia có thể nhắm mắt và tưởng tượng ra cho riêng mình một bức tranh sống động. Một chiều, người đàn ông bên cửa sổ mô tả một đoàn diễu hành đi ngang qua. Dù không nghe được tiếng nhạc, người kia vẫn như nhìn thấy được trong tưởng tượng qua lời kể của người bạn cùng phòng.

Ngày và đêm dần trôi...

Một sáng, khi mang nước tắm đến phòng cho họ, cô y tá phát hiện người đàn ông bên cửa sổ đã qua đời êm ái trong giấc ngủ. Cô báo cho người nhà đến đưa ông ta về. Một ngày kia, người đàn ông còn lại yêu cầu được chuyển đến cạnh cửa sổ. Cô y tá đồng ý để ông được yên tĩnh một mình. Chậm chạp gắng sức, ông nhồm dậy bằng hai cùi chỏ và ngắm nhìn thế giới bên ngoài. Ông căng thẳng nhìn ra cửa sổ. Đối diện với cửa sổ chỉ là một bức tường xám xịt. Ông hỏi cô y tá cái gì khiến cho người bạn khốn khổ cùng phòng của ông đã mô tả cho ông nghe những điều tuyệt diệu qua cửa sổ. Cô y tá cho biết rằng người đàn ông đó bị mù và thậm chí ông ta cũng không thấy được cả bức tường nữa.

Cô nói: “Nhưng có lẽ ông ta muốn khuyến khích ông can đảm hơn lên”.■

VỢ CHỒNG ÔNG CẤP CÔ ĐỘC

Trưởng giả Tu Đạt Đa (cũng gọi là Tu Đạt) là một nhà từ thiện lớn, luôn vui thích làm những chuyện phước đức, bố thí. Ông thường cứu giúp những người nghèo khó, hay đem cơm gạo, quần áo bố thí cho họ. Trong toàn khu vực thành Xá Vệ, không phân biệt nam hay nữ, già hay trẻ, cứ hề nghèo khổ, không nơi nương tựa, một khi tìm đến là được ông vui vẻ giúp đỡ ngay. Vì thế mọi người đều gọi ông là trưởng giả “Cấp Cô Độc”, nghĩa là “người thường chu cấp cho những kẻ cô độc, không nơi nương tựa”.

Một hôm, Trưởng giả Tu Đạt đến nhà Trưởng giả Thủ La ở thành Vương Xá để bàn bạc việc hôn nhân cho người con trai út, thì ngẫu nhiên được diện kiến Đức Phật và được nghe pháp âm của Ngài. Ông quá đổi vui mừng, liền phát tâm xây tịnh xá để thỉnh Đức Phật và chư tỳ kheo đến thành Xá Vệ giáo hóa chúng sinh ở đấy. Đức Phật hoan hỷ nhận lời, khi nào tịnh xá xây xong thì Ngài sẽ đến.

Trưởng giả Tu Đạt trở về thành Xá Vệ lập tức đi xem khắp nơi để tìm một địa điểm thích hợp. Ông nhận thấy trong số các nơi đã xem qua chỉ có vườn cây của Thái tử Kỳ Đà là vô cùng rộng rãi, thoáng mát, có sông có nước, có đồi có núi, có hoa thơm cỏ lạ, cảnh đẹp như tranh, thật là một khung cảnh vô cùng thanh tịnh, u mỹ.

Ông nghĩ, nếu được một chỗ như thế này để xây dựng tịnh xá cúng dường Đức Phật, để Thế Tôn về đấy thuyết pháp và chư tỳ kheo an trú thì thật không có chỗ nào tốt đẹp hơn. Nhưng đây lại là khu vườn mà Thái tử Kỳ Đà yêu thích nhất, nên Trưởng giả Tu Đạt không biết phải làm cách nào để Thái tử chịu nhượng lại khu vườn cây này cho ông. Ông suy nghĩ nát óc và tuy biết là sẽ rất khó khăn nhưng không còn cách nào khác hơn đành phải trực tiếp đến gặp Thái tử Kỳ Đà để khẩn khoản xin Thái tử nhượng lại khu vườn ấy.

Nhưng dù ông có nói thế nào Thái tử Kỳ Đà cũng khẳng khái một mực không chấp thuận. Đến khi nghe Trưởng giả Tu Đạt nài nỉ tới lần

thứ ba, Thái tử cảm thấy thật khó mà cự tuyệt mãi một người danh tiếng lừng lẫy trong cả nước như ông Trưởng giả này, bèn nghĩ kế đòi một giá bán thật cao để khiến cho Trưởng giả phải thối chí. Nghĩ sao làm vậy, Thái tử bèn nói:

– Thật sự tôi không muốn nhượng khu vườn này cho ông, nhưng thấy ông cứ nài nỉ mãi như thế, thôi thì thế này. Tôi bằng lòng bán với điều kiện như sau: Ông hãy lấy vàng trải đầy khắp mặt đất của khu vườn. Nếu ông đồng ý trả đủ số vàng như thế thì tôi sẽ nhượng đất cho ông.

Không ngờ Thái tử vừa nói giá như thế thì Trưởng giả Tu Đạt tỏ ra vui mừng khôn xiết, lập tức trở về huy động người nhà lấy xe chở vàng nhanh chóng đến trải đầy khắp mặt đất chỗ khu vườn.

Khoảng xế chiều thì toàn bộ khu đất đã được phủ kín vàng, chỉ còn thiếu một khoảnh nhỏ. Thái tử Kỳ Đà nhìn thấy ông Trưởng giả có vẻ như đang trầm ngâm suy nghĩ liền đến bảo:

– Bây giờ ông đổi ý vẫn còn kịp đấy. Đất vẫn là của tôi, ông có thể lấy vàng về.

Trưởng giả Tu Đạt nhoén miệng cười, nói:

– Ngài lầm rồi! Tôi không hề tiếc rẻ số vàng bỏ ra, chỉ đang nghĩ xem nên lấy số vàng còn thiếu này từ kho nào cho thuận tiện đó thôi.

Ban đầu Thái tử Kỳ Đà vẫn tưởng có thể làm cho Trưởng giả Tu Đạt phải thối chí trước một giá bán quá cao như thế, không ngờ ông này chẳng tiếc gì số vàng lớn, vẫn quyết tâm mua cho bằng được khu đất. Thái tử lấy làm tò mò, liền gạn hỏi nguyên do mua đất. Trưởng giả Tu Đạt mới thật lòng đem dự tính xây dựng tịnh xá cúng dường Đức Phật và chư tăng nói cho Thái tử nghe. Thái tử không khỏi lấy làm cảm động trước tín tâm chân thành của vị trưởng giả Tu Đạt, liền hỏi tiếp:

– Đức Phật là người như thế nào mà ông đối với ngài nhiệt tâm và thành tín đến thế?

Trưởng giả Tu Đạt liền kể lại việc mình được gặp Phật tại thành Vương Xá và được nghe giáo pháp giải thoát của ngài như thế nào. Thái tử nghe xong cũng sinh lòng hoan hỷ, rất mong

muốn chính bản thân mình sẽ được gặp Phật. Thái tử liền nói:

– Trưởng giả! Số vàng còn thiếu ông không cần phải chờ đến nữa, xem như tôi cúng dường số vàng ấy vào việc xây dựng tịnh xá. Ngoài ra, đất đai thì xem như bây giờ đã là của ông, nhưng cây cỏ hoa lá trong vườn thì tôi chưa hề bán. Vậy nay tôi cũng xin tự nguyện cúng dường tất cả cây cối trong vườn này để góp phần làm chỗ cho Đức Phật và chư tăng an trú.

Trưởng giả Tu Đạt thấy Thái tử Kỳ Đà phát khởi lòng tin như thế thì rất vui. Từ đó cả hai đều hết sức hoan hỷ, cùng nhau đốc thúc việc xây dựng và chờ đợi ngày Đức Phật quang lâm.

Khi tịnh xá vừa xây xong, Trưởng giả Tu Đạt lập tức nghênh thỉnh Đức Phật và chư tăng về. Bởi vì tịnh xá này là do Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường khu đất và Thái tử Kỳ Đà cúng dường vườn cây, nên người thời bấy giờ gọi tên tịnh xá này là “Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên”, nghĩa là vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của Thái tử Kỳ Đà.

Trưởng giả Tu–Đạt vốn thích bố thí, ham làm việc thiện, lại thêm việc xây tịnh xá khiến ông phải tốn kém số tiền quá nhiều, khiến cho việc làm ăn nhanh chóng suy sụp, dần dần khánh kiệt cả gia sản, không còn trong tay bất cứ tài sản giá trị nào, thậm chí đã đến mức sắp phải chết đói.

Ngay lúc đó, ông nhặt được trong đống rác một khúc gỗ quý. Đây là một loại gỗ chiên–đàn cực kỳ hiếm có và hết sức quý giá, nhưng vì nó chưa được rửa sạch nên khi ông đem đi bán chẳng ai muốn mua cả. Cuối cùng có một nhà buôn thấy ông tội nghiệp nên miễn cưỡng đổi lấy với 4 thùng gạo trắng.

Bấy giờ, phu nhân Trưởng giả Tu Đạt liền đóng một thùng gạo đem đi nấu cơm. Cơm vừa chín thì có Tôn giả Xá Lợi Phất đến đứng ngay trước cửa, ôm bình bát khát thực. Phu nhân vô cùng hoan hỷ, liền đem thùng gạo đã nấu thành cơm ấy mà cúng dường hết cho Ngài Xá Lợi Phất. Sau đó bà đóng một thùng gạo khác đem đi nấu. Cơm vừa chín thì có ngài Mục Kiền Liên đến

khất thực. Bà cũng đem cơm mới nấu ra cúng dường hết cho ngài Mục Kiền Liên. Lần thứ ba nấu cơm, bà lại cúng dường cho ngài Ca Diếp. Còn thùng gạo cuối cùng, cơm vừa chín tới thì thấy Đức Phật từ xa đi đến. Bà vui mừng thầm nghĩ: “Cũng may là mình vẫn còn một thùng gạo cuối cùng mới nấu chín này để cúng dường Đức Thế Tôn!” Nghĩ thế rồi, có bao nhiêu cơm trong nồi bà dâng cúng trọn lên Đức Phật.

Đức Phật thấy vợ chồng trưởng giả Tu Đạt có lòng lành và tín tâm như thế nên từ kim khẩu Ngài liền chúc nguyện rằng:

– Tội diệt phúc sinh, từ nay trở đi phúc đức vô tận, không còn khốn khó.

Ngay khi Đức Phật vừa đi khỏi thì nhà buôn vừa mua khúc gỗ chiên đàn khi nãy tìm đến, vui vẻ nói với Trưởng giả Tu Đạt:

– Ông thật may mắn, khúc gỗ ấy sau khi tôi rửa sạch mang ra chợ bán đã có người đến trả đến hơn năm nghìn đồng tiền vàng. Tôi nghĩ đây là phước báu của ông nên không dám một mình hưởng trọn, xin cùng với ông chia đôi số tiền này vậy.

Thế là Trưởng giả Tu Đạt nhận được một số tiền lớn, có thể mua lại nhà cửa và bắt đầu trở lại công việc làm ăn buôn bán. Từ đó mọi việc đều thuận lợi đến nỗi không bao lâu sau thì vàng bạc, tiền tài, châu báu trong nhà, cơm gạo, lúa là vãi vóc trong kho đã chất đầy như núi, so với lúc trước thì bây giờ ông còn giàu có hơn gấp nhiều lần.

Trong thâm tâm, Trưởng giả Tu Đạt rõ biết đây là do nhân lành bố thí và cúng dường của mình mới có được, nên ông cho lập đàn thật lớn để cúng dường Đức Phật và chư tăng, thỉnh Đức Thế Tôn thuyết pháp cho mọi người được nhiều lợi lạc, và từ đó càng nỗ lực làm việc từ thiện, cứu giúp người nghèo khó.

Quả thật là, đem của cải mình hiện có ra bố thí cho người khác, thấy thì có vẻ như mất đi, nhưng thật ra chẳng khác nào mang hạt giống tốt vùi trong lòng đất ẩm, sớm muộn gì cũng sẽ có ngày hái được quả ngọt.■



Viết ngắn

■ BỬU LONG

1. TIN

Mộc đang là một tu sinh ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Mộc có một người bạn rất thân tên Thôn cùng học ở trường chuyên Lê Hồng Phong. Ước mong bạn thân cũng sẽ là bạn đạo, nên khi học về đức tin, Mộc được nghe một lời của Thiên Chúa: Tin thì sẽ được, em mừng và tin lắm.

- Thôn ơi, ông có đang mong ước điều gì không?
- Tui khoái có cây đàn guitar.

Chỉ bạn cách chấp tay Cao Đài, Mộc dặn dò Thôn về nhà thành tâm cầu nguyện. Tiễn Thôn về, Mộc cũng mặc vội áo dài đến trước bàn thờ Thầy, cầu nguyện, kính xin Thầy Mẹ ban cho bạn con cây đàn guitar...

Bữa tối đó cúp điện, nhà tối thui. Lòng nửa tin nửa ngờ, Thôn lên bàn học ngồi chấp tay cầu nguyện y theo lời bạn dặn. Xong, Thôn quơ tay mò tìm trên bàn, không thấy gì hết. Đốt đèn dầu lên kiểm cũng không có đàn đóm gì hết. Thôn thấy giận Mộc, giận cả chính mình, sao giữa thời đại khoa học này, bạn và mình lại tin tưởng vớ vẩn và hành động ngớ ngẩn như thế...

Một tháng sau.

Mộc được ba tặng một cây đàn guitar bằng gỗ hồng đào tuyệt đẹp.

2. GIA TÀI CỦA BA

Hồi còn nhỏ, Hoan nhớ ba tần mẩn tự tay đóng bàn thờ Thầy với ba ngăn bằng gỗ cẩm lai. Là một công chức liêm khiết, khi mất, ba chỉ để lại bàn thờ ấy và một tủ sách cũ. Nhà nhỏ và hẹp, nên khi không còn ba, thấy bàn thờ trang trí trong nhà không đẹp, Hoan dọn hình Thiên Nhân xuống, chế thành tủ đựng tivi đầu máy.

Thời gian qua, gần bốn mươi năm, mà như thoáng vàng rơi theo chiếc lá bay. Đời rêu phong. Tóc pha sương. Tủ sách xưa chật bụi. Hôm đám giỗ ba,

tự đứng nhìn vào tủ, Hoan dùng mắt ở cuốn sách bìa cứng màu xanh, sách song ngữ Pháp-Việt, để tựa Đại Thừa Chơn Giáo. Chợt nhận ra đây là bí kíp mà ba đã tu luyện nhiều năm lúc đang theo học hàm thụ Văn Khoa Sài Gòn. Phúi, lau, và lật những trang tò mò. Hoan mê văn chương, như một gia tài tinh thần của ba, nên đọc thơ văn thơ thần tiên say sưa.

Trang 48, lời Thầy:

*Tiên Phật cũng dùng một phép tu
Mà thành chánh quả vẹn sương mù
Người đời bao nữ chôn hình ảnh
Muôn kiếp không ra khỏi ngục tù.*

Giật mình. Mấy mươi năm, Hoan đã chôn vùi hình Thầy, lãng quên ngày ba dắt đi nhập môn, vùi tự tánh trong sương mù danh lợi, chất ngất bụi đời lên ngọc ngà câu kinh trong tủ sách cũ xưa từ lâu đã sẵn có giữa nhà..., và đã xem thật tầm thường gia tài ba để lại, gia tài to tát hơn mọi trân châu trên trần gian của ba, ba ơi...

3. NHỮNG VẾT CHÂN

Từ ngày theo học cao học mỹ thuật ở Bỉ, anh quên hẳn thánh thất. Lời hứa hiến dâng năm xưa đã trôi theo dòng thời gian, đi biển biệt. Ái tình, lấy vợ, sinh con. Dầu biển xô đời anh vào những cuộc xô xao. Đứa con trai mang chứng bệnh tăng động, không ngồi yên được hai phút, luôn đập phá những gì có thể khiến cho hoa mộng hôn nhân trở thành những bức tường màu xám chập chội nỗi buồn và âu lo...

Duyên may, anh được mời tham dự một buổi lễ hiến dâng của con một bạn đạo ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Hôm ấy, giữa mênh mông ngày quên, anh đã dàn dựa một ngày nhớ. Cố kìm những giọt nước mắt khi chứng kiến lời hứa nguyện dâng hiến trọn đời cho công cuộc phổ thông giáo lý của thế hệ tu sinh trẻ, anh chợt nghe thức dậy hết những giấc ngủ say của lời hứa hiến dâng của chính mình năm xưa. Trên đường đời còn dài bất tận, những điều tốt đẹp ta làm được sẽ không thể so với rất nhiều điều chưa tốt khi dẫn bước. Trên đường chúng

ta đi, có những dấu chân vĩ đại khai phá, kể sát bên những vết chân đi lòng vòng, những vết chân đi lạc, như những vết chân của anh...

4. CÂU CHUYỆN LẠ CÓ THẬT

Nhiên là một bác sĩ có tâm, biết Đạo. Vợ anh có người bạn tên Thảo học chung đại học. Thảo lấy chồng ở Tiền Giang, rồi theo chồng về quê dạy học. Bẵng đi ba năm không liên lạc, hôm nọ Thảo gọi cho vợ anh:

– Bà có nhớ bác sĩ Quang không?

– Nhớ chứ, bác sĩ Quang là bồ cũ của bà, hôm bị tai nạn giao thông bà đã khóc mấy ngày phải không?

– Đúng rồi. Hôm rồi có một bà gần nhà mình dưới quê tự đứng lên đồng, xưng tên bác sĩ Quang.

– Rồi sao nữa?

– Ông nói giờ đi làm phòng mạch với bác sĩ Nhiên chồng của Hoàng ở Sài Gòn, mà phải chồng bà tên Nhiên không?

– Ê, bà làm ốc át tui nổi tùm lum nè. Ông tên Nhiên, mà sao bà đó biết cả tên tui vậy trời!

– Thì tui cũng có nhớ chồng bà tên gì đâu, nói vậy thôi rồi tui hỏi thêm cũng không trả lời nữa. Chuyện gì vậy ta?

Hoàng đem câu chuyện về kể Nhiên nghe. Anh lắng nghe và trầm giọng: “Ở phòng mạch anh hôm trước, có lần anh chỉ định cho cô y tá chích camfona trợ tim. Đầu tiên, cô làm rút bẻ ống thuốc. Đưa ống thứ hai, cô bẻ hoài không bẻ, anh phải tự tay bẻ ống thuốc. Tới chừng chích được thì người bệnh khó thở, sốc thuốc. Anh phải vất vả chống sốc trong âu lo. Tối bữa đó về, anh đã có cảm giác lúc ấy có ai đó đã ngăn không cho mình chích...”

Lặng yên một chút, rồi Nhiên nhìn vợ, giọng chuyển sang một cung trầm khác: “Em biết không, một người hiền dù chưa học Đạo, sau khi chết trong kỳ ba Đại Ân Xá, có thể được các Đấng Thiêng Liêng cứu vớt cho tu học thêm ở cõi trên, dù không còn xác thân sẽ khó tu hơn nhiều. Khi đó, ta có giúp làm bẻ đi ống thuốc cũng đâu ngăn được nhân gian...” ■

TÌNH x ĐỘNG

VẼ: CQTRAIET



CHÚ THÍCH : * ĐẠN ĐẠO, ARISTOTE 'TÌNH ĐẠN LÀ MỘT TÂM HỒN TRONG HAI CƠ THỂ', LÀ MỘT KHO TĂNG... ĐẠN ĐẠO LÀ HAI LẦN KHO TĂNG ẤY. ** ĐÁNH RẮM : ĐÁNH HỜI

THEO • DÒNG



01-10 QT (03-11-2013) Lễ An Vị Thánh tượng tại Thánh tịnh Phương Quế Ngọc Đài, Long An.

10-10 QT (12-11-13) Thánh Lễ Giáng Sinh Đức Baha U' llah tại 63-C-4 Trần Đình Xu, Q.1 TP.HCM.

Cùng ngày, phái đoàn Cơ Quan dự lễ tang cố Phối Sư Thượng Vinh Thanh, Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh Tiên Thiên tỉnh Bình Dương tại tư gia.

12-10 QT (14-11-13) Lễ kỷ niệm thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam.

13-10 QT (15-11-13) Lễ kỷ niệm ngày Cố Hội Trưởng Thánh thất Từ Vân quy thiên và kỷ niệm Đệ Tứ chu niên ngày xây dựng Thánh thất Từ Vân (hình 1).

14-10 QT (16-11-13) Kỷ niệm lễ thành Đạo Đức Ngọc Quế Thanh tại Họ Đạo Trung Hiến.

Cùng ngày, phái đoàn Cơ Quan dự lễ kỷ niệm 89 năm Khai Minh Đại Đạo và 84 năm thành lập Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường.

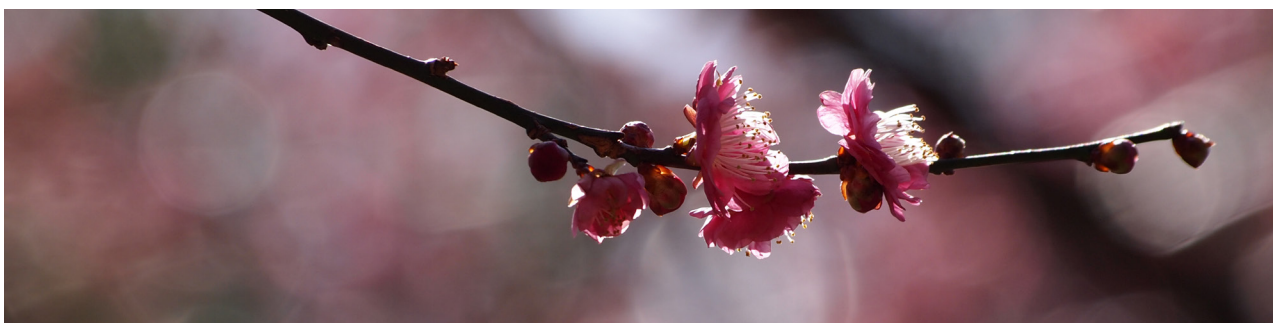
17-10 QT (19-11-13) Lễ Đức Phật Mẫu giáng sinh và kỷ niệm 45 năm thành lập Điện thờ Phật Mẫu Phước Thanh Tự - Vĩnh Long.

28-10 QT (30-11-13) Lễ khánh thành Thánh thất Tân Nhuận Đông (thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo) huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

03-11 QT (05-12-13) Phái đoàn Cơ Quan tháp tùng phái đoàn Tổ chức Liên giao các Hội Thánh và các Tổ chức Cao Đài dự lễ tang Anh Lớn Bảo Pháp Lê Quang Mười tại Thánh thất Đô Thành, Q.6 - Văn phòng Ban Đại Diện Hội Thánh Ban Chính Đạo tại TP. HCM.

08-11 QT (10-12-13) Ngoại giao Vụ đại diện Cơ Quan dự lễ Bàn giao trách nhiệm Ban Cai Quản tại Thánh thất Sài Gòn Q5 (Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh).

15-11 QT (17-12-13) Lễ giỗ Đức Bác Nhã Thiển Sư tại Minh Lý thánh Hội.





Cùng ngày, Đạo tỷ Thủy Tuyên và phái đoàn Vụ Nữ Chung Hòa đi điếu tang Giáo Sư Hương Duyệt tại Thánh tịnh Như Ý Linh Thần Đài, Lái Thiêu, Bình Dương.

20-11 QT (22-12-13) Lễ khánh thành và kỷ niệm 40 năm thành lập Thánh thất Trung Nghĩa, Bà Rịa Vũng Tàu.

Cùng ngày, Ngoại giao vụ dự lễ khánh thành Thánh thất An Thới Đông, Cần Giò (thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo).

24-12-2013 Thánh thất Bà Sen tổ chức lễ Mừng Chúa Giáng Sinh (hình 2).

26-11 QT (28-12-13) Minh Lý Thánh Hội tổ chức lễ kỷ niệm Minh Lý Đạo khai lần thứ 91.

02-12 QT (02-01-2014) Lễ kỷ niệm Đệ Thập Tam chu niên Thánh tịnh Đại Thanh, Gò Vấp.

03-12 QT (03-01-14) Lễ kỷ niệm 100 năm ngày đăng tiên của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại Vĩnh Nguyên Tự, Long An (hình 3).

05-12 QT (05-01-14) Lễ Húy kỵ Tổ Khai Sơn & An vị Phật tại Thiên Lâm Tự, Tây Ninh.

07-12 QT (07-01-14) Cúng Đại Tường Đạo tỷ Bạch Đức (hiền nội Đạo trưởng Chí Tín) tại Thánh thất Bà Sen.

08-12 QT (08-01-14) Lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đạo trưởng Thanh Long tại Họ Đạo Trung Minh.

Cùng ngày: Lễ kỷ niệm 79 năm thành lập Thánh tịnh Thanh Liên Đàn, Long An.

09-12 QT (09-01-14) Phái đoàn Cơ Quan dự họp cùng Tổ chức Liên Giao các Hội thánh và các Tổ chức Cao Đài tại Tổ Đình Chiếu Minh, Cần Thơ để trừ bị cho kỳ Hội thảo về nữ phái tại Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

13-01-2014 Đại Lễ Maulid kỷ niệm ngày sinh Nabi Muhammad (s.a.w) tại Thánh Đường Rahim 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, TP. HCM (hình 4).■

CÁO LỖI

Do sơ sót, Nội san Cao Đài Giáo Lý số 121, tại trang 108, bài Lòng Đạo Khai Minh của tác giả Lý Như đã đăng sai câu thơ đầu tiên: “Hiếu sinh tận độ Bồng lai ai gửi thệ lời nguyên” thay vì câu đúng là: “Hiếu sinh tận độ lời nguyên.”

Ban biên tập xin đính chính lại và thành thật cáo lỗi cùng tác giả Lý Như.■